

355(V)09



D.005890

QUỐC PHÒNG  
SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM

# ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

**ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN  
GIẢI PHÓNG QUÂN**

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC  
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

---

---

355(V)09 + 9(V)2

————— 33 - 2004

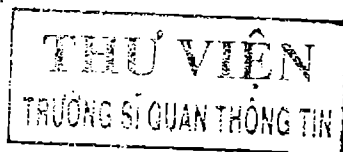
QĐND - 2004

BỘ QUỐC PHÒNG  
VIỆN LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM

550

# ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN

(In lần thứ hai, có sửa chữa, bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN  
Hà Nội - 2004



**NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN:**

- Thiếu tướng, PGS, TS. TRỊNH VƯƠNG HỒNG (*Chủ biên*)
- Đại tá, TS. NGUYỄN MẠNH HÀ (*Đồng chủ biên*)
- Đại tá, Th.S. CHU VĂN TÙNG
- Thượng tá, Th.S. TRẦN NGỌC LONG
- Trung úy, Cử nhân PHAN SỸ PHÚC

"ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG  
QUÂN LÀ ĐỘI QUÂN ĐÀN ANH, MONG CHO  
CHÓNG CÓ NHỮNG ĐỘI ĐÀN EM KHÁC. TUY  
LÚC ĐẦU QUY MÔ CỦA NÓ CÒN NHỎ, NHƯNG  
TIỀN DỒ CỦA NÓ RẤT VẺ VANG. NÓ LÀ KHỞI  
ĐIỂM CỦA GIẢI PHÓNG QUÂN, NÓ CÓ THỂ ĐI  
SUỐT TỪ NAM CHÍ BẮC, KHẮP ĐẤT NƯỚC VIỆT  
NAM CHÚNG TA".

### **HỒ CHÍ MINH**

*(Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam  
tuyên truyền Giải phóng quân,  
tháng 12 năm 1944)*

## LỜI CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP

Xuất phát từ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, Bác Hồ và Đảng ta đã xác định: “Phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng”. **Chánh cương và Sách lược** văn tắt năm 1930 - cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta do Bác Hồ khởi thảo - đã đề ra lập “Quân đội công nông”. Về sau, nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (tháng 5-1941), do Bác Hồ từ nước ngoài về nước chủ trì, đã đề ra lập “Việt Nam nhân dân cách mạng quân”.

Thực hiện chủ trương ấy, đi đôi với tuyên truyền, vận động phát triển lực lượng chính trị sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, Đảng ta đã rất coi trọng từng bước xây dựng lực lượng vũ trang. Từ rất sớm, các đội Tự vệ đỏ trong Xô-viết Nghệ - Tĩnh, đội du kích Bắc Sơn, du kích Nam Kỳ, du kích Ba Tơ, các đội Cứu quốc quân... đã ra đời. Khi cách mạng đã phát triển thành cao trào, cần tích cực chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, Bác Hồ đã nhận định đúng tình hình, sáng suốt đề ra chủ trương lập “đội quân chủ lực” - “Đội Việt Nam Giải phóng quân”. Lúc bấy giờ thời kỳ cách mạng hoà bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân vũ trang khởi nghĩa chưa tới nên hoạt động của Đội lúc đầu chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến, vì vậy Bác

thêm hai chữ “tuyên truyền” vào tên của Đội, thành “Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân”. Thi hành chỉ thị của Bác, ngày 22-12-1944, Đội được thành lập. Chỉ thị thành lập Đội đã xác định rõ: Đây là “Đội quân chủ lực” có nhiệm vụ giúp đỡ, phối hợp hoạt động với lực lượng vũ trang các địa phương. Đây là “Đội quân đầu tiên”, “khởi điểm của Giải phóng quân”. Đội viên của Đội được chọn từ những thành viên ưu tú trong hàng ngũ các lực lượng vũ trang địa phương: các đội du kích Cao - Bắc - Lạng, đội quân Nam tiến, một số là đội viên Cứu quốc quân.

Ngay sau ngày thành lập, kế thừa truyền thống đấu tranh của dân tộc, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã liên tiếp đánh thắng trận Phai Khắt và trận Nà Ngần, nhanh chóng phát triển thành đại đội. Chấp hành Nghị quyết Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ của Trung ương Đảng (tháng 4-1945), Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã thống nhất với Cứu quốc quân và lực lượng vũ trang các chiến khu thành Việt Nam Giải phóng quân. Các chi đội Giải phóng quân đã tham gia Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Một bộ phận tinh nhuệ về Hà Nội bảo vệ chính quyền non trẻ của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Nhiều đơn vị hành quân Nam tiến chi viện cho các chiến trường Trung Bộ, Tây Nguyên, tham gia cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ. Đội quân chủ lực đã đi suốt từ Bắc chí Nam như Bác Hồ đã dự đoán.

Việt Nam Giải phóng quân về sau được đổi tên thành Vệ Quốc đoàn, Vệ Quốc quân, Quân đội Quốc gia Việt Nam rồi Quân đội nhân dân Việt Nam cho đến ngày nay. Như vậy, từ

*Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, “đội quân đàn anh”, “đội quân thứ nhất của Giải phóng quân” ấy đã phát triển thành Quân đội nhân dân Việt Nam hùng hậu.*

*Dưới ngọn cờ của Đảng và của Bác Hồ kính yêu, Quân đội ta đã trưởng thành vượt bậc và lập nên những chiến công kỳ diệu trong cuộc kháng chiến vĩ đại 30 năm của dân tộc chống đế quốc xâm lược và làm tròn nhiệm vụ quốc tế, tiếp đó đã có những cống hiến to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xứng đáng là “Bộ đội Cụ Hồ”, là Quân đội nhân dân Anh hùng của dân tộc Việt Nam Anh hùng.*

*Do quá trình ra đời và phát triển của Quân đội ta như vậy nên Bác Hồ và Thường vụ Trung ương Đảng đã lấy ngày thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân - ngày 22-12-1944, là ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ đó, thường đến ngày thành lập Quân đội, Bác Hồ đều có thư động viên, giáo dục truyền thống cho Quân đội và nhân dân ta. Ngày nay, ngày 22-12, ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam đồng thời là Ngày Hội quốc phòng toàn dân.*

*Tôi hoan nghênh Viện Lịch sử quân sự Việt Nam đã tổ chức sưu tầm tư liệu rất công phu, gặp nhiều nhân chứng lịch sử để viết nên cuốn “Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân”. Đây là một cố gắng lớn, nhưng tôi nghĩ mới là một bước, cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu tìm tòi hơn nữa, để cuốn sách phản ánh được lịch sử một cách đầy đủ hơn.*

*Tôi mong cuốn sách “Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân” sẽ góp phần giáo dục truyền thống cho các thế*

*hệ cán bộ, chiến sĩ, cho toàn quân và toàn dân ta trong cả nước, và mong có nhiều ý kiến tham gia, bổ sung thêm nhiều tư liệu góp phần nâng cao chất lượng cho cuốn sách trong lần xuất bản sau.*

*Hà Nội, tháng 8 năm 2003*

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Võ Nguyên Giáp', written in a cursive style.

**Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP**

## LỜI NÓI ĐẦU

Kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng và 15 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân, được sự chỉ đạo của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Tổng cục Chính trị, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam đã tổ chức biên soạn cuốn sách khái quát về quá trình hình thành và hoạt động của **ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN**. Cuốn sách chia làm ba phần. **Phần I** trình bày khái quát sự ra đời, quá trình hoạt động của **Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân** cho tới ngày thống nhất với Cứu quốc quân và các đội vũ trang địa phương thành Việt Nam Giải phóng quân. **Phần II** trình bày sơ lược tiểu sử và quá trình hoạt động của 34 cán bộ, chiến sĩ đầu tiên của **Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân**. Đây là phần viết thể hiện kết quả các đợt công tác khảo sát, sưu tầm, gặt gờ từng đội viên còn sống cũng như gia đình, thân nhân các đội viên đã mất, trên địa bàn khắp cả nước. **Phần III** là những ghi chép của nhóm cán bộ - đồng thời là tác giả cuốn sách, về các đợt đi tìm hiểu “theo dấu chân **Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân**”. Ngoài ra, **Phần phụ lục** có một số ảnh, bản đồ, sơ đồ, tư liệu liên quan đến hoạt động của **Đội**.

Việc sưu tầm, biên soạn cuốn sách về **Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân** là rất cần thiết, mặc dù có không ít khó khăn. Do thời gian lịch sử đã lùi xa tới sáu thập kỷ, các nhân chứng trực tiếp liên quan hiện còn rất ít, việc nhớ lại con người, các sự kiện lúc đó chắc chắn là không đầy đủ và thiếu chính xác. Bởi thế, chúng tôi xác định phạm vi nội dung



cuốn sách ở mức bổ sung thêm những hiểu biết về sự thành lập và hoạt động của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân buổi ban đầu và tập trung tìm hiểu những đội viên đầu tiên (34 người) của Đội. Sau khi cuốn sách được xuất bản, đông đảo bạn đọc đã quan tâm đón nhận và đóng góp nhiều ý kiến cho nội dung cuốn sách. Những vấn đề, sự kiện, con người, tổ chức của Đội... đã được nhóm tác giả sửa chữa, bổ sung.

Nhân dịp tái bản cuốn sách (có sửa chữa, bổ sung), Viện Lịch sử quân sự Việt Nam và nhóm tác giả chân thành cảm ơn sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Tổng cục Chính trị, của Đại tướng Võ Nguyên Giáp; của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bộ chỉ huy quân sự các tỉnh Cao Bằng, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Quảng Bình, Lâm Đồng và của các cơ quan hữu quan. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự chỉ đạo và đóng góp ý kiến của các đồng chí: Trung tướng Phùng Khắc Đăng - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; Dương Mạc Thăng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng; Doanh Hằng - nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái; Đại tá Nguyễn Huy Văn (tức Kim Sơn), Ban Liên lạc Việt Nam Giải phóng quân và nhiều đồng chí khác.

Do sự kiện diễn ra cách đây đã 60 năm, tư liệu và ảnh chân dung các đội viên của Đội sưu tầm chưa đầy đủ và khả năng nghiên cứu có hạn, chắc rằng cuốn sách còn nhiều khiếm khuyết. Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của đông đảo bạn đọc.

Hà Nội, tháng 11 năm 2004  
**VIỆN LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM**

*Phần I*

**SỰ RA ĐỜI VÀ QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG  
CỦA ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN  
GIẢI PHÓNG QUÂN**

*M*ùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt to lớn trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Với “*Chính cương vắn tắt*”, “*Sách lược vắn tắt*” trong Hội nghị hợp nhất và sau đó là *Luận cương chính trị* của Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, tháng 10-1930, Đảng ta đã đề ra một đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Đó là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”<sup>1</sup>. Về phương pháp cách mạng, Đảng chủ trương “phát động quần chúng đấu tranh giai cấp, lãnh đạo quần chúng đấu tranh từ kinh tế, đấu tranh chính trị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay công - nông, dựng nên nền chuyên chính dân chủ nhân dân và xây dựng xã hội mới”<sup>2</sup>.

Vừa mới ra đời, Đảng không có sẵn một đơn vị vũ trang nào làm vốn quân sự cho mình, mà phải bắt tay từ đầu xây dựng cơ sở chính trị, tổ chức lực lượng vũ trang từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao. từ chưa hoàn chỉnh đến hoàn chỉnh. Trong các văn kiện đầu tiên của Đảng, những quan điểm quân sự cơ bản đầu tiên đã hình thành:

---

1. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, 1930, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.2.

2. Dẫn theo Ban nghiên cứu lịch sử quân đội thuộc Tổng cục Chính trị và Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr.18.

1- Vũ trang cách mạng là một phương thức cơ bản để giành chính quyền;

2- Nhiệm vụ chính trị quyết định nhiệm vụ quân sự;

3- Đấu tranh cách mạng nói chung và đấu tranh vũ trang nói riêng là sứ mạng của quần chúng;

4- Lực lượng vũ trang phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng.

Đảng ta cũng đã chủ trương đặt vấn đề tổ chức quân đội công - nông, trước hết là các đội tự vệ công - nông, đội du kích, làm nòng cốt cho toàn dân đấu tranh giải phóng dân tộc. Đội tự vệ công - nông là cách gọi chung của các đội tự vệ công nhân và tự vệ nông dân, được xây dựng trên cơ sở chủ yếu là các thành viên của các công hội, nông hội, do Đảng tổ chức và lãnh đạo, có nhiệm vụ thị uy kẻ thù, bảo vệ các cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân, vừa nhằm tạo vốn quân sự để chuẩn bị tiến tới tổng bãi công bạo động giành chính quyền.

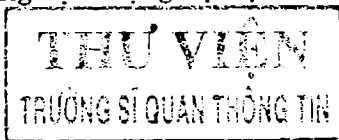
Là người đã tìm ra và truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản vào Việt Nam, từng bốn ba nhiều nước nghiên cứu các hình thức tổ chức quân đội và lực lượng vũ trang, lãnh tụ Hồ Chí Minh, từ rất sớm, đã nhận thức được sự cần thiết phải tổ chức lực lượng vũ trang cách mạng của dân tộc. Người đã tìm hiểu và đưa ra các quan điểm về xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, về phương pháp tổ chức và hoạt động của các đội du kích.

Vừa mới ra đời, Đảng ta đã phát động một phong trào đấu tranh mạnh mẽ, rộng khắp cả nước, phát triển thành cao trào cách mạng trong những năm 1930-1931. Đỉnh cao của phong trào đấu tranh cách mạng thời kỳ này là cuộc đấu

tranh của công nhân và nông dân hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Các cuộc đấu tranh không đơn thuần là đấu tranh kinh tế, chính trị như trước, mà quần chúng đã dùng bạo lực cách mạng phá huyện đường, nhà lao, vây đồn lính, trừng trị cường hào, địa chủ... Bộ máy chính quyền dịch tan rã ở nhiều vùng nông thôn trong hai tỉnh.

Để lãnh đạo phong trào đối phó với sự đàn áp điên cuồng của đế quốc Pháp, Trung ương Đảng đã kịp thời phát động phong trào cả nước đấu tranh phối hợp với Nghệ An, Hà Tĩnh chống khủng bố trắng, vừa chỉ thị cho hai tỉnh thành lập các đội tự vệ để bảo vệ quần chúng đấu tranh. Các đội này được trang bị gậy gộc, giáo mác, liềm, hái... Phong trào đấu tranh của quần chúng càng phát triển mạnh mẽ, các đoàn thể quần chúng ngày càng đông, các đội tự vệ càng phát triển. Ngoài nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ phong trào quần chúng, bảo vệ chính quyền Xô-viết, các đội tự vệ còn làm công tác vận động quần chúng. Những đội Tự vệ đỏ ấy là những mầm mống đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng của nhân dân do Đảng lãnh đạo.

Tháng 3 năm 1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao. Ngoài các nghị quyết về đường lối cách mạng, về các mặt công tác, chuẩn bị điều kiện cho phong trào bước sang một thời kỳ mới, Đại hội còn có riêng một nghị quyết về đội tự vệ nhằm tổng kết những kinh nghiệm tổ chức lãnh đạo và tổ chức các đội tự vệ. Nghị quyết đã nêu lên mục đích của đội tự vệ, các biện pháp xây dựng về chính trị, về thành phần, về tính chất, nguyên tắc kỷ luật và dân chủ nội bộ, quan hệ của đội tự vệ với quần chúng nhân dân... Đây chính là những nguyên tắc xây dựng lực lượng tự vệ về chính trị, cũng là



những quan điểm cơ bản của Đảng ta trong việc xây dựng lực lượng vũ trang.

Cuối năm 1939 - đầu năm 1940, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động lớn. Khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra. Cuộc khởi nghĩa này đã nổ tiếng súng đầu tiên báo hiệu thời kỳ đấu tranh vũ trang mới của dân tộc Việt Nam. Từ cuộc khởi nghĩa này đã ra đời “đứa con đầu lòng của lực lượng vũ trang cách mạng” là Đội du kích Bắc Sơn.

- Ở Nam Kỳ, cuối năm 1939, dù bị thực dân Pháp khủng bố gắt gao, một số cơ sở cách mạng bị vỡ, nhưng Đảng bộ Nam Kỳ vẫn được củng cố và phát triển mạnh. Từ tháng 6 đến tháng 10 năm 1940, số đảng viên ở Nam Kỳ đã tăng 60 phần trăm. Tháng 3 năm 1940, Ban Thường vụ Xứ ủy, do đồng chí Võ Văn Tần làm Bí thư đã vạch “*Đề cương chuẩn bị bạo động*” để hướng tất cả các cuộc đấu tranh lẻ tẻ vào phong trào đấu tranh chống chiến tranh đế quốc và tay sai, chuẩn bị điều kiện để tiến tới khởi nghĩa vũ trang, làm cách mạng giải phóng dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy, các đội tự vệ và du kích được tổ chức và phát triển nhanh chóng, lựa chọn từ những thành phần hăng hái, ưu tú trong các tổ chức quần chúng. Đến tháng 7 năm 1940, nhiều xí nghiệp lớn ở Sài Gòn và nhiều đường phố đã có các tổ chức tự vệ, tiểu đội du kích. Ở nông thôn, phần lớn các xã đã có từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội du kích, theo biên chế 3 người thành 1 tổ, 3 tổ thành 1 tiểu đội, 3 tiểu đội thành 1 trung đội. Các chiến sĩ du kích đã được học tập quân sự với các nội dung như chiến thuật du kích, cách sử dụng giáo mác, về chính trị là các khẩu hiệu trong chương trình cách mạng của Đảng. Công việc sửa chữa và chuẩn bị vũ khí cũng được ráo riết tiến hành. Nhân dân

quyên góp nguyên liệu đồng, nhôm để du kích sản xuất đạn, lựu đạn... Trong tháng 7 năm 1940, Hội nghị Xứ ủy Nam Kỳ mở rộng, có đồng chí Phan Đăng Lưu - đại diện Trung ương Đảng tham dự, đã thông qua đề cương chuẩn bị khởi nghĩa, giải quyết một số vấn đề về tổ chức, thời cơ khởi nghĩa... Tiếp đó, sau một thời gian chuẩn bị, vào tháng 11 năm 1940, Xứ ủy Nam Kỳ đã lãnh đạo nhân dân đứng dậy khởi nghĩa. Khởi nghĩa Nam Kỳ đã kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng nửa vũ trang của quần chúng để tiến công quân địch. Cùng với quần chúng cách mạng, quân du kích Nam Kỳ đã chiến đấu vô cùng dũng cảm, nêu gương chiến đấu quên mình và sáng tạo ra nhiều cách đánh phong phú... Quân khởi nghĩa Nam Kỳ là một trong những lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên của nhân dân ta.

Như vậy, trước khi Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân ra đời, đã có các đội du kích, những hạt giống quân sự của Đảng, hoạt động ở một số nơi, đóng vai trò nòng cốt trong đấu tranh cách mạng tại địa phương. Đó là các đội Tự vệ đỏ trong cao trào cách mạng 1930-1931 ở Nghệ - Tĩnh, Đội du kích Bắc Sơn (Lạng Sơn), rồi các đội Cứu quốc quân, Quân du kích Nam Kỳ, Đội du kích Pác Bó ở Cao Bằng... Tuy nhiên, đây là các đội du kích của từng địa phương, hoạt động và ảnh hưởng chưa thật lớn. Phải đến Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, với chỉ thị thành lập của lãnh tụ Hồ Chí Minh, cách mạng nước ta, Đảng ta mới có một "đội quân chủ lực đầu tiên" - "đội quân đàn anh", mà các đội viên đều được chọn từ những người ưu tú trong các đội vũ trang địa phương, với nhiệm vụ giúp đỡ, dìu dắt các đội du kích địa phương. Với chỉ thị thành lập Đội của lãnh tụ Hồ Chí Minh,



lần đầu tiên, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã có một cương lĩnh chính trị, quân sự định hướng cho mọi mặt công tác, cũng như phương thức tổ chức, hoạt động, chiến thuật chiến đấu... của mình. Mảnh đất Cao Bằng giàu truyền thống yêu nước, cách mạng vinh dự được chọn làm nơi khai sinh ra đội quân chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Cao Bằng là một tỉnh địa đầu phía Bắc Tổ quốc. Ở đây, núi rừng trùng điệp xen kẽ với những cánh đồng, thung lũng vừa và nhỏ. Toàn tỉnh là cao nguyên đá vôi xen núi đất có độ cao trung bình trên dưới 200 mét, vùng sát biên có độ cao từ 600 - 1.300 mét so với mặt nước biển<sup>1</sup>. Đặc điểm địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam và từ Tây sang Đông, tạo thành một dải đất án ngữ tự nhiên với những cụm điểm cao rất có ý nghĩa cho công cuộc phòng thủ đất nước. Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), phía Nam giáp Lạng Sơn và Bắc Kạn, phía Tây giáp Hà Giang và Tuyên Quang. Toàn tỉnh có 11 huyện và 1 thị xã thì 9 huyện nằm sát biên giới Việt - Trung là Thạch An, Phục Hoà, Hạ Lang, Trùng Khánh, Trà Lĩnh, Hà Quảng, Thông Nông, Bảo Lạc, Bảo Lâm. Đây cũng là tỉnh có đường biên giới với Trung Quốc dài 311 ki-lô-mét, dài nhất trong các tỉnh biên giới phía Bắc.

Cao Bằng có diện tích tự nhiên 6.690,72 ki-lô-mét vuông<sup>2</sup>. Núi non trùng điệp. Rừng núi chiếm hơn 90 phần trăm diện tích toàn tỉnh. Địa hình của tỉnh chia làm 3 vùng rõ rệt: phía

---

1, 2. Dẫn theo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - *Địa chí Cao Bằng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.29.

Tây là vùng núi đất xen núi đá, phía Đông là núi đá cao có nhiều hang động, là căn cứ của các lực lượng vũ trang trong các cuộc kháng chiến. Vùng phía Tây Nam phần lớn là núi đất, có nhiều rừng cây to rậm rạp. Cao Bằng có hệ thống sông suối có độ dốc lớn, lắm thác nhiều ghềnh. Mạng sông suối chính ở Cao Bằng gồm: Bằng Giang, Gâm, Bắc Vọng và Quây Sơn. Tuy nhiều đèo dốc, địa hình hiểm trở nhưng Cao Bằng có mạng lưới giao thông nội tỉnh nối liền các huyện, vừa có các con đường ra cửa khẩu Tà Lùng (Quảng Hoà), Sóc Giàng (Hà Quảng)... Quốc lộ 3 và 4 là hai con đường chính nối Cao Bằng với các tỉnh miền xuôi.

Cao Bằng cũng là tỉnh có nhiều nguồn lâm thổ sản phong phú như sa nhân, mộc nhĩ, nấm hương... Rừng có nhiều gỗ quý như: lim, sến, táu... và nhiều hương liệu quý. Lòng đất Cao Bằng có nhiều mỏ khoáng sản có giá trị như: thiếc, sắt, nhôm...

Về xã hội, Cao Bằng là một tỉnh có nhiều dân tộc anh em sinh sống. Cả tỉnh có 10 dân tộc, trong đó có hai dân tộc đông nhất là Tày (gần 43 phần trăm) và Nùng (34 phần trăm), còn lại là các dân tộc khác như Kinh, Dao, Mông, Sán Chỉ, Hoa...

Trải qua bao biến đổi thăng trầm của lịch sử, nhân dân các dân tộc Cao Bằng vừa phải đấu tranh vật lộn với thiên nhiên khắc nghiệt để sinh sống, vừa phải luôn cảnh giác chiến đấu chống lại các thế lực ngoại xâm và phong kiến tay sai để giải phóng, bảo vệ quê hương làng bản, bảo vệ giống nòi. Do đó, cũng như bao nơi khác trên đất nước Việt Nam, người dân Cao Bằng luôn mang trong mình những phẩm chất tốt đẹp như anh dũng, kiên cường, bất khuất, trung thực, thủy chung son sắt. Từ ngày có Đảng lãnh đạo, những

phẩm chất tốt đẹp đó được phát huy cao độ trong phong trào đấu tranh cách mạng giành độc lập tự do cho nước nhà.

Trên cơ sở sự phát triển của phong trào công nhân, phong trào yêu nước ở Cao Bằng, sự truyền bá của tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng cách mạng của nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc, mà chủ yếu là qua những hạt giống đỏ - những thanh niên Cao Bằng giác ngộ cách mạng, ngày 1 tháng 4 năm 1930, chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên đã được thành lập ở Nặm Lìn, xã Hoàng Tung, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Chi bộ đầu tiên của tỉnh làm việc như một Ban Tỉnh ủy lâm thời, gồm 3 đồng chí Hoàng Văn Nọn, Lê Đoàn Chu và Nông Văn Đô, do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Bí thư. Từ đây, giai cấp công nhân và nhân dân các dân tộc Cao Bằng bước vào một thời kỳ lịch sử mới - thời kỳ đấu tranh cách mạng dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ chi bộ ban đầu, đến tháng 10 năm 1930, một số chi bộ khác đã ra đời ở mỏ thiếc Tĩnh Túc (châu Nguyên Bình), chi bộ xã Phúc Tăng (châu Hoà An). Ban Tỉnh ủy Cao Bằng được thành lập để tăng cường sức lãnh đạo cho phong trào cách mạng của tỉnh. Lần lượt các chi bộ Đảng được thành lập ở xã Sóc Hà, châu Hà Quảng (ngày 5 tháng 6 năm 1931), chi bộ Cốc Coóc, xã Chí Thảo, châu Quảng Uyên (tháng 2 năm 1932), chi bộ Vạc Siếu, xã Vân Trình châu Thạch An (tháng 2 năm 1933), chi bộ Đảng xã Minh Tâm, châu Nguyên Bình (tháng 11 năm 1935)...

Nhằm chuẩn bị cho việc đấu tranh giành chính quyền, Tỉnh ủy Cao Bằng cũng chú trọng phát triển lực lượng vũ trang. Một mặt, Tỉnh ủy chọn 40 cán bộ cử đi học tập quân

sự ở Trung Quốc. Mặt khác, thành lập binh công xưởng để chế tạo vũ khí, trang bị cho các đội viên tuyên truyền. Cuối năm 1939, tại châu Hà Quảng, đội vũ trang tuyên truyền đầu tiên được thành lập. Lúc đầu, có 3 đồng chí hoạt động tại địa bàn Lục Khu, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng.

Lúc này, tình hình trong nước và quốc tế có những biến chuyển nhanh chóng. Trên thế giới, Chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ. Ở trong nước, thực dân Pháp quay lại tiến công vào Đảng Cộng sản và đàn áp các cuộc đấu tranh của quần chúng đòi dân sinh, dân chủ. Trước sự biến chuyển mau chóng của tình hình và sự khủng bố điên cuồng của địch, tháng 11 năm 1939, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị tại Bà Điểm (Gia Định), do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì. Hội nghị quyết định chỉ đạo chiến lược cách mạng tập trung vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thành lập Mặt trận dân tộc phản đế Đông Dương nhằm động viên quần chúng thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Ở Cao Bằng, cuối năm 1939 - đầu năm 1940, thực dân Pháp ra sức khủng bố phong trào ở Hà Quảng, Hoà An, vây bắt Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, mưu toan tiêu diệt cơ quan đầu não của tỉnh. Để đối phó với địch, Tỉnh ủy chủ trương rút vào hoạt động bí mật, chỉ để lại những đồng chí chưa bị lộ để bám sát quần chúng, giữ vững phong trào.

Tháng 9 năm 1940, chiến trường Đông Dương có những thay đổi lớn. Ngày 22 tháng 9 năm 1940, phát xít Nhật đánh vào Lạng Sơn, đổ bộ vào Hải Phòng. Thực dân Pháp buộc phải ký hiệp định chấp nhận cho Nhật chiếm một số địa bàn ở Đông Dương. Nhân dân ta, một cổ hai tròng, đã vùng lên

khởi nghĩa ở nhiều nơi. Ở Lạng Sơn có khởi nghĩa Bắc Sơn, ngày 27 tháng 9 năm 1940.

Trước tình hình đó, từ ngày 6 đến ngày 9 tháng 11 năm 1940, tại Đình Bảng (Bắc Ninh), Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị do đồng chí Trường Chinh chủ trì. Hội nghị khẳng định tiếp tục chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, tập trung vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc, quyết định duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn và phát triển thành Đội du kích Bắc Sơn, xây dựng căn cứ vùng Bắc Sơn - Võ Nhai. Hội nghị cũng nêu rõ nhiệm vụ: “Đảng phải chuẩn bị để giành lấy sứ mệnh thiêng liêng lãnh đạo các dân tộc Đông Dương vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập”.

Tình hình quốc tế và trong nước có những diễn biến mau chóng. Lãnh tụ Hồ Chí Minh, đang ở Trung Quốc, đã quyết định về nước để trực tiếp chuẩn bị cho công cuộc giải phóng dân tộc. Ngày 20 tháng 6 năm 1940, trước sự kiện nước Pháp bị phát xít Đức xâm lược, Người nhận định: “Việc Pháp mất nước là một cơ hội rất thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước ngay để tranh thủ thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng”<sup>1</sup>. Suốt quá trình từ ngày 20 tháng 6 năm 1940 đến tháng 1 năm 1941 là giai đoạn chuẩn bị trực tiếp cho sự trở về Tổ quốc của Người. Người điện cho Lâm Bá Kiệt (tức Phạm Văn Đồng), Dương Hoài Nam (tức Võ Nguyên Giáp) và Cao Hồng Lĩnh, đang ở Quý Dương chuẩn bị lên đường đi học trường Quân chính của Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Diên An (Trung Quốc), quay lại chuẩn bị

---

1. Vũ Anh - *Những ngày gần Bác*, trong sách *Đầu nguồn* (tập hồi ký), NXB Văn học, Hà Nội, 1975, tr.234.

đề về nước. Cuối tháng 6 năm 1940, Nguyễn Ái Quốc chỉ thị cho Phùng Chí Kiên, Vũ Anh đến Quý Dương để cùng với Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp đi Quế Lâm, tìm đường về nước. Tới cuối tháng 9 năm 1940, Nguyễn Ái Quốc liên lạc được với Hồ Học Lãm - "một nhà chí sĩ giàu lòng yêu nước cùng thời với cụ Phan Sào Nam" (lời đánh giá của chính Nguyễn Ái Quốc). Người được Hồ Học Lãm thông báo thời cơ về nước đã tới.

Việc chọn điểm về - chỗ đứng chân trong nước, là một việc quan trọng quyết định sự thành bại và sự phát triển của cách mạng về sau. Lãnh tụ Hồ Chí Minh từng khẳng định: "Đánh giặc là phải có căn cứ địa cách mạng". Có xây dựng được căn cứ địa cách mạng mới tạo được chỗ đứng chân - điểm tựa ban đầu, để từ đó tạo "thê" và phát triển "lực" cho phong trào cách mạng. Không phải ngẫu nhiên mà Cao Bằng lại được Hồ Chí Minh chọn làm điểm trở về để lãnh đạo cách mạng. Từ những năm hoạt động ở nước ngoài, trong các lần gặp gỡ trao đổi với Lê Hồng Phong, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã đánh giá rất cao ý nghĩa chiến lược của địa bàn Cao Bằng. Tuy vậy, ý tưởng ban đầu là chọn "đột phá khẩu" ở một tỉnh hay một huyện quan trọng để tuyên truyền cách mạng, rồi sau đó xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng ra cả nước. Đầu tiên, Người có ý định chọn hướng Côn Minh - Lào Cai. Người đã phái Bùi Đức Minh và Hoàng Văn Lộc về Hà Khẩu để điều tra nắm tình hình trong nước và đặt cơ sở liên lạc cho việc trở về nước của Người. Nhưng cầu Hồ Kiều - chiếc cầu lớn trên trên sông Nậm Thi, trên đó có tuyến đường sắt Việt - Địch nối hai nước, bị phá sập vào ngày 16 tháng 9 năm 1940. Như vậy, cửa khẩu lớn giữa hai nước Việt Nam và Trung Hoa đã bị đóng sập. Do đó, cùng với những lý do khác về cơ sở quần

chúng..., ý tưởng về nước theo hướng Lào Cai không thành. Vì vậy, Người tin cho Bùi Đức Minh và Hoàng Văn Lộc trở lại Côn Minh tìm hướng mới. Đó chính là hướng Cao Bằng.

Trong suy nghĩ của Người, Cao Bằng quy tụ được nhiều yếu tố cần thiết về “địa” và “nhân” thuận lợi cho việc xây dựng chỗ đứng chân, lập căn cứ địa cách mạng để từ đó phát triển phong trào ra cả nước. Về yếu tố địa lý tự nhiên, Cao Bằng thông thương với Trung Quốc bằng những con đường mòn nhỏ, những con sông mà dân cư sống ở hai bên thường hay qua lại. Đây là điểm thuận lợi cho những người hoạt động bí mật nhưng lại là điểm bất lợi với chính quyền cai trị của Pháp. Trên ba con sông ở Cao Bằng (Bằng Giang, Bắc Vọng, Quây Sơn), nhân dân địa phương có thể dùng thuyền nhỏ để đi từ Mỏ Sắt (Hoà An) đến Tà Lùng, sát biên giới Việt - Trung. Về đường bộ, trên các huyện biên giới của Cao Bằng có rất nhiều cửa khẩu và hàng trăm lối mòn sang Trung Quốc. Những con đường này thuận lợi cho việc tiếp nhận những gì cần thiết từ vùng đất nằm ngoài sự kiểm soát của địch và đồng thời là những lối thoát ra ngoài khi gặp khó khăn, bị vây ráp. Đây là những điều kiện thuận lợi để “thoái”.

Bên cạnh đó, Cao Bằng nối với Bắc Kạn - Thái Nguyên, thông với cả nước bằng quốc lộ số 3. Đây là yếu tố đảm bảo cho việc “tiến” để nối vùng căn cứ cách mạng với miền xuôi. Nối được với Thái Nguyên tức là nối được với các vùng rừng núi phía Đông Bắc và Tây Bắc, cũng như phát triển về xuôi, bởi Thái Nguyên là vùng đệm giữa đồng bằng và miền núi. Từ Cao Bằng còn theo quốc lộ 4 để đến Lạng Sơn, một điểm nút giao thông quan trọng trên con đường quốc tế xuyên Việt.



Ngoài việc đảm bảo hai yếu tố thuận lợi có thể rút sang Trung Quốc và tiến về các nơi khác, về miền xuôi, địa hình Cao Bằng còn rất hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn. Ở đây, tại những vùng sâu, vùng xa, bộ máy cai trị của thực dân cũng chưa vươn tới được, nhờ đó cán bộ cách mạng của ta có thể gây cơ sở để phát triển phong trào.

Ngoài yếu tố **địa** thuận lợi, Cao Bằng còn có yếu tố **nhân** đảm bảo cho việc xây dựng một căn cứ địa cách mạng. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã gặp nhiều người quê ở Cao Bằng, qua đó hiểu biết nhiều về vùng đất này. Một trong những người Cao Bằng đầu tiên mà lãnh tụ Hồ Chí Minh đã gặp đó là Hoàng Văn Nọn (Tú Hưu), vào tháng 7 năm 1935 tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII ở Mátxcơva, sau đó là Hoàng Đình Giông. Những lần gặp gỡ, trao đổi với Lê Hồng Phong và nhất là với Hoàng Văn Nọn - Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, đã giúp Người hiểu rõ hơn tình hình phong trào cách mạng Cao Bằng. Mặt khác, Cao Bằng là nơi có phong trào cách mạng phát triển mạnh. Chỉ hai tháng sau ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2 năm 1930), ngày 1 tháng 4 năm 1930, chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên đã ra đời ở Cao Bằng, cũng là chi bộ đầu tiên ở Việt Bắc: chi bộ Nặm Lìn (Hoà An - Cao Bằng). Dưới ảnh hưởng của chi bộ này, một số chi bộ khác tại Phúc Tăng, Xuân Phách (Hoà An), Tĩnh Túc (Nguyên Bình), Sóc Hà (Hà Quảng) lần lượt ra đời, mà đáng kể nhất là chi bộ Cốc Cốc (Quảng Uyên) - chi bộ giữ đường dây liên lạc từ Cao Bằng ra Long Châu - Trung Quốc, nơi có chi bộ hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương. Tới tháng 7 năm 1933, Ban lãnh đạo Đảng hải ngoại đã công nhận Ban chấp hành tỉnh Cao Bằng do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Bí thư. Tiếp sau đó, các

châu ủy cũng lần lượt được thành lập ở Hoà An (1933), Hà Quảng (1935). Như vậy, so với các tỉnh biên giới phía Bắc, Cao Bằng là nơi có phong trào cách mạng sớm nhất và vững chắc. Đây là cơ sở rất tốt đảm bảo cho việc xây dựng một căn cứ địa cách mạng.

Tháng 10 năm 1940, trên đường từ Quế Lâm về Nam Ninh (Trung Quốc), Hồ Chí Minh nói với các cán bộ cùng đi ý định về nước theo hướng Cao Bằng: “Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng nước ta. Cao Bằng có phong trào tốt từ trước lại kề sát với biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc với quốc tế rất thuận lợi, nhưng từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nối được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang lúc thuận lợi có thể tiến công, lúc khó khăn có thể giữ”<sup>1</sup>.

Cũng cuối năm 1940, do thực dân Pháp khủng bố mạnh, một số thanh niên dân tộc ở Cao Bằng đã vượt biên giới sang Quảng Tây - Trung Quốc. Hồ Chí Minh đã cùng với một số đồng chí khác tập hợp và mở lớp huấn luyện cho số thanh niên này. Sau đó, Người cử họ về nước với nhiệm vụ “củng cố mở rộng phong trào Cao Bằng và tổ chức đường liên lạc về nước”.

Trong quá trình chuẩn bị về nước, từ cuối 1940. Hồ Chí Minh đã cử đồng chí Vũ Anh (Trịnh Đông Hải) về trước tìm một địa điểm đảm bảo các yêu cầu: thật bí mật, có hàng rào quân chủng bảo vệ và có đường rút lui. Người coi quân chủng

---

1. Võ Nguyên Giáp - *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.33.

bảo vệ là điều kiện số một trong việc lựa chọn địa điểm, bởi có dựa được vào quần chúng nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng, bảo vệ, báo tin, cơ quan bí mật của Đảng mới tránh được sự khủng bố, truy lùng của địch. Người căn dặn các đồng chí nhận nhiệm vụ: “Ta ở bí mật, nhưng không thể bí mật với quần chúng được, trái lại, phải lấy quần chúng làm bình phong che đậy cho mình, báo tin cho mình”<sup>1</sup>.

Cuối năm 1940, nói chuyện với đồng chí Lê Thiết Hùng, Người nhấn mạnh: “Nhiệm vụ quân sự phải phục tùng nhiệm vụ chính trị. Nói chính trị, quân sự đi đôi thì dễ, nhưng làm thì khó. Chúng ta trở về Tổ quốc, việc trước tiên là phải có chỗ đứng chân. Lúc đầu là một điểm nhỏ, sau mở rộng thành điểm to, rồi thành căn cứ. Chỗ đứng chân phải vững chắc. Vững chắc nhất là lòng dân”<sup>2</sup>.

Theo sự hướng dẫn của Người, đồng chí Vũ Anh đã tìm được một địa điểm đáp ứng các yêu cầu trên, đó là hang Cốc Bó, thuộc bản Pác Bó, châu Hà Quảng, nằm sát biên giới Việt - Trung. Đây là một hang có địa thế hiểm trở, lại thông sang được với bên kia biên giới để khi cần có thể rút lui an toàn. Cách hang không xa là bản Pác Bó - một bản có phong trào quần chúng bảo vệ rất tốt.

Đầu tháng 1 năm 1941, thời điểm quan trọng của việc lựa chọn địa điểm về nước, tại làng Tân Khư (Tỉnh Tây - Quảng Tây - Trung Quốc), Hồ Chí Minh đã gặp gỡ và trao đổi với

---

1. Dẫn theo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - *Địa chí Cao Bằng*, Ssđ, tr.125.

2. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - *Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr.255.

đồng chí Hoàng Văn Thụ - đại diện của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, từ trong nước sang. Đi cùng đồng chí Hoàng Văn Thụ có các cán bộ chủ chốt của Cao Bằng. Đồng chí Hoàng Văn Thụ đã báo cáo với Người tình hình phong trào cách mạng trong nước và ở Cao Bằng, cùng những công tác đã thực hiện và việc chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ 8. Cũng tại cuộc gặp này, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã đề nghị Người về nước theo hướng Cao Bằng, bởi ở đây trình độ giác ngộ của nhân dân tương đối cao, cán bộ lãnh đạo cách mạng khá vững vàng.

Ngày 28 tháng 1 năm 1941, (tức mùng 2 Tết Tân Tỵ), Hồ Chí Minh và một số cán bộ cách mạng được Người huấn luyện tại Trung Quốc đã vượt qua cột mốc số 108 trên biên giới Việt - Trung, tại châu Hà Quảng, trở về nước sau gần 30 năm hoạt động ở nước ngoài. Những ngày đầu, Người nghỉ ở nhà ông Lý Quốc Súng (còn gọi là Máy Lý). Tới ngày 8 tháng 2 năm 1941, với bí danh Già Thu, Người tới ở và làm việc tại hang Cốc Bó thuộc bản Pác Bó. Từ đây, Pác Bó trở thành nơi đứng chân của Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng chỉ đạo phong trào cách mạng toàn quốc.

Ngay sau ngày về nước, Người chủ trương tổ chức thí điểm Việt Minh, lấy từ số cán bộ mới về nước làm nòng cốt. Đây là các đồng chí vừa là cán bộ chính trị vừa là cán bộ quân sự, để phát triển các hội cứu quốc trong quần chúng. Địa bàn chủ yếu của đợt thí điểm Việt Minh là vùng Hà Quảng, Hoà An và Nguyên Bình. Lãnh tụ Hồ Chí Minh chỉ thị Việt Minh phát triển đến đâu là tổ chức ngay tự vệ đến đó. Sau 3 tháng, từ tháng 2 đến tháng 4 tổ chức thí điểm Việt Minh, số hội viên cứu quốc ở các châu này tăng lên 2.000

người với đầy đủ các thành phần già, trẻ, gái, trai... Tại các tổng trong 3 châu này đã xuất hiện các đội tự vệ gồm những nam nữ hội viên hăng hái. Đây còn là lực lượng để củng cố và phát triển hội cứu quốc, làm thành “bức tường thành” quần chúng bảo vệ cơ quan Đảng đóng ở đây, đưa đón cán bộ qua lại hoạt động, làm giao liên và khi cần có thể chiến đấu với địch. Qua phong trào, các cơ sở cách mạng chọn những cán bộ trung kiên cử ra nước ngoài học tập quân sự để phát triển lực lượng về sau.

Trước những diễn biến của tình hình trong nước và quốc tế, từ ngày 10 đến 19 tháng 5 năm 1941, tại lán Khuổi Nặm - Pác Bó (Hà Quảng), dưới sự chủ trì của đồng chí Hồ Chí Minh, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 khai mạc. Hội nghị phân tích sâu sắc tình hình quốc tế, tình hình cách mạng trong nước sau các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, binh biến Đô Lương và nhận định: cách mạng đã bước sang thời kỳ mới - thời kỳ đấu tranh bằng bạo lực để giành chính quyền cách mạng. Hội nghị đề ra chủ trương: “Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân ta trong giai đoạn hiện nay”. Hội nghị khẳng định: cần phải thay đổi chiến lược cách mạng bằng việc tiếp tục nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, “cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện nay là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc”, “nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng của dân tộc phải chịu kiếp ngựa trâu muôn đời, mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được”. Hội nghị quyết định thành lập *Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh*, gọi tắt là Việt Minh nhằm tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, các dân tộc cho mục tiêu giải phóng dân tộc.

Hội nghị nhận định: “Với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, cũng có thể giành được sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc khởi nghĩa to lớn”. Từ đó, Hội nghị đề ra chủ trương thành lập lực lượng vũ trang toàn quốc bằng nhiều hình thức, trong đó có việc “mở rộng và củng cố các tổ chức cứu quốc sẵn có làm cho các đoàn thể có một tinh thần hy sinh tranh đấu sẵn sàng gây cuộc khởi nghĩa”, “phải có những tiểu tổ du kích, du kích chính thức và tổ chức binh lính để quốc”. Hội nghị đề ra điều lệ của “Việt Nam tiểu tổ du kích cứu quốc”, tên gọi, tổ chức, biên chế và mục đích hoạt động của các đơn vị này.

Là trung tâm căn cứ địa của cả vùng, nơi đặt bản doanh lãnh đạo của Trung ương, Cao Bằng là nơi đi đầu thực hiện các chủ trương, chính sách của Hội nghị Trung ương lần thứ 8. Sau hội nghị, phong trào cách mạng của quần chúng phát triển khắp các châu trong tỉnh, đặc biệt là 3 châu (Hà Quảng, Nguyên Bình, Hoà An) trở thành 3 châu hoàn toàn Việt Minh. Các tổ chức tự vệ ra đời ngày một nhiều làm nhiệm vụ hỗ trợ phong trào đấu tranh của quần chúng. Mặt khác, Hồ Chí Minh rất chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang vùng căn cứ địa để vừa giữ vững địa bàn, vừa đào tạo nguồn cán bộ cung cấp cho tỉnh. Từ tháng 6 đến tháng 10 năm 1941, Hồ Chí Minh và Đảng bộ Cao Bằng đã chọn hơn 70 cán bộ gửi sang Trung Quốc học quân sự. Đây là những hạt giống cán bộ quân sự đầu tiên của căn cứ địa Cao Bằng, sau này là Cao - Bắc - Lạng và Khu giải phóng Việt Bắc.

Từ năm 1941 đến 1944, các lớp quân chính được tổ chức liên tục, gồm 4 khoá, đào tạo được hàng trăm cán bộ quân sự tại chỗ, đáp ứng yêu cầu huấn luyện tự vệ và các đội du kích

địa phương trong tỉnh. Theo tinh thần Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, lãnh tụ Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập đội vũ trang tập trung để làm hạt nhân quân sự đầu tiên cho hoạt động vũ trang của tỉnh. Theo chủ trương đó, Tỉnh ủy Cao Bằng, sau khi nghiên cứu xét chọn, đã thành lập Đội du kích của tỉnh - còn gọi là Đội Du kích Pác Bó. Đội gồm các thành viên: Lê Quảng Ba (Đội trưởng), Lê Đình - tức Lê Thiết Hùng (Chính trị viên), Trần Sơn Hùng - tức Hoàng Sâm (Đội phó), cùng các đội viên: Cường Tiến (tức Nguyễn Văn Cơ, về sau đổi tên là Bằng Giang), Thế An, Hải Tâm (tức Bé Sơn Cương), Đức Thanh, Sĩ Cương, Nông Thị Trưng, Quang Hưng (tức Dương Mạc Hiếu), Tống Dê (tức La), Nông Văn Chung (tức Phùng). Đội có nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, bảo vệ cán bộ, làm giao thông liên lạc đặc biệt, vũ trang tuyên truyền trong quần chúng và huấn luyện cho các đội tự vệ chiến đấu ở địa phương. Vũ khí trang bị của Đội có 6 khẩu súng săn, 6 khẩu súng trường. Chi bộ Đảng của Đội cũng được thành lập để chỉ đạo các hoạt động, gồm có Lê Thiết Hùng, Hoàng Sâm, Lê Quảng Ba, Bằng Giang, Đức Thanh và Dương Mạc Hiếu. Tất cả đều là đảng viên chính thức. Chi bộ bầu ra một ban chỉ ủy gồm 3 người, do đồng chí Lê Thiết Hùng làm Bí thư, Lê Quảng Ba và Hoàng Sâm làm chỉ ủy viên. Các đội viên là những người có nhiệt tình cách mạng, rất dũng cảm trong đấu tranh. Người nhiều tuổi nhất là Lê Thiết Hùng (hơn 30 tuổi), người ít tuổi nhất là Nông Thị Trưng (hơn 20 tuổi).

Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã trực tiếp giáo dục chính trị và viết tài liệu huấn luyện quân sự cho Đội. Người đã biên soạn các tài liệu quân sự như *Kinh nghiệm du kích Nga*, *Kinh nghiệm du kích Tàu* và nhất là cuốn *Cách đánh du kích* gồm 13 chương, rất dễ đọc, dễ hiểu. Người cũng trực tiếp viết



*Mười điều kỷ luật của Đội*, thông qua kế hoạch tổ chức hoạt động, đặt tên và trực tiếp giao nhiệm vụ cho Đội. Ngoài nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, đội còn làm giao thông đặc biệt nối liền cơ quan đầu não tại Pác Bó với Đảng bộ Cao Bằng tại Lam Sơn, xã Hồng Việt (Hoà An). “Tên Đội là Đội du kích và nhiệm vụ của Đội thêm một nhiệm vụ thứ năm là làm nòng cốt cho việc xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang sau này”<sup>1</sup>. Lãnh tụ Hồ Chí Minh còn căn dặn: “Phải đoàn kết, chấp hành kỷ luật tốt, khiêm tốn học hỏi, giúp nhau thực sự về chính trị, quân sự cũng như trong sinh hoạt, đối dân phải như cá với nước”<sup>2</sup>. Trong quá trình huấn luyện quân sự, Người đã nêu một số nguyên tắc hoạt động của Đội du kích. Cũng trong quá trình này, các đồng chí trong Đội đã Việt hoá các khẩu ngữ quân sự đã từng học tập ở nước ngoài, hình thành một hệ thống các khẩu lệnh cho quân đội ta về sau như: nghiêm, quay phải, quay trái, chào... Đội cũng đã rèn luyện được những yếu lĩnh cơ bản, một số kỹ thuật như bắn súng, ném lựu đạn, đâm lê, chiến thuật chiến đấu cá nhân, tổ và tiểu đội.

Sau một thời gian huấn luyện, Đội bắt đầu triển khai công tác vũ trang tuyên truyền ở các địa phương trong các châu Hà Quảng, Hoà An, Nguyên Bình. Hoạt động của Đội gồm 2 thời kỳ: thời kỳ tập trung từ cuối năm 1941 đến tháng 3 năm 1942 và thời kỳ phân tán từ tháng 3 đến tháng 7 năm 1943.

Trong thời kỳ hoạt động tập trung, toàn Đội cùng hoạt động tại một địa bàn. Khi tới các địa phương, Đội cùng với

---

1. Lê Quảng Ba - *Bác Hồ và Đội du kích Pác Bó (Hồi ký)*, Nxb Văn học Dân tộc, Hà Nội, 1995, tr. 113.

2. Dẫn theo Trần Đình Huỳnh - *Danh nhân Hồ Chí Minh - Cuộc đời và những sự kiện*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr. 85.

các cán bộ ở đây vận động quần chúng cốt cán đến nghe nói chuyện. Có nơi, Đội tổ chức mít tinh quần chúng, treo cờ đỏ sao vàng, phối hợp với tự vệ canh gác để phòng quân Pháp hoặc thổ phỉ đến bất ngờ. Ở những nơi quần chúng bị bọn chức dịch khống chế, các đồng chí trong Đội kết hợp với cán bộ địa phương tổ chức vũ trang đột nhập vào nhà những tên phản động, dùng vũ khí để cảnh cáo, ngăn chặn những hoạt động chống phá của chúng, hoặc thuyết phục họ theo Việt Minh. Điển hình là cuộc đột nhập nhà phú tổng Làn ở bản Pá Đản, thuộc tổng Trung An ở Lục Khu (Hà Quảng) đã buộc tên này hứa không chống lại Việt Minh. Ở xóm Nà Loá (Hoà An), Đội cử cán bộ đến nhà viên xã đoàn (một chức vụ tương đương xã đội trưởng ngày nay) vận động đi theo Việt Minh và sau đó ông này đã cùng cả xóm trở thành một trạm giao thông phục vụ cán bộ qua lại sông Bằng an toàn.

Ngoài việc bảo vệ cơ quan đầu não của tỉnh và Trung ương, bảo vệ cơ sở cách mạng, công tác vũ trang tuyên truyền của Đội đã làm cho nhân dân hiểu và thêm tin tưởng vào Mặt trận Việt Minh, đẩy mạnh phong trào mua sắm vũ khí trong cán bộ và nhân dân để giữ gìn bản làng, chống phỉ. Hoạt động của Đội cũng đã làm cho hàng ngũ chức dịch phân hoá nhanh; số đi theo Việt Minh càng tin tưởng và hăng hái hoạt động; số lừng khừng thì dứt hẳn, ngã theo cách mạng; những tên phản động bớt hung hăng. Với danh nghĩa bộ đội Việt Minh, hoạt động của Đội ở vùng này đã làm cho bọn phỉ trong nước co lại, không dám ngang nhiên hoành hành, còn bọn phỉ bên kia biên giới không dám tràn sang khu căn cứ của Việt Minh.

Từ kết quả của những hoạt động này, cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 1942, lãnh tụ Hồ Chí Minh chỉ thị cho Đội phân

tán hoạt động, điều các đội viên đi làm nông cốt để tổ chức các đội vũ trang ở địa phương. Các đồng chí Bằng Giang, Bế Sơn Cương và Sĩ Cương về Hoà An, xây dựng đội vũ trang châu do đồng chí Bằng Giang làm Đội trưởng. Đồng chí Dương Mạc Hiếu về Nguyên Bình xây dựng đội vũ trang của châu. Đồng chí Đức Thanh về Nà Mạ (Hà Quảng) phụ trách quân chúng và tự vệ ở đây, về sau phát triển lập Đội vũ trang tổng Phù Dúng. Đồng chí Nông Thị Trưng thoát ly đơn vị làm công tác phụ nữ nhưng cũng tham gia hoạt động huấn luyện quân sự cho các đồng chí trong Hội phụ nữ. Những đội viên khác cũng lần lượt về các nơi mở các lớp huấn luyện cho cán bộ phụ trách tự vệ và cán bộ chính trị. Đồng chí Lê Quảng Ba mở lớp huấn luyện tại Pác Bó cho cán bộ các xã Kéo Đắc, Yên Lũng; đồng chí Lê Thiết Hùng mở lớp ở Đào Ngạn, Phù Ngọc...

Từ những cán bộ cốt cán của Đội du kích Pác Bó và các đồng chí đã được huấn luyện quân sự, nhiều đội vũ trang ở các châu lần lượt được thành lập. Đội du kích Pác Bó đã đóng vai trò làm nòng cốt trong việc phát triển lực lượng bán vũ trang ở Cao Bằng lúc bấy giờ. Tới tháng 7 năm 1943, hầu hết các thành viên của Đội du kích Pác Bó đã nhận những nhiệm vụ khác nhau về cơ sở để thành lập các đơn vị vũ trang mới; vì vậy Đội du kích Pác Bó chấm dứt sự tồn tại, hoàn thành nhiệm vụ mà lãnh tụ Hồ Chí Minh giao phó. Đội du kích Pác Bó cũng đã hỗ trợ phong trào quân chúng phát triển bằng việc xây dựng các đội vũ trang châu, tổng, các đội tự vệ chiến đấu và tự vệ xã ở các châu Hà Quảng, Hoà An và Nguyên Bình và đặc biệt là cuộc đấu tranh chống khủng bố trong các năm 1943 - 1944. "Đội tồn tại được độ hai năm. Song đây là

một thực tiễn sinh động để Đảng, Bác Hồ tổ chức xây dựng Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân"<sup>1</sup>.

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy Cao Bằng cũng tổ chức các lớp huấn luyện quân sự tập trung, gọi là Trường Quân chính. Tháng 2 năm 1942, lớp huấn luyện thứ nhất được tập trung tại Khuổi Nặm (Pác Bó - Hà Quảng), có khoảng 40 học viên tham gia. Tham gia giảng dạy có các đồng chí đã từng học quân sự ở Trung Quốc như: Lê Thiết Hùng, Hoàng Sâm, Bằng Giang... Từ đó, các lớp khác tiếp tục được mở. Lớp thứ hai gồm 100 hội viên, được tổ chức tại Mỏ Sắt (Hòa An) đầu năm 1943. Lớp tiếp theo được tổ chức tại Kim Mã (Nguyên Bình), cuối năm 1943, có 30 học viên. Lớp thứ tư được tổ chức tại Tôm Đeng (Hà Quảng), cuối năm 1944, có 30 người. Kết thúc mỗi lớp học, đội viên đều được phân công về tổ chức các lớp huấn luyện tại địa phương mình. Bên cạnh đó, Đảng bộ còn mở thêm một số lớp ở Vạ Phá (châu Nguyên Bình) đầu năm 1944; lớp Khuổi Cọ gần đèo Ben-le (tháng 9-1944), mỗi lớp có khoảng 80 - 100 học viên, nhằm đào tạo cán bộ đáp ứng yêu cầu của việc phát triển phong trào như Nam tiến, Tây tiến, Đông tiến<sup>2</sup>...

Từ đầu 1942, phong trào Việt Minh phát triển mạnh ở nhiều nơi trong tỉnh Cao Bằng, đã xuất hiện nhiều tổng, xã

---

1. Thượng tướng Phùng Thế Tài - *Kỷ niệm sâu sắc về Bác Hồ với việc thành lập đội vũ trang của Cao Bằng*, trong sách 55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam - Miền đất khai sinh và quá trình phát triển (kỷ yếu hội thảo khoa học), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999, tr.234.

2. *Cao Bằng - Lịch sử đấu tranh vũ trang cách mạng (1930-1954)*, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng xuất bản, năm 1990, tr.46.

“hoàn toàn”. đặc biệt là ở châu Hoà An. Đầu tháng 4 năm 1942, lãnh tụ Hồ Chí Minh chuyển từ Pác Bó, Hà Quảng về ở Lũng Hoà, xã Hồng Việt, Hoà An. Tháng 5 năm 1942, trước sự phát triển của tình hình cách mạng ở Nguyên Bình. Hồ Chí Minh rời Lũng Hoà chuyển đến ở và làm việc tại hang Kéo Quảng (Minh Tâm, Nguyên Bình). Người đặt tên mới cho hang đá này là hang Lênin. Tại đây, Người mở lớp huấn luyện về lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô cho cán bộ Châu ủy lâm thời. Tháng 11 năm 1942, các Ban Việt Minh đã ra đời ở một số tổng như: Thế Dục, Gia Tự, Quảng Nhân... Các ban Việt Minh này đã họp, trao đổi kinh nghiệm trong việc lãnh đạo phong trào và bầu ra Ban Việt Minh lâm thời châu Nguyên Bình, do đồng chí Dương Mạc Thạch làm Chủ nhiệm. Ban đề ra nhiệm vụ tiếp tục phát triển phong trào Việt Minh xuống Bắc Kạn.

Bên cạnh việc phát triển lực lượng vũ trang khu vực Cao - Bắc - Lạng, Hồ Chí Minh còn chỉ thị mở phong trào Nam tiến để phát triển các con đường quân chúng nối liền liên lạc tới các địa phương và về với Trung ương ở miền xuôi. Chọn Cao Bằng làm căn cứ cách mạng, thấy được những ưu điểm của nơi đây về *địa, nhân*, song Người cũng thấy được hạn chế của Cao Bằng là xa miền xuôi, xa Trung ương. Do đó, Người vừa chủ trương xây dựng căn cứ địa Cao Bằng, nhưng cũng vừa củng cố căn cứ địa Bắc Sơn và đặc biệt là mở đường liên lạc để hình thành một địa bàn chiến lược rộng lớn giáp với các tỉnh miền xuôi. Ngay từ những ngày đầu mới về nước, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở: “Việc liên lạc là một việc quan trọng bậc nhất trong công tác cách mạng, vì chính nó quyết định sự thống nhất chỉ huy, sự phân phối lực lượng, do đó

bảo đảm thắng lợi”<sup>1</sup>. Người luôn chú trọng giữ đường dây liên lạc với Trung ương ở miền xuôi. Phong trào cách mạng càng phát triển, vấn đề liên lạc giữa Cao Bằng với miền xuôi và với Trung ương Đảng trở nên đặc biệt quan trọng. Trước tình hình mới, Hồ Chí Minh đã chỉ thị cho các cán bộ ở Cao Bằng: “Ngoài lối liên lạc thường dùng bằng giao thông bí mật, phải cấp tốc tổ chức những con đường quân chúng từ Cao Bằng đi về xuôi. Có thể khi địch khủng bố mới giữ được liên lạc, những hoạt động của đội du kích mới có thể tiến hành thuận lợi và nhất là mới tranh thủ kịp khi thời cơ biến chuyển tốt, cách mạng có thể tiến lên tổng khởi nghĩa”<sup>2</sup>.

Tháng 2 năm 1943, tại Lũng Hoà (Hoà An, Cao Bằng), diễn ra hội nghị liên tịch giữa Tổng bộ Việt Minh, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng và đại biểu Cứu quốc quân bàn việc mở rộng phong trào, đón thời cơ mới và trao đổi kinh nghiệm công tác. Theo chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, hội nghị bàn việc mở phong trào Nam tiến để tạo con đường liên lạc giữa hai khu căn cứ và với Trung ương Đảng. Tên gọi là “Nam tiến” song lực lượng này gồm cả các hướng khác. Ngoài hướng “Nam tiến” do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, còn có hướng “Đông tiến” đi về phía Đông, mở đường đến Lạng Sơn, hướng “Tây tiến” sang Hà Giang - Tây Cao Bằng, và trong quá trình Nam tiến, đã hình thành đội “Bắc tiến” từ Bắc Sơn - Võ Nhai mở đường lên Cao Bằng. Sau hội nghị, các tuyến xung phong Nam tiến được tổ chức và bắt đầu lên đường thực thi nhiệm vụ:

---

1, 2. Võ Nguyên Giáp - *Những chặng đường lịch sử*, Sđđ, tr.80-81

- Tuyển thứ nhất, hướng chủ yếu, do các đồng chí Võ Nguyên Giáp và Lê Thiết Hùng phụ trách, được sự chi viện của một tiểu đội Cứu quốc quân, có nhiệm vụ mở con đường từ Nguyên Bình qua Ngân Sơn, Chợ Rã (Bắc Kạn) nối liền với Chợ Chu, Đại Từ (Thái Nguyên). Tuyển này chia ra các đội toả đi các địa phương.

- Tuyển Cao Bằng - Hà Giang - Tuyên Quang do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách. Nhưng do đồng chí Phạm Văn Đồng bị ốm, phải ở lại Lam Sơn phụ trách báo *Việt Nam độc lập*. Do đó, đội xung phong Nam tiến do đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách phải cử lực lượng sang chi viện cho hướng này. Nhiệm vụ của tuyển này là vượt qua Bảo Lạc sang Bắc Mê (Hà Giang) và Na Hang (Tuyên Quang), tiến đến núi Hồng. Với địa thế thuận lợi cho việc liên lạc với các nơi, núi Hồng đã được xây dựng thành một căn cứ cách mạng vững chắc, một khu vực có cơ sở quần chúng tốt.

- Một cánh do trung đội Cứu quốc quân từ biên giới về nhằm hướng Đông Nam, tiến qua châu Thạch An xuống Tràng Định, Bình Gia (Lạng Sơn) nối đến căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và thông suốt đến Hiệp Hoà (Bắc Giang). Đội vừa xây dựng cơ sở ở các vùng đi qua, vừa có những hoạt động quân sự phối hợp như trừng trị bọn tay sai phản động có nhiều nợ máu, đánh đồn Bản Trại, phá kho muối chia cho nhân dân.

Phong trào xung phong tham gia các đội Nam tiến phát triển rầm rộ ở Cao - Bắc - Lạng. Hàng trăm cán bộ, nam nữ thanh niên tình nguyện thoát ly gia đình vào các đội Nam tiến. Vũ khí đều do họ tự sắm lấy. Các lớp học cấp tốc được mở tại nhiều nơi, đào tạo hàng trăm cán bộ đáp ứng yêu cầu

cho riêng tuyến đường Nam tiến. Lực lượng tham gia Nam tiến lần lượt được tổ chức thành 19 đội. Mỗi đội được phân công một địa phương hoạt động. Quá trình Nam tiến cũng là quá trình xây dựng các hội quần chúng, huấn luyện chính trị, tổ chức lực lượng vũ trang gồm các đội du kích địa phương, đội tự vệ. Các đồng chí Hoàng Sâm và Thế An đang công tác ở Đội du kích Pác Bó, được điều về tổ chức đội và bảo vệ cho các đội xung phong Nam tiến.

Tổng Kim Mã (châu Nguyên Bình) là nơi xuất phát của Ban xung phong Nam tiến. Các đội hoạt động theo phương thức “các tổ xung phong phát triển đi trước, hoạt động theo lối vũ trang tuyên truyền, bắt mối, điều tra, tuyên truyền gây cơ sở. Các tổ xung phong củng cố đến tiếp sau, chọn cốt cán trong quần chúng, mở lớp huấn luyện ngắn kỳ, rồi dựa vào cán bộ địa phương mới được đào tạo mà phát triển phong trào”<sup>1</sup>. Ba xã Kim Mã, Tam Lọng, Hoa Thám thuộc châu Nguyên Bình (Cao Bằng) nằm sát với địa giới các xã Cốc Đán, Tô Khê, Thượng Ân và Bằng Đức châu Ngân Sơn (Bắc Kạn), là những địa bàn mở đầu cho kế hoạch Nam tiến, để từng bước tạo thành căn cứ ở phía Nam tỉnh Cao Bằng - phía Bắc tỉnh Bắc Kạn.

Để phát triển cơ sở quần chúng ở khắp nơi, các đội Nam tiến đã mở thông nhiều con đường. Cách phát triển Nam tiến không nhất thiết phải tiến hành tuần tự mà có thể theo lối “nhảy dù”, “nhảy cóc”. Có nhiều đội bí mật vượt qua những

---

1. Ban Nghiên cứu lịch sử quân đội thuộc Tổng cục Chính trị và Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, Sđd, tr.73-74.



chặng đường dài đến địa phương có quân chúng tốt gây cơ sở, rồi sau đó kết nối các cơ sở với nhau. Chẳng hạn, ở cánh Nam tiến do đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách, Đội xung phong phát triển do đồng chí Nông Văn Quang chỉ huy, đã đi xa nhất, xuống gây cơ sở ở vùng phía Nam Chợ Đồn. Một đội khác, trong đó có các đồng chí Hữu, Dung... hoạt động có lúc xuống tận Phủ Thông. Đội xung phong Nam tiến do đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách đã phát triển cơ sở từ tổng Kim Mã qua tổng Hoàng Hoa Thám xuống Hà Hiệu - một địa bàn có nhiều khó khăn ở châu Ngân Sơn, rồi xuống Phủ Thông.

Các con đường Nam tiến kéo dài qua nhiều miền núi cao, nhiều cánh đồng, qua các bản làng của đồng bào Thổ, Dao, Nùng... Nhưng nơi có các đội Nam tiến đi qua, quân chúng được giác ngộ, hăng hái tham gia các tổ chức Cứu quốc, tinh thần cách mạng lên rất cao.

Sau hội nghị ở Lũng Hoà, Chu Văn Tấn trở lại Bắc Sơn - Võ Nhai cùng Cứu quốc quân củng cố phong trào, mở đường Bắc tiến thông với Cao Bằng và tìm cách nối liên lạc với Trung ương Đảng ở An toàn khu 2 (Hiệp Hoà - Bắc Giang). Một tổ Cứu quốc quân từ Võ Nhai được cử đi Na Rì, sau đó đến gây cơ sở ở Nam Bạch Thông, Bắc Phú Lương (Thái Nguyên). Một tổ khác từ Đại Từ lên Định Hoá rồi lần lượt tiến qua Chợ Đồn, dừng chân ở Nghĩa Tá để hợp với cánh Nam tiến, sau đó vào Đông Viên, rồi vượt lên dãy Phia Bióc.

Tháng 10 năm 1943, cánh Nam tiến do đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách đã gặp đơn vị Bắc tiến của Cứu quốc quân, do Chu Văn Tấn chỉ huy, ở xã Nghĩa Tá (Chợ Đồn). Con đường quân chúng, con đường liên lạc giữa hai khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai đã được nối liền. Để ghi

nhớ thắng lợi của sự kiện này, các đồng chí đã đổi tên xã Nghĩa Tá thành xã Thắng Lợi. Cũng thời gian đó, các cánh khác cũng đã lần lượt đến được các địa phương, các vị trí để ra lúc xuất phát.

Như vậy, sau hơn tám tháng hoạt động, con đường quân chúng cách mạng theo hướng Nam tiến trên địa bàn Việt Bắc, mà Hồ Chí Minh vạch ra, từ Cao Bằng đã nối liền với khu du kích Bắc Sơn - Võ Nhai. Cuối năm 1943, nhờ cơ sở cách mạng ở Chợ Chu (Thái Nguyên), Cứu quốc quân đã bắt được liên lạc với Trung ương Đảng ở miền xuôi. Phong trào cách mạng ở Việt Bắc đã gắn với phong trào cả nước. "Hai khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai được mở rộng, dựa vào nhau tạo thành thế liên hoàn chiến đấu, tiến có thể đánh, lui có thể giữ". "Sự hình thành hai khu căn cứ có những con đường quân chúng cách mạng nối liền nhau, đã mở ra triển vọng lớn, tạo điều kiện cho việc ra đời Khu giải phóng sau này"<sup>1</sup>. Cuối năm 1943 - đầu năm 1944, các đội xung phong Nam tiến, sau khi hoàn thành nhiệm vụ, gầy cơ sở và mở thông các đường liên lạc, đều trở về Kim Mã (Cao Bằng). Ngày 22 tháng 1 năm 1944, Tổng bộ Việt Minh và Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng tổ chức lễ tổng kết tại rừng Nà Sang, xã Hoa Thám, liên hoan mừng thắng lợi và đã tặng các đội Nam tiến lá cờ "*Xung phong thắng lợi*".

Kết quả của phong trào Nam tiến đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng ở các tỉnh Việt

---

1. Ban nghiên cứu lịch sử quân đội thuộc Tổng cục Chính trị và Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, Sđd, tr.130.

Bắc, nối liền hai căn cứ cách mạng, mặt khác nó còn góp phần quan trọng vào việc phát triển lực lượng vũ trang ở các địa phương. Cùng với sự xuất hiện ngày càng nhiều của các xã, tổng hoàn toàn, các đội tự vệ chiến đấu cũng đã được thành lập ở nhiều nơi. Một số địa phương còn tập hợp các đội tự vệ tiến hành các cuộc diễn tập lớn. Tháng 3 năm 1944, châu Hà Quảng đã thành lập được 1 trung đội vũ trang thoát ly gồm 50 đội viên, do đồng chí Dương Đại Lâm làm đội trưởng. Châu Hoà An cũng thành lập được 1 trung đội, do đồng chí Nguyễn Thế Đô làm Trung đội trưởng. Khu Thiệp Thuật của đồng bào Mông cũng có 1 trung đội, do đồng chí Cao Lý làm Trung đội trưởng. Lần lượt các xã Tam Kim, Minh Tâm, Hoa Thám, Hưng Đạo (châu Nguyên Bình), Thượng Ân, Bằng Vân, Thượng Quan (châu Ngân Sơn) cũng đã thành lập các tiểu đội vũ trang. Các đơn vị này đã tổ chức những trận đánh phục kích bọn lính đi lùng sục, ngăn chặn các cuộc khủng bố của địch, diệt trừ những tên phản động có nhiều nợ máu, bảo vệ cơ sở cách mạng và tài sản của nhân dân.

Việc phát triển các tiểu đội, đơn vị vũ trang địa phương đặt ra yêu cầu ngày càng lớn về vũ khí để trang bị cho các đơn vị. Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng một mặt thiết lập thêm và mở rộng sản xuất ở các binh công xưởng, mặt khác phát động phong trào góp tiền mua sắm vũ khí theo tinh thần chỉ thị *Sửa soạn tổng khởi nghĩa* của Tổng bộ Việt Minh ngày 7 tháng 5 năm 1944.

Từ cuối năm 1943 đến giữa năm 1944, thực dân Pháp liên tục mở các đợt khủng bố khốc liệt hầu hết các tỉnh ở Việt Bắc. Ngoài hệ thống đồn bốt đã có, chúng lập thêm nhiều đồn

bốt mới bao quanh những tuyến đường nghi là đầu mối liên lạc của cách mạng. Chúng huy động thêm mật thám, cảnh sát từ Hà Nội lên phối hợp truy bắt cán bộ, vừa tiến hành các thủ đoạn mua chuộc, mị dân, vừa tạo mâu thuẫn giữa các dân tộc, tuyển thêm tay sai lập các đội chống phá cách mạng. “Tại Chợ Rã, chúng bắt 14 hội viên, trong đó có các đồng chí cán bộ chủ chốt. Tại Hoà An, địch bắt một lúc 53 cán bộ, chiến sĩ, giết hại 3 đồng chí... Tại Nguyên Bình, chúng bắt 100 đồng chí, giết 10 đồng chí... Tại Quảng Uyên, chúng bắt 11 đồng chí đem giết”<sup>1</sup>. Địch còn phá các điểm cất giấu lương thực và cướp đi khoảng 40 tấn thóc dự trữ của cách mạng, đốt phá hàng trăm xóm bản, dồn dân về sống tập trung để dễ bề kiểm soát. Trên con đường Nam tiến, từ tháng 1 đến tháng 5 năm 1944, địch đã bắn chết 7 đồng chí lãnh đạo cấp tỉnh, cấp châu<sup>2</sup>. “Cơ quan đồng chí Tống - anh Phạm Văn Đồng - bị vây luôn mấy lần và bị tiến công bằng đại bác”. Còn bản thân đồng chí Võ Nguyên Giáp, có lần “cùng hai đội viên bị vây 3 ngày liền ở trên một đỉnh núi gần Thế Dục” và “phải dùng ống nứa và nước dây rừng mà thổi cơm”<sup>3</sup>.

Trước tình hình địch tăng cường khủng bố, các đồng chí lãnh đạo Việt Minh và Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng lên kế hoạch bảo vệ cán bộ địa phương bằng việc tổ chức cuộc rút lui có kỷ luật, cho cán bộ bí mật vào rừng. Khi số cán bộ bí mật tăng lên, lãnh đạo Liên tỉnh ủy lại có chỉ thị dùng hình thức “Tiểu tổ bí mật” để duy trì phong trào. Một tiểu tổ bí mật

---

1, 2. Cao Bằng - Lịch sử đấu tranh vũ trang cách mạng (1930-1954), Sđd, tr.54.

3. Võ Nguyên Giáp - Pác Bó, nguồn sưu Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, 1989, tr.21.

gồm tất cả các đồng chí hoạt động bí mật trong một xã, những đồng chí thoát ly gia đình vào rừng núi, nơi có lều để ở, có lương thực bảo đảm trong khoảng 6 tháng và sinh hoạt, học tập và công tác theo một nội quy rất nghiêm. Chính nhờ các tiểu tổ bí mật này mà phong trào quần chúng vẫn được duy trì. Bên cạnh giải pháp trên, lãnh đạo Việt Minh và Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng còn quyết định tổ chức thêm một số đội Nam tiến với nhiệm vụ tìm cách để nối lại các đường Nam tiến. Thành phần chủ yếu Nam tiến đợt này gồm một trung đội do đồng chí Hoàng Sâm chọn và tổ chức. Cho đến cuối năm 1943, dù địch khủng bố ác liệt, cơ sở cách mạng có bị thiệt hại, song phong trào vẫn được duy trì, con đường Nam tiến đã tạo được những cơ sở quần chúng trung kiên. Từ đó, các lực lượng tự vệ vẫn được tổ chức và củng cố thêm. Do sự hoạt động của các đội Nam tiến, các cơ sở và phong trào cách mạng vẫn duy trì, cuộc khủng bố của địch chỉ càng làm tăng thêm lòng căm thù và quyết tâm đứng lên khởi nghĩa của nhân dân Việt Bắc.

Địch càng điên cuồng khủng bố phong trào cách mạng, quần chúng nhân dân càng nóng lòng đứng lên khởi nghĩa. Trong bối cảnh đó, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng triệu tập hội nghị tại Lũng Sa (một địa điểm giáp giới châu Hoà An và Nguyên Bình), ngày 13 tháng 7 năm 1944. Đây đủ cán bộ phụ trách các vùng, cán bộ Trung ương như các đồng chí: Vũ Anh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... dự hội nghị. Báo cáo chính trị của hội nghị khẳng định: "Các điều kiện đã chín muồi để phát động chiến tranh du kích trong Liên tỉnh". Các đại biểu thảo luận sôi nổi và dù còn nhiều vấn đề về công tác cụ thể chưa có cách giải quyết, hội nghị nhanh chóng đi đến quyết nghị khởi nghĩa. Hội nghị nhận định: "Tình hình trong

nước và phong trào cách mạng địa phương, quần chúng Cao - Bắc - Lạng đang nóng lòng chờ đợi khởi nghĩa”. Do chưa bắt được liên lạc với Trung ương Đảng ở miền xuôi, chưa nắm bắt được phong trào cách mạng toàn quốc nên hội nghị chưa định ngày giờ khởi nghĩa mà chỉ mới thống nhất được những việc cần gấp rút thực hiện như: hoàn thành công tác huấn luyện cho các đội trưởng và chính trị viên các đội vũ trang; các đơn vị tự vệ chiến đấu đều chuyển thành các đội du kích, đẩy mạnh phong trào mua sắm, tự tạo vũ khí, đạn dược; lương thực chuẩn bị cho các đội du kích phải đủ ăn trong 6 tháng.

Tối tháng 9 năm 1944, kế hoạch chuẩn bị khởi nghĩa đã được thực hiện phần lớn. Tiếng súng vũ trang hành động đã nổ ở một số nơi. Liên tỉnh ủy đang trù tính một cuộc hội nghị cuối cùng kiểm điểm công tác chuẩn bị và quyết định ngày giờ phát động khởi nghĩa.

Cuối tháng 10 năm 1944, lãnh tụ Hồ Chí Minh từ Trung Quốc trở về xã “đỏ” Nà Sác, huyện Hà Quảng trên biên giới Việt - Trung. Một buổi sáng tháng 10 năm 1944, các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh tới gặp và xin ý kiến Người trong một lán nhỏ trên một quả đồi ở Lũng Cát, thuộc xã Nà Sác. Đồng chí Vũ Anh báo cáo tình hình phong trào cách mạng ở các tỉnh Cao - Bắc - Lạng, những khó khăn lớn trong việc liên lạc với Trung ương ở miền xuôi và ngay cả với khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, về nghị quyết vũ trang khởi nghĩa của Liên tỉnh ủy. Đồng chí Võ Nguyên Giáp báo cáo về tình hình con đường Nam tiến, sự khủng bố của thực dân Pháp và chủ trương đối phó của ta. Nghe báo cáo xong, Người nhận định: “Phong trào lên, địch khủng bố là chuyện đương nhiên, nhưng có phần vì ta bộc lộ lực lượng”. Người chỉ thị hoãn ngay cuộc khởi nghĩa, bởi vì “Chủ trương phát động chiến

tranh du kích ở Cao - Bắc - Lạng là mới chỉ căn cứ vào tình hình địa phương mà chưa căn cứ vào tình hình cụ thể trong cả nước, mới chỉ thấy bộ phận mà chưa thấy toàn cục". "Trong điều kiện bây giờ, nếu phát động ngay nhân dân nổi lên đánh du kích theo quy mô và phương thức đã định trong Nghị quyết, thì sẽ gặp khó khăn, còn khó khăn hơn thời kỳ bị khủng bố vừa rồi". "Quân khởi nghĩa Cao - Bắc - Lạng đơn độc dấy lên nhất định để quốc sẽ mau chóng tập trung lực lượng đàn áp. Riêng về mặt quân sự thì cũng không theo đúng nguyên tắc tập trung lực lượng; cán bộ, vũ khí đều phân tán, thiếu hẳn một lực lượng nòng cốt". Người nhận định: "Bây giờ thời kỳ cách mạng hoà bình phát triển đã qua nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới. Nếu bây giờ chúng ta vẫn chỉ hoạt động bằng hình thức chính trị thì không đủ để đẩy phong trào đi tới. Nhưng phát động vũ trang khởi nghĩa ngay thì quân địch sẽ tập trung đối phó. Cuộc đấu tranh bây giờ phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự. Song hiện nay chính trị còn trọng hơn quân sự. Phải tìm ra một hình thức đấu tranh thích hợp mới có thể đẩy phong trào tiến lên...". Rồi Người chỉ thị: "Bây giờ nên tập hợp những cán bộ, chiến sĩ anh dũng nhất, những vũ khí tốt nhất, tổ chức thành một đội vũ trang để hoạt động. Ta sẽ dùng hình thức vũ trang để gây ảnh hưởng cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Tác chiến phải gây được ảnh hưởng tốt về chính trị, do đó mà mở rộng cơ sở phát triển lực lượng vũ trang. Chúng ta sẽ lập đội quân giải phóng...". Người trực tiếp giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp nhiệm vụ này. Sau đó, khi trao đổi với đồng chí Võ Nguyên Giáp, Người phác

---

1. Võ Nguyên Giáp - *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.121.

thảo ra những nét chính về Đội Việt Nam Giải phóng quân, từ tổ chức đến phương châm hành động và vấn đề cung cấp lương thực, đạn dược, quan hệ giữa đội chủ lực và các lực lượng vũ trang địa phương. Đặc biệt tổ chức phải lấy chi bộ Đảng làm hạt nhân lãnh đạo. Người nhắc nhở quán triệt phương châm: “Người trước, súng sau”. Các đội viên phải là những người kiên quyết, hăng hái trong công tác, dũng cảm trong chiến đấu, có lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc. Phải cân nhắc từng người một, các cán bộ chỉ huy tiểu đội, trung đội chủ yếu lấy trong số cán bộ đi học quân sự ở nước ngoài về. Đa số họ đã trải qua chiến đấu và ít nhiều đã biết về kỹ thuật và kinh nghiệm quân sự. Trong Đội phải có đủ thành phần Tày, Nùng, Mán, Kinh, người địa phương nào cũng có nhằm phục vụ cho hoạt động sau này của Đội được thuận lợi. Trước lúc đi, Người còn dặn thêm: “Phải dựa chắc vào dân. Dựa chắc vào dân thì không kẻ địch nào tiêu diệt được ta”<sup>1</sup>.

Sau đó, căn cứ vào chỉ dẫn của Người, đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng đồng chí Lê Quảng Ba họp bàn việc chọn người và tập trung vũ khí, thống nhất kế hoạch tổ chức cụ thể. Các đồng chí thống nhất lúc đầu chỉ tổ chức 1 trung đội gồm 3 tiểu đội. Lực lượng chủ yếu lấy từ các đội vũ trang châu Hà Quảng, Hoà An, Nguyên Bình, Ngân Sơn..., một phần khác chọn trong số các đồng chí từng học quân sự ở nước ngoài về. Lập danh sách đội, các đồng chí trao đổi, lựa chọn cân nhắc kỹ từng đội viên, cán bộ phụ trách nhất thiết phải là người được học quân sự và đã có kinh nghiệm trong phong trào đấu tranh. Sau khi lập xong danh sách, các đồng chí nhất trí chọn đồng chí Hoàng Sâm, từng là Đội

---

1. Võ Nguyên Giáp - *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.123.



phó Đội du kích Pác Bó, làm Đội trưởng; đồng chí Xích Thắng (Dương Mạc Thạch) làm Chính trị viên.

Về tên gọi của Đội, các đồng chí trao đổi kỹ và thống nhất lấy tên là *Đội Việt Nam Giải phóng quân*.

Về hoạt động quân sự đầu tiên, các đồng chí quyết định sẽ nhằm đánh vào một vài đồn địch, cướp súng đạn giặc, và phải thắng thật giòn giã để khuếch trương thanh thế của Đội. Về hậu cần, Đội sẽ phải dựa vào dân. Về thời gian thành lập, chậm nhất là vào hạ tuần tháng 12 năm 1944.

Trong khi các đồng chí Võ Nguyên Giáp và Lê Quảng Ba đang trao đổi thì lãnh tụ Hồ Chí Minh đến. Đồng chí Võ Nguyên Giáp báo cáo nội dung cuộc trao đổi và được Người đồng ý. Về tên gọi *Đội Việt Nam Giải phóng quân*, Người chỉ thị thêm vào hai chữ “*tuyên truyền*” để mọi người ghi nhớ nhiệm vụ chính trị lúc này còn trọng hơn quân sự.

Về quan hệ giữa Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân - đội chủ lực đầu tiên của Đảng trong cả nước với các lực lượng vũ trang địa phương, Người khẳng định: Thống nhất chỉ đạo cả chủ lực và địa phương, các lực lượng ấy đoàn kết, phối hợp chặt chẽ với nhau. Bộ đội chủ lực có nhiệm vụ đi đầu, giúp đỡ bộ đội địa phương trưởng thành.

Người nhấn mạnh hai điểm: “Một là, cuộc chiến đấu đầu tiên phải là một cuộc thắng lợi”, bởi “cuộc chiến đấu ấy có tác dụng rất lớn lao và trong một phần lớn, sẽ quyết định tương lai của Đội. Hai là các cuộc hành động phải nhằm thời gian, phải nhằm địa điểm, tổ chức phải gọn gàng, chu đáo xuất sắc, làm cho vang dội đến khắp trong nước và vang dội cả ra nước ngoài. Sau mỗi thắng lợi phải triệt để lợi dụng để mở rộng tuyên truyền. Có thể Đội giải phóng quân mới đạt mục đích tuyên truyền của nó, mới kêu gọi toàn dân đoàn kết, vũ

trang đứng dậy, mới làm cho nước ngoài chú ý đến cuộc chiến đấu chống phát xít của dân tộc Việt Nam”<sup>1</sup>.

“Bác yêu cầu thành lập nhanh, khi thành lập phải có những lời thể danh dự. Thành lập xong ra quân hành động có tính chất quần chúng. Trận đầu mặc dù đội quân mới thành lập còn non yếu nhưng phải chiến thắng. Điều đó sẽ ảnh hưởng tốt cho công tác tuyên truyền và tác động trong quần chúng”<sup>2</sup>. “Người cán bộ cách mạng bất kỳ làm việc gì cũng phải biết mình, biết người, phải điều tra nghiên cứu cẩn thận, biết rõ sức ta, sức địch, không được để sơ hở, làm lộ bí mật, hại đến phong trào”<sup>3</sup>. Lúc chia tay các đồng chí Võ Nguyên Giáp và Lê Quảng Ba, Người còn dặn thêm: “Nhớ bí mật: ta ở Đông, địch ở Tây. Lai vô ảnh khứ vô hình”.

Về vũ khí, các đồng chí cũng quyết định tập trung phần lớn vũ khí tốt nhất lấy từ các châu, từ cơ sở lên và từ nước ngoài về để trang bị cho Đội. Lúc ấy, đồng chí Tổng Minh Phương và bà con Việt kiều ở Côn Minh (Trung Quốc) có gửi về một số vũ khí gồm: 1 khẩu tiểu liên, 3 khẩu Cônbat Mỹ và 150 viên đạn, 6 quả bom lửa, 1 hộp bom nổ chậm. Cùng với vũ khí, Đội nhận được 50 đồng chi phí quân nhu.... Cho tới trước ngày thành lập, Đội chỉ có 2 khẩu súng thập, 17 khẩu súng trường giáp năm, giáp ba của Pháp<sup>4</sup>; một số khẩu súng

---

1. Võ Nguyên Giáp - *Đội quân giải phóng 1944-1947*, Bản đánh máy, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, tr. 11, ký hiệu VL23017/85.

2, 3. Vũ Anh - *Những ngày gần Bác* trong sách *Đầu nguồn* (tập hồi ký), Sđd, tr. 270.

4. Tức là súng trường Mousqueton Pháp, có hai loại: một loại có băng đạn 5 viên (còn gọi là “Giáp” hoặc “Gióp” 5), loại khác băng đạn có 3 viên (còn gọi là “Giáp” hoặc “Gióp” 3).

kíp, súng hoả mai, còn lại là mìn, giáo, mác, 150 viên đạn, 1 hộp bom nổ chậm.

Trên đường từ Pác Bó trở lại tổng Kim Mã, theo kế hoạch đã định, các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh, Lê Quảng Ba đã ghé vào gặp đội vũ trang châu Hà Quảng để trực tiếp điều động một số cán bộ và thành viên ưu tú của đội vũ trang này. Đó là các đồng chí Xuân Trường, La Thanh, Dương Đại Long, Lương Văn Ích. Tại đây, các đồng chí cũng đã gặp và điều động một số đồng chí, cán bộ vừa học quân sự từ Trung Quốc về cho Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân như Hoàng Văn Thái, Lâm Cẩm Như, Thu Sơn... Số anh em này đều rất phấn khởi khi được lựa chọn vào Đội.

Sau đó, khi qua Lam Sơn (Hoà An), các đồng chí Võ Nguyên Giáp và Lê Quảng Ba còn vào gặp gỡ và bàn bạc với Liên tỉnh ủy, phổ biến quyết định của lãnh tụ Hồ Chí Minh hoãn kế hoạch khởi nghĩa vũ trang và thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Các đồng chí trong Liên tỉnh ủy rất vui mừng, nhiệt liệt hoan nghênh quyết định đó và cùng bàn bạc, trao đổi về kế hoạch điều động lực lượng, chỉ thị cho các tổng, châu chọn những cán bộ ưu tú nhất của mình tham gia Đội. Đồng thời, lãnh đạo Liên tỉnh ủy cũng chỉ thị cho các địa phương trong Cao - Bắc - Lạng tích cực giúp đỡ mọi mặt trong việc xây dựng Đội, vừa gấp rút điều tra tình hình các đồn địch tại địa phương. Rồi Liên tỉnh ủy, các đồng chí tới tổng Hoa Thám (Nguyên Bình), gặp chỉ huy đội vũ trang của tổng này, trực tiếp điều động một số đồng chí lên tham gia Đội, theo danh sách đã định. Đó là các đồng chí: Hà Hưng Long, Tô Vũ Dâu, Bế Văn Sắt.

Về phía các châu, tổng trong Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng, sau khi nhận được chỉ thị của Liên tỉnh ủy, đều đã họp bàn

để cử những thành viên ưu tú trong các đội vũ trang tổng, châu của mình lên tham gia Đội. Đội vũ trang thoát ly tổng Chí Kiên (Bắc Kạn) đã cử ba người là Hoàng Văn Ninh (tức Thái Sơn), Hoàng Văn Lương (Kính Phát) và Trương Phúc Minh<sup>1</sup>. Đội vũ trang tổng Phan Đình Phùng (Ngân Sơn) chọn và cử hai đồng chí là Hoàng Thịnh và Bế Ích Nhân (Ích Vạn). Đồng chí Hoàng Thịnh vốn là một cán bộ từ Cứu quốc quân lên chi viện cho phong trào Nam tiến. Bên cạnh đó, một số các đồng chí khác từ các tổng cũng được cử lên tham gia Đội. Đó là các đồng chí Nguyễn Văn Phán (Kế Hoạch), Bế Văn Sắt và Trương Đắc đều là cán bộ phụ trách Nam tiến từ mùa thu 1943 tại các xã vùng dân tộc Dao Thành Công, Hưng Đạo, Quang Thành ở Tây Nam Nguyên Bình.

Ngoài ra, một số đồng chí từ Cứu quốc lên chi viện cho Cao - Bắc - Lạng tham gia phong trào Nam tiến, qua thử thách trong phong trào, cũng đã được chọn tham gia Đội. Đó là đồng chí Mông Phúc Thơ và đồng chí Hoàng Thịnh. Lúc này, đồng chí Mông Phúc Thơ là cán bộ Nam tiến đang phụ trách các xã vùng cao của tổng Đội Cung (Bắc Ngân Sơn).

Về đảm bảo hậu cần cho Đội như ăn, mặc..., các đồng chí đều xác định cơ bản là “dựa vào dân, dựa vào dân là có tất cả” như lời dặn của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Tuy vậy, lúc này có nhiều việc trước mắt cần phải chi tiêu. Do đó, lãnh tụ Hồ Chí Minh quyết định trích 500 đồng tiền Đông Dương trong quỹ Đảng và giao cho đồng chí Vũ Anh (lúc đó phụ trách tài

---

1. Tuy nhiên, ngày 22-12-1944, đồng chí Trương Phúc Minh phải nhận nhiệm vụ khác nên không có mặt trong lễ tuyên thệ (tư liệu này do đồng chí Doanh Hằng cung cấp).

chính của Đảng) thực hiện. Số tiền 500 đồng mà lãnh tụ Hồ Chí Minh giao cho Đội được đồng chí Võ Nguyên Giáp chuyển lại cho đồng chí Văn Tiên (tức Lộc Văn Lùng) quản lý để lo chi tiêu cho toàn Đội. Đồng chí Văn Tiên là một cán bộ tận tụy và mẫn cán, yêu quý các đồng chí của mình như người thân trong nhà, coi trọng từng đồng xu, hạt gạo của công quỹ. Dù được giao nhiệm vụ làm quản lý cho Đội, song đồng chí vẫn nêu nguyện vọng chuyển việc này cho người khác để được trực tiếp cầm súng chiến đấu. Nhận số tiền này, đồng chí Văn Tiên đã cho mua ngay một chiếc chảo to để nấu ăn và gửi một ít tiền để mua thuốc ký ninh chống sốt rét cho Đội. Như vậy, đồng chí Lộc Văn Lùng - người quản lý đầu tiên của Đội, đồng thời cũng là cán bộ tài chính đầu tiên của Quân đội ta sử dụng những khoản bảo đảm đời sống và sinh hoạt cho bộ đội.

Về địa bàn hoạt động, các đồng chí bàn bạc và “quyết định phát động ở giáp giới Cao Bằng, Bắc Kạn, rồi quanh một vòng lên tận Bảo Lạc, sau đó sẽ bắt đầu kéo về Bắc Kạn, rồi đánh thốc xuống Thái Nguyên. Thế tức là, thanh Đông kích Tây, để mà Nam tiến”<sup>1</sup>.

Trước ngày thành lập, đồng chí Võ Nguyên Giáp nhận được một bức thư của lãnh tụ Hồ Chí Minh đựng trong một vỏ bao thuốc lá. Đó chính là chỉ thị về việc thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, do đích thân Người viết. Nội dung chỉ thị như sau:

*“Tên Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền. Vì muốn hành động có kết quả thì về quân sự, nguyên tắc chính*

---

1. Võ Nguyên Giáp - *Pác Bó, nguồn sống*, Sđd, tr.29.

*là nguyên tắc tập trung lực lượng, cho nên, theo chỉ thị mới của Đoàn thể sẽ chọn lọc trong hàng ngũ những đội du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực.*

*Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ diu dắt cán bộ<sup>1</sup> vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên.*

*Đối với các đội vũ trang địa phương: đưa các cán bộ địa phương về huấn luyện, tung các cán bộ đã huấn luyện đi các*

---

1. Về nguyên văn Chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, các tư liệu và sách đã xuất bản ghi chép không thống nhất. Một số tư liệu và sách ghi là "diu dắt cán bộ vũ trang" (như *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 3 (1930-1945) Nxb CTQG, H, 2000, tr.507-508; sách *Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb QĐND, H, 1995, tr.271-272, hồi ký *Những chặng đường lịch sử* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Nxb Chính trị quốc gia, H, 1994, tr. 131-132...). Một số khác lại ghi là "diu dắt các đội vũ trang" (như *Hồ Chí Minh - Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang*, Nxb QĐND, H, 1970, tr.152-153; sách *Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, Nxb QĐND, H, 1994, tr.83-84)... Tuy nhiên, sau khi phân tích nội dung chỉ thị, đối chiếu với các chữ khác ở ngay trong câu trên (có cụm từ "các đội này" ở ngay sau đó) và với các câu khác trong chỉ thị, chúng tôi cho rằng từ "các đội" là chuẩn xác hơn, phù hợp với ý Bác dùng trong chỉ thị. Mặt khác, cụm từ "các đội" cũng phù hợp với tinh thần chỉ đạo khi Bác trao đổi với đồng chí Võ Nguyên Giáp.

*địa phương, trao đổi kinh nghiệm, liên lạc thông suốt, phối hợp tác chiến.*

*Về chiến thuật: vận dụng lối đánh du kích, bí mật, nhanh chóng, tích cực, nay Đông mai Tây, lai vô ảnh, khứ vô tung<sup>1</sup>.*

*Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chúng có những đội đàn em khác.*

*Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang<sup>2</sup>. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam chúng ta<sup>3</sup>.*

Về địa điểm để tổ chức lễ thành lập Đội, trước đó lãnh tụ Hồ Chí Minh đã hỏi đồng chí Võ Nguyên Giáp là có thể tìm được một căn cứ "tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ" được không? Đồng chí Võ Nguyên Giáp trả lời: "Có thể. Nhất định quân địch không thể tiêu diệt quân ta được". Sau khi cân nhắc các yếu tố "thiên thời, địa lợi, nhân hoà", và cả mặt địa danh lịch sử, tên gọi, địa điểm được chọn là khu rừng đại ngàn nằm giữa hai tổng Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám, thuộc châu Nguyên Bình, Cao Bằng. Khu rừng này thuộc núi Dền Sinh, dãy Khâu Giáng, nơi có nhiều cây cổ thụ và đỉnh Slam Cao, cao nhất trong các dãy núi xung quanh, rất tiện cho việc bố trí vị trí quan sát. Nơi đây có địa thế hiểm trở. Về phía Bắc, từ Kim Mã sang châu Trần Phú có đường thông sang Trung Quốc. Phía Đông cũng có đường sang châu Phùng Chí Kiên, sang dãy núi Kim Hỷ, tiến về

---

1. Lúc đầu Bác dùng từ "khứ vô hình".

2. Lúc đầu, Bác dùng là "viễn đại".

3. Hồ Chí Minh - *Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang*, Nxb QĐND, H, 1970, tr.152-153.

mạn Bắc Sơn, Đình Cả. Phía Tây khu vực này trông sang ngọn núi Phia Uắc và Khao Sơn và phía Nam tiến thẳng xuống núi Cửu Quốc. Khu rừng nằm trên dải núi giáp giới ba tỉnh Cao Bằng - Bắc Kạn - Lạng Sơn, lại lọt vào giữa hai quốc lộ số 3 và 4. Đây là những điều kiện cho Đội liên lạc bí mật với Trung du dễ dàng, “nên dù không may bị bại lộ, quân địch cũng khó tiến công vào được, hoặc có vào đến nơi thì với địa thế hiểm trở nhưng thông thuộc ấy, quân du kích rút lui rất dễ dàng, dễ tản mát lên vùng Cao Bằng, hoặc xuống Lạng Sơn, Bắc Kạn”<sup>1</sup>.

Nguyên Bình<sup>2</sup> là một huyện có phong trào cách mạng phát triển sớm và mạnh của tỉnh Cao Bằng. Ngay từ những năm 20, ở đây đã dấy lên phong trào đấu tranh của công nhân mỏ thiếc Tĩnh Túc. Ngày 15 tháng 11 năm 1935, chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Nguyên Bình đã ra đời, do đồng chí Dương Mạc Cam (Dương Mạc Thạch) làm Bí thư. Đầu năm 1941, Châu ủy Nguyên Bình vừa mới ra đời đã cử ngay cán bộ dự các lớp huấn luyện chương trình Việt Minh. Từ những hạt giống đỏ đó, số cán bộ này lại trở về các địa phương mở những lớp huấn luyện mới, đào tạo những cán bộ phong trào mới để rồi cử họ đi khắp nơi vận động cách mạng trong quần chúng. Cuối năm 1942, ở Nguyên Bình đã xuất

---

1. Hoàng Văn Thái - *Đội tuyên truyền Việt Nam Giải phóng quân: Lịch sử thành lập và những chiến công đầu tiên*, Chính trị Cục phát hành năm 1948; Lưu tại Thư viện Trung ương Quân đội, ký hiệu 355(V)09/15565, tr.48-49.

2. Theo *Địa chí Cao Bằng*, thời Pháp thuộc, châu Nguyên Bình có 2 tổng gồm 15 xã là: tổng Gia Bằng với 7 xã (Bình Lăng, Gia Bằng, Kỳ Chỉ, Ké Môn, Lang Trà, Mang Động, Tràng Thôn) và tổng Kim Mã với 8 xã (Hoàng Mô, Kim Mã, Linh Mai, Linh Quang, Nậm Ty, Phương Xuân, Tam Lọng và Vụ Nông).



hiện nhiều xã, lũng “hoàn toàn”. Ban Việt Minh ở nhiều nơi đã được thành lập. Cùng thời gian này, Hồ Chí Minh đến Gia Bằng - nơi có phong trào phát triển mạnh của Nguyên Bình, để mở lớp huấn luyện chính trị cho các đồng chí trong Tỉnh ủy và Châu ủy lâm thời. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng ở Nguyên Bình, lòng yêu nước của nhân dân ở đây, từng được thử thách qua các đợt khủng bố trắng của địch cuối năm 1943, cùng với vị trí địa lý hiểm trở, đã làm cho Nguyên Bình có đầy đủ các yếu tố để trở thành căn cứ địa cho cách mạng.

Ở Nguyên Bình, các địa phương có phong trào mạnh là Gia Bằng và Kim Mã. Riêng tổng Kim Mã, hai xã có phong trào mạnh là Tam Lọng và Kim Mã. Không phải ngẫu nhiên mà nơi đây lại được chọn làm nơi ra đời của đội quân chủ lực đầu tiên của Quân đội ta (Tam Kim là xã được thành lập sau này trên cơ sở nhập hai xã Tam Lọng và Kim Mã). Nằm ở phía Nam huyện Nguyên Bình, những năm 1940, dân số hai tổng có khoảng 1.000 nhân khẩu, chủ yếu là người Tày và người Dao. Ở đây diện tích rừng chiếm hơn 90 phần trăm, đất nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 5 phần trăm. Do đó, cũng như nhiều địa phương khác ở Cao Bằng, nhân dân Tam Lọng và Kim Mã có cuộc sống rất khó khăn. Dưới ách cai trị của thực dân và tay sai, cũng như nhân dân nhiều nơi khác trong cả nước, nhân dân Tam Lọng và Kim Mã luôn mang trong mình tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí đấu tranh quyết khởi, chỉ chờ cơ hội là vùng lên.

Cuối năm 1941, các hội viên cứu quốc đã đến Tam Lọng và Kim Mã tuyên truyền vận động cách mạng. Ngày 30 tháng 1 năm 1942, các đồng chí Tấn Thuật (Nguyễn Văn Lạc) và Đê Thám (Nguyễn Văn Bư) đã lên Gia Bằng (Minh Tâm)

dự lớp huấn luyện cán bộ do đồng chí Võ Nguyên Giáp tổ chức. Trở lại Tam Lọng, Kim Mã, các đồng chí này đã nhanh chóng vận động được thêm nhiều người vào Hội Cứu quốc. Đầu năm 1942, các đồng chí Võ Nguyên Giáp và Lê Thiết Hùng đã về Tam Lọng và Kim Mã mở liên tiếp ba lớp huấn luyện cán bộ tại Roỏng Bó, hang Thẩm Cầu và rừng Nà Dư. Sau đó, số hội viên cứu quốc người địa phương đã tăng lên rất đông.

Trước sự phát triển của phong trào cách mạng ở Tam Lọng và Kim Mã, nhất là do hoạt động của các lớp huấn luyện trên có phần công khai, tháng 8 năm 1942, thực dân Pháp đã điều quân từ châu lỵ Cao Bằng vào khủng bố ở khu vực này. Một số hội viên đã bị địch bắt. Vì vậy, các cán bộ phong trào ở đây phải rút vào rừng hoạt động bí mật. Châu ủy Nguyễn Bình cũng đã cử thêm cán bộ tăng cường cho Tam Lọng và Kim Mã. Khi tình hình đã ổn định trở lại, các đồng chí được tôi luyện qua thử thách đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản như: Nông Văn Lạc, Dương Văn Long...

Trên cơ sở đó, tháng 9 năm 1942, chi bộ Tam Kim được thành lập (còn gọi là chi bộ Nam tiến) gồm các đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng, Nông Văn Quang, Nông Văn Lạc, Dương Văn Long, do đồng chí Nông Văn Quang làm Bí thư. Chi bộ kịp thời định hướng cho việc phát triển phong trào là củng cố cơ sở cũ và nhanh chóng phát triển cơ sở mới vào các vùng dân tộc Dao để có thêm địa bàn hoạt động cho cán bộ bí mật. Những tháng cuối năm 1942 - đầu 1943, các cán bộ Tam Kim đã gây dựng được thêm nhiều cơ sở Hội Cứu quốc ở nhiều bản vùng cao như Nà Áng, Nà Sang, Nà Thư (Hưng Đạo); Khuổi Sương, Khuổi Ngoài (Cốc Đán)...

Tháng 2 năm 1943, được tăng cường thêm một số cán bộ từ Cứu quốc quân, ba đội xung phong Nam tiến bí mật và công khai đã xuất phát từ Tam Lọng và Kim Mã, phát triển phong trào xuống các xã ở Thượng Ân, Cốc Đán, Vân Tùng (Ngân Sơn).

Tại Tam Lọng và Kim Mã, thời gian này cơ sở hội viên Cứu quốc cũng đã phát triển rộng khắp và lan nhanh sang các tổng lân cận như Hoa Thám, Hưng Đạo... Hội Cứu quốc phát triển đến đâu là ở đó tổ chức các đội tự vệ chiến đấu trong thanh niên để làm nhiệm vụ bảo vệ các cuộc họp và tiêu trừ Việt gian phản động. Tháng 7 năm 1943, hai tên phản động gian ác tại Tam Lọng và Kim Mã là tổng đoàn Dương Văn Lũy và tên xã đoàn lên Cao Bằng báo cáo chánh mật thám Pháp. Khi về qua địa phận Hoa Thám đã bị đội tự vệ chiến đấu Tam Kim chặn đánh tiêu diệt tên Lũy, còn tên xã đoàn chạy thoát. Đây là chiến công đầu của tự vệ chiến đấu Tam Lọng và Kim Mã.

Tháng 11 năm 1943, Đảng bộ và đội tự vệ chiến đấu Tam Lọng và Kim Mã được đồng chí Võ Nguyên Giáp giao nhiệm vụ tổ chức một cuộc mít tinh lớn với khoảng 500 hội viên Cứu quốc và tự vệ chiến đấu của các vùng xung quanh nhân kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga tại rừng Pù Mồn. Đáp ứng yêu cầu trên, Đảng bộ và nhân dân Tam Lọng và Kim Mã đã lo làm các lán nghỉ, tổ chức bảo đảm việc ăn nghỉ, lương thực, thực phẩm, giữ bí mật cho các đại biểu tham dự từ các vùng như Ngân Sơn, Chợ Rã... Từ thành công trên, đến tháng 1 năm 1944, đồng chí Võ Nguyên Giáp lại giao tiếp cho Đảng bộ và tự vệ chiến đấu Tam Kim và Hoa Thám làm lán trại, chuẩn bị lương thực, thực phẩm cho 100 cán bộ bí mật họp

tổng kết công tác Nam tiến tại rừng Nà Sang (Tam Kim). Cuộc họp diễn ra 1 ngày 1 đêm và đã được bảo đảm an toàn tuyệt đối.

Cuối tháng 1 năm 1944, chi bộ Tam Kim và đội tự vệ chiến đấu ở đây lại được giao nhiệm vụ tổ chức một lớp học quân sự và chính trị (còn gọi là “Quân chính học hiệu”) do đồng chí Võ Nguyên Giáp và đồng chí Lê Thiết Hùng làm giảng viên. Lớp gồm có 80 học viên từ các địa phương về dự như: Minh Tâm, Hoa Thám, Hoà An, Ngân Sơn về dự. Mục đích lớp học là đào tạo cán bộ quân sự tăng cường cho tuyến đường Nam tiến. Nhiệm vụ khi tổ chức lớp rất nặng ngoài chuẩn bị lương thực, thực phẩm, còn phải bảo đảm trật tự an ninh. Những nhiệm vụ trên đều do các đoàn thể Cứu quốc, tự vệ chiến đấu Tam Lọng và Kim Mã đảm nhiệm và đã hoàn thành xuất sắc. Lớp học kết thúc tốt đẹp.

Sau khi lớp học bế giảng một thời gian, quân Pháp nghe tin đã điều quân lên khủng bố ở một số nơi như Minh Tâm, Tam Lọng, Kim Mã, Hoa Thám... Chúng tiến hành đồn nhà lẻ, bản nhỏ vào làng lớn, bắt ép nhân dân rào làng, tăng cường canh gác nhằm cách ly quần chúng với cán bộ cách mạng. Chúng cũng lập thêm nhiều đồn bốt ở quanh vùng như: Nà Bao, Bằng Đức, Phai Khắt, Vài Khao, Nà Ngần... Riêng Tam Lọng và Kim Mã, ngoài việc tịch thu ngôi nhà của đồng chí Nông Văn Lạc để đóng quân, chúng còn tổ chức bao vây, truy bắt những hội viên trung kiên.

Để đối phó với âm mưu của địch, cấp trên chỉ thị cho Tam Lọng và Kim Mã chuyển các cán bộ nòng cốt tại địa bàn này vào rừng hoạt động bí mật. Đến giữa năm 1944, tại Tam Lọng và Kim Mã đã có 26 người chuyển vào rừng hoạt động

bí mật. Bên cạnh đó, lãnh đạo hai xã này đã thành lập một đội vũ trang thoát ly để nắm và chỉ đạo quần chúng đấu tranh chống cuộc khủng bố trắng của địch. Đội gồm ba tổ hoạt động tại ba khu vực là: tổ Thế Dục, tổ Đức Chính và tổ Phan Thanh. Phối hợp với lực lượng này đấu tranh chống khủng bố còn có đội "Hộ lương diệt ác" của Liên tỉnh ủy, do đồng chí Hoàng Sâm chỉ huy.

Thực hiện chỉ thị của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng về chuẩn bị khởi nghĩa cục bộ, lãnh đạo Tam Lọng và Kim Mã với sự trợ giúp đặc lực của hơn 100 hội viên cứu quốc tích cực, đã chuẩn bị lương thực dự trữ gạo muối.

Tháng 9 năm 1944, ba đội vũ trang tập trung của Tam Kim, Hoa Thám, Chí Kiên đã được dự lớp tập huấn 20 ngày tại rừng Khuổi Cọ (cách đèo Cao - Bắc khoảng 6 ki-lô-mét) do các đồng chí Võ Nguyên Giáp và Hoàng Sâm làm giảng viên.

Khi lãnh tụ Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, đội vũ trang Tam Kim vinh dự được chọn hai chiến sĩ tham gia là đồng chí Tô Văn Cầm (Tiến Lực) và Nông Văn Kiếm (tức Liên).

Trước ngày thành lập Đội, theo lời dặn của lãnh tụ Hồ Chí Minh: "Hoạt động của Đội phải lấy chi bộ làm hạt nhân lãnh đạo", các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy đội đã tiến hành thành lập chi bộ Đảng của Đội. Lúc các đội viên chưa về tập trung, chi bộ chỉ gồm các đồng chí: Xích Thắng, Hoàng Sâm, Võ Nguyên Giáp và Hoàng Văn Thái, do đồng chí Xích Thắng làm Thư ký chi bộ<sup>1</sup>. Trong số các đội viên được triệu tập, hoặc

---

1. "Thư ký chi bộ" là sử dụng theo từ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong sách *Những chặng đường lịch sử*, Sđd. Đây là tên gọi của Bí thư chi bộ lúc đó.

được cử đến, có nhiều người đã là đảng viên. Khi tập trung tại rừng Trần Hưng Đạo, các đồng chí đảng viên này tiếp tục sinh hoạt tại chi bộ Đảng của Đội, nên số đảng viên trong chi bộ của Đội tăng lên. Một số các đội viên đã là đảng viên gồm: Mông Phúc Thọ, Hoàng Thịnh, Trương Đắc, Dương Đại Long, La Thanh, Thu Sơn. Do đó, chi bộ Đảng càng đông và mạnh hơn.

Trong những ngày chuẩn bị thành lập Đội, trên các ngã đường về khu rừng Trần Hưng Đạo, các đội tự vệ của các xã Tam Lộng, Kim Mã, Hoa Thám bí mật dẫn đường, bảo vệ cho các đội viên về nơi tập kết. Dưới sự chỉ đạo của các cán bộ địa phương như Nông Văn Lạc, Lý Đức Thương, các đoàn thể Cứu quốc đã đóng góp lương thực, rau, muối, giấy viết khẩu hiệu cho Đội. Công việc chuẩn bị được tiến hành rất khẩn trương. Các đội viên và cán bộ lần lượt từ các châu kéo về. Ba, bốn trạm đón tiếp được tổ chức ở những nơi giáp giới Cao Bằng - Bắc Kạn để đón tiếp, đưa đường cho các đội viên.

Ngay từ sáng ngày 22 tháng 12, tất cả các đồng chí được triệu tập đã tề tựu ở khu rừng Trần Hưng Đạo, tạm nghỉ ngơi trong ba cái lán do cơ sở cách mạng ở đây đã dựng sẵn. Các cán bộ được phân công theo từng tiểu tổ để phụ trách từng việc. Cả khu rừng tưng bừng hẳn lên. “Chỗ này năm bảy người chổng khuỷu trên những cái bàn bằng phen đan đặt trên bốn cái cọc giữa đám giấy loè loẹt đủ mọi màu của hàng mã và một ống mực đang cặm cùi viết lia lia những biểu ngữ, những khẩu hiệu. Trông các anh em, người rọc giấy, kẻ mài mực kẻ viết, ta có cảm tưởng ở vào một gia đình đang sửa soạn những câu đối mừng xuân”<sup>1</sup>. Gần chỗ viết biểu

---

1. Hoàng Văn Thái - *Đội tuyên truyền Việt Nam giải phóng quân...*, Sđd, tr.24-25.

ngũ, trên một khoảng đất tương đối bằng phẳng và khá rộng, dưới những gốc cây lim, dễ là nơi sẽ tiến hành làm lễ thành lập Đội. Một cột cờ “tự nhiên” vốn là một cây to, thẳng tắp, chặt bớt mấy cành lá cho bớt um tùm. Phía trước cột cờ, là một “kỳ đài”, gồm bốn cái cọc tre đóng xuống đất và những mảnh phen đan buộc lên trên thành cái bàn lớn. Kỳ đài này sẽ là nơi đồng chí Võ Nguyên Giáp đứng lên chủ trì buổi lễ thành lập. Những bà con hội viên ở dưới làng có nhiệm vụ đi lại nơi trú quân để giúp đỡ Đội, lần đầu thấy quân đội cách mạng tập trung đông đảo với súng ống như vậy, đều hết sức phấn khởi. Những người không có việc gì làm thì mang súng ra lau chùi, xếp dọn xung quanh hoặc làm những việc vặt.

Chiều 22 tháng 12, đồng chí Nông Văn Lạc - Chủ nhiệm Việt Minh liên huyện Nguyên Bình - Ngân Sơn, đi kiểm tra lại tất cả các con đường dẫn tới khu rừng Trần Hưng Đạo, xem xét kỹ tình hình các vùng lân cận, đồng thời bố trí thêm vài ba chốt canh gác ở những nơi địch hay đi tuần. Đại biểu về dự lễ thành lập ngồi trong các lán, trao đổi về tình hình cách mạng, tình hình các đoàn thể ở địa phương thời gian qua. Gần 17 giờ, một hồi còi vang lên, đồng chí Xích Thắng gọi mọi người ra dự lễ.

Trời về chiều, đang tiết giữa Đông, không khí nơi núi cao lạnh buốt. Trên một khoảng đất rộng giữa khu rừng đại ngàn với những cây cao thẳng tắp, các đội viên xếp thành một trung đội ba hàng nghiêm trang, hướng lên phía cột cờ chờ đội giờ khai mạc. Hai bên kỳ đài là đại biểu Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, Ban khu, Ban châu, các tổng, xã và bà con các dân tộc, cùng cán bộ các đoàn thể Cứu quốc.

17 giờ, lễ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân bắt đầu. Đồng chí Võ Nguyên Giáp bước lên kỳ

đài. Mở đầu là lễ chào cờ, sau tiếng hô, mấy chục cặp mắt nhìn theo lá cờ đỏ sao vàng năm cánh đang từ từ kéo lên. Ban tổ chức tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu<sup>1</sup>. Mỗi lần giới thiệu xong, tiếng vỗ tay lại vang lên. Đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Đoàn thể, đọc diễn từ tuyên bố thành lập Đội và nêu rõ nhiệm vụ của Đội đối với Tổ quốc:

*"Các đồng chí!*

*Ngày hôm nay, 22 tháng 12 năm 1944, theo mệnh lệnh của Đoàn thể, chúng ta tập trung ở chốn rừng xanh núi đỏ này, giữa tổng Trần Hưng Đạo và tổng Hoàng Hoa Thám trong Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng, để khai hội thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân.*

*... Giải phóng quân là một đội quân rất trọng kỷ luật, tuyệt đối phục tùng thượng lệnh, là một đội quân giàu tình thân đoàn kết, đồng cam cộng khổ. Kinh nghiệm của chúng ta còn non nhưng có làm mới có kinh nghiệm và làm tất nhiên sẽ có kinh nghiệm. Chúng ta tin ở thắng lợi...*

*Theo chỉ thị của Đoàn thể, dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, tôi xin tuyên bố Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân thành lập và hạ lệnh cho các đồng chí tiến lên trên con đường vũ trang tranh đấu..."<sup>2</sup>.*

Sau khi đọc xong, đồng chí cùng mọi người hô to các khẩu hiệu: "*Kiên quyết tiến lên trên đường chiến đấu*", "*Tinh thần Đội tuyên truyền Việt Nam giải phóng quân muôn năm*",

---

1. Dẫn theo Nông Văn Lạc - *Ánh sáng đây rồi* (hồi ký), Nxb Văn học, Hà Nội, 1994, tr.434.

2. Võ Nguyên Giáp - *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.134 và 135.



“Đoàn thể Việt Minh muôn năm”, “Việt Nam độc lập muôn năm”. Sau đó, đồng chí Võ Nguyên Giáp long trọng đọc Mười lời thề danh dự:

“Chúng tôi, đội viên Đội Giải phóng quân Việt Nam xin lấy danh dự một người chiến sĩ cứu quốc mà thề dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh:

*Xin thề: Hy sinh tất cả vì Tổ quốc Việt Nam, chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để chống xâm lược và bọn Việt gian phản quốc, để giải phóng cho toàn dân Việt Nam, làm cho nước Việt Nam trở thành một nước độc lập, dân chủ, tự do, ngang hàng với các nước dân chủ trên thế giới...*

*Xin thề: Khi tiếp xúc với dân chúng sẽ làm đúng ba điều nên: kính trọng dân, cứu giúp dân, bảo vệ dân và ba điều răn: không dọa nạt dân, không lấy của dân, không quý nhiều dân”<sup>1</sup>.*

Sau những lời thề, những cánh tay đồng loạt giương cao, cùng những tiếng hô “Xin thề” đồng thanh cất lên mạnh mẽ, vang động núi rừng. Đại diện Liên tỉnh ủy đọc lời chào mừng và tin tưởng Đội sẽ hoàn thành nhiệm vụ mà Đoàn thể giao phó. Đại diện các tổ chức thanh niên, phụ nữ, các đội vũ trang địa phương lên chúc mừng Đội bằng những lời cảm động và tin tưởng.

Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân có 34 đội viên, do đồng chí Hoàng Sâm làm Đội trưởng, đồng chí Xích Thắng (tức Dương Mạc Thạch) làm Chính trị viên, đồng chí Hoàng Văn Thái phụ trách kế hoạch - tình báo. Đội biên chế thành 3 tiểu đội.

---

1. Võ Nguyên Giáp - *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr. 134 và 135.

Nhân dân và các đoàn thể đem rất nhiều quà bánh đến chúc mừng, ụy lạo Đội. Dù vậy, theo yêu cầu của số đông anh em, chiều hôm đó cả Đội tổ chức một bữa cơm nhạt, không rau, không muối để nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ của người chiến sĩ cách mạng. Bát ăn cơm không có, cơm được bới ra lá cây để cho mọi người - cả các đội viên và đại biểu dùng. Dũa tự kiếm bằng que. “Bưng bát lá lên không được, nên ai nấy sau cùng đều dùng chiến thuật... bóc”. Dẫu vậy, ai nấy đều hiểu ý nghĩa thiêng liêng đồng cam cộng khổ nên bữa cơm rất vui vẻ và “thân mật không bút nào tả xiết”.

Sau bữa cơm không rau, không muối là đêm du kích dầm ám, cảm động diễn ra đến nửa đêm cạnh đồng lửa bập bùng cháy giữa rừng mùa Đông giá lạnh. Mỗi đội viên đứng lên giới thiệu bí danh, xuất thân, quê quán, con đường đến với cách mạng, từ đó vạch trần những tội ác mà đế quốc thực dân gây ra cho bản thân, gia đình và quê hương mình. Đêm du kích với những nội dung chính trị sâu sắc đã có tác động lớn đến tâm tư, tình cảm, ý chí căm thù giai cấp của từng đội viên - từng chiến sĩ giải phóng trong đội quân chủ lực đầu tiên của cách mạng. Cần lưu ý rằng, đây là lần đầu tiên hình thức công tác chính trị được vận dụng vào điều kiện cụ thể sau khi thành lập Đội. Việc làm này có tác dụng thiết thực, khơi gợi ý chí căm thù giai cấp và động viên tinh thần chiến đấu cho từng đội viên trước ngày ra quân đánh trận đầu ngay sau đó.

Các đội viên trong Đội đều tỏ rõ tinh thần quyết tâm vượt qua gian khổ, thử thách, thậm chí hy sinh cả xương máu để giết giặc, lập nhiều chiến công trả thù nhà, đền nợ nước. Ba mươi tư con người đều thống nhất nguyện vọng mong sao giết được nhiều giặc, lấy được nhiều súng “Tây”, mau chóng

phát triển Đội thành một đội quân hùng hậu để một ngày gần nhất giành được độc lập cho nước nhà và cấm cờ chiến thắng giữa Hà Nội. Đặc biệt, có đồng chí nêu mục tiêu từ nay đến Tết, Đội sẽ lập nhiều chiến công để ăn Tết cùng nhân dân địa phương.

Trong giờ phút thiêng liêng của buổi lễ thành lập Đội, tâm tư, cảm xúc của các đội viên thật khó tả. “Bao nhiêu chiến công oanh liệt của ông cha đời trước, của các chiến sĩ cách mạng, của nhân dân ta, phút chốc hiện ra rục rờ trong ký ức. Nợ nước, thù nhà, oán hờn dân tộc, căm thù giai cấp làm cho máu nóng trong người như sắp sôi lên. Chúng tôi quên đi chúng tôi là ba mươi tư con người với những súng ống thô sơ, mà thấy đây là cả một đoàn quân gang thép, rắn chắc, không sức mạnh nào khuất phục nổi, sẵn sàng quật nát kẻ thù. Tin tưởng, náo nức, cảm động”<sup>1</sup>.

Đêm 22 tháng 12 năm 1944 sẽ mãi không bao giờ phai mờ trong ký ức của những người chứng kiến buổi lễ trọng đại đó.

Sau ngày thành lập, toàn Đội hành quân về Roòng Bó, cách Phai Khắt hơn nửa ki-lô-mét để chuẩn bị ra quân trận đầu theo kế hoạch đã chuẩn bị trước đó. Máy ngày đầu, Đội trưởng và Chính trị viên phân công nhau tranh thủ nói chuyện với tất cả các thành viên trong Đội để tìm hiểu tâm tư, tình cảm, trình độ văn hoá, chính trị, quân sự, hoàn cảnh gia đình, sở trường, sở đoản của từng người. Trên cơ sở những hiểu biết đó mà phân công nhiệm vụ cho phù hợp cũng như vạch kế hoạch luyện tập quân sự và chính trị cho sát thực.

---

1. Võ Nguyên Giáp - *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr. 136.

Trước ngày thành lập Đội, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chỉ thị: "Trong vòng một tháng phải có hoạt động gây tin tưởng cho các chiến sĩ và gây truyền thống hành động tích cực, nhanh chóng cho bộ đội" và đặc biệt là "trận đầu ra quân phải đánh thắng". Do đó, từ tháng 11 năm 1944, Ban chỉ huy Đội vừa được hình thành, dưới sự chủ trì của đồng chí Võ Nguyên Giáp, đã bắt tay ngay vào nghiên cứu chuẩn bị cho trận đánh đầu tiên. "Hàng loạt vấn đề được đặt ra mà quan trọng nhất là: đánh vào đâu và đánh như thế nào để với một lực lượng nhỏ lại có thể giành được thắng lợi to lớn về chính trị và quân sự mà ta ít bị tổn thất về người và vũ khí"<sup>1</sup>.

Trận đánh đầu tiên đối với Đội cực kỳ quan trọng. Thắng lợi của nó có tác động rất lớn tới tinh thần của các đội viên và thúc đẩy phong trào cách mạng trong vùng. Còn nếu thất bại, ảnh hưởng tiêu cực của nó sẽ là khôn lường về mọi mặt. Đội vừa thành lập chưa lâu, công tác huấn luyện chiến đấu chưa được nhiều, mặt khác, vũ khí còn rất thô sơ, cả Đội chỉ có mấy chục khẩu súng cũ kỹ mà cơ số đạn lại rất ít. Ngoài yêu cầu về thời gian tác chiến phải trong vòng một tháng, trận đánh đầu tiên còn phải đảm bảo yêu cầu thu được càng nhiều vũ khí của địch càng tốt và hạn chế tổn thất. Do đó, Ban chỉ huy Đội đã bàn bạc rất kỹ lưỡng.

Về địa điểm tác chiến, yêu cầu là phải đánh ở đâu để đảm bảo chắc thắng, phát huy được thanh thế, không làm tổn hại cơ sở cách mạng khi địch quay lại khủng bố. Có ý kiến đề

---

1. Hoàng Văn Thái - Hai chiến công đầu của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân: trận Phai Khắt và trận Nà Ngần, Tạp chí Lịch sử quân sự, số tháng 12 năm 1988, tr.37.

ngộ không nên đánh vào những nơi có cơ sở của ta. Thế nhưng, đánh vào nơi ta không có cơ sở sẽ gặp khó khăn vì không nắm được tình hình địch một cách chắc chắn, thiếu sự giúp đỡ hỗ trợ của nhân dân trong quá trình chuẩn bị và chiến đấu, vì vậy yếu tố chắc thắng sẽ không được đảm bảo. Qua thăm dò một số cán bộ phụ trách cơ sở ở các địa phương, họ đều yêu cầu cứ đánh địch ở địa bàn mình, còn chuyện địch khùng bố thì sau khi đánh ta sẽ có kế hoạch thích hợp để đề phòng. Ban chỉ huy Đội nhận định trận đánh đầu tiên muốn giành thắng lợi chỉ có thể tập kích vào đồn địch ở địa phương có cơ sở nhân dân thật tốt, nhân dân sẽ giúp đỡ cho bộ đội chu đáo mọi mặt từ điều tra tình hình địch, bố trí lực lượng, đến quá trình chiến đấu và giải quyết trận địa sau đó.

Sau khi thống nhất về cách chọn mục tiêu, Ban chỉ huy Đội tiếp tục bàn cách đánh đồn địch. Yêu cầu của trận đánh này là phải giành cho được thắng lợi, không để bị tổn thất nặng nề về người và vũ khí. Súng trường là vũ khí chủ lực của Đội, song cơ số đạn trang bị cho mỗi khẩu cũng chỉ có trung bình khoảng 20 viên. Có người đề xuất chọn cách đánh phục kích là thích hợp, bởi đánh phục kích các đội quân lưu động của địch thì giành thắng lợi tương đối dễ mà bộ đội cũng đỡ tổn thất. Tuy nhiên, đánh phục kích như thế dù có thể thu được một số súng của địch, nhưng vấn đề quan trọng hơn là không giải quyết được vấn đề đạn, vì chỉ huy quân Pháp vốn không tin tưởng vào binh lính người Việt nên mỗi khi đi tuần chúng chỉ phát cho mỗi tên khoảng 5 đến 10 viên đạn. Bên cạnh đó, muốn đánh phục kích được cần phải có thời gian điều tra lâu dài, sau đó lại bị động chờ đợi địch, phải có thời cơ mới đánh được. Làm như vậy sẽ khó hoàn thành nhiệm vụ trong vòng một tháng như lãnh tụ Hồ Chí

Minh đã giao... Sau khi bàn bạc và cân nhắc kỹ các phương án, Ban chỉ huy Đội quyết định “trong mấy trận đầu phải tập kích vào đồn trại của địch để chiếm lấy đạn dược, mìn dấu đánh tập kích khó khăn hơn”<sup>1</sup>.

Từ đó, công tác điều tra nắm tình hình các đồn trại địch được giao cho các đồng chí phụ trách cơ sở ở một số nơi trong vùng. Một số đồn trong vùng Kim Mã, Cẩm Lý được nêu ra để điều tra như: Nà Bao, Nà Ngần, Phai Khắt. Các đồng chí Hồng Quân, Đức Long và Nông Văn Lạc được phái đi để liên lạc với cơ sở, tìm hiểu bố trí lực lượng và quy luật hoạt động của địch ở những đồn này. Sau khi nắm chắc tình hình địch, các đồng chí về báo cáo lại với Ban chỉ huy Đội. Đồng chí Võ Nguyên Giáp phân tích: “Đồn Nà Bao chúng đóng trên đồi tương đối xa dân. Nếu đánh ở đấy, nó khùng bố chắc cũng có nhưng ít hơn. Nhưng ở đấy thì khó nắm tình hình địch. Còn đồn Nà Ngần chúng nó đóng trong nhà dân, cơ sở quần chúng tốt. Ta biết được tình hình địch ra vào, nhưng lực lượng địch ở đây mạnh về quân số, về trang bị. Đồn Phai Khắt nhiều thuận lợi hơn cả. Cơ sở quần chúng ta vững, tình hình địch ta biết rõ, tiến thoái cũng dễ”<sup>2</sup>.

Thế nhưng, đồn Phai Khắt vốn là nhà của đồng chí Nông Văn Lạc - nơi trước đây một số cán bộ ta đã từng ở để hoạt động, nếu đánh vào đây, khi địch khùng bố, có người không giữ được, khai ra thì rất có thể chúng sẽ tàn sát cả gia đình đồng chí Lạc. Do đó, Ban chỉ huy đã hỏi ý kiến đồng chí Nông Văn Lạc về vấn đề này. Vốn là người giác ngộ cách mạng từ

---

1. Võ Nguyên Giáp - *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.129.

2. Nông Văn Lạc - *Ánh sáng đây rồi* (hồi ký), Sđd, tr.286.

sớm và đã nhiều năm gắn bó với phong trào, đồng chí Nông Văn Lạc quả quyết: Đây là nhiệm vụ của cách mạng giao, nên dù có tổn thất cả gia đình mà thu được thắng lợi cho cách mạng thì cũng quyết tâm thực hiện.

Sau khi cân nhắc, để đảm bảo chắc chắn giành thắng lợi, không bị tổn thất, vừa thu được vũ khí đạn dược, Ban chỉ huy quyết định chọn đồn Phai Khắt đánh trận đầu và kế đó đánh đồn Nà Ngần. Trong hai trận này, Đội đều cải trang làm lính đồng để đột nhập đồn địch.

Để có thêm thông tin từ thực địa, đồng chí Võ Nguyên Giáp và Ban chỉ huy Đội, được liên lạc viên dẫn đường, đã lên đỉnh Slam Cao trực tiếp quan sát đồn Phai Khắt.

Phai Khắt là một bản nhỏ thuộc xã Tam Lọng, tổng Kim Mã, châu Nguyên Bình (nay thuộc xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình - Cao Bằng). Bản này nằm cạnh một con suối to - nhân dân địa phương thường gọi là sông Nhiên, phía trước là cánh đồng rộng, sau lưng là đồi cây lúp xúp. Trong bản chỉ có khoảng mười nóc nhà. Từ đây có ba con đường đi các ngã, về phía Nam đi Ngần Sơn, về phía Đông Bắc đi Nà Ngần và một con đường độc đạo ra châu lỵ Nguyên Bình.

Đây là một bản Việt Minh "hoàn toàn", nhân dân đều tham gia các hội Cứu quốc. Thời kỳ này, để kiềm chế phong trào cách mạng do Việt Minh lãnh đạo đang ngày một dâng cao, quân Pháp rải quân đóng các nơi. Khi kéo quân về Tam Lọng, lúc đầu chúng định đóng đồn ở Pác Cáp, nhưng vì không có nhà ở nên chúng kéo xuống làng và chiếm nhà của đồng chí Nông Văn Lạc - một ngôi nhà có tường xây gạch to nhất làng để đóng quân. Xung quanh đồn, địch rào một hàng rào bằng cây vầu cao hai mét, chỉ để hai cửa ra vào, một ở

sau nhà, một vào thẳng đồn, có đặt vọng gác. Vòng ngoài bản, chúng bắt nhân dân thay phiên nhau canh gác, còn vòng trong do lính của đồn trực tiếp canh gác. Từ ngày về Phai Khắt, địch ra sức khủng bố, lừa bịp nhân dân nhưng không ai bị lung lạc hay bị lôi kéo. Cơ sở cách mạng ở đây vẫn vận động được nhân dân tiếp tế lương thực và báo tin cho cán bộ hoạt động bí mật. Đồn Phai Khắt nằm ở giữa bản, xung quanh là những gia đình cơ sở cách mạng.

Sau khi đi trinh sát kỹ cả hai đồn Phai Khắt và Nà Ngần, các đồng chí Hồng Quân và Đức Long vẽ lại sơ đồ, rồi phái một số người khác đến đối chiếu lại. Để có thêm thông tin, Đội củ bé Hồng (tức Nông Văn Xương) mới 12 tuổi, là người làng, hàng ngày vẫn mang trứng gà và rượu vào cho tên quan Tây trong đồn, lợi dụng trò chuyện, xem kỹ các vị trí kho đạn, nơi để súng, lương thực, nơi ăn ngủ, canh gác, giờ giấc sinh hoạt của tên quan Tây và lính. Sau khi nắm kỹ quy luật hoạt động và bố trí của địch ở trong đồn, bé Hồng đã báo cáo tởm cho chỉ huy Đội. Trước lúc ta đánh đồn, quân số địch có 21 tên lính đồng người Nùng và người Mán, do tên cai người Pháp là Simônô làm đồn trưởng. Bọn chúng đã gây nhiều tội ác với nhân dân quanh vùng.

Sau khi bàn bạc, kế hoạch đánh đồn được chỉ huy Đội thông qua. Để dễ dàng đột nhập đồn, quân ta cải trang thành một toán lính đồng ở châu đi tuần về, khi lọt vào đồn sẽ chiếm kho súng, buộc địch đầu hàng, tên nào ngoan cố chống lại sẽ tiêu diệt. Tiểu đội trưởng Thu Sơn cải trang giả làm đội sếp; đồng chí Luận, người nhỏ nhắn, nhanh nhẹn, mang đôi gà và chai rượu đi trước. Thời gian hành động được ấn định vào 5 giờ chiều, lúc đó trời còn sáng nên việc ta cải trang lính



dông đi tuần sẽ làm cho địch ít nghi ngờ. Mặt khác, khi đánh xong đồn, trời đã tối, nếu bọn Việt gian có báo lên châu lý Nguyễn Bình thì cũng phải tới sáng hôm sau chúng mới điều lính đến kịp, nên trong đêm hôm đó ta có thể thu dọn chiến trường, chuẩn bị cách đối phó cho đồng bào và kịp rút lui an toàn.

Đồng chí Võ Nguyên Giáp giao nhiệm vụ cho đồng chí Nông Văn Lạc phối hợp với cán bộ và tự vệ địa phương làm công tác chuẩn bị cho trận đánh, chuẩn bị thu dọn và đối phó với địch sau trận đánh; bố trí người tiếp tế cơm nước, đặt các trạm canh gác báo tin những diễn biến mới nhất cho Ban chỉ huy Đội. Sau chiến thắng phải tập hợp nhân dân giải thích ý nghĩa chiến thắng và khi địch trở lại khủng bố, các gia đình cần khai báo thật giống nhau. Đồng chí Lạc bố trí lực lượng vũ trang và báo cho những thanh niên địa phương khi cần có thể tham gia đánh và đã đánh là thắng. Thóc gạo giấu ở nhiều chỗ, giao thông liên lạc giữa các địa phương vẫn phải được duy trì đảm bảo thông suốt bất cứ lúc nào.

Ban chỉ huy Đội chỉ thị cho các cán bộ trung kiên ở dưới bản tìm gặp các hội viên đã từng, hay đang là lính đông, mượn mấy chục bộ quần áo, một số khác tìm thêm mấy bộ ka ki của cai đội Tây để giúp bộ đội cải trang. Cùng với quần áo, các cơ sở còn mượn thêm một số nón linh: có bọc vải chàm, viên trắng và điểm một miếng tròn trắng trên chóp.

Để thuận tiện cho việc đột nhập đồn địch, đồng chí Võ Nguyên Giáp, khi đi công tác qua cơ quan in báo *Việt Nam độc lập* (đóng ở Lam Sơn, Hòa An), đã mượn máy chữ, đánh máy tờ “*Giấy đi tuần*” giả. Các đồng chí ở đây còn dùng củ khoai để trở một con dấu rất khéo, đóng đỏ chót

bên cạnh chữ ký *Giấy đi tuần*. Thời kỳ này, những giấy tờ đánh máy như thế rất có giá trị.

Chiều ngày 24 tháng 12, toàn đội xuất phát đi đánh Phai Khắt. Suốt ngày 25 tháng 12, toàn Đội đóng trên một quả núi nhỏ phía sau bản Phai Khắt. Một số đội viên Giải phóng quân đóng giả thường dân, đứng trông chừng ở các ngã đường. Trung đội vũ trang của xã Thế Dục được phân công phục kích con đường từ châu lỵ Nguyên Bình vào Phai Khắt. Trung đội của xã Hoa Thám đảm nhận nhiệm vụ canh gác ngã đường từ Ben-le, Nà Ngân vào. Đội vũ trang xã Đức Chính đi chuẩn bị các thứ cho trận đánh. Phụ nữ địa phương làm nhiệm vụ tiếp tế và cứu thương. Tự vệ bố trí thành một mạng lưới xung quanh vị trí trú quân của Đội để đề phòng những trường hợp bất trắc xảy ra, nếu địch đưa quân lên núi sẽ báo cho Đội biết để rút lui, hay dân thường đi lên núi thì hướng họ đi sang ngã khác. Sáng 25 tháng 12, bé Hồng đến báo tên đồn trưởng Simônô đã đi lên châu lỵ Nguyên Bình.

Chiều ngày 25 tháng 12 năm 1944, cán bộ, đảng viên chia nhau đi gặp các chiến sĩ, dặn dò tử mỹ, chu đáo và động viên mọi người quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trong trận đầu ra quân của Đội. Sau đó, theo kế hoạch đã định, từ nơi đóng quân, toàn Đội bắt đầu xuất phát. Trước khi xuống cánh đồng, Đội dừng lại cải trang thành lính đồng. Tham gia trận đánh này, Đội không đủ 34 người vì một số đi công tác chưa kịp về, ngoài ra còn có khoảng 50 người gồm lực lượng du kích và cán bộ Việt Minh ở địa phương làm nhiệm vụ canh gác các ngã đường.

17 giờ ngày 25 tháng 12, trừ một số được phân công canh gác cùng với du kích, toàn Đội chia làm hai tiểu đội tiến vào

bản. Trước khi vào, đồng chí Thắng - hội viên Cứu quốc người địa phương sống hợp pháp, quen với bọn lính, đi vào đồn kiểm tra lại tình hình. Đồng chí Thu Sơn mặc bộ ka ki, đóng giả đội sếp, cầm khẩu tiểu liên Mỹ đi đầu cùng hai đồng chí Bé Văn Sắt và Thịnh Nguyên đóng giả làm lính khố xanh. Trên đường vào, đồng chí Võ Nguyên Giáp nói với đồng chí Thu Sơn - phụ trách mũi xung kích: "Cậu đã từng tay không đánh bại bọn tướng tá Tưởng, thì nay với bọn này cậu sẽ làm gọn, cứ theo đúng kế hoạch mà làm". Đồng chí Thu Sơn trả lời: "Cốt làm sao tôi lọt được vào đồn là chắc thắng, còn nếu phải nổ súng thì các đồng chí tiến công luôn".

Cả "toán lính đồng" đầu đội nón bọc vải, mình mặc quần áo chàm, chân quấn xà cạp, do viên đội sếp dẫn đầu, tiến vào bản. Đến cổng gác cửa đồn, đồng chí Thu Sơn hỏi tên lính gác, giọng hách dịch: "Chúng tao đang đi tuần, quan đồn có nhà không?". Tên lính tỏ vẻ sợ sệt báo cáo quan Tây không có nhà. Đồng chí Thu Sơn đe: "Quan Tây đi vắng, chúng mày phải canh gác cẩn thận!". Nói rồi đồng chí chìa tờ giấy có đóng dấu đỏ cho tên lính gác, nhưng y chưa kịp xem đã bị gạt sang một bên. Đồng chí Thu Sơn dang hoàng tiến vào đồn, tiểu đội 1 theo sau nhanh chóng tiếp cận nơi để súng. Tiểu đội 2 cũng lập tức tiến vào trong đồn và triển khai bao vây nhà bọn lính ở. Lúc đó, lính địch đưa đang ăn cơm trong nhà, đưa thu dọn quần áo, đưa thì quét dọn, sửa hàng rào. Đồng chí Thu Sơn hô lớn: *Rassemblement* (Rát-xăng-bờ-lơ-manh: tập hợp). Đây là khẩu hiệu ra lệnh cho binh lính tập hợp để đón quan châu đi tuần. 16 tên lính và tên cai tập hợp giữa sân<sup>1</sup>. Cả Đội súng lăm lăm chia vào bọn lính địch. Đồng

---

1. Nhân lúc quan đồn đi vắng, bốn tên lính người địa phương bỏ về thăm nhà.

chí Thu Sơn hô lớn: "Chúng tôi là quân cách mạng, anh em đầu hàng sẽ không giết ai hết, giơ tay lên!". Bị bất ngờ, không kịp trở tay, toàn bộ lính địch buộc phải đầu hàng.

Giữa lúc đó, người của tổ canh gác cách đồn 3 ki-lô-mét, trên đường đi Nguyên Bình, phóng ngựa tới báo tin tên đồn trưởng Simônô đang đi ngựa trở về, theo sau hắn có mấy tên lính không mang súng. Theo kế hoạch, đồng chí Võ Nguyên Giáp và Ban chỉ huy Đội quyết định bắt tên đồn trưởng. Lập tức, một bộ phận nhận lệnh đưa những tên lính bị bắt ra phía sau đồn, buộc chúng phải ngồi im. Tổ canh giới được lệnh ẩn nấp. Số anh em còn lại nhanh chóng thu dọn vũ khí đạn dược, chiến lợi phẩm rồi vào nơi ẩn nấp kín đáo. Một tổ mai phục ngay dưới mái hiên chuồng ngựa vì tên đồn trưởng đi ngựa về ắt phải đến buộc ngựa ở tàu, đợi khi hắn vào tận nơi sẽ chĩa súng buộc hắn đầu hàng, nếu chống cự sẽ tiêu diệt. Các tổ bố trí ở ngoài được lệnh: nếu tên đồn trưởng nhận ra và bỏ chạy thì sẽ nổ súng. Nằm nấp cùng các đồng chí Hoàng Sâm, Thu Sơn, Võ Văn Luận ở dưới mái hiên, đồng chí Võ Nguyên Giáp nói nhỏ: "Khi nó vào tôi sẽ hô "Giơ tay lên". Nếu nó giơ tay các đồng chí lập tức xông ra bắt sống. Có lệnh mới được nổ súng". Một lát sau, tên đồn trưởng cưỡi con ngựa hồng đi thẳng vào đồn. Y vừa vào tới nơi, bắt đầu xuống ngựa, bỗng có tiếng hét: "Giơ tay lên". Chưa kịp phản ứng gì, y đã bị đồng chí Võ Văn Luận nổ súng tiêu diệt. Sau đó, đồng chí Lương Văn Ích cũng nổ súng bắn chết con ngựa. Các đồng chí này do quá căm thù, không kìm được, nên đã nổ súng ngay.

Trận đánh kết thúc, nhân dân trong bản nghe tiếng súng, chạy ra vừa ngạc nhiên vừa vui sướng khi thấy thành Tây gian ác từng giết bao nhiêu người, đốt phá bao nhiêu nhà bị

trùng trị địch đáng. Mọi người reo lên phấn khởi, ai cũng hả lòng hả dạ bởi quân địch đã phải đền tội, bởi Giải phóng quân đã chiến thắng. Từ khi vào đồn đến khi thắng lợi, trận chiến đấu diễn ra trong 30 phút. Kết quả, ta thu được 17 khẩu súng, một ít đạn, diệt tên đồn trưởng, bắt 17 tên. Những vũ khí thu được được trang bị ngay cho Đội. Người giữ súng kíp được đổi lấy súng trường, còn súng kíp giao lại cho du kích địa phương. Số súng này đủ trang bị cho nửa trung đội. Đạn được là thứ ta rất cần, nhưng trong các đồn lính đồng như đồn Phai Khắt này, địch chỉ trang bị cho mỗi khẩu từ 40 đến 50 viên, nên ta thu được rất ít. Toàn Đội thu dọn chiến trường, không để lại một thứ gì mà địch có thể dùng được. Lợn, gà, chăn màn, bát đĩa..., Đội đem phân phát hết cho dân, xoá sạch dấu vết trên sân. Mặt khác, Đội cho người khiêng xác viên đội Tây ra chôn ở bãi cát gần sông Hoàng Bè, còn con ngựa thì lôi ra đẩy trôi theo dòng nước chôn xuống bùn sâu ở gò Hoàng Vả. Ban chỉ huy Đội giao nhiệm vụ cho đồng chí Nông Văn Lạc ở lại cùng cán bộ cơ sở và nhân dân Phai Khắt chuẩn bị đối phó với địch theo kế hoạch đã định. Trước khi rút, ta để lại trước cửa đồn một mảnh giấy viết bằng tiếng Pháp: "Chúng tôi đã cùng Việt Minh đi đánh Nhật rồi".

Đội cử một số đồng chí đi theo đường ra phía Nguyên Bình, tới một địa điểm khá xa rồi mới quay trở lại bám theo đội hình chính của Đội để đánh lạc hướng sự theo dõi của địch. Khi toàn Đội xuống đến cánh đồng Kim Mã cũng là lúc trời vừa chập tối. Trên đường hành quân, đồng chí quản lý của Đội đã vận động cơ sở cách mạng nấu cơm nước phục vụ anh em. Tự vệ địa phương đã tổ chức một mạng lưới trạm

gác, ngăn chặn những người không có nhiệm vụ đi vào con đường này để giữ tuyệt đối bí mật đường rút của Đội.

Theo kế hoạch, nửa đêm hôm đó (ngày 25 tháng 12), toàn Đội đã hành quân tới xã Cẩm Lý (cách Phai Khắt 15 ki-lô-mét), đóng quân trên một ngọn đồi. Cả Đội thay quần áo, cải trang bằng những bộ quần áo lính đồng, lính tập mới thu được ở Phai Khắt. Tại đây, Đội tiến hành chấn chỉnh đội ngũ, kiểm điểm rút kinh nghiệm trận đánh vừa qua, biểu dương các đồng chí đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Sau đó, Ban chỉ huy Đội phổ biến lại kế hoạch tác chiến trận đánh Nà Ngần vào ngày hôm sau, đồng thời nghe các đồng chí cơ sở ở Nà Ngần báo cáo thêm những tin tức mới nhất về tình hình ở đó. Theo sự phân công của chỉ huy Đội, trừ tổ cảnh giới thay nhau canh gác, còn lại tất cả được lệnh đi ngủ. Tới 3 giờ sáng ngày 26 tháng 12, cả Đội thức dậy tiếp tục hành quân về hướng Nà Ngần.

Đồn Nà Ngần thuộc xã Cẩm Lý, nay là xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, nằm trên một đồi cao, địa thế hiểm trở, từ ngoài vào phải qua mấy thung lũng. Địch chọn nhà của tên phó lý Pảo - một ngôi nhà sàn ba gian kiên cố nhất trong bản, có hàng rào kín mấy lớp vây xung quanh, biến thành một đồn lính. Muốn lên được đồn phải đi men theo sườn một quả đồi, sau đó vượt qua một con suối rồi lại từ bờ suối bên kia đi ngược lên đỉnh đồi mới tới. Qua điều tra được biết, đồn này có 22 lính khố đỏ, do 2 sĩ quan người Pháp chỉ huy. Hôm đó, 2 tên chỉ huy này đều lên tỉnh, giao quyền lại cho tên đội Đường, nổi tiếng phản động, chỉ huy.

Lực lượng đánh đồn Nà Ngần là toàn bộ đội viên đã tham gia đánh trận Phai Khắt, được tăng cường thêm một số ít súng đạn. Vì địa thế đồn Nà Ngần hiểm trở nên ta không

dùng cách đánh cường tập mà dùng mưu kế. Để dễ dàng lọt được vào đồn địch, Ban chỉ huy Đội thống nhất kế hoạch: cải trang giả làm một toán lính đông, lính khố đỏ đang dẫn giải ba “Cộng sản Mán” bị bắt đến giao nộp cho quan đồn. Đồng chí Thu Sơn vẫn đóng vai đội sếp, chỉ huy tổ đi đầu. Đồng chí Bé Văn Sắt đóng vai xā đoàn, đội mũ hai vành trắng. Các đồng chí Bé Kim Anh, Thịnh Nguyên, Đàm Quốc Chung đóng giả lính khố đỏ. Đồng chí Toàn (người Mán, có bí danh là Phạm Ngũ Lão), đồng chí Nông Văn Bê và một đội viên khác đóng vai ba “Cộng sản Mán” bị trói bằng dây thừng ở khuỷu tay. Đến cách Nà Ngần 500 mét, trời còn chưa sáng rõ nên Ban chỉ huy cử người đi trước theo dõi tình hình địch, số còn lại dừng lại chờ trời sáng hẳn. Lúc này, toàn Đội đã cải trang từ chiều hôm trước bằng những bộ quần áo lính đông, lính tập.

Khoảng 7 giờ sáng, đội sương tan, trời sáng rõ, cả “đội lính tập” do “sếp đội” Thu Sơn dẫn đầu tiến vào trong đồn. Lá cờ “tam tài” lấy được ở đồn Phai Khắt được người đi đầu hàng quân giơ cao. Khi tới quả đồi trước đồn, mọi người vừa đi vừa nói chuyện âm ĩ để lính địch không nghi ngờ. Đồng chí Thu Sơn cùng tổ xung phong dẫn theo “ba cộng sản” bị trói. Khi đến cổng đồn, tên cai và 6 lính xếp hàng hô nghiêm rồi bỗng súng đứng chào. Đồng chí Thu Sơn chìa giấy cho chúng xem; cùng lúc đồng chí Trương Đắc đi sau rút thuốc lá mời và châm lửa cho bọn gác. Bốn năm tên lính trong đồn chạy ra thấy bắt được cộng sản lại có cả thuốc hút, gánh gạo, con gà và chai rượu đem nộp nên mừng tíu tít. Một tên hỏi: “Lại bắt được cộng sản người Mán à?”. Tiểu đội trưởng Thu Sơn và đồng chí Mậu tiến thẳng vào trong đồn. Đồng chí Trương Đắc

và một đồng chí khác đứng lại trước công nói chuyện với mấy tên lính gác. Cả Đội tiến vào đồn. Đột nhập xong, cả Đội lên nhà sàn, khi đó lính địch số thì dọn chăn màn, số thì ngồi sưởi, số đi rửa mặt. Súng của chúng vẫn gác tại giá, chỉ riêng tên đội Đường là ngồi ở bàn làm việc. Theo kế hoạch đã vạch, bốn chiến sĩ tiến tới gian giữa án ngữ giá để súng. Đồng chí Thu Sơn và Bé Văn Sắt nói chuyện với tên Đường. Đang nói chuyện, Thu Sơn phát hiện thấy một tên lính mắt lám lám la lám lét nhìn và có ý định nói gì đó với tên đội Đường. Thì ra tên này trước đây học cùng trường tiểu học với đồng chí Thu Sơn, cả hai người đều nhận ra nhau. Trước tình thế đó, đồng chí Thu Sơn lập tức hành động. Anh chìa khẩu tiểu liên vào bọn địch và hô to: "Chúng tôi là quân cách mạng đến lấy súng Tây, tất cả giơ tay lên, không sẽ bị bắn". Nghe tiếng hô ở trong đồn, đồng chí Đắc ở ngoài giật khẩu súng trường của tên gác, chìa lên chòi buộc tên đang gác trên đó thả súng xuống. Bọn lính trong đồn rất hoảng hốt. Phó lý Pảo và mấy tên lính nhảy qua sàn hòng chạy trốn. Bất ngờ, tên đội Đường gạt khẩu súng của đồng chí Thu Sơn, xông vào định quật ngã đồng chí. Thấy vậy, đồng chí Nông Văn Bê nhào đến vật nhau với đội Đường. Đồng chí Thịnh Nguyên loay hoay tìm cách bắn và khi bắn chết được đội Đường thì cũng đồng thời làm đồng chí Bê bị thương ở ngón tay (do đồng chí Bê trong lúc vật nhau, nằm đè lên trên đội Đường, vòng tay xuống lưng hắn. Vì vậy, khi đồng chí Thịnh Nguyên nổ súng, viên đạn đã xuyên cả vào ngón tay đồng chí Bê). Bốn tên địch liều chết chống cự đều bị tiêu diệt. Tiểu đội 2 chặn các cửa đồn rồi chia thành từng tổ bao vây bắt tù binh. Tiểu đội 3



vừa bắn chỉ thiên vừa gọi địch đầu hàng. Bọn địch trong đồn phần lớn giơ tay đầu hàng, dứa quỳ, dứa đứng. Giữa đồn, đồng chí Hoàng Văn Thái phất cao lá cờ đỏ sao vàng. Toàn bộ quân địch còn lại buộc phải đầu hàng.

Trận đánh diễn ra trong vòng 15 phút. Ta tiêu diệt 5 tên, bắt 17 tên, kể cả phó lý Pảo và bọn lính tháo chạy, thu 27 súng, khá nhiều đạn và một thanh kiếm<sup>1</sup>. Phía ta, đồng chí Nông Văn Bê bị thương nhẹ ở ngón tay. Toàn Đội nhanh chóng thu gom súng đạn, tài liệu và phát truyền đơn biểu ngữ cho nhân dân. Tốp tù binh được tập hợp ở giữa sân. Hai nữ đồng chí Cẩm và Thanh giải thích bằng tiếng Tây cho họ hiểu chủ trương chính sách đánh Pháp, Nhật, cứu nước của Việt Minh, kêu gọi họ quay súng đánh Pháp, Nhật. Tù binh rất ngạc nhiên khi thấy các nữ chiến sĩ của ta vai mang súng, lưng đeo đạn, nói năng lưu loát, phân tích cho họ cận kề về tình hình trong nước, nghĩa vụ cứu nước của mỗi người dân Việt Nam. Một số xin đi theo cách mạng còn đa phần tù binh xin được trở về quê, được ta trả lại tư trang. Một số hội viên Cứu quốc địa phương và gia đình một số đội viên đã ủng hộ Đội tiên để cấp lộ phí đi đường cho họ. Tù binh địch rất cảm kích về sự khoan hồng và thái độ đối xử tốt của bộ đội cách mạng.

Ban chỉ huy Đội nói chuyện với đồng bào tới mừng chiến thắng, rải truyền đơn tuyên truyền về chính sách Việt Minh, về bộ đội cách mạng; đồng thời căn dặn đồng bào khi địch tới khủng bố thì thống nhất nói là "Quân cách mạng đến, binh lính trong đồn đã giao súng cho họ và kéo đi đâu không rõ".

---

1. Hoàng Văn Thái - Hai chiến công đầu..., Tài liệu đã dẫn, tr.39.

Sau đó, toàn Đội rút khỏi đồn Nà Ngần, mỗi người mang hai, ba khẩu súng và khá nhiều đạn chiến lợi phẩm.

Cả Đội vừa hành quân vừa hát bài “*Tiếng suối reo*”. Nhân dân Nà Ngần và số binh lính vừa được phóng thích tiễn đưa Đội, vẫy tay chào mãi cho đến khi đoàn quân đi khuất núi. Đội tiến về phía Nam, nhưng khi vừa đi khuất tầm nhìn thì đổi hướng ngược lên phía Bắc, để nghi binh đánh lạc hướng, vừa đi vừa xoá hết các dấu vết. Các đồng chí cơ sở địa phương, được báo trước, đứng bên đường tiếp tế cho mỗi đội viên một nắm cơm và một phần thức ăn. Đồng chí quản lý của Đội đã chuẩn bị thêm cho mọi người nước nóng để uống.

Cả ngày 26 tháng 12, anh em chỉ ăn một bữa cơm, nhưng khí thế chiến thắng đã làm mọi người quên đi cái đói, cái mệt. Đồng chí Bàn Tài Đoàn (bí danh là Đoàn Kết) - cán bộ địa phương, nhà thơ dân tộc Dao, quê ở xã Hoa Thám, đi theo Đội, đã tổng kết thành một câu rất đối tự hào: “Quân cách mạng chúng tôi ăn thì mỗi ngày một bữa, đánh thì mỗi ngày hai trận”.

Hai trận đánh Phai Khắt, Nà Ngần tuy quy mô không lớn nhưng có ý nghĩa rất to lớn. Đây là hai trận đánh có tổ chức, có kế hoạch, có công tác tham mưu, có công tác chính trị, công tác hậu cần. Hai trận đánh tiêu diệt nhanh gọn, diễn ra cách nhau mười mấy giờ, ở hai địa điểm cách nhau khoảng 15 ki-lô-mét.

Đây là hai trận đầu ra quân của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân - đội quân chủ lực của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam dưới sự tổ chức, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đây cũng là trận đánh ra mắt của Đội. Nó chứng tỏ nhận định sáng suốt của Đảng: Cách mạng

lúc này đã từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự. Những thắng lợi này báo hiệu cho toàn dân tiến lên trên con đường vũ trang tranh đấu để chuẩn bị cho thời kỳ đứng lên giành lấy chính quyền, giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc. Với nhân dân Việt Bắc, sau những ngày tháng bị thực dân Pháp khủng bố, đàn áp, chiến thắng Phai Khắt và Nà Ngần "như ngọn roi lửa của nhân dân Cao - Bắc - Lạng quật vào mặt quân thù sau một năm bị khủng bố trắng đẫm máu, trận đánh chứng tỏ sức sống kiên cường, bất khuất của cách mạng Việt Nam... báo trước một tương lai thảm họa cho bọn thực dân xâm lược"<sup>1</sup>.

Đối với Đội, thắng lợi của hai trận đánh đã tạo niềm tin tất thắng cho các chiến sĩ giải phóng, đặc biệt để lại cho toàn Đội những bài học kinh nghiệm quý báu đầu tiên cả về chính trị và quân sự. Mặt khác, số vũ khí thu được sau hai trận đánh đã giúp Đội phát triển nhanh chóng cả về lực lượng lẫn trang bị. Hai thắng lợi đó đã mở đầu cho truyền thống đánh tiêu diệt, đánh thắng trận đầu, đánh liên tục và "nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng" của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Sự xuất hiện bất ngờ của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, với hai chiến thắng vang dội Phai Khắt, Nà Ngần, đã tác động mạnh mẽ, gây hoang mang, lo sợ trong hàng ngũ quân địch, đồng thời cổ vũ tinh thần cách mạng của quần chúng, gấp rút chuẩn bị mọi mặt để đón thời cơ

---

1 . Hồng Kỳ - *Vài suy nghĩ về chiến thắng Phai Khắt, Nà Ngần*, trong sách *Việt Nam Giải phóng quân - Nhớ lại bước khởi đầu*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr. 232.

vùng dẫy đạp đổ xiềng xích của thực dân, phong kiến, giành chính quyền cách mạng về tay nhân dân.

Còn đối với lịch sử Quân đội ta, “hai chiến thắng Phai Khắt, Nà Ngần đã biểu hiện tinh thần “Quyết chiến, quyết thắng”, trí thông minh, sáng tạo của chỉ huy, lòng yêu nước và dũng khí chiến đấu của toàn thể đội viên Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Tính nhân dân của một đội quân cách mạng biểu hiện trong khi thu dọn chiến trường, đặt kế hoạch chống địch khủng bố, bảo vệ dân”<sup>1</sup>.

Thắng lợi của hai trận đầu còn là sự thể hiện việc quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh là phải luôn dựa vào dân, phải có sự phối hợp tốt giữa bộ đội chủ lực và các đội vũ trang, các đội tự vệ địa phương. Trong hai trận Phai Khắt và Nà Ngần, nhân dân và các đội du kích địa phương đã phối hợp chặt chẽ với Đội, góp phần quan trọng vào thắng lợi của các trận đánh. Cán bộ cơ sở và quần chúng cách mạng địa phương đã giúp Đội nắm tình hình địch trong đồn, tìm quân áo lính đồng để cải trang đột nhập đồn địch. Họ còn đảm nhận việc tiếp tế, canh gác vòng ngoài, cảnh giới, giữ bí mật cho trận đánh. Và sau khi trận đánh thắng lợi, nhân dân lại giúp Đội thu dọn chiến trường, xoa dấu vết, giữ bí mật những hoạt động của Đội, giải quyết tù binh. Đội cũng đã phối hợp tốt với cán bộ địa phương, thống nhất trong việc đối phó với địch khi chúng quay lại... Những hoạt động trên đây, dù mới

---

1. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.290.

chỉ là bước đầu, đã là “mầm móng của cái mà ngay từ hồi đó đã được gọi là *quần chúng chiến tranh*”<sup>1</sup>.

Về chính trị, “hai chiến thắng đã góp phần thực hiện được phương châm lấy chiến thắng để tuyên truyền vũ trang. Lấy tuyên truyền vũ trang để giành chiến thắng mới” như lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chỉ thị<sup>2</sup>. Các đồng chí trong ban lãnh đạo và chỉ huy đội đã đưa ra bàn bạc, thảo luận mục tiêu của những trận đánh đầu tiên, trong đó nêu các yêu cầu quan trọng là chắc thắng về quân sự nhưng vẫn đảm bảo không bất lợi về chính trị, không để cơ sở chính trị, cơ sở quần chúng bị địch khủng bố. Đặc biệt, sau hai trận đánh, Đội cử người làm tốt công tác dân vận và đối xử tốt với tù binh nên đã góp phần phát huy khí thế thắng lợi và khẳng định tính ưu việt của đội quân cách mạng.

Về chiến thuật, chiến thắng trọn vẹn của hai trận đầu ra quân là thành quả của sự vận dụng chiến thuật thích hợp. Trong hai trận đánh này, “chiến thuật tiến công bằng lối hoá trang kỳ tập (tập kích) đã mở đầu một cách xuất sắc trang sử chiến thuật của Quân đội nhân dân Việt Nam”<sup>3</sup>. Hoá trang kỳ tập là lối đánh tốn ít súng đạn, thương vong thấp song hiệu quả chiến đấu lại cao. Hai trận đánh đầu tiên, ngoài việc tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch trong hai đồn,

---

1. Trần Trọng Trung - Võ Nguyên Giáp: *Chặng đường từ chính trị đến võ trang*, Báo Quân đội nhân dân ngày 24 tháng 12 năm 2003.

2. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, Sđd, tr.290.

3. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - *Lịch sử chiến thuật quân đội nhân dân Việt Nam (1944-1975)*, tập 1, Nxb QĐND, Hà Nội, 2003, tr.52.

Đội còn thu được nhiều vũ khí, lương thực, phương tiện chiến đấu. Đặc biệt, quan trọng nhất đó là Đội giành thắng lợi theo đúng mục tiêu đã đề ra từ đầu là giành thắng lợi trận đầu để gây thanh thế ngay sau khi Đội vừa thành lập.

Bằng những thắng lợi này, Đội đã vận dụng sáng tạo những nguyên tắc chiến thuật mà lãnh tụ Hồ Chí Minh đã viết trong các tài liệu huấn luyện từ những năm 1941-1942. Trong điều kiện đội quân mới thành lập, luyện tập chưa được mấy, lại đối mặt với quân địch trong thế “lấy yếu đánh mạnh”, Ban chỉ huy Đội đã biết phát huy ưu thế về sức mạnh chính trị tinh thần của một đội quân kém địch về trang bị vũ khí, phát huy tinh thần dũng cảm, mưu trí, sáng tạo ở mỗi người chiến sĩ để giành thắng lợi.

Ngoài việc vận dụng chiến thuật phù hợp, thắng lợi của hai trận đầu ra quân đã thể hiện một số nét đặc sắc về nghệ thuật quân sự. *Thứ nhất* đó là nghệ thuật chọn mục tiêu và thời điểm tiến công. Về *mục tiêu tiến công*, trên cơ sở phân tích so sánh địch - ta, yêu cầu chắc thắng của trận đầu ra quân, ban lãnh đạo và chỉ huy Đội đã chọn hai đồn Phai Khắt và Nà Ngần, mỗi đồn lực lượng địch chỉ có khoảng 20 tên. Hai đồn này địch lại tổ ra chủ quan, canh gác bố phòng tương đối sơ hở, đường tiếp cận của quân ta đến đồn không xa. Hai đồn địch lại nằm cách xa nhau và xa trung tâm chỉ huy của địch (châu ly Nguyễn Bình), do đó khi ta đánh xong mỗi đồn, vẫn có điều kiện cả về thời gian và không gian giải quyết trọn vẹn trận đánh. Về *thời cơ tiến công*, ta chọn vào những lúc bất ngờ nhất đối với địch: đánh đồn Phai Khắt vào lúc 17 giờ, lúc địch đang hoặc vừa ăn cơm chiều xong; đánh đồn Nà Ngần vào lúc 7 giờ sáng khi địch vừa ngủ dậy. Cả hai đồn lúc ta đánh đều vào lúc địch sơ hở, mất cảnh giác nhất.

*Thứ hai*, trong hai trận đầu ra quân, *Đội* đã khai thác tốt yếu tố bí mật, bất ngờ, khiến địch trong hai đồn trở tay không kịp. Yếu tố bí mật, bất ngờ là yếu tố quan trọng, yếu tố cốt tử trong chiến thuật quân sự nói chung và với chiến thuật hoá trang kỳ tập nói riêng. Trong hai trận Phai Khắt và Nà Ngần, ta đã giữ được yếu tố bí mật từ đầu đến cuối, từ lên kế hoạch tác chiến, tổ chức hành quân, triển khai lực lượng đến thực hành chiến đấu. Chính điều này cùng với sự dũng cảm, mưu trí, sáng tạo của các chiến sĩ, đã làm cho địch hoàn toàn bị bất ngờ, không kịp phản ứng.

*Thứ ba*, để chuẩn bị cho trận đầu chắc thắng, Ban chỉ huy *Đội* lúc chuẩn bị thì rất chu đáo, kỹ lưỡng, lúc vào trận thì tiến công kiên quyết, xử trí linh hoạt các tình huống phát sinh ngoài dự kiến. Ban chỉ huy *Đội* nghiên cứu tình hình địch kỹ lưỡng, lên kế hoạch tỷ mỉ, tiến hành công tác chuẩn bị và phối hợp chu đáo, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng tự vệ địa phương. Riêng trong năm địch, *Đội* đã biết tận dụng quần chúng nhân dân làm tai mắt để nắm chắc, đầy đủ và nắm được cả những thông tin mới nhất về tình hình đồn địch. Hai tình huống phát sinh ngoài dự kiến ở trận Phai Khắt là tên đồn trưởng Phai Khắt về khi trận đánh gần kết thúc, và trong trận Nà Ngần là khi đồng chí Thu Sơn có nguy cơ bị lộ khi đang đối mặt với tên đội *Đường*. Những xử lý nhanh nhạy, kịp thời đã góp phần vào thắng lợi. Bên cạnh đó, cả hai trận đánh đều thể hiện tư tưởng đánh tiêu diệt, làm chủ chiến trường, bắt tù binh địch, vừa đánh vừa tự vũ trang để đảm bảo cho đội quân cách mạng non trẻ càng đánh càng mạnh.

Về những trận đánh đầu tiên của *Đội* Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, một nhà sử học người Pháp đã nhận

xét: “Những trận đánh nhằm mục đích rõ ràng là thu vũ khí và gây ảnh hưởng tới tinh thần dân chúng, nhưng đã được thực hiện với một kỹ thuật hoàn hảo, (với một) tinh thần gan dạ và có phương pháp”<sup>1</sup>.

Tối 26 tháng 12, toàn Đội vượt qua quốc lộ 3a (Cao Bằng - Nguyên Bình) về tới Lũng Dẻ - một bản của đồng bào Mông ở Gia Bằng. Mọi người trong Đội đều thấm mệt nhưng nét mặt ai nấy đều rạng rỡ phấn chấn trước hai trận thắng giòn giã. Lúc này, một số anh em có lệnh triệu tập từ trước cũng đã về tới nơi kịp nhận một số vũ khí vừa thu được. Đó là các đồng chí Nam Long, Vũ Lập, Quang Trung, Mai Trung Lâm... Ban chỉ huy Đội chủ trương rút thật nhanh về đây bởi sau hai trận đánh liên tiếp đã làm rung chuyển kẻ địch và dự kiến chúng sẽ phản ứng mạnh.

Lúc này, ở khu căn cứ Lam Sơn (xã Phúc Tằng, châu Hoà An - nay là xã Hồng Việt, huyện Hoà An), lãnh tụ Hồ Chí Minh nhận được tin chiến thắng Phai Khắt, Nà Ngần và biết được nơi đóng quân hiện tại của Đội ở Lũng Dẻ. Người liền triệu tập các đồng chí Vũ Anh, Phạm Văn Đồng và Lã (tức Hoàng Đức Thạc) - Bí thư Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, tới họp bàn. Người phân tích và nhận định: Sau khi bị thua đau ở Phai Khắt và Nà Ngần, giặc Pháp sẽ mở cuộc càn quét truy tìm lực lượng vũ trang cách mạng, khủng bố trắng vùng Nguyên Bình và còn có thể mở rộng ra Hoà An và Hà Quảng. Rồi Người giao nhiệm vụ cho đồng chí Phạm Văn Đồng và Lã, thay mặt Tổng bộ Việt Minh và Liên tỉnh ủy, mang thư và quà của Người đến chúc mừng và uỷ lạo

---

1. Dẫn theo Võ Nguyên Giáp - *Pác Bó, nguồn sống*, Sđd, tr.105.



Đội. Người cũng dặn các đồng chí này nhắc đồng chí Võ Nguyên Giáp nên sớm rút quân khỏi Lũng Dẻ bởi tình hình lúc này đóng quân ở đấy lâu sẽ bất lợi. Và lại, đây là một thung lũng kín đáo, hiểm trở, chỉ có một con đường ra vào, tiện cho việc canh gác, bảo vệ nhưng nếu giặc Pháp biết và huy động quân tới bao vây thì Đội sẽ gặp khó khăn.

Lãnh tụ Hồ Chí Minh cũng chỉ thị cho đồng chí Vũ Anh đến châu Quảng Uyên bàn với các đồng chí địa phương huy động lực lượng, tạo một hoạt động để gây tiếng vang, đánh lạc hướng, thu hút sự chú ý của giặc Pháp.

Người còn dặn đồng chí Phạm Văn Đồng cho đăng tin về sự ra đời và những trận đánh thắng lợi của Đội tại Phai Khắt, Nà Ngân trên báo *Việt Nam độc lập*, để khuếch trương thanh thế chiến thắng. Theo sự chỉ đạo đó, trên báo *Việt Nam độc lập* - cơ quan tuyên truyền Việt Minh Cao - Bắc - Lạng, số 201, ngày 5 tháng 1 năm 1945, đã đưa tin khá chi tiết:

*"... Đội tuyên truyền của Việt Nam giải phóng quân*

*Năm 1945 sẽ đem lại cơ hội tốt cho quân Giải phóng Việt Nam tiến lên đánh đế quốc phát xít Nhật và phát xít Tây. Muốn nắm lấy cơ hội ấy, chúng ta phải tuyên truyền cổ động một mặt cho đồng bào Việt Nam ta hăng hái chuẩn bị, một mặt cho các nước Đồng Minh chú ý đến chúng ta mà giúp sức cho chúng ta.*

*Đội tuyên truyền của V.N.G.P.Q chính đang dùng vũ trang hành động để làm công việc tuyên truyền cổ động ấy.*

*Dưới đây nhà báo xin đăng hai bản thông cáo do Đội Tuyên truyền của V.N.G.P.Q vừa gửi đến.*

### Thông cáo số 1

Ngày 11 tháng 11 ta là ngày 25-12 tây, một bộ đội lạ, ở đâu đến không rõ, bộ đội gì không rõ, kéo đến đồn Phay-Khất, tổng Kim-Mã, châu Nguyên-Bình. Sau đó, người cai tây và tất cả 17 người lính đồng mang toàn bộ khí giới trong đồn và tuyên bố với dân làng là cùng c.m (cách mạng) đi đánh Nhật, rồi cùng bộ đội lạ kéo đi đâu mất!

Cũng ngày ấy tên Việt-gian hoạt động nhất ở tổng Kim-Mã là xã Bồi biên đâu mất.

### Thông cáo số 2

Sáng ngày 12 tháng 11 ta là ngày 26 tây, lúc 7 giờ 14 phút đội Tuyên truyền của Việt Nam Giải-Phóng-Quân kéo đến đồn Nà Ngần xã Cẩm - Lý, gần Bel-Air<sup>2</sup>. Họ kéo cờ đỏ sao năm cánh lên, xưng rõ là quân cách mạng đến lấy súng đạn của tây phát xít, tuyên bố quân cách mạng Việt Nam không bắn binh lính Việt Nam. Kêu gọi anh em binh lính Việt Nam gơ tay lên đầu hàng.

Người đội và 3 người lính muốn chống cự, bị súng trường và súng máy c.m (cách mạng) bắn chết ngay tại trận, một người nữa bị thương.

Đội tuyên truyền G.P.Q thu thập toàn bộ súng đạn trong đồn, rồi tập hợp anh em binh lính tất cả 15 người khổ xanh (trừ 2 người chạy thoát). Khai hội nghị liên hoan giữa binh lính và c.m (cách mạng).

---

1. "Bộ đội lạ" tức bộ đội cách mạng.

2. Nguyên văn tiếng Pháp là Bel-Air. Ngọn đèo này nằm giáp giới hai tỉnh Cao Bằng và Bắc Kạn nên còn gọi là "Đèo Cao - Bắc".

*Đồng thời, đội phái người phát truyền đơn và dán biểu ngữ khắp đồn.*

*Một số đ. c (đồng chí) nữ vũ-trang cũng tham gia giúp dọn dẹp chiến trường và tuyên truyền cổ động nhân dân cùng binh lính.*

*Đến 8 giờ đội tuyên truyền rút khỏi đồn, vừa đi vừa hát bài Giải-phóng-quân ca<sup>1</sup>.*

Được liên lạc viên dẫn đường, đồng chí Vũ Anh lập tức triển khai công việc. Đúng như dự đoán của lãnh tụ Hồ Chí Minh, giặc Pháp điên cuồng điều binh lính của cả tỉnh Cao Bằng và Bắc Kạn mở cuộc càn quét vào tổng Kim Mã, khủng bố cả ba châu Nguyên Bình, Hoà An và Hà Quảng. Đồng thời, chúng cho quân quay lại chiếm đồn Phai Khắt, Nà Ngần với quân số đông gấp hai lần và cấp chỉ huy cao hơn, lập thêm đồn Ben-le trên quốc lộ số 3b từ Cao Bằng đi Bắc Kạn. Cảnh sát, mật thám Pháp khám xét tất cả những người chúng gặp và bắt bớ, giam cầm tất cả những ai chúng nghi ngờ có quan hệ với Việt Minh. Phòng giam Nguyên Bình, trại giam thị xã luôn chật ních người. Không khí khủng bố ngột ngạt khắp cả vùng.

Trung tuần tháng 1 năm 1945, giao thông viên đưa đồng chí Vũ Anh tới xã Vô Song (nay là xã Hồng Định, huyện Quảng Uyên), là một xã Việt Minh "hoàn toàn", để triệu tập một cuộc họp cán bộ ở đây. Thay mặt Tổng bộ Việt Minh, đồng chí điếm lại tình hình cách mạng thời gian qua ở địa phương, nhất là sau chiến thắng Phai Khắt, Nà Ngần. Tuy nhiên, lúc này địch đang khủng bố ác liệt các châu Nguyên

---

1. Báo Việt Nam độc lập, số 201, ngày 5 tháng 1 năm 1945.

Bình, Hoà An, Hà Quảng, do đó cần tổ chức một hoạt động vũ trang để gây tiếng vang, đồng thời đánh lạc hướng, thu hút địch, đỡ đòn cho đồng bào các châu trên đó, vừa làm cho giặc Pháp hoang mang thêm. Cuộc họp quyết định tổ chức một cuộc mít tinh của đông đảo quần chúng kéo lên huyện lỵ đấu tranh với giặc Pháp. Ngày 25 tháng 1 năm 1945 (ngày 12 tháng 12 âm lịch), quần chúng cách mạng mang theo dao, rìu, đã tập hợp tại Lũng Tăng - một thung lũng hẻo lánh hai bên vách đá dựng đứng. Lũng Tăng hôm ấy được trang hoàng cờ đỏ sao vàng và khẩu hiệu viết trên giấy đỏ, xanh. Nghe kể về chiến thắng của Đội quân tuyên truyền giải phóng, đồng bào ai nấy nức lòng phấn khởi. Bọn hào lý biết có cuộc mít tinh, song khiếp sợ trước khí thế của quần chúng nên không dám hành động gì. Sau cuộc mít tinh, 20 đồng chí được tuyển từ những cơ sở cách mạng, rút lên làng Cốc Coóc, thuộc xã Lạc Giao (nay là xã Chí Thảo, huyện Quảng Uyên), sau đó, chuyển sang làng Bó Luông ở gần đó, thành lập đơn vị vũ trang địa phương. Theo quyết định của đồng chí Vũ Anh và đồng chí Bùi Bảo Vân, đội tiến hành tập luyện chuẩn bị tập kích vào đồn Pháp ở thị trấn Quảng Uyên. Đây là chỉ huy sở của tên quan ba Pháp Bôđờnông (Beaudenons). Tên này chỉ huy quân lính ở hai châu Phục Hoà và Hạ Lang. Ngày 28 tháng 1 năm 1945, đội vũ trang cùng một số dân địa phương (khoảng 25 tay súng) chia làm hai mũi. Mũi thứ nhất do đồng chí Bùi Bảo Vân chỉ huy, tiến về cổng đồn, vừa đi rải truyền đơn in bằng ba thứ tiếng Việt, Pháp, Trung. Đội cho người đốt pháo “dang kê” dưới lòng rãnh giả làm tiếng súng. Quân Pháp tại đây đang đi càn quét ở nơi khác, chỉ còn một số binh lính người Việt canh giữ. Chúng thối kèn báo động, rồi vội vàng đóng cửa đồn, không dám chống cự. Mũi thứ hai,

do đồng chí Đinh Hồng Bình chỉ huy, tiến vào khu trại an trí của quân Pháp, nơi chúng bắt những người có người thân thoát ly làm cách mạng, giam giữ làm con tin. Các chiến sĩ ta đốt trại, kêu gọi những người phu tại đó bỏ về, rồi nhanh chóng rút quân. Với chiến công này, ta đã đạt được ba mục tiêu: phá trại an trí của địch, làm cho quân địch hoang mang, đánh lạc hướng và thu hút sự chú ý của địch, góp phần giải toả sức ép càn quét của giặc ở Nguyên Bình.

Về hoạt động tiếp theo của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, tại Lũng Dẻ, các đội viên được phổ biến ở lại đây khoảng mười ngày để nghỉ ngơi, kiểm điểm và tiếp tục luyện tập, dẫn gỗ làm lán, sửa soạn bãi tập và làm sạch các nơi lấy nước.

Hai ngày sau, vào lúc chập tối, sau khi ăn cơm chiều xong, toàn Đội tập hợp cùng đồng bào địa phương tổ chức mừng chiến thắng. Đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Tổng bộ Việt Minh, tuyên dương công trạng của Đội lần đầu xuất quân đã giành thắng lợi oanh liệt, tiêu diệt hai đồn địch, thực hiện được lời dạy đánh thắng trận đầu của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Đồng chí biểu dương tinh thần chiến đấu dũng cảm của cán bộ và các đội viên, đồng thời cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của đồng bào địa phương. Cũng trong buổi lễ, “đồng bào được nghe lại tường tận những câu chuyện của các chiến sĩ cách mạng đánh đồn, hạ đồn một cách dũng cảm, lại được thấy tận mắt những chiến sĩ con em của mình trước đây bị sống trong tủ nhục, nay đã dám vùng lên đánh bọn địch hung tàn và đánh thắng”<sup>1</sup>. Kết thúc buổi lễ, bộ đội cùng nhân

---

1. Võ Nguyên Giáp - *Khu giải phóng, dẫn theo Trần Cư. Quân giải phóng - Khu giải phóng, mối quan hệ cá - nước, trong sách Việt Nam Giải phóng quân - Nhớ lại bước khởi đầu*, Sđd, tr.215.

dân hô to các khẩu hiệu thể hiện quyết tâm chiến đấu vì đất nước. Cũng tại đây, Đội nhận được thư và quà của lãnh tụ Hồ Chí Minh chúc mừng thắng trận. Thư từ và quà mừng của nhân dân và các hội Cứu quốc cũng tới tấp đến với Đội. Đồng chí Lã - Bí thư Liên tỉnh ủy, đã tới thăm, đem theo thư chúc mừng của Liên tỉnh ủy và quà mừng gồm những vật dụng rất quý giá với các chiến sĩ lúc đó như: mấy tấm chăn len, mấy hộp sữa cho người ốm và nhất là một số đạn của Mỹ vừa mua được. Bức thư của Liên tỉnh ủy và báo *Việt Nam độc lập* viết:

*"Ban Việt Minh Liên tỉnh và nhà báo V.N.Đ.L đồng thanh chào mừng Đội tuyên truyền Việt Nam G.P.Q và chúc cho đội luôn thắng lợi trong công việc vũ trang tuyên truyền."*

*Năm 1945 này sẽ là năm của cuộc c.m (cách mạng) dân tộc giải phóng chúng ta. Muốn thắng lợi chúng ta phải có toàn quốc đồng bào tham gia chiến đấu và các nước Đồng Minh giúp sức. Nhưng muốn được thế, chúng ta cần tuyên truyền cổ động, một mặt kêu gọi đồng bào toàn quốc kiên quyết đứng lên chuẩn bị cuộc tranh đấu quyết liệt sắp tới, một mặt kêu gọi các nước Đồng Minh và toàn thế giới chống phát xít để ý giúp sức cho chúng ta. Công việc tuyên truyền cổ động ấy đoàn thể giao cho các đ.c (đồng chí) và các đ.c đã tỏ là xứng đáng với sự tin cậy của Đoàn thể."*

*Thay mặt Đoàn thể, chúng tôi hoan nghênh tinh thần cứu quốc của các đ.c và hô hào mọi người trong Đoàn thể và trong nước Việt Nam noi gương các đ.c mà tiến lên.*

*Với năm 1945 chúng ta bắt đầu tiến lên con đường vũ trang chiến đấu chống phát xít Nhật, Tây. Trên con đường ấy, các đ.c là đội tiên phong, đội tiên phong dũng cảm và*

*khôn khéo nhắm đúng con đường chính trị của đoàn thể mà tiến. Con đường ấy là con đường thắng lợi.*

*Lời chào năm mới thắng lợi!"<sup>1</sup>.*

Sau hai chiến thắng đầu giòn giã, Ban chỉ huy Đội quyết định dừng lại chấn chỉnh, củng cố lực lượng và huấn luyện thêm. Ban chỉ huy viết thư báo cáo với lãnh tụ Hồ Chí Minh và Liên tỉnh ủy về những thắng lợi đầu tiên và đề nghị Liên tỉnh ủy chỉ thị cho các châu tiếp tục lựa chọn những đồng chí hăng hái, dũng cảm để bổ sung phát triển Đội. Lúc này, trong các đội du kích và tự vệ các châu vùng Cao - Bắc - Lạng đang dấy lên mạnh mẽ phong trào xin "đi giải phóng". Việc chọn những người tình nguyện được tiến hành kỹ càng. Ai cũng hiểu rằng được vào Đội là một vinh dự lớn và cũng là điều may mắn. Chỉ sau một tuần, việc bổ sung đã hoàn thành và Đội đã phát triển thành một đại đội gồm 4 trung đội. Đồng chí Hoàng Sâm được cử làm Đại đội trưởng, đồng chí Xích Thắng (Dương Mạc Thạch) làm Chính trị viên. Ban công tác chính trị đại đội cũng được thành lập gồm có các đồng chí Dương Mạc Thạch, Hoàng Văn Thái, Lâm Cẩm Như và các chính trị viên trung đội, do đồng chí Lâm Cẩm Như phụ trách. Đồng chí Hoàng Văn Thái phụ trách công tác tham mưu - tình báo và chuẩn bị kế hoạch chiến đấu. Ban quản lý Đại đội được thành lập do đồng chí Văn Tiên (Lộc Văn Lùng) phụ trách. Ban chỉ huy 4 trung đội cũng được hình thành.

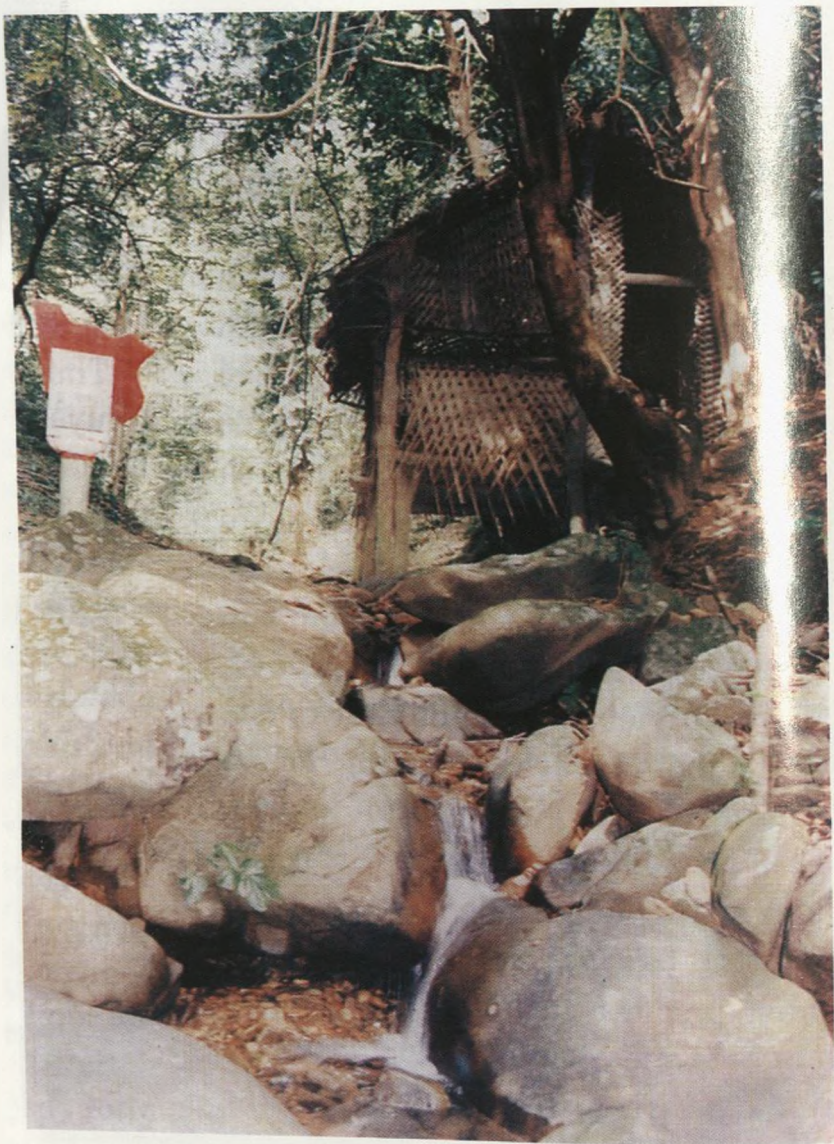
---

1. Viện Bảo tàng cách mạng Việt Nam - Báo *Việt Nam độc lập* (1941-1945), Hà Nội, 2000, tr.423-424.



Nặm Lin - nơi thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên  
của tỉnh Cao Bằng (1-4-1930)





Lán Khuổi Năm - nơi họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng  
lần thứ 8 (5-1941)



Nhà Bia ghi dấu nơi ra đời Đội VNTTGPK tại khu rừng Trần Hưng Đạo  
(Tam Kim - Nguyên Bình - Cao Bằng)

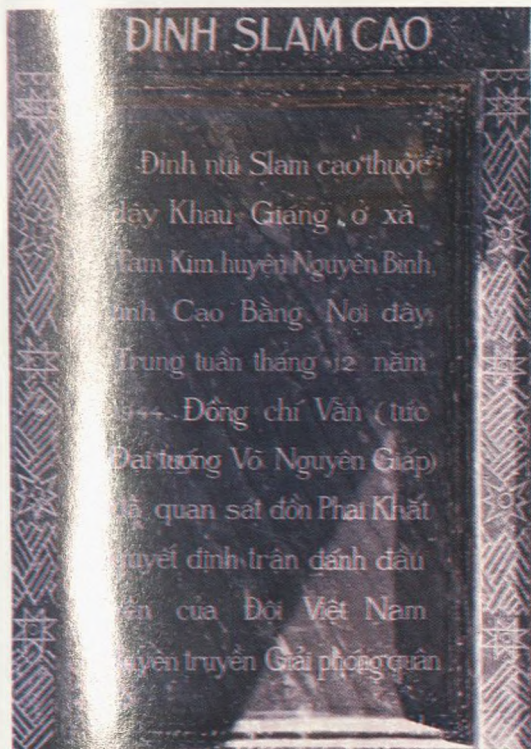




Di tích đồn Phai Khắt



Nhà Bia ghi lại chiến thắng trận Nà Ngần (26-12-1944)



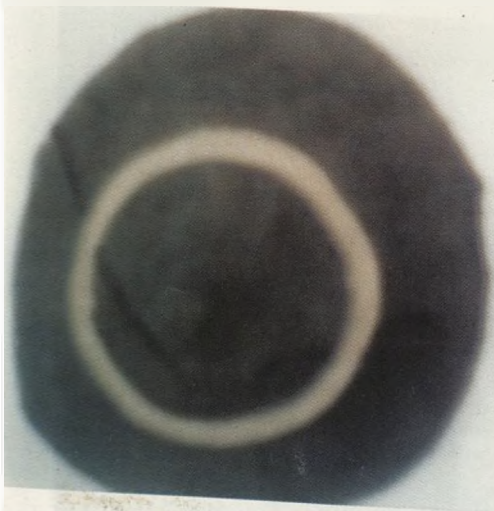
Bia di tích trên núi  
Slam Cao







Một số vũ khí của Đội VNTTGPQ ngày đầu thành lập



Mũ lính đồng được đội viên Đội VNTTGPQ dùng để cải trang trong trận Nà Ngần (26-12-1944)



Nồi nấu ăn của Đội VNTTGPQ



# HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN SAU TRẬN PHAI KHẮT



Sơ đồ hoạt động của Đội VNTG sau trận Phai Khắt









Lễ đón nhận Bằng Di tích lịch sử - văn hóa cây đa đình làng Quặng (Đình Biên Thượng - Đình Hóa - Thái Nguyên) nơi diễn ra lễ thống nhất VNTTGPQ, CQQ và các tổ chức vũ trang cách mạng khác thành VNGPQ



Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Thượng tướng Lê Khả Phiêu gặp gỡ các đồng chí trong Ban Liên lạc VNGPQ (năm 1992)



Đồng chí Bé Hồng (tức Nông Văn Xương), liên lạc  
của Đội VNTTGPQ đang kể lại trận đánh đồn Phai Khắt  
cho học sinh (10-1993)



Phai Khắt ngày nay





Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm việc với nhóm tác giả nghiên cứu về Đội VNTTG PQ



Họp mặt bạn chiến đấu VNGPQ

**DANH SÁCH CÁN BỘ ĐẠI ĐỘI VÀ TRUNG ĐỘI  
CỦA ĐẠI ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN  
ĐẦU TIÊN**

***Cán bộ đại đội:***

Hoàng Sâm: *Đại đội trưởng,*

Xích Thắng: *Chính trị viên,*

Hoàng Văn Thái: *Tình báo và kế hoạch,*

Lâm Kính: *Công tác chính trị,*

Văn Tiên: *Quản lý.*

***Trung đội 1:***

Nam Tuấn: *Trung đội trưởng,*

Vũ Lập: *Chính trị viên,*

Bế Văn Sát: *Trung đội phó.*

***Trung đội 2:***

Đàm Quốc Chủng: *Trung đội trưởng,*

Nam Long: *Chính trị viên (ban đầu),*

Mai Trung Lâm: *Chính trị viên (về sau),*

Bế Sơn Cương: *Trung đội phó.*

***Trung đội 3:***

Đàm Quang Trung: *Trung đội trưởng,*

Hoàng Thịnh: *Chính trị viên,*

Mông Phúc Thơ: *Trung đội phó (ban đầu),*

Đào Mạnh Vy: *Trung đội phó (về sau ).*

#### **Trung đội 4:**

Linh Thành: *Trung đội trưởng,*

Nam Long: *Chính trị viên,*

Nông Quốc Sùng: *Trung đội phó.*

Về vũ khí, với số súng đạn thu được sau hai trận Phai Khắt, Nà Ngần, nay Đội có đủ vũ khí trang bị cho từng người và đặc biệt là đã có hai khẩu trung liên. Về đạn thì còn thiếu nhiều. Súng trường mỗi khẩu chỉ có 50 - 60 viên, trung liên chỉ có vài băng thu được của địch. Lựu đạn mỗi người chỉ được phát hai quả hoặc là lựu đạn chày của Trung Quốc, hoặc là lựu đạn của Pháp. Trong thời gian bổ sung phát triển, Đội đã tiến hành đợt chấn chỉnh ngắn ngày.

Sau khi biên chế thành đại đội và các trung đội, các đội viên được huấn luyện về quân sự. Chương trình luyện tập có: cảnh giới trình sát, tập bắn súng, lợi dụng địa hình, địa vật, cách tổ chức hành quân, trú quân, chiến thuật du kích, chiến thuật tập kích, phục kích; các đội hình hành quân và chiến đấu tiểu đội, trung đội... Các học viên còn được nghiên cứu cách sử dụng các loại vũ khí mới thu được, nghe giới thiệu về kinh nghiệm đánh du kích của Hồng quân Liên Xô, Trung Quốc, du kích Nam Tư... Đồng thời, Đội tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm hai trận đánh ở Phai Khắt và Nà Ngần để thiết thực chuẩn bị cho các trận đánh sau.

Với việc thành lập Ban công tác chính trị đại đội, công tác chính trị trong Đội được chú trọng hơn theo phương châm lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nêu "Chính trị trọng hơn quân sự". Tiến hành công tác chính trị, Đội tổ chức cho các đội viên mới nghiên cứu thêm về Chương trình, Điều lệ Việt Minh, học 10 lời thề danh dự, 12 điều kỷ luật, 5 bài huấn luyện nhiệm vụ

tuyên truyền. Các bài học được dịch ra tiếng các dân tộc Nùng, Dao, Mông... để dạy cho các đồng chí chưa thạo tiếng phổ thông. Các buổi sinh hoạt tổ hoặc toàn Đội được duy trì đều đặn để động viên tinh thần học tập, công tác và phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên và của các đồng chí tích cực. Đội đề cao kỷ luật, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ các đồng chí trình độ còn thấp, coi trọng quan hệ tốt với dân.

Để phát huy hơn nữa thanh thế của Đội và mở rộng công tác tuyên truyền cách mạng trong nhân dân các tỉnh Cao - Bắc - Lạng, cuối tháng 12 năm 1944 (khoảng một tuần sau khi Đội ra quân đánh thắng hai trận đầu), Đội đã cho phát hành tờ báo *Tiếng súng reo*. Đây chính là tờ báo tiền thân đầu tiên của lực lượng vũ trang và là tờ báo nằm trong đội ngũ báo chí cách mạng .

Do điều kiện hoạt động bí mật, lại không có máy chữ và phương tiện in ấn nên tờ báo này chỉ được viết bằng tay. Những người tổ chức tờ báo đã chọn trong Đội những đội viên viết chữ đẹp, chép thành nhiều bản, với nhiều khuôn khổ khác nhau trên các loại giấy mà Đội có thể có được lúc đó như giấy bản, giấy học sinh...

Ngoài tờ báo chính thức bằng tiếng phổ thông, báo *Tiếng súng reo* còn được dịch ra các thứ tiếng khác là Tày, Nùng và Dao để phát hành tới các tổ chức quần chúng khác như thanh niên, phụ nữ, nông hội... phục vụ đông đảo các thành phần dân tộc trong toàn căn cứ địa. Các bản dịch tiếng dân tộc trên nhằm mục đích tuyên truyền vận động, lôi kéo các tầng lớp nhân dân theo cách mạng.

Về nội dung, báo *Tiếng súng reo* có số tin, bài khá phong phú. Các bài đều ngắn gọn, súc tích, phản ánh nhiều mặt

hoạt động của Đội như: tường thuật về buổi thành lập Đội vào chiều ngày 22 tháng 12; đăng Chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh về nhiệm vụ và tiền đồ của Đội; 10 lời thề danh dự của Đội. Ngoài ra, báo còn có các bài, tin ngắn về tình hình trong nước và thế giới, về yêu cầu nhiệm vụ trước mắt của cách mạng nói chung, của Đội và các đội du kích, tự vệ nói riêng. Đặc biệt, báo còn có bài tường thuật về hai trận đấu ra quân đánh thắng của Đội tiêu diệt hai đồn địch ở Phai Khắt và Nà Ngần, đồng thời nêu lên những kinh nghiệm chiến đấu rút ra từ hai trận đánh này.

Dù được viết bằng tay, chưa được in ấn, xuất bản chính thức theo đúng nghĩa của báo chí, song tờ *Tiếng súng reo* đã kịp thời phục vụ công tác tuyên truyền giáo dục và huấn luyện bộ đội. Sự có mặt của tờ báo đã tạo tiền đề cho sự ra đời một tờ báo của lực lượng vũ trang sau này<sup>1</sup>. Đây là một trong những tờ báo tiền thân của báo *Quân đội nhân dân* - tờ báo chính thức của Quân đội ta sau này.

Lúc này đã gần Tết Ất Dậu, một chương trình hoạt động "Mùa Tết chiến đấu" được đề ra. Tổ tham mưu chuẩn bị kế hoạch chiến đấu của đồng chí Hoàng Văn Thái tiếp tục điều

---

1. Hiện nay các cơ quan lưu trữ chưa tìm lại được bản gốc của tờ *Tiếng súng reo*, nhưng theo một số tài liệu và nhân chứng lịch sử thì tờ báo đến tay cán bộ, chiến sĩ trong Đội vào một buổi tối cuối tháng 12 năm 1944, khoảng một tuần sau hai chiến thắng Phai Khắt, Nà Ngần. Trong sách *Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam (1944-2000)*, Nxb Quân đội nhân dân, xuất bản năm 2000, ghi là ngày 27 tháng 12 năm 1944. Tư liệu về báo *Tiếng súng reo*, chúng tôi sử dụng theo cuốn *Lịch sử báo Quân đội nhân dân (1950-2000)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.

tra, lên kế hoạch cho trận đánh tiếp theo là đồn Đông Mu, thuộc châu Bảo Lạc, gần biên giới Việt - Trung.

Mấy ngày sau, Đội tổ chức lễ chính thức thành lập đại đội. Dưới lá cờ đỏ sao vàng, xung quanh có rất đông đại biểu của các hội Cứu quốc và nhân dân địa phương tới dự lễ, các trung đội xếp hàng ngay ngắn, súng đạn khá đầy đủ, lưỡi lê tuốt trần sáng quắc.

Trước cảnh núi rừng hùng vĩ và không khí nghiêm trang, bằng những lời lẽ danh thép, tất cả cán bộ, chiến sĩ đều hứa với nhân dân hoàn thành nhiệm vụ. Nhớ tới công ơn của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Đoàn thể, toàn Đội đã quyết định tặng Người thanh kiếm Nà Ngần, chiến lợi phẩm thu được của địch, nói lên lời hứa quyết tâm thực hiện lời Người dạy, quyết tâm chiến đấu để giành thắng lợi.

Sau đợt chấn chỉnh ngắn ngày, toàn Đội lên đường. Nhiệm vụ lúc này là tiếp tục vũ trang tuyên truyền gây cơ sở, tổ chức lực lượng, xây dựng căn cứ cách mạng, khi có điều kiện và xét thấy cần thiết thì sẽ mở những trận đánh nhỏ để gây thanh thế. Đội chia làm hai bộ phận, đại bộ phận tiến về phía châu Bảo Lạc (Cao Bằng), chuẩn bị đánh đồn Đông Mu. Một bộ phận nhỏ, do đồng chí Hoàng Văn Thái phụ trách, đi về Nậm Ty hoạt động tuyên truyền, mở rộng cơ sở. Sau đó, bộ phận này tiếp tục đi điều tra nắm tình hình, chuẩn bị cho trận đánh đồn Bằng Khẩu và Kéo Lặng. Tuy nhiên, sau khi ta điều tra xong thì quân địch tại hai đồn này sợ bị ta tập kích nên đã rút quân đi nơi khác, do đó kế hoạch đánh các đồn này không thực hiện được.

Cuộc hành quân tới Bảo Lạc khá gian khổ. Đường vừa xa vừa khó đi do phải vượt qua nhiều triền núi đá tai mèo hiểm



trở, nhiều bản làng có bọn phản động canh gác. Thời kỳ này, chính quyền địch tiến hành kiểm soát rất ngặt nghèo. Chúng lệnh cho dân đi đêm phải có đèn, không được tụ họp quá ba người. Mặt khác, chúng còn tung mật thám dò la tung tích của Đội. Do đó, Đội chủ trương đóng quân ở đâu cũng không được quá hai ngày. Để đảm bảo yếu tố bí mật, ban ngày Đội giấu quân trong rừng, ban đêm mới hành quân, tuyệt đối không để lại dấu vết nơi trú quân và dọc đường đi. Có những đêm, cả đơn vị, từ chỉ huy đến đội viên im lặng vượt qua những điểm gác của địch. Lại có đêm trời tối như bưng, người đi sau không nhìn thấy người đi trước, một đội viên đã nẩy ra sáng kiến lấy một cái lá có chất lân tinh cài vào lưng người đi trước để người đi sau nhìn theo đó mà đi. Sáng kiến này được phổ biến cho toàn Đội và có tác dụng cho việc hành quân trong những đêm sau đó.

Hết những triền núi đá tai mèo, toàn Đội lại phải hành tiến trên những con đường đất lầy lội do trời mưa. Có lần, trời gần sáng, bộ đội hành quân tới gần một làng có nhiều tên phản động, Ban chỉ huy Đội ra lệnh đi nhanh để vượt khỏi làng sớm. Song đi được một quãng, sương tan, trời sáng nhanh, cả đoàn quân lộ ra ngay trước làng. Do không thể mạo hiểm vào làng, cũng không thể đi theo lối khác, nên Ban chỉ huy Đội lệnh cho bộ đội đi qua làng, làm như một đội quân địch đi tuần tiễu. Vài người vào nhà tổng đoàn giả vờ xét hỏi người lạ và hàng lậu, toàn Đội ung dung đi qua làng. Mấy ngày sau, bộ đội đến một bản người Mán. Dù rất thiếu thốn, không có ruộng nương trồng mà phải lấy đất về đổ trong các hốc đá để trồng ngô, nhưng đồng bào vẫn chia sẻ với bộ đội những bữa cơm chỉ có bột ngô đồ với canh rau. Thái độ ân cần của đồng bào làm toàn Đội rất cảm động.

Cuối cùng, Đội đến Đồng Mu. Mục đích của việc đánh đồn này là nhằm đánh lạc hướng quân địch, vừa để "thanh Đông kích Tây", làm cho địch phán đoán rằng ta hoạt động cả ở khu vực Nam Nguyên Bình, cả ở khu vực biên giới Việt - Trung. Tổ trình sát tiến hành điều tra đồn địch lần cuối.

Đồn này thuộc thôn Pù, xã Đồng Mu, huyện Bảo Lạc. Cuối năm 1940 - đầu 1941, trước sự phát triển của phong trào cách mạng ở Cao Bằng nói chung và Bảo Lạc nói riêng, thực dân Pháp đã cho xây dựng đồn để tăng cường tuần tiễu, bắt bớ cán bộ cách mạng, kiểm soát gặt gao hơn nhân dân ở khu vực này. Đồn án ngữ một vị trí quan trọng, vì tại đây có thể kiểm soát con đường từ Đồng Mu sang Sóc Hà, huyện Hà Quảng và đường từ Đồng Mu xuống Pác Lung, đi sang Ba Bể, xuống Bắc Kạn. Lúc đầu, đồn chỉ do lính khố xanh đóng giữ nhưng sau đó, địch lại chuyển thành đồn lính khố đỏ. Đồn nằm biệt lập trên ngọn đồi cao ở giữa một cánh đồng. Vì đồn nằm gần biên giới Việt - Trung, phải thường xuyên đối phó với bọn phi, nên địch xây dựng công sự rất kiên cố. Đồn có nhiều lô cốt, tường dày có lỗ châu mai, giao thông hào và dây thép gai bao bọc xung quanh. Quân địch trong đồn có khoảng hơn 40 lính khố đỏ, do 3 tên sĩ quan Pháp chỉ huy. Ngoài ra còn có một số lính đồng ở trong bản do 1 tên tổng đoàn chỉ huy.

Phía ta, trước đây các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hoàng Sâm và Lê Quảng Ba đã có thời gian hoạt động tại đây nên cũng đã khá thông thuộc địa hình khu vực này. Sau khi trình sát nắm tình hình, nhận định không thể sử dụng cách cải trang đột nhập đồn như hai trận đánh trước vì chắc chắn lúc này địch đã rút được kinh nghiệm sẽ đề phòng cẩn mật hơn,

Ban chỉ huy Đội chủ trương lợi dụng đêm tối bí mật đột nhập đồn, tiêu diệt địch. Cơ sở của ta ở gần đồn cho biết, cách đây ít ngày có tin bọn thổ phỉ ở bên kia biên giới sẽ tràn sang nên địch trong đồn tăng cường thêm lính canh gác, luôn chuẩn bị sẵn sàng đánh trả. Sau đó, cơ sở ta báo lại là lính trong đồn chờ một thời gian không thấy thổ phỉ tới, cho là hoang báo, nên việc canh phòng đã dần dần chảnh mảng. Ban chỉ huy Đội quyết định đánh đồn.

Theo kế hoạch đã định, Đội bí mật đột nhập chiếm nhà chỉ huy, sau đó các hướng đánh vào cùng phối hợp với nội ứng tiêu diệt địch. Đêm 4 tháng 2 năm 1945, bộ đội xuất kích. Khi đi ngang qua cánh đồng, chó trong làng sủa ran. Hai tổ xung phong lạng lẹ vượt hàng rào dây thép gai đầu tiên. Tổ của các đồng chí Nam Long, Quang Trung, Xuân Trường đang đột nhập đồn thì bị địch phát hiện. Địch hỏi: “Ai?”. Đồng chí Nam Long trả lời: “Chúng tôi là Việt Minh đến lấy súng của Tây, không đánh các anh em”. Bọn địch trong đồn lập tức ném lựu đạn và bắn ra tới tấp. Tình huống này nằm ngoài dự kiến. Đồng chí Đàm Quang Trung hội ý với đồng chí Võ Nguyên Giáp: “Lộ rồi, đề nghị anh và anh Hoàng Sâm ở lại vị trí chỉ huy, chúng tôi vào đồn sẽ cử người bắt liên lạc sau”. Được đồng ý, đồng chí Đàm Quang Trung dẫn một tổ xông vào trong đồn. Vị trí chỉ huy ban đầu đặt ở sau một bờ đất sát đồn địch. Dù địch bắn ra rất rát, song tổ xung phong cũng đột nhập được vào trong đồn, nổ súng, rồi đánh giáp lá cà. Tiểu đội trưởng Xuân Trường chỉ huy một tổ xung phong đột nhập qua cửa sổ. Anh dùng tiểu liên diệt ngay tên đốc gác và một số tên khác đang nằm trên giường. Đạn trong băng hết, không kịp thay, anh rút thanh kiếm và khẩu súng ngắn xông vào sở chỉ huy. Một số tên địch nữa bị

tiêu diệt, quân địch cố thủ ở một lô cốt giữa đồn, chống cự rất quyết liệt. Xuân Trường dừng lại lắp đạn mới vào súng. Dưới ánh lửa, khi Xuân Trường đang lắp đạn thì bị một viên đạn địch xuyên qua ngực, anh ngã gục xuống. Lúc này, các tổ bên ngoài cũng đã vào tới nơi. Xuân Trường gượng dậy gọi đồng chí Thế Hậu và nói: “Mình bị đạn rồi, cậu lấy ngay khẩu súng của mình đánh đi!”. Nghe tiếng gọi, Thế Hậu chạy tới xốc Xuân Trường lên, nhưng anh gạt ra và giục: “Đánh đi, không lười thôi gì với mình cả. Xung phong lên!”. Rồi Xuân Trường trút hơi thở cuối cùng giữa lúc tiếng súng còn vang dội. Cuộc chiến đấu diễn ra từ 11 giờ đêm 4 tháng 12 tới 3 giờ sáng ngày 5 tháng 2. Các chiến sĩ ta vừa chiến đấu vừa hát, tuy tiếng hát lúc này có tác dụng động viên khí thế chiến đấu của anh em và tiện cho việc liên lạc, song nó lại làm lộ các vị trí chiến đấu của ta, khiến địch phát hiện được mục tiêu, tập trung hỏa lực bắn tới. Thấy kéo dài cuộc chiến đấu sẽ không có lợi, Ban chỉ huy hạ lệnh rút khỏi đồn trước lúc trời sáng, mặc dù nhiều chiến sĩ yêu cầu tiếp tục chiến đấu tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Trận này ta tiêu diệt 20 tên, thu 5 súng trường Mútcotông và một số đạn, bắt 3 tù binh. Riêng đồng chí Đàm Quang Trung một mình dùng súng và dao tiêu diệt 5 tên. Phía ta, tiểu đội trưởng Xuân Trường chiến đấu anh dũng và hy sinh. Ngay sau trận đánh, do yêu cầu phải rút nhanh và bí mật nên hầu hết bộ đội tham gia trận đánh phải rút đi ngay. Ban chỉ huy Đội cử một số đồng chí ở lại cùng với cơ sở và nhân dân địa phương làm lễ an táng đồng chí Xuân Trường. Trước lúc hành quân, toàn Đội cúi đầu mặc niệm vĩnh biệt người đồng chí, đồng đội trung kiên bất khuất. Để ghi nhớ hình ảnh người đội viên Đội Việt Nam tuyên truyền

Giải phóng quân đã chiến đấu hy sinh anh dũng - người liệt sĩ đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam, nhân dân xã Đồng Mu quyết định đổi tên xã thành xã Xuân Trường.

Trận đánh đồn Đồng Mu “tuy không phải thất bại, nhưng không tiêu diệt được toàn bộ quân địch như kế hoạch đã định”. Nguyên nhân chủ yếu là do ta không bám sát diễn biến mới nhất trong đồn. Qua khai thác tù binh, Ban chỉ huy Đội được biết, buổi chiều trước lúc ta tập kích, tên đồn trưởng người Pháp nhận được lá thư của bọn phi đe dọa tối chúng kéo quân ra đánh đồn. Vì vậy, binh lính trong đồn đã chuẩn bị đối phó từ chiều. Đêm đó, một nửa số binh lính địch trong đồn thức đề phòng. Chúng không cho bất kỳ một ai ra vào đồn, do đó cơ sở ta ở trong đồn không báo tin ra ngoài cho Đội được. Dù vậy, trận đánh đã để lại cho toàn Đội bài học kinh nghiệm quý báu và xây dựng cho bộ đội truyền thống chiến đấu anh dũng ngay cả khi gặp khó khăn nhất. Trận đánh không hoàn thành, lần đầu tiên trong Đội có đồng chí hy sinh, anh em không khỏi có những suy nghĩ. Tuy nhiên, Ban chỉ huy Đội đã quán triệt, giải thích: “Trong cuộc chiến đấu dài lâu, tất nhiên là phải có lúc thành, lúc bại. Qua trận đánh lần này chúng ta rút được những kinh nghiệm để sau này chiến thắng lớn hơn”.

Sau trận đánh, nhân lúc trời còn sương mù, ta tiến vào phố Đồng Mu, tập hợp nhân dân, giải thích mục đích, hành động của Đội. Sau đó, Đội để lại một nhóm nhỏ hoạt động quấy rối ở miền biên giới, còn lại chia làm hai bộ phận rút quân. Bộ phận thứ nhất, do đồng chí Đàm Quang Trung chỉ huy, quay về rừng Trần Hưng Đạo, Nguyên Bình. Những ngày gần Tết, đồng chí Nông Văn Lạc nhận được lệnh của đồng chí Võ Nguyên Giáp đi đón cánh quân này về Nguyên

Bình cùng ăn Tết, nhưng mũi hành quân này không về kịp Nguyên Bình trước Tết Ất Dậu mà về muộn mấy ngày.

Cánh quân thứ hai, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, rút về hướng Nam. Trên đường đi, tất cả được lệnh phải giữ tuyệt đối bí mật, không để lại dấu vết, nhất là khi đi qua các đồn trại địch. Ở những chỗ trú quân, do trời rét, bộ đội phải lấy lá rừng về rải nằm, do đó, trước khi đi phải xoá hết các dấu tích chỗ ngủ, ăn, nấu cơm. Qua những vùng có đồn địch, hay các làng xóm không có cơ sở, Đội phải đi vòng. Ở các làng có cơ sở, cán bộ và chiến sĩ tản ra, phối hợp với tự vệ chiến đấu tuần tra canh gác, đi tuyên truyền giáo dục để nhân dân hiểu hơn về chính sách Việt Minh, đoàn kết toàn dân, đánh đuổi Nhật - Pháp, cứu nước, yêu cầu mọi người giữ bí mật, thực hiện ba không: “Không nghe, không biết, không thấy”.

Lúc này, thời tiết đang độ cuối Đông, trời rét như cắt da cắt thịt. Bộ đội hành quân liên tục, lại vượt các núi đá tai mèo, nhiều người bị đau chân. Những lúc khó khăn như vậy càng sáng ngời tình đồng chí, đồng đội. Cán bộ yêu thương săn sóc chiến sĩ bị đau. Đồng chí Vũ Lập cởi chiếc áo ấm của mình mặc cho một chiến sĩ bị mệt. Nhiều cán bộ nhường giày lại cho những anh em bị đau chân. Có đồng chí cán bộ bị đau chân nhưng vẫn cố gắng theo kịp đội hình. Đi đến đâu, bộ đội cũng được nhân dân đón tiếp nhiệt tình, niềm nở như những con em họ. Đồng bào còn cho bộ đội nhiều lương thực, thực phẩm, quà bánh. Có nơi, khi bộ đội đến, lúc đầu đồng bào tưởng là thổ phỉ, đem của cải cất giấu trong rừng, nhưng khi biết là bộ đội cách mạng, lại không dừng chân được lâu, thì ngay trong đêm, đồng bào vào rừng làm thịt lợn, thịt gà, nấu cơm cho bộ đội ăn. Những tình cảm này làm cho tất cả mọi người đều cảm động.

Theo phương châm của lãnh tụ Hồ Chí Minh từ ngày đầu thành lập “chính trị trọng hơn quân sự, và vũ trang tuyên truyền trọng hơn tác chiến”, Đội tiến hành vũ trang tuyên truyền trong nhân dân tại những nơi đi qua. Tới đâu, Đội đều phát truyền đơn, viết khẩu hiệu và tổ chức các cuộc mít tinh tuyên truyền chính sách Việt Minh, tuyên truyền chiến thắng. Nhận thức được rằng, nếu không dựa vào dân thì bộ đội giải phóng không thể tồn tại, nên Ban chỉ huy Đội luôn quán triệt anh em chấp hành nghiêm kỷ luật dân vận. Bộ đội phải tôn trọng, đối xử tốt với nhân dân, không tơ hào đến thứ gì dù là nhỏ nhất, luôn kính già, yêu trẻ, tôn trọng phụ nữ, tôn trọng phong tục tập quán của dân. Có những nơi, khi đội đến, dân chúng tưởng là thổ phỉ nên chạy trốn cả vào rừng, bỏ lại hết thảy những của cải. Bộ đội ta thu nhặt rồi đưa trả lại cho dân. Những hành động và sự đối xử ấy đã làm cho đồng bào các dân tộc vùng biên giới rất ngạc nhiên và cảm kích vì từ trước tới nay họ chưa thấy một đội quân nào có kỷ luật nghiêm và đối xử tốt với dân như vậy. Cho nên, sau đó ảnh hưởng của cách mạng lan rộng khắp vùng. Đến đâu, Đội cũng được đồng bào yêu mến và ủng hộ nhiều lương thực, thực phẩm. Tuy nhiên, để đề phòng những lúc biến động, dân không tiếp tế được, hay lúc cán bộ, chiến sĩ bị đi lạc, Đội chủ trương sử dụng rất tiết kiệm, mỗi bữa ăn bớt một ít gạo, dành dùm để mỗi chiến sĩ luôn có một bao lương khô bằng gạo rang hoặc ngô rang dự phòng. Kỷ luật về lương thực cũng được đặt ra rất nghiêm, khi chưa có lệnh của người chỉ huy, không ai được đụng đến lương thực dự phòng.

Bên cạnh đó, lãnh đạo, chỉ huy Đội ra lệnh cấm các đội viên uống rượu và hút thuốc lá. Nếu hút thuốc lá, khói và đầu mẩu điếu thuốc dễ làm lộ tung tích đơn vị, đặc biệt là khi

hành quân. Khi uống rượu vào sẽ mất tỉnh táo, mặt đỏ hoặc sinh thối ba hoa và không kiểm soát được các hành động của mình. Đồng chí Võ Nguyên Giáp rất nghiêm khắc với những điều cấm này. Một lần, các đồng chí Hoàng Sâm, Mai Trung Lâm, Bế Sơn Cương xuống bản công tác. Do được đồng bào yêu quý nài ép uống, cả nể, lại nghĩ uống một vài chén cũng không ai phát hiện được, nên đã uống rượu. Tuy nhiên, khi về đơn vị, bị kiểm tra và phát hiện, cả ba đã bị đồng chí Võ Nguyên Giáp phê bình là không tôn trọng kỷ luật, nhất lại là cán bộ mà không nêu gương cho anh em. Cả ba đồng chí được một bài học bổ ích và rất ân hận vì đã không nghiêm khắc với chính bản thân mình<sup>1</sup>.

Những ngày giáp Tết Ất Dậu, cánh quân này đã về đến Thông Nông. Nhân dân được tin đốt đuốc, bày cỗ đón bộ đội. Đêm đến, bộ đội rút lên đỉnh núi. Sáng 30 Tết, cán bộ cơ sở lên báo tin có địch kéo về làng cần quét. Chỉ huy Đội ra lệnh chuẩn bị chiến đấu. Một lúc sau, dưới làng có tiếng súng nổ nhưng không thấy địch kéo lên. Song cả Đội đều lo lắng bởi vì lúc rút lên núi chiều qua, trong Đội có đồng chí Đức Cường bị đau chân nên đi tụt lại sau, đến sáng ra vẫn chưa thấy về. Chiều hôm đó, đồng chí Chủ nhiệm Việt Minh xã lên kể lại diễn biến tình hình lúc sáng. Địch tràn vào làng xong, kéo quân ra phía rừng, phát hiện trong hang có người. Chúng xông vào định bắt sống nhưng bị người trong hang bắn ra. Địch đứng ngoài bắn vào, lấy rơm chất đầy cửa hang rồi đốt. Người trong hang bắn ra rất dữ rồi bất ngờ xông ra khiến cho

---

1. Mai Trung Lâm - *Tiến quân vào Chợ Rã*, Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số tháng 12 năm 1989.



lính địch hốt hoảng bỏ chạy tán loạn. Về sau, tìm về đơn vị, kể lại câu chuyện trên, mọi người mới biết người trong hang chính là Đức Cường. Bị vây trong hang, một mình đồng chí đã chiến đấu với 12 tên địch, bắn bị thương 2 tên. Đồng chí bị chỉ huy Đội phê bình vì hành quân chậm trễ, nhưng lại được nhân dân khen ngợi và tặng quà vì tinh thần chiến đấu dũng cảm.

Tối 30 Tết Ất Dậu, tại một bản của đồng bào Dao, các đội viên tổ chức ăn Tết cùng nhân dân. Ngày mồng 5 Tết, các đội viên trong bộ phận chính do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy về tổng Hoa Thám. Cả đội đang liên hoan thì đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Lã - Bí thư Liên tỉnh ủy và một số đại biểu các giới phụ lão, phụ nữ, thanh thiếu niên các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Kinh... tới chúc Tết. Thay mặt Đoàn thể, các đồng chí hoan nghênh chiến công của Đội, biểu dương tinh thần chiến đấu dũng cảm của cán bộ và chiến sĩ, chúc Đội trong năm mới tiếp tục giành nhiều thắng lợi lớn hơn nữa. Các đồng chí thông báo về sự phát triển của phong trào cách mạng các địa phương. Anh em hết sức phấn khởi. Đồng chí Võ Nguyên Giáp, thay mặt Đội, hứa quyết tâm chiến đấu đuổi Pháp - Nhật xâm lược, giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc. Đồng chí cũng cảm ơn Tổng bộ Việt Minh, Liên tỉnh ủy và nhân dân các dân tộc đã quan tâm giúp đỡ và động viên bộ đội. Sau đó, các đại biểu chia nhau đi gặp gỡ, nói chuyện thân mật với chiến sĩ.

Mấy ngày sau, các cánh quân của Đội đều về tới tổng Hoàng Hoa Thám, nơi hai tháng trước đây Đội đã làm lễ thành lập và hứa hẹn ngày về chiến thắng. Dọc theo con suối trong rừng sâu, đồng bào cất sẵn mấy ngôi nhà bằng vầu,

mái lợp lá chuối, có sàn nứa cao ráo chờ bộ đội. Nhân dân còn chuẩn bị quà bánh biếu Đội; từ giày vải, khăn mặt, khăn tay do các bà, các chị dệt có thêu chữ tặng bộ đội, đến bánh chưng, xôi, chè lam, kẹo, thức ăn mặn đựng trong ống bương, gạo ngô đựng trong bao tọng... Thường ngày, Đội chỉ ăn muối với rau rừng, thỉnh thoảng mới có ít thịt trâu, thịt bò khô nấu với măng, hôm nay sáu người được chia hai bánh chưng, một ít thịt lợn luộc đặt trên lá chuối, lại có nước mắm để chấm. Như thế, đối với các chiến sĩ đã thực sự là bữa tiệc. Sức khoẻ cán bộ, đội viên có phần được cải thiện sau những ngày liên tục hành quân vất vả, thiếu thốn. Nhân dịp Tết, Đội cho in những thiệp chúc mừng trên giấy hồng, gửi tới các hội viên Cứu quốc, các trường học, thân hào, thân sĩ... chúc sang năm mới nhân dân được hưởng nhiều điều tốt lành, chúc nước nhà được độc lập, tự do. Khắp nơi trong vùng đấu cũng thấy các khẩu hiệu, biểu ngữ của quân giải phóng như: “Kính trọng nhân dân, giúp đỡ dân, bảo vệ dân, mỗi viên đạn một tên giặc...”. Các tờ truyền đơn kêu gọi binh lính cũng được rải khắp nơi. Mấy ngày sau, từ nơi tập kết ở rừng Trần Hưng Đạo, toàn Đội chuyển vào rừng đại ngàn Khau Giàng xã Hưng Đạo.

Ban chỉ huy Đội và Liên tỉnh ủy đặt kế hoạch mở rộng tổ chức cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang, đề ra biện pháp phát triển công tác vũ trang tuyên truyền. Trước khi đánh, phải tính đến mục đích tuyên truyền. Sau khi đánh, phải tìm cách phát huy chiến thắng bằng công tác tuyên truyền. Ngoài tác chiến đánh địch, Đội đặt kế hoạch tiến hành công tác vũ trang tuyên truyền trong nhân dân, thực chất là dùng lực lượng vũ trang để tuyên truyền giác ngộ chính trị, làm cho nhân dân tin ở sức mạnh của cách mạng. Trước đây,

nhân dân hay nhìn vào vũ khí của quân cách mạng, nay bộ đội tuyên truyền, giải thích cho đồng bào rõ: sức mạnh của vũ khí không phải là quyết định mà chính sức mạnh của tình đoàn kết toàn dân mới là quyết định. Khi nhân dân chưa hiểu, chưa giác ngộ thì coi như nhiệm vụ tuyên truyền chưa hoàn thành. Địa bàn tác chiến và vũ trang tuyên truyền sắp tới được Đội đề ra là gây dựng một khu vực rộng rãi từ các vùng rừng núi tiếp giáp Hoà An, cho đến các châu Nguyên Bình, Ngân Sơn, Chợ Rã và vùng phụ cận các núi Phia Uắc, Phia Giã, Phia Bioóc.

Sau mấy ngày nghỉ Tết, Đội gấp rút tiến hành công tác huấn luyện nhằm nâng cao kỹ thuật, chiến thuật chiến đấu, quán triệt các nhiệm vụ Liên tỉnh ủy và Ban chỉ huy Đội đề ra về tác chiến và vũ trang tuyên truyền. Sau đó, đơn vị phân tán đi hoạt động ở các nơi, vừa xây dựng cơ sở cách mạng, vừa tác chiến với địch. Một nhóm được cử đi trước để lập những cứ điểm nhỏ dọc đường, đi từ Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn hướng về phía Chợ Chu.

Giữa tháng 2 năm 1945, Đội cử một đơn vị gồm các đồng chí Bé Sơn Cương, Lâm Kính, Bé Văn Sắt và Mai Trung Lâm xuống hoạt động ở khu vực tiếp giáp giữa hai châu Nguyên Bình và Ngân Sơn<sup>1</sup>. Đây là vùng đồng bào Dao Tiên, ngoài ra còn có một số làng Tày, Nùng thuộc châu Nguyên Bình. Phong trào cách mạng ở đây không được như các địa phương khác ở Nguyên Bình. Nhiệm vụ của đơn vị là giúp địa phương mở rộng và củng cố phong trào, tiêu trừ bọn phản

---

1. Mai Trung Lâm - *Tiến quân vào Chợ Rã*, Tạp chí *Lịch sử quân sự* các số 11, 12-1989 và 1-1990.

động tay sai chống phá cách mạng. Các đồng chí trong đơn vị đã nghe đồng bào phản ánh về tên Quán Chiếu (một chức vụ tương đương tri châu) rất gian ác. Y cậy thế trong tay có một trung đội, lại giỏi võ, nên xưng hùng, xưng bá, lòng bất cần bộ cách mạng, thẳng tay đàn áp những ai chống lại, ra sức vơ vét của cải của dân. Vì vậy, phong trào không phát triển được. Chỉ huy đơn vị quyết định tiêu diệt tên này. Ban đầu, các đồng chí định đột nhập nhà y để tiêu diệt, nhưng qua điều tra thấy như vậy khó thành công do địch rào làng kỹ, khó vượt qua. Sau đó, chỉ huy đơn vị quyết định đánh vào lúc nhá nhem tối, khi cổng làng chưa đóng, ta đóng giả quân đi tuần vào thẳng nhà tên Quán Chiếu để tiêu diệt. Đồng chí Bé Sơn Cương mặc quân phục khố đỏ, đồng chí Mai Trung Lâm đóng vai Bang tá, đồng chí Lâm Kính trong vai Thông phán và mấy đồng chí khác giả làm thường dân, mang vũ khí bí mật theo người. Sau một ngày hành quân, các đồng chí tới làng vào sẩm tối. Hay tin tên Quán Chiếu đang đi săn, cả nhóm đứng đợi y ở cách cổng làng độ vài chục mét. Khi tên này về, hấn tưởng là cấp trên đến kiểm tra, nên khúm núm chào hỏi. Lắng nghe với thái độ bất cần, bất ngờ đồng chí Mai Trung Lâm đá một cú như trời giáng vào bụng hấn. Không kịp chống cự, tên Quán Chiếu ngã quy xuống. Đồng chí Bé Sơn Cương lập tức xông tới cướp khẩu súng và con dao của y. Rồi đồng chí Lâm Kính trối chết, áp giải y đi ngay. Quân ta nhanh chóng rút vào rừng sau khi rải truyền đơn giải thích việc trừng trị tên phản động này và kêu gọi nhân dân đứng lên chống Pháp - Nhật, cứu nước, cứu nhà. Sau vụ tên Quán Chiếu gian ác bị trừng trị, bọn phản động ở địa phương co lại, không dám hung hăng như trước. Nhờ đó, cán bộ tại đây có

điều kiện xấu lại phong trào, mở rộng thêm các cơ sở cách mạng.

Một trung đội do đồng chí Hoàng Sâm chỉ huy, ở lại hoạt động tại vùng đèo Ben-le, giáp giới Cao Bằng và Bắc Kạn. Một trung đội khác bố trí phục kích địch tại vùng Khau Giáng - Ngân Sơn, do đồng chí Dương Đại Long chỉ huy.

Ngày 25 tháng 2 năm 1945, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân phục kích địch trên đường từ Nà Ngần đi Ben-le. Sau khi điều tra kỹ quy luật hoạt động của địch, lại nhận được tin chắc chắn có một đội vận tải của chúng sắp đi qua, đồng chí Hoàng Sâm chỉ huy bộ đội hành quân cấp tốc suốt cả ngày để tới địa điểm phục kích đã chọn là quãng đường một bên là thành vại, cây cối rậm rạp, một bên cỏ gianh mọc um tùm. Đồng chí Hoàng Sâm và đồng chí Võ Nguyên Giáp bố trí địa điểm chỉ huy ở trên một quả đồi có thể quan sát xa 3 ki-lô-mét. 15 giờ ngày 25 tháng 2, toán quân địch mới về tới nơi. Chờ cho chúng lọt hẳn vào trận địa, đồng chí Hoàng Sâm nổ phát súng hiệu. Toàn Đội nổ súng rồi nhất loạt xung phong. Bị bất ngờ, quân địch không tên nào kịp chống cự, buộc phải đầu hàng. Trận này, ta bắt gần 1 trung đội địch, thu 16 súng và nhiều đạn dược, lương thực.

Ta tuyên truyền chính sách với tù binh rồi thả cho chúng trở lại đồn Nà Ngần. Cũng ngay đêm ấy, Ban chỉ huy Đội quyết định đánh đồn Nà Ngần lần thứ hai. Tù binh địch từ Ben-le về Nà Ngần, kể lại tình hình vừa bị chặn đánh cho đồng bọn. Trong lúc quân địch đang hết sức hoang mang thì bộ đội ta, theo đường núi tiến quân, đã vận động tới bao vây đồn. Ta vừa nổ súng, vừa bắc loa gọi hàng. Quân địch số bỏ chạy, số hạ vũ khí đầu hàng. Trời tảng sáng, ta chiếm đồn và

thu được 30 khẩu súng cùng đạn dược và đồ quân dụng. Số vũ khí này được chuyển về cho đội vũ trang các châu.

Tình hình ngày càng biến chuyển khẩn trương, nhanh chóng, có lợi cho cách mạng. Đầu tháng 3 năm 1945, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Vũ Anh tới thăm Đội tại tổng Hoàng Hoa Thám, truyền đạt chỉ thị của cấp trên: "Đội phải tiến xuống phía Nam sớm, mở nhanh những đường liên lạc với vùng xuôi". Hai ngày sau đó, có tin báo về những biểu hiện của việc Nhật chuẩn bị đảo chính Pháp. Từ trong rừng Phan Thanh, tổng Hoàng Hoa Thám, toàn Đội xuất phát theo kế hoạch Nam tiến, giương cao cờ đỏ, kéo xuống tổng Kim Mã ngay giữa ban ngày.

Trải qua bao ngày phải hoạt động bí mật, chủ yếu là về đêm, luồn rừng vượt suối, nay cả Đội được giương cao lá cờ đỏ sao vàng, hành quân đi giữa "thanh thiên bạch nhật", ai nấy đều vui sướng và cảm động. Trên đường bộ đội đi qua, bà con nghe tin bộ đội cách mạng hoạt động đã lâu, nay đều ùa ra nồng nhiệt chào đón. Tới đâu, Đội tập hợp đồng bào lại, tổ chức mít tinh, giải thích chính sách Việt Minh, kêu gọi đồng bào: Nhật, Pháp đánh nhau là thời cơ tốt để đứng dậy khởi nghĩa. Đội tiến hành tước vũ khí của lính đồng, tuyển thêm thanh niên để phát triển lực lượng.

Tiếp đó, sau khi viết thư báo cáo về Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, cả Đội theo đường cái tiến về phía Nam. Đồng thời, ngày 19 tháng 3, Đội cử một tiểu đội, do các đồng chí Hoàng Thịnh và Bé Sơn Cương chỉ huy, ở lại tổng Hoàng Phài để bắt tên Tổng đoàn phản động, tước vũ khí lính đồng, tuyên truyền giải thích chính sách Việt Minh cho nhân dân địa phương. Tại đây, tên Tri châu nghe tin, hoảng sợ bỏ chạy,

lính trong đồn Yên Lạc đầu hàng. Ngày 28 tháng 3 năm 1945, đơn vị này tiến vào Na Rì. Bọn hào lý địa phương đem triệu hạ, sổ sách nộp cho quân giải phóng. Ta hoàn toàn làm chủ châu lỵ Na Rì.

Bộ phận chính của **Đội Việt Nam** tuyên truyền Giải phóng quân, do đồng chí Võ Nguyên Giáp và Hoàng Sâm chỉ huy, tiếp tục tiến xuống Ngân Sơn. Ngày 14 tháng 3 năm 1945, đồng chí Doanh Hằng - cán bộ địa phương, đã mang thư viết bằng tiếng Pháp của đồng chí Võ Nguyên Giáp kêu gọi hợp tác đánh Nhật, tới chỉ huy quân địch tại đây. Tên Tri châu Ngân Sơn và Bang tá xem xong thư không trả lời gì mà lên ngựa chạy về hướng tỉnh lỵ. Tên đồn trưởng người Pháp là Đờ Đông, xem xong thư vẫn không tỏ ý chấp thuận. Ngày 18 tháng 3, ta lại cho người đưa tiếp thư cho Đờ Đông, song tên này vẫn nán ná không trả lời, mà có ý muốn chờ quân Nhật tới. Ngày 20 tháng 3, bộ phận đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, do đồng chí Võ Nguyên Giáp và đồng chí Hoàng Sâm chỉ huy, từ rừng Khau Giàng đã về đến xã Thượng Ân. Cùng ngày 20 tháng 3, đồng chí Võ Nguyên Giáp cử một đơn vị Giải phóng quân do đồng chí Mai Trung Lâm và Bế Văn Sắt chỉ huy, đi tiền trạm xuống châu Chợ Rã. Đêm 20 tháng 3, đồng chí Võ Nguyên Giáp viết tối hậu thư, giao cho đồng chí Đào Văn Bích mang đến cho đồn trưởng Ngân Sơn - Đờ Đông. Thư nêu rõ: "Nếu muốn cùng hợp tác với Việt Minh đánh Nhật thì phải kéo quân vào ngay khu du kích, sẽ được giúp đỡ, trái lại muốn ở lại để nộp khí giới cho Nhật thì Việt Minh sẽ đánh đồn". Lần này, tên chỉ huy quân Pháp buộc phải đồng ý. Sáng ngày 21 tháng 3, Đờ Đông cho thổi kèn tập hợp quân lính rồi đi theo đồng chí Bích tới địa điểm hẹn trước tại xã Cốc Đán. Tại đây, chỉ huy **Đội** tiếp

nhận sự đầu hàng của chúng. Ngay hôm đó, một cuộc mít tinh liên xã dã được tổ chức tại bản Nà Sáng (Ngân Sơn). Trước đông đảo nhân dân tới dự, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã nói chuyện về tình hình quốc tế, về phong trào cách mạng ở các tỉnh Cao - Bắc - Lạng, trong cả nước và kêu gọi mọi người ủng hộ cách mạng. Châu ly Ngân Sơn được giải phóng trong niềm hân hoan phấn khởi của đồng bào các dân tộc tại đây.

Trưa ngày 21 tháng 3, một tiểu đội giải phóng quân, do đồng chí Thái Sơn và Lâm Cẩm Như chỉ huy, đi cùng đồng chí Doanh Hằng tiến đến phố Bằng Khẩu (khu phố của người Hoa) tuyên truyền chính sách Việt Minh. Đến đây, theo lệnh của đồng chí Võ Nguyên Giáp, Đội cử ra một số đơn vị nhỏ tỏa đi các địa phương hoạt động vũ trang tuyên truyền gây cơ sở:

Bộ phận chính, do đồng chí Hoàng Sâm chỉ huy, tiến theo quốc lộ 3b xuống Phủ Thông, đi về phía Bắc Kạn tước vũ khí của lính đông, chiến đấu với quân Nhật, vũ trang tuyên truyền trong quần chúng và phát triển lực lượng.

Một bộ phận khác gồm một trung đội, do đồng chí Hoàng Văn Thái phụ trách, cũng xuất phát trong ngày 27 tháng 3, có nhiệm vụ tiến qua núi Phia Bióc về giải phóng Chợ Đồn (Bắc Kạn). Đơn vị này làm nhiệm vụ tước vũ khí của lính đông, thành lập các đội tự vệ chiến đấu của địa phương, phá chính quyền cơ sở cũ, xây dựng chính quyền cách mạng. Nhờ đó, phong trào cách mạng những nơi Đội đi qua đều phát triển mạnh. Việc thành lập chính quyền cơ sở, tổ chức thêm các tiểu đội, trung đội tự vệ cũng tương đối thuận lợi.

Ngày 28 tháng 3 năm 1945, trên đường hành quân, khi còn cách Chợ Đồn khoảng 20 ki-lô-mét, trung đội gặp tên tri



châu Chợ Đồn là Bé Ngọc Bảo dẫn cả vợ con đi về quê ở Cao Bằng. Tên này trình bày về tình hình Chợ Đồn sau ngày Nhật đảo chính Pháp: các quan thầy Pháp bỏ chạy, người của Nhật chưa nắm được gì, các nhân viên chính quyền cũ lo sợ bỏ chạy cả. Tiền bạc không còn nhưng trong kho vẫn còn vài chục tấn thóc. Được tin này, đồng chí Hoàng Văn Thái lập tức lệnh cho toàn đơn vị tiến nhanh để kịp thời nắm chính quyền ở Chợ Đồn. Dù lúc này anh em trong đơn vị cũng đã mệt vì hành quân suốt mấy ngày đêm liền, nhưng vẫn động viên nhau đi thật nhanh bởi nếu chậm thì bọn tay chân của Pháp kịp gượng dậy, hoặc bọn tay sai Nhật sẽ kéo đến lập chính quyền của chúng. Xế chiều hôm đó, đơn vị đến xã Phương Viên, tới bản Nà Mòn. Tự vệ địa phương báo cáo có tên quản Tổng dẫn một đại đội khố xanh chạy đến Bản Cải (cách nơi đóng quân đơn vị khoảng 1 ki-lô-mét). Nắm được tư tưởng quân địch lúc này đang hoang mang, đồng chí Hoàng Văn Thái phân công một số đội viên đi vận động nhân dân và thuyết phục bọn lính nộp súng cho cách mạng.

Ngày 29 tháng 3 năm 1945, đồng chí Hoàng Văn Thái và ba người nữa đến gặp quản Tổng, nói rõ là người của quân đội Việt Minh, yêu cầu chúng nộp vũ khí, còn binh lính ai muốn có thể theo cách mạng, hoặc có thể về quê. Ban đầu quản Tổng không chịu, đòi ta phải đấu súng, nếu y thua thì mới chịu nộp vũ khí. Ta đấu tranh kiên quyết, thuyết phục y bằng việc phân tích tình hình quốc tế, tình hình phong trào cách mạng nước ta, tội ác của Nhật, Pháp, sự thống khổ của nhân dân, binh lính... Bên cạnh đó, ta huy động quần chúng nhân dân kéo đến rất đông để gây áp lực. Trước tình thế đó, quản Tổng buộc phải tập hợp quân lính và giao nộp súng cho cách mạng. Đồng chí Hoàng Văn Thái giải thích chính sách

của Việt Minh, cấp giấy và tiền đi đường cho binh lính về quê. Như vậy, không tốn một viên đạn, ta đã chiếm được châu lỵ Chợ Đồn, giải giáp 1 trung đội lính khố xanh, thu hơn 100 súng các loại. Thắng lợi này đã làm thay đổi tình thế cách mạng ở xã Phương Viên và khu vực xung quanh Chợ Đồn. Nhân dân quanh vùng nghe tin đã mang nhiều quà bánh, lương thực đến ủng hộ và chúc mừng bộ đội cách mạng. Đến ngày 30 tháng 3 năm 1945, hầu hết các xã trong huyện Chợ Đồn đã được giải phóng.

Sau đó chỉ huy trung đội gặp đồng chí Nông Văn Quang là cán bộ Nam tiến xây dựng cơ sở ở địa phương này, bàn việc lập danh sách cán bộ Ủy ban cách mạng lâm thời huyện. Ủy ban nhân dân lâm thời huyện Chợ Đồn gồm 5 đại biểu do đồng chí Nguyễn Đức Thanh làm Chủ tịch.

Sáng ngày 30 tháng 3 năm 1945, đơn vị cùng với cán bộ địa phương tổ chức một cuộc mít tinh lớn ra mắt chính quyền cách mạng. Trước đông đảo nhân dân, đồng chí Hoàng Văn Thái trình bày về tình hình quốc tế đang biến chuyển thuận lợi, sự phát triển của phong trào cách mạng trong nước, ở nhiều nơi nhân dân đã vùng lên khởi nghĩa... Đồng chí đi sâu giải thích chính sách 10 điểm của Mặt trận Việt Minh và cuối cùng bắt nhịp cho bộ đội và nhân dân cùng hát bài *Phát cờ Nam tiến*... Sau đó, Ủy ban cách mạng lâm thời Chợ Đồn chuyển về xã Bằng Lũy. Số anh em tự vệ và thanh niên xin gia nhập bộ đội rất đông. Với số súng vừa thu được của địch, ta phát triển thêm hai đại đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân mới. Bên cạnh đó, chỉ huy trung đội mở các lớp huấn luyện chính trị cấp tốc cho bộ đội và ủy ban. Kết thúc lớp học, lực lượng này phân tán thành từng tổ xuống các xã tiến

hành xoá bỏ chính quyền cũ, lập chính quyền cách mạng. Ban chỉ huy trung đội cử một bộ phận đến chiếm đồn lính khố xanh ở Bản Thi và một bộ phận khác xuống chiếm đồn tổng quận.

Sau khi giải phóng Ngân Sơn, đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, do đồng chí Võ Nguyên Giáp và đồng chí Hoàng Sâm chỉ huy, tiếp tục hướng về Chợ Rã. Tại đây, sau ngày Nhật đảo chính Pháp, hàng trăm tên lính, do Phó giám binh Bắc Kạn chỉ huy, kéo tới cướp bóc, phá phách nhân dân. Ngày 19 tháng 3 năm 1945, nhân dân và tự vệ khu Thiện Thuật đã chặn đánh một toán lính Pháp đi cướp bóc ở Pô Mô (xã Bằng Thành), buộc chúng đầu hàng và giao nộp nhiều vũ khí cho cách mạng. Sau đó, ta thừa thắng tiến công đồn Pắc Nặm, xoá bỏ chính quyền địch ở các xã phía Bắc châu Chợ Rã. Ngày 21 tháng 3 năm 1945, đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, từ Cốc Đán đã về đến Chợ Rã.

Lúc này, tại Chợ Rã, một đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, do đồng chí Mai Trung Lâm chỉ huy, cũng đã tiến tới nơi. Đơn vị này nhận lệnh của đồng chí Võ Nguyên Giáp tiến quân từ rừng Trần Hưng Đạo, qua Nà Bưa, Vàng Phai, thuộc châu Ngân Sơn, đi theo đường núi hướng về châu lỵ Chợ Rã. Ngày 20 tháng 3 năm 1945, trên đường qua xã Hà Hiệu, anh em phát hiện thấy một toán lính khố xanh, khố đỏ súng ống, ba lô đầy đủ, nhưng mặt mũi bơ phờ, hốc hác, dáng đi uể oải. Cả đơn vị tản ra, một đồng chí hô buộc chúng đứng lại, giơ tay đầu hàng. Đám lính địch cũng tản ra hai bên, nhường đường cho một tên người Pháp, hai tay giơ quá đầu, đi về phía ta. Y tự giới thiệu là Rasadiô, chủ mỏ Đầm Hồng - Bản Thi, được giám binh Bắc Kạn là đại

úy Đờôngtích phái đi gặp đồng chí Văn có việc khẩn cấp<sup>1</sup>. Còn tên giám binh Bắc Kạn đưa quân lính rút về đồn Ba Bể.

Đến lúc này, các đồng chí trong đơn vị mới biết là Nhật đã đảo chính Pháp nên binh lính Pháp mới ủ rũ như đám tàn quân như thế. Đồng chí Mai Trung Lâm hướng về phía binh lính kêu gọi họ đi theo cách mạng, đánh đuổi phát xít Nhật, giành độc lập cho Tổ quốc. Tiếp đó, cả tiểu đội đưa tên Pháp và binh lính địch tới gặp đồng chí Võ Nguyên Giáp.

Đồng chí Mai Trung Lâm được đồng chí Võ Nguyên Giáp giao nhiệm vụ cùng với đồng chí Bế Văn Sắt, mang bức thư của tên Rasadiô lên gặp giám binh Đờôngtích ở Ba Bể. Đi theo hai người còn có 4 lính khố xanh vừa để bảo vệ, vừa dẫn đường. Hai đồng chí vào Chợ Rã gặp tên tri châu Chợ Rã là Đồng Phúc Quận, yêu cầu y giúp cho mấy con ngựa để đi nhanh chóng gặp giám binh Bắc Kạn. Khi nghe giới thiệu là đại diện của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và của Việt Minh, viên tri châu vội đáp ứng ngay các yêu cầu của ta. Đồng chí Mai Trung Lâm nói khái quát tình hình trong nước và quốc tế, về sự phát triển của cách mạng sau khi Nhật đảo chính Pháp, nghĩa vụ của mỗi người Việt Nam đối với đất nước lúc này, rồi giao cho Đồng Phúc Quận tạm thời quản lý châu Chợ Rã, đợi đến khi gặp Đờôngtích xong, trở về sẽ có lệnh sau. Viên tri châu được giao nhiệm vụ một cách bất ngờ nên rất cảm động.

Ngày hôm sau (22-3-1945), đồng chí Mai Trung Lâm và đồng chí Bế Văn Sắt, cưỡi ngựa cùng bốn lính khố xanh đi về

---

1. Thời kỳ này các thư từ của Đội gửi đi đều do đồng chí Võ Nguyên Giáp ký tên là Văn.

Ba Bể gặp Đờôngtích. Trên đường đi, các đồng chí gặp toán lính khổ đỏ, do một lính Pháp mang quân hàm thượng sĩ chỉ huy. Sau khi biết mục đích chuyến đi, tên chỉ huy lệnh cho cấp dưới dẫn các đồng chí ta đến hồ Ba Bể. Tới gần hồ, tên thượng sĩ Pháp gọi người đưa thuyền ra đón. Thuyền cập bờ, các đồng chí Mai Trung Lâm và Bế Văn Sắt nhanh chóng lên bờ, tiến về phía đồn. Trên đường, các đồng chí gặp một toán vừa người Pháp vừa người Việt đi tới, dẫn đầu là một sĩ quan Pháp mang quân hàm đại úy. Đó chính là Đờôngtích. Đồng chí Mai Trung Lâm giới thiệu là đại diện của Mặt trận Việt Minh được cử đến để bàn chuyện hợp tác đánh Nhật... Sau khi hỏi một số vấn đề liên quan đến sự bố trí quân đội Việt Minh chống Nhật, trang bị vũ khí của ta, Đờôngtích nhận lời và hẹn tới gặp chỉ huy Đội để bàn tiếp chuyện hợp tác. Ngày 23 tháng 3 năm 1945, Đờôngtích đến gặp đồng chí Võ Nguyên Giáp xin giao lại toàn bộ vũ khí cùng 4 trung đội lính.

Sau đó, Ban chỉ huy Đội gửi thư cho tri châu Chợ Rã - Đông Phúc Quận, một tên nổi tiếng gian ác trong vùng, tới bàn công việc. Trước đó, được đồng chí Mai Trung Lâm thuyết phục, tên này đã đồng ý đi theo cách mạng và được giao quản lý châu Chợ Rã tới ngày Ban chỉ huy Đội tới nơi. Tuy nhiên, lúc này, khi nhận được thư, y chẳng những không hợp tác với cách mạng mà còn chạy đi Bắc Kạn theo Nhật. Lập tức, bộ đội cùng nhân dân đuổi theo vây bắt và theo yêu cầu của nhân dân, ta đã xử bắn tên này.

Tới đây, số sĩ quan và binh lính Pháp đầu hàng gặp chỉ huy Đội nhờ giúp đỡ đưa họ cùng vợ con sang Trung Quốc. Ban chỉ huy tiếp nhận đề đạt của họ. Đồng chí Hoàng Sâm cử đồng chí Nông Văn Bê đưa họ tới biên giới Việt - Trung.

Tuy nhiên, do không được báo trước trên đường đi, toán lính này và cả đồng chí Nông Văn Bê đã bị tự vệ châu Chợ Rã phục kích ở phía Bắc huyện Ba Bể. Nguyên do là lực lượng tự vệ ở đây thấy có một đoàn lính và sĩ quan Pháp chạy về hướng Trung Quốc, tưởng là lính Pháp rút chạy nên đã nổ súng. Đồng chí Nông Văn Bê làm nhiệm vụ dẫn đường, nhưng cùng đi trong đoàn, nên đã hy sinh.

Sau khi tổ chức cho binh lính, sĩ quan Pháp đi về biên giới, đồng chí Mai Trung Lâm và đồng chí Thanh Phong ở lại làm công tác tư tưởng cho số binh lính người Việt, thu xếp giải quyết theo nguyện vọng của từng người. Ai muốn theo Việt Minh thì ghi tên và làm lễ tuyên thệ. Ai muốn về quê thì được cấp giấy đi đường và tiền lộ phí. Sau đó, các đồng chí tập trung lực lượng phát triển phong trào quần chúng, tổ chức các hội Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh từ xã đến tổng, châu.

Cùng ngày 23 tháng 3 năm 1945, toàn Đội tiến vào giải phóng Chợ Rã giữa rừng cờ sao vàng của nhân dân và các hội Cứu quốc địa phương<sup>1</sup>. Nhân dân ùa ra đường chào đón, nhà nào cũng chuẩn bị cơm nước phục vụ bộ đội cách mạng. Tại đây, Đội tước vũ khí của lính đông, tổ chức lực lượng vũ trang châu, tuyển mộ thêm thanh niên để phát triển Đội, vừa tạo nguồn cán bộ cho địa phương về sau. Đến ngày 25 tháng 3 năm 1945, hầu hết các xã trong châu Chợ Rã đã được giải phóng. Ngày 26 tháng 3, đồng chí Võ Nguyên Giáp phân

---

1. Theo Đảng ủy, Bộ CHQS tỉnh Bắc Kạn: *Bắc Kạn - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr.40.

công một số đơn vị nhỏ xuống các xã giải tán bộ máy chính quyền cũ, lập Ủy ban nhân dân cách mạng ở các xã. Chính quyền địch tan rã, Ban Việt Minh châu đảm nhiệm điều hành các công việc hành chính hàng ngày. Sau khi tổ chức mít tinh phổ biến, tuyên truyền chính sách, mở lớp đào tạo cán bộ và lực lượng vũ trang châu, Ban chỉ huy Đội cử đồng chí Mai Trung Lâm ở lại phụ trách địa phương rồi tiếp tục tiến xuống phía Nam<sup>1</sup>.

Cùng ngày 23 tháng 3, một đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, do các đồng chí Hoàng Sâm và Đàm Quang Trung chỉ huy, từ Chợ Rã đi về hoạt động ở các xã Vi Hương, Quán Bình, Phủ Thông và một số nơi ven thị xã Bắc Kạn. Tên cai cơ chỉ huy đồn Phủ Thông hoảng sợ xin đầu hàng và trao vũ khí cho cách mạng. Đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân này đã cùng tự vệ và nhân dân các xã Vi Hương, Lục Bình, Quán Bình trừng trị Việt gian, tịch thu bằng triệu của hào lý, tuyên bố xoá chính quyền địch, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời ở các xã<sup>2</sup>. Sau đó, đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Chợ Rã xuất phát tiến về phía Nam.

Được phân công ở lại, đồng chí Mai Trung Lâm bàn với đồng chí Thanh Phong cử một bộ phận ở lại châu ly thường trực chỉ đạo công việc hàng ngày, đồng thời tổ chức một số nhóm đi làm công tác quần chúng ở các nơi trên địa bàn

---

1, 2. Đồng chí Mai Trung Lâm ở lại phụ trách châu Chợ Rã cho đến tháng 6-1945 thì được lệnh về Trường quân chính kháng Nhật ở Tân Trào nhận nhiệm vụ mới.

châu. Danh nghĩa là một tiểu đội nhưng số người trong đơn vị đã lên tới hơn 50 người. Vì vậy, đồng chí Mai Trung Lâm chia thành nhiều tổ, cử đến hoạt động ở những vùng dân tộc ít người thuộc khu vực Phủ Thông - nơi ta đã có cơ sở quân chúng từ sớm, rồi từ đó phát triển sang các vùng khác. Do bị cai trị lâu ngày, lại bị thực dân Pháp xuyên tạc, lừa bịp, nên lúc đầu thấy bộ đội Việt Minh, nhân dân sợ hãi bỏ chạy hoặc xa lánh. Nhưng dần dần, qua cách cư xử, nếp sống của bộ đội, họ hiểu và nhận ra bộ đội cách mạng khác với các đám lính khố xanh, khố đỏ trước kia. “Bộ đội Việt Minh kỷ luật rất nghiêm, kính già yêu trẻ, tôn trọng phụ nữ, không tơ hào cái kim sợi chỉ của dân, đi rừng lấy củi giúp dân, giúp dân làm vệ sinh thôn xóm”<sup>1</sup>. Được sự tuyên truyền giác ngộ của bộ đội và cán bộ, nhân dân hiểu rõ hơn và nhiệt tình ủng hộ cách mạng, ủng hộ bộ đội. Các đơn vị vũ trang tiến hành trừng trị Việt gian phản động có nhiều nợ máu với nhân dân, khoan hồng với những người cải tà quy chính, nên lòng dân, từ già đến trẻ, từ những người dân bình thường đến những gia đình có con em trước đây làm tay sai cho giặc, đều phấn khởi và tin tưởng vào cách mạng.

Mấy ngày sau, đồng chí Võ Nguyên Giáp quyết định thành lập chính quyền cách mạng tại Chợ Rã. Ngày 30 tháng 3 năm 1945, một cuộc mít tinh được tổ chức tại thị trấn Chợ Rã, Ủy ban nhân dân lâm thời cách mạng cấp huyện đầu tiên ra mắt nhân dân, tuyên bố xoá bỏ chính quyền cũ, bỏ các thứ thuế, thực hiện 10 chính sách của Việt Minh. Sau đó, Ủy ban

---

1. Mai Trung Lâm - *Tiến quân vào Chợ Rã*, trong sách Việt Nam Giải phóng quân - Nhớ lại bước khởi đầu, Sđd, tr.194.



thảo luận với cán bộ địa phương kế hoạch hoạt động và xây dựng các hội Cứu quốc, đội tự vệ.

Lúc này, sau đảo chính Nhật - Pháp, tình hình có nhiều thuận lợi cho phong trào cách mạng phát triển. Trung ương Đảng đã có chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*". Các địa phương, các đơn vị vũ trang hoạt động rất tích cực. Ở Cao - Bắc - Lạng, Liên tỉnh ủy ra nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ: đánh đổ chế độ thống trị Pháp từ cơ sở, lập chính quyền nhân dân từ xã lên châu, phủ; phân phối cán bộ của Đảng về cùng các đội vũ trang địa phương tổ chức những đơn vị Giải phóng quân mới, chuẩn bị trực tiếp đánh Nhật; kêu gọi binh lính Pháp hợp tác đánh Nhật. Các đơn vị Giải phóng quân được lệnh phát triển đi nhiều hướng khác nhau:

- Đồng chí Lê Thiết Hùng chỉ huy một đơn vị sang chiến đấu tại hướng Bảo Lạc. Tới nơi, đơn vị cử người tới gặp và kêu gọi tàn binh người Việt trong quân đội Pháp quay lại gia nhập hàng ngũ cách mạng. Thực hiện xong nhiệm vụ trên, đơn vị được chỉ định tiếp tục tiến xuống Thất Khê, Bình Gia (Lạng Sơn), phối hợp với những đơn vị của các đồng chí Đàm Minh Viễn, Hoàng Minh Thảo đẩy mạnh mọi hoạt động chuẩn bị khởi nghĩa. Trên đường tiến quân từ Bảo Lạc về Thất Khê, đơn vị đã tước được hàng trăm súng (trong đó có cả súng cối, súng máy...) và rất nhiều lừa, ngựa của các đoàn quân Pháp đang dồn nhau chạy qua biên giới. Có những bộ phận quân Pháp ngoan cố chống lại đã bị đơn vị chặn đánh và tước toàn bộ vũ khí như ở Trà Lĩnh, Mã Phục (Cao Bằng). Ngày 20 tháng 4 năm 1945, trên đường tiến quân, đơn vị này đã gặp một đơn vị Cứu quốc quân, cả hai cùng phối hợp đánh

chiếm Văn Mịch, và tới ngày 1 tháng 5 năm 1945, tiếp tục tiến đánh giải phóng Bằng Mạc (Lạng Sơn).

Tại miền biên giới Cao Bằng, đồng chí Lê Quảng Ba chỉ huy một đơn vị hạ đồn Sóc Giang, thu toàn bộ vũ khí đạn dược của địch. Sau khi giao nhiệm vụ chiến đấu giải phóng khu vực biên giới lại cho đồng chí Bằng Giang phụ trách, đơn vị này tiếp tục tiến sang Bắc Quang (Hà Giang).

- Một đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân do Bảo Ngọc chỉ huy từ Chợ Rã qua đường Chợ Xá tiến về Đầm Hồng, Đại Thí, Chiêm Hoá hợp với lực lượng Cứu quốc quân ở đây cùng tiến sang giải phóng Yên Bình (Yên Bái).

- Các đơn vị vũ trang Cao Bằng, dưới sự lãnh đạo của Liên tỉnh ủy, đã hạ một loạt đồn trại, thu súng của lính đông, tước vũ khí của các đoàn quân Pháp vượt qua biên giới Việt - Trung từ Trùng Khánh đến Bảo Lạc. Những sĩ quan Pháp không đáp lời kêu gọi hợp tác đánh Nhật, quay súng bắn vào các đơn vị của ta, đều bị lực lượng vũ trang ta tiêu diệt hoặc buộc phải nộp vũ khí. Ta thu được nhiều súng, trong đó có cả súng máy, súng cối và đại bác.

- Đầu tháng 4 năm 1945, đồng chí Dương Mạc Thạch chỉ huy một đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tiến xuống cùng nhân dân các xã Thanh Vân, Mai Lạp xoá bỏ chính quyền địch, tịch thu bằng triệu, giấy tờ, sổ sách của bọn hào lý, thành lập chính quyền cách mạng<sup>1</sup>. Cùng thời

---

1. Sau Hội nghị cán bộ Việt Minh tỉnh Bắc Kạn (tháng 4-1945) tại xã Thuần Mang, Ngân Sơn, đồng chí Dương Mạc Thạch được bầu vào Ban cán sự Việt Minh tỉnh (dẫn theo Đảng ủy, BCHQS tỉnh Bắc Kạn: *Bắc Kạn - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Sđd, tr.42-43).

gian đó, nhân dân các xã ngoại vi thị xã Bắc Kạn được sự hỗ trợ của một đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, do đồng chí Thu Sơn chỉ huy, đã tiến hành cướp chính quyền, thành lập chính quyền cách mạng, thi hành các chính sách Việt Minh ở những vùng này.

Không đầy một tháng sau ngày 9 tháng 3, các châu Hoà An, Nguyên Bình, Hà Quảng, Thạch An và một phần các châu Bảo Lạc, Quảng Uyên, Trùng Khánh... chính quyền đã về tay nhân dân. Các ban Việt Minh xã, tổng ra hoạt động công khai; mọi thứ thuế đều được bãi bỏ. Những vũ khí đoạt của địch được trang bị cho đội vũ trang các châu, phát triển thêm lực lượng các đội này. Lúc này, Cao Bằng đã thành lập được hơn 10 đại đội Giải phóng quân. Đồng chí Vũ Anh (Trịnh Đông Hải) cùng một đơn vị tiến xuống Bắc Sơn, Đình Cả, còn các đơn vị mới thành lập được lệnh di chuyển về phía Nam đợi lệnh.

Ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Giang, Vĩnh Yên, lực lượng Cứu quốc quân 1, 2, 3 được đoàn thể điều động tăng cường một số cán bộ của Xứ ủy và số cán bộ vượt ngục ra, duy trì, đẩy mạnh công tác vũ trang tuyên truyền. Các đơn vị này đã xây dựng cơ sở cách mạng ở nhiều bản làng, lập mới nhiều đơn vị tự vệ, du kích và nhất là đã tiến hành các trận đánh trừ gian, phục kích các đồn lính bảo an và lính Nhật. Sau đảo chính Nhật - Pháp, các đơn vị Cứu quốc quân đẩy mạnh hoạt động, chặn đánh quân Pháp ở Đèo Khế, tước khí giới mà quân Đồng Minh thả dù tiếp tế cho quân Pháp, bao vây hạ một loạt đồn: La Hiên, Chợ Chu, Chiêm Hoá, Đại Từ... Đảng bộ Thái Nguyên và Ủy ban quân chính Thái Nguyên đã lãnh đạo nhân dân các xã giành chính quyền bộ phận. Tới cuối

tháng 3 năm 1945, chính quyền ở nhiều xã trong tỉnh đã về tay nhân dân.

Ngày 27 tháng 3 năm 1945, Ban chỉ huy **Đội** lệnh cho đồng chí **Đàm Quang Trung** chỉ huy một đơn vị xuống hoạt động trong vùng **Phủ Thông**, thuộc huyện **Bạch Thông**, tỉnh **Bắc Kạn**. Nhiệm vụ của đơn vị là phải lấy cho được đồn **Phủ Thông** và phá kho thóc của **Nhật** chia cho nhân dân đang bị đói. Mặt khác, đơn vị phải tìm cách gây uy thế cho cách mạng, phát triển căn cứ địa, tiêu hao lực lượng địch, tranh thủ tuyển thêm người và vũ khí. Qua điều tra, Ban chỉ huy **Đội** được biết, đồn do lính khố xanh canh giữ. Chỉ huy đồn là **Hoàng Văn Ngọ** (**Cai Ngọ**). Là chỉ huy, nhưng **Cai Ngọ** là người hiểu biết, không ức hiếp ai và có thể thu phục được. Trong đồn có nhiều binh lính tỏ ra chán nản cảnh làm tay sai cho **Pháp**, **Nhật** và muốn bỏ ngũ. Sau khi ta tiến hành tuyên truyền vận động, đã có 6 tên bỏ về quê. Trước khi chuẩn bị đánh đồn, đơn vị cử người báo cho **Cai Ngọ** biết ý đồ đoạt đồn, tước vũ khí và lôi kéo số lính trong đồn theo **Việt Minh**. Tuy nhiên, sau đó mấy ngày, **Cai Ngọ** vẫn không có động tĩnh gì phúc đáp. Đơn vị lại cho người đến hẹn để bọn lính mở cổng đồn. Ngày 17 tháng 4 năm 1945, đồng chí **Đàm Quang Trung** dẫn trung đội tiến vào. **Cai Ngọ** mở cổng đồn, cho lính ra ngoài hàng rào đứng xếp hàng, cầm súng ngay ngắn tiếp đón. **Đội** chỉ huy đơn vị ta đến nơi, **Cai Ngọ** đứng trước hàng quân hô chào rồi bước lên báo cáo, xin đi theo quân đội cách mạng, theo **Việt Minh** đánh **Nhật**, cứu nước. Đồng chí **Đàm Quang Trung** phát biểu, hoan nghênh những người tình nguyện bỏ hàng ngũ địch theo về với cách mạng, còn những người có hoàn cảnh, không đi theo thì cho về quê. Đồng chí **Đàm Quang Trung** giao cho **Cai Ngọ** làm tiểu đội trưởng (đổi tên

đơn vị này thành Tiểu đội Phủ Thông) và đóng lại ngay tại đồn, đổi tên cho Cai Ngộ thành Hoàng Triệu Minh. Cai Ngộ dẫn chỉ huy đơn vị vào kho lấy thóc gạo phát cho dân và lấy súng<sup>1</sup>. Đồng chí Đàm Quang Trung chỉ huy các đơn vị vũ trang trên, hoạt động ở khu vực Bạch Thông cho tới cuối tháng 5 năm 1945 thì chuyển sang phía Tân Trào (Tuyên Quang).

Sau ngày thành lập chính quyền tại Chợ Rã (30-3-1945), những ngày đầu tháng 4 năm 1945, đơn vị chủ lực của Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân do đồng chí Hoàng Sâm phụ trách đi cùng đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, tiến xuống Chợ Đồn, Chợ Chu, Định Hoá (Thái Nguyên). Về đến Chợ Chu, đơn vị này đã gặp đơn vị Cứu quốc quân do Chu Văn Tấn chỉ huy. Hai bên thông báo cho nhau tình hình phong trào cách mạng ở những nơi đi qua. Chỉ huy Cứu quốc quân cho biết phong trào tại Tuyên - Thái phát triển mạnh và đã bắt được liên lạc với Trung ương ở miền xuôi. Hai đơn vị cùng đóng quân tại khu vực Chợ Chu. Sau cuộc liên hoan mừng hội ngộ, các chiến sĩ Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân chia nhau đi làm công tác dân vận. Tại đây, đồng chí Võ Nguyên Giáp nhận được chỉ thị của Trung ương Đảng về An toàn khu 2 ở Hiệp Hoà (Bắc Giang) để họp Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ vào giữa tháng 4 năm 1945. Từ Định Hoá, đồng chí Võ Nguyên Giáp theo đường qua Đại Từ, Phổ Yên về Hiệp Hoà, dự Hội nghị họp từ 15 đến 20 tháng 4 năm 1945.

---

1. Đàm Quang Trung - *Đánh Nhật và tay sai, bảo vệ chiến khu*, trong sách *Việt Nam Giải phóng quân - Nhớ lại bước khởi đầu*, Sđd, tr.254-257.

Đến cuối tháng 4 năm 1945, ở một số địa phương, các đơn vị Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân khác cũng lần lượt gặp nhau tại: Đại Từ (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Kạn); Đầm Hồng, Bản Thi, Chiêm Hoá, Sơn Dương (Tuyên Quang), Văn Mịch (Lạng Sơn). Ngày 10 tháng 4 năm 1945, trung đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, do đồng chí Trần Kiên làm Trung đội trưởng và các đồng chí Trần Hồ, Liên chỉ huy, tiến xuống giải phóng Đái Thị (Tuyên Quang), gặp trung đội Cứu quốc quân, do đồng chí Lê Thuỳ chỉ huy, tại thị trấn Chiêm Hoá. Hai đơn vị này phối hợp cùng tiến xuống giải phóng Bạch Xa, Hàm Yên.

Ngày 15 tháng 4 năm 1945, đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân do đồng chí Lê Quảng Ba (Tâm) và các đồng chí Nam Long, Linh Thành từ Chợ Rã (Bắc Kạn) phát triển qua Côn Lôn, Bành Hoành, Vô Điện, gặp cánh quân từ Chiêm Hoá tiến xuống.

Đi đến đâu, các cán bộ, chiến sĩ trong Đội cũng tuyên truyền đường lối, chính sách Việt Minh, gây dựng cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang địa phương. Các đơn vị đã cùng Liên tỉnh ủy lên kế hoạch vừa tuyên truyền, mở rộng cơ sở, vừa đánh địch. Đội dựa vào cán bộ địa phương để tuyển chọn những thanh niên trung kiên, hăng hái, huấn luyện cấp tốc rồi giao công tác hoặc cho vào Đội một thời gian để rèn luyện có thêm kinh nghiệm, sau đó cử về địa phương khi cần thiết. Để việc tổ chức cơ sở được bảo đảm, Đội tiến hành trừ gian theo nguyên tắc kiên quyết và thận trọng. Đội chỉ tiêu diệt những tên Việt gian đầu sỏ, có nhiều nợ máu với dân, hoặc tay chân đắc lực của địch, khi không thể cảm hoá được và khi nhân dân yêu cầu. Khi tiến hành công tác vũ trang tuyên

truyền, nếu gặp địch, Đội cần nhắc kỹ nếu thấy có lợi cả về quân sự và chính trị, tức là vừa diệt được địch vừa làm cho cơ sở quần chúng vững chắc hơn, mở rộng hơn thì mới đánh. Nếu chỉ lợi về quân sự mà gây khó khăn cho cơ sở thì kiên quyết không đánh. Ở những vùng địch kiểm soát hoặc ta chưa có cơ sở, Đội cử các tiểu đội, trung đội hoặc từng đồng chí có năng lực, dũng cảm, giỏi ứng phó, xâm nhập gây cơ sở, từ đó nâng dần quy mô hoạt động lên.

Tiến đến đâu, các đơn vị của Đội đều phối hợp với các hội Cứu quốc, Mặt trận Việt Minh địa phương tước vũ khí lính đông, thu bằng, triện của bọn tổng, lý, trưởng trị Việt gian tay sai phản động, thành lập chính quyền nhân dân. Hoạt động tích cực, rộng khắp của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã thu được những kết quả đáng kể. "Bằng công tác vũ trang tuyên truyền, Đội đã tạo nên một khu vực có cơ sở cách mạng rộng lớn từ núi rừng Hoà An giáp tỉnh lỵ Cao Bằng cho đến các châu Nguyên Bình, Ngân Sơn, Chợ Rã và vùng phụ cận các triền núi Phia Uắc, Phia Giã, Phia Bioóc; khu vực này trở thành những căn cứ hoàn toàn, tiến có thể lui, đánh có thể giữ, làm bàn đạp phát triển phong trào về phía Nam"<sup>1</sup>.

Trước những chuyển biến nhanh chóng của tình hình quốc tế và trong nước, sự phát triển của phong trào cách mạng, sự lớn mạnh của các đơn vị vũ trang sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), nhận định thời cơ Tổng khởi nghĩa đang tới gần, Trung ương Đảng đã triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tại Hiệp Hoà (Bắc Giang). Tham

---

1. Ban nghiên cứu lịch sử Quân đội thuộc Tổng cục Chính trị và Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, Sđd, tr.90.

dự Hội nghị có chỉ huy các đội vũ trang và các chiến khu như đồng chí Võ Nguyên Giáp - đại diện của Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Chu Văn Tấn - đại diện Cứu quốc quân, Văn Tiến Dũng - đại biểu của chiến khu Hoà - Ninh - Thanh (Hoà Bình, Ninh Bình, Thanh Hoá), đại biểu của chiến khu Vĩnh Bình, các chiến khu ở Bắc Trung Bộ, cùng các đồng chí Lê Thanh Nghị, Trần Đăng Ninh... Trong những ngày hội nghị (từ ngày 15 đến 20 tháng 4 năm 1945), dưới sự chủ trì của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh, các đại biểu đã thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quân sự liên quan đến cả nước. Sau khi phân tích tình hình thế giới và trong nước, Hội nghị nhấn mạnh: "Tình hình đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này. Chúng ta phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ địa kháng Nhật để chuẩn bị cuộc Tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ".

Về chính trị, Hội nghị đề ra nhiệm vụ đoàn kết toàn dân, lôi kéo tất cả các thành phần, tầng lớp vào phong trào cứu quốc, đẩy mạnh phong trào bằng cách kêu gọi nhân dân vũ trang tuần hành trong những vùng chưa phát động chiến tranh du kích. Hội nghị đề nghị triệu tập một đại hội đại biểu gồm tất cả các giới, đảng phái trong toàn quốc để thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng, tiến tới thành lập Chính phủ lâm thời.

Về quân sự, Hội nghị quyết định chia toàn quốc ra thành 7 chiến khu, đề ra nhiệm vụ xây dựng Việt Bắc thành căn cứ địa chống Nhật kiểu mẫu để mở rộng chiến tranh du kích; sáp nhập một số tỉnh trung du và căn cứ địa Việt Bắc để làm vùng hoạt động du kích, bảo vệ căn cứ. Đặc biệt, Hội nghị quyết định thống nhất Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên



truyền Giải phóng quân và các tổ chức vũ trang cách mạng khác thành một lực lượng vũ trang thống nhất có tên là Việt Nam Giải phóng quân, để cùng nhân dân tiến hành khởi nghĩa từng phần, tiến tới Tổng khởi nghĩa. Hội nghị cũng vạch ra những điểm cơ bản để xây dựng Việt Nam Giải phóng quân như: thống nhất biên chế, thống nhất việc huấn luyện chính trị, quân sự; tổ chức công tác chính trị trong bộ đội, trau dồi kỷ luật...

Trong hai ngày 3 và 4 tháng 5 năm 1945, tại nhà một cơ sở cách mạng ở xã Định Biên Thượng, huyện Định Hoá, đã diễn ra hội nghị cán bộ vùng giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chủ trì. Dự hội nghị còn có các đồng chí: Song Hào, Chu Văn Tấn, Hoàng Văn Thái, Đàm Quang Trung, Trần Thế Môn, Hoàng Bá Sơn và một số đồng chí khác. Hội nghị tuyên bố việc sáp nhập Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân với Cứu quốc quân theo Nghị quyết của Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Hội nghị bàn và quyết định về tổ chức biên chế, công tác chính trị trong Việt Nam Giải phóng quân. Ngoài ra, Hội nghị cũng thảo luận các vấn đề quan trọng khác như: mở rộng vùng giải phóng, củng cố và mở rộng khu Nguyễn Huệ... Các đồng chí Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái, Nhị Quý, Lê Trung Đình được bầu vào Khu ủy khu Nguyễn Huệ, do đồng chí Song Hào làm Bí thư Khu ủy<sup>1</sup>.

Chấp hành nghị quyết của Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, ngày 15 tháng 5 năm 1945, lễ thống nhất Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và Cứu quốc quân thành Việt

---

1. Song Hào - Tân Trào (hồi ký), Nxb Văn hóa Thông tin và Trung tâm UNESCO Tân Trào xuất bản, Hà Nội, 1997, tr.80.

Nam Giải phóng quân được tổ chức tại đình làng Quặng, xã Định Biên Thượng, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại lễ thống nhất gồm lực lượng của Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân từ Cao Bằng tiến xuống, lực lượng Cứu quốc quân do Chu Văn Tấn phụ trách từ Bắc Sơn - Võ Nhai, Đại Từ lên và lực lượng Cứu quốc 3, do các đồng chí Song Hào, Tạ Xuân Thu phụ trách, từ Tuyên Quang sang. Các lực lượng Việt Nam Giải phóng quân được biên chế thành 13 đại đội. Đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Tư lệnh, Chu Văn Tấn làm Chính trị viên. Các đơn vị Việt Nam Giải phóng quân được tổ chức thống nhất, mỗi tiểu đội có 12 người, 3 tiểu đội thành 1 trung đội, 3 trung đội thành 1 đại đội. Trang bị vũ khí được tăng cường có cả súng máy, súng cối 60mm, lấy được của Pháp và Nhật. Việt Nam Giải phóng quân là tổ chức có chỉ huy thống nhất, hệ thống tổ chức chặt chẽ, trang bị vũ khí tốt hơn, đã ra đời để cùng với bộ đội địa phương, tự vệ và đông đảo nhân dân chiến đấu bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ chính quyền cách mạng ở những nơi mới thành lập, sẵn sàng tiến lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước khi thời cơ đến.

Như vậy là, chỉ chưa đầy nửa năm sau ngày thành lập, vừa chiến đấu vừa vũ trang tuyên truyền, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã phát triển, lớn mạnh nhanh chóng. Sự ra đời và hoạt động của Đội đánh dấu bước phát triển rất quan trọng của lực lượng vũ trang nhân dân ta trong quá trình hình thành và phát triển từ bắt đầu năm 1930, với các đội tự vệ đỏ đến Quân đội nhân dân cách mạng hùng mạnh, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại ngày nay... Đó cũng là cái mốc đánh dấu một bước tiến quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc

của nhân dân ta. Từ đây, đất nước ta có một đội quân chủ lực thống nhất, có cương lĩnh chính trị, quân sự rõ ràng, chiến đấu dũng cảm, liên hệ mật thiết với nhân dân, đã ra quân là đánh thắng.

Trong chỉ thị thành lập **Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân**, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nêu lên những tư tưởng lớn về quân sự. Chỉ thị tuy ngắn nhưng rất súc tích, hàm chứa những vấn đề cơ bản về đường lối quân sự của Đảng: vấn đề kháng chiến toàn dân, vấn đề động viên và vũ trang toàn dân, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, phương châm xây dựng và hoạt động của các thứ quân (quân chủ lực, quân địa phương và lực lượng tự vệ rộng khắp), phương thức hoạt động kết hợp quân sự với chính trị của lực lượng vũ trang, nguyên tắc chiến thuật, tác chiến, cách đánh của lực lượng vũ trang bí mật, bất ngờ, tích cực, chủ động, mưu trí và linh hoạt. Đây là lần đầu tiên Người chỉ thị thành lập một đội quân chủ lực của đất nước và trực tiếp thông qua 10 lời thể danh dự của đội quân đó.

Những điều Người viết trong bản chỉ thị lịch sử ấy đều đã trở thành hiện thực, chứng tỏ tầm nhìn chiến lược và dự đoán thiên tài của Người: “**Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân** là đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội quân đàn em khác.

Tuy lúc đầu quy mô nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của **Giải phóng quân**, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam chúng ta”.

“Chỉ thị thành lập **Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân** là văn kiện lịch sử, được coi như cương lĩnh quân sự đầu tiên của Đảng ta. Chỉ thị đánh dấu bước hoàn chỉnh lý

luận xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng trong thời kỳ khởi nghĩa ở Việt Nam”<sup>1</sup>.

Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân là một chủ trương sáng suốt, một cương lĩnh quân sự của Hồ Chí Minh. Hình thức hoạt động của đội quân chủ lực này đã được Người đúc rút kinh nghiệm từ hoạt động của các đội du kích trước đó, mà trực tiếp nhất là Đội du kích Pác Bó trong những năm 1942-1943. Tác giả người Nhật Singô Sibata, khi nghiên cứu về chủ trương thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, đã đánh giá cao chủ trương sáng suốt đó: “Những nguyên tắc chỉ đạo cho Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân do cụ Hồ Chí Minh và Đảng Lao động Việt Nam đề ra trước cách mạng 1945 tiêu biểu cho một lý luận độc đáo phù hợp với những điều kiện riêng của Việt Nam”<sup>2</sup>.

Đánh giá về đội quân chủ lực tiên thân của Quân đội nhân dân Việt Nam, ngày 22 tháng 12 năm 1947, kỷ niệm năm thứ ba thành lập Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có bài viết kể lại những ngày đầu của Đội. Người viết: *“Đội thứ nhất của Giải phóng quân ngày trước là cái hạt giống bé nhỏ, do đó mà nảy nở thành cái rừng to lớn là Vệ Quốc quân ngày nay, nếu người ngoài trông thấy bước đầu của Giải phóng quân thì chắc họ sẽ cho*

---

1. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, Sđd, tr. 285.

2. Sigô Sibata - *Hồ Chí Minh, Nhà tư tưởng*, trong sách *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.95.

rằng đó là một trò chơi của trẻ con, hay là công việc của mấy người “không tưởng”, chắc họ sẽ mả mai rằng:

“Vài chục thanh niên học trò và dân cày, Thổ có, Nùng có, Trại có, Kinh có. Với vài khẩu súng quèn, mười con dao mã tấu, mà cũng dám gọi là quân, dám gánh vác trách nhiệm giải phóng cho dân tộc”.

Nhưng chúng ta đã quyết tâm làm cho kỳ được kế hoạch gây dựng Giải phóng quân, đã giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp thi hành.

Ban đầu lương thực, khí giới, chăn áo, thuốc men, cái gì cũng thiếu thốn. Bộ đội thường phải nhịn đói, nhưng vẫn hăng hái tươi cười.

Chẳng mấy lâu, từ vài chục người đã trưởng thành đến vài trăm người, thanh niên rầm rầm kéo đến xin vào bộ đội. Nhờ đồng bào Việt Bắc hăng hái giúp đỡ mọi mặt, có người bán cả trâu, cả ruộng để giúp, đồng bào các nơi cũng ra sức ủng hộ, bộ đội thì đánh luôn được mấy trận vẻ vang, từ đó, người càng đông, sức càng mạnh... Trông thấy tinh thần hăng hái và kỷ luật nghiêm minh của Giải phóng quân, chẳng những đồng bào cũng yêu mến, mà các người quân nhân ngoại quốc cũng đều phải khen...”<sup>1</sup>.

Mười lời thể danh dự mà các đội viên Đội Việt Nam tuyên Giải phóng quân đọc trong buổi lễ thành lập ngày ấy đã trở thành mười lời thể danh dự của Quân đội ta về

---

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5 (1947-1949), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 329.

sau<sup>1</sup>. Mười lời thể thể hiện lên lòng trung thành vô hạn đối với Tổ quốc, với Đảng, tinh thần hy sinh chiến đấu đến giọt máu cuối cùng vì sự nghiệp cách mạng, ý chí kiên quyết tiêu diệt quân thù cướp nước, hết lòng hết dạ phục vụ nhân dân. Nó cũng thể hiện tinh thần đoàn kết và ý thức tổ chức kỷ luật rất cao của một đội quân cách mạng.

Sự ra đời của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân là một tất yếu lịch sử trong sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Nó đánh dấu một bước ngoặt trên con đường đấu tranh cách mạng của dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng nước ta lúc đó. Cổ, kim, Đông, Tây, mọi quân đội sinh ra đều làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ một chế độ, một tập đoàn chính trị, một nhà nước. Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, ngoài chức năng đó, đã đảm đương và làm tốt chức năng mà không phải một đội quân nào cũng có được. Đó là chức năng vận động quần chúng theo phương châm "*chính trị trọng hơn quân sự*", "*tuyên truyền trọng hơn tác chiến*". Tên của Đội và phương châm hoạt động đó không có nghĩa Đội là một đội tuyên truyền xung phong, chỉ giải thích đường lối chính sách. Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân là một đội quân chủ lực, vừa đánh giặc vừa thường xuyên làm tốt nhiệm vụ vận động cách mạng trong quần chúng. Là một đội quân chủ lực, có quan hệ chặt chẽ với các lực lượng vũ trang địa phương, Đội đã đánh thắng giặc để truyền bá sự nghiệp giải phóng dân tộc, để nhân dân ta hiểu rằng: đã đến lúc cần phải đứng lên đánh

---

1. Ban nghiên cứu lịch sử Quân đội thuộc Tổng cục Chính trị và Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, Sđd, tr.86.

đuổi thực dân, đế quốc và có khả năng đánh thắng chúng. Với phương châm hoạt động thích hợp “chính trị trọng hơn quân sự”, dùng lực lượng vũ trang để tuyên truyền vận động nhân dân, đội quân chủ lực này đã dìu dắt các đội vũ trang của các châu, huyện, xã; huấn luyện, giúp đỡ vũ khí giúp các đội quân này ra đời và mau chóng phát triển. Mặt khác, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã gắn hoạt động quân sự với chính trị, vũ trang với tuyên truyền, tham gia vận động quần chúng, tổ chức hội Việt Minh ở những nơi Đội đi qua.

Ra đời và hoạt động tuy chỉ trong một thời gian ngắn, nhưng Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã đảm đương và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Những thắng lợi cả về quân sự và chính trị của Đội đã góp phần tích cực vào việc củng cố và mở rộng khu căn cứ Cao - Bắc - Lạng, cổ vũ nhân dân thêm tin tưởng ở con đường khởi nghĩa vũ trang, con đường cách mạng của Đảng. Đội đã góp phần to lớn trong việc thúc đẩy phong trào cách mạng tiến lên. Thực tiễn đã chứng tỏ: những hoạt động và ảnh hưởng của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân hồi đó, cũng như sự tồn tại và phát triển của Quân đội ta sau này, đã đáp ứng đúng và kịp thời những đòi hỏi của lịch sử, những yêu cầu của công cuộc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở nước ta. Mặt khác, việc tổ chức và hoạt động của Đội cũng đã làm phong phú thêm bài học kinh nghiệm về chỉ đạo hình thức đấu tranh cách mạng của Đảng ta.

Bên cạnh đó, những cán bộ, đội viên của Đội về sau đã thực sự đóng vai trò “hạt nhân” để xây dựng và phát triển

những đơn vị vũ trang mới. Những ngày sau khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), Ban chỉ huy Đội đã cử các đội viên của mình tới các địa phương khác, làm nòng cốt tổ chức các đơn vị vũ trang của địa phương, huấn luyện, giúp đỡ các đội này, cùng với các cấp ủy Đảng và Việt Minh các nơi này lãnh đạo nhân dân giành chính quyền. Những ngày đầu sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, rất nhiều cán bộ của Đội đã có mặt ở những chiến trường nóng bỏng, các mặt trận ở miền Nam. Các đồng chí đã chứng tỏ cho nhân dân ở những nơi này thấy rõ phẩm chất tốt đẹp của những chiến sĩ của đội quân chủ lực đầu tiên, “đội quân đàn anh”. Đó là những gương chiến đấu dũng cảm của các đồng chí: Thu Sơn, Nam Long, Mông Văn Vẩy, Dương Đại Long, Thái Sơn, Đàm Quốc Chung (bộ đội giải phóng quân Nam tiến), Hoàng Sâm (bộ đội Tây tiến)... Các chiến sĩ của Đội đã hoàn thành tốt vai trò là những mầm cây, “những hạt giống bé nhỏ”, từ đó phát triển thành “cái rừng to lớn” là Quân đội nhân dân Việt Nam về sau - như lời đánh giá của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm ba năm ngày thành lập Đội (22-12-1947).

Nhà nghiên cứu người Mỹ Uyliam Đoicơ (William Duiker) đã đánh giá: “Với việc hình thành đội vũ trang tuyên truyền đầu tiên ngày 22 tháng 12 năm 1944, diện mạo của lực lượng vũ trang tương lai, còn gọi là Việt Nam giải phóng quân, bắt đầu hình thành. Đội tuyên truyền vũ trang là đơn vị chính quy đầu tiên của phong trào. Lực lượng này sẽ tăng viện cho lực lượng du kích được tổ chức và chỉ đạo ở cấp huyện, các đơn vị tự vệ được tuyển từ các làng dưới sự chỉ đạo của Đảng”<sup>1</sup>.

---

1. William Duiker - *Hồ Chí Minh*, Hyperion, New York, 2000 (bản tiếng Việt của Phòng phiên dịch Bộ Ngoại giao, tháng 5-2001, tập 1, tr. 192.



Sự ra đời và hoạt động của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân trước ngày Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 là một hiện tượng lịch sử độc đáo: quân đội có trước chính quyền, đã mở đầu những truyền thống tốt đẹp của Quân đội nhân dân Việt Nam sau này. Vừa ra đời, dù chưa được huấn luyện quân sự cùng nhau ngày nào, Đội đã ra quân đánh thắng giòn giã trận Phai Khắt và trận Nà Ngần, mở đầu cho truyền thống “đã ra quân là đánh thắng” và truyền thống đánh thắng trận đầu của Quân đội ta. Bên cạnh đó, mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhân dân mà Đội đã xây dựng trong quá trình hoạt động đã góp phần tạo dựng và phát triển tình cảm quân - dân cá nước về sau. Tiếp nối truyền thống đó, Quân đội ta ngày nay đã trở thành đội quân của nhân dân, từ nhân dân mà ra, một Quân đội do dân và vì dân, và đã đạt được mục tiêu phấn đấu hằng mong đợi là “đi dân nhớ, ở dân thương”.

*Phần II*

**VÀI NÉT VỀ CUỘC ĐỜI HOẠT ĐỘNG  
CỦA 34 CÁN BỘ, CHIẾN SĨ  
ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN  
GIẢI PHÓNG QUÂN**

## Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

*(Người được lãnh tụ Hồ Chí Minh giao tổ chức thành lập  
Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân)*



*Một nhà quân sự lỗi lạc, một nhà văn hoá, nhà khoa học uyên thâm; một hình mẫu lý tưởng về đạo đức và nhân cách sống... tất cả là hiện thân của một con người được suy tôn là "Anh Cả" của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, con người đó chính là Đại tướng Võ Nguyên Giáp, hay còn có một tên gọi thân mật, gần gũi là "Anh Văn".*

Không ít người nhầm tưởng Ông là Đội trưởng Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Thực ra, Ông là người được lãnh tụ Hồ Chí Minh giao trọng trách tổ chức thành lập và trực tiếp chỉ huy Đội quân chủ lực đầu tiên này.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp sinh ngày 25 tháng 8 năm 1911 tại làng An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Cha ông là một "nhà giáo - nhà Nho" có uy tín trong vùng. Bên họ ngoại cũng thuộc vào hàng dòng dõi; ông

ngoại vốn là một Lãn binh của phong trào Cần Vương, theo vua Hàm Nghi dấy binh kháng Pháp.

Được sinh ra và lớn lên trong một gia đình như vậy nên từ chất thông minh đã sớm được hình thành và bộc lộ rõ nét ở con người này. Ngay từ thuở thiếu thời, Ông đã nghe một cách say sưa và nhập tâm những câu chuyện Phạm Công - Cúc Hoa, Thạch Sanh... qua lời kể của người mẹ. Lên 5 tuổi, được cha cho học chữ Nho; được nghe những áng sử hào hùng về phong trào Cần Vương, được nghiền ngẫm những cuốn sách mang nội dung hướng về cội nguồn dân tộc, trong con người Võ Nguyên Giáp bắt đầu hình thành ý thức dân tộc và lòng yêu nước, yêu quê hương.

Năm 1925, khi vừa bước qua tuổi 14, Võ Nguyên Giáp thi vào Trường Quốc học Huế. Từ đây, ông bắt đầu con đường hoạt động cách mạng của mình bằng việc tham gia tích cực vào phong trào đấu tranh đòi ân xá nhà chí sĩ Phan Bội Châu và truy điệu Phan Chu Trinh.

Trong thời gian ở Huế, Võ Nguyên Giáp đã cùng với một số bạn học khác như Hải Triều, Chí Diểu... tổ chức thành lập câu lạc bộ thơ văn yêu nước; vận động học sinh, sinh viên Huế tham dự các buổi đăng đàn, diễn thuyết của "Ông già bến Ngự". Câu lạc bộ này trở thành nơi trao đổi, tìm hiểu các sách báo bí mật như *Le Paria (Người cùng khổ)*, *Việt Nam hôn*, *Bản án chế độ thực dân Pháp*... được gửi từ nước ngoài về. Lần đầu tiên trong đời, Ông được tiếp cận với tác phẩm *Chủ nghĩa Mác* in bằng tiếng Pháp.

Khát khao được đi xa, được mở rộng tầm hoạt động, năm 1927, Võ Nguyên Giáp rời Huế ra Hà Nội, dạy tại trường tư

thực Thăng Long. Tại đây, Ông tiếp tục theo đuổi chí hướng và con đường hoạt động cách mạng của mình. Năm 1929, Võ Nguyên Giáp là một trong những thành viên tích cực tham gia cải tổ Tân Việt cách mạng đảng, thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn. Nhận thấy mối nguy hiểm ở con người này, giữa năm 1930, thực dân Pháp đã bắt Ông bỏ tù, nhưng một thời gian sau đó, do không đủ chứng cứ, chúng buộc phải thả.

Vừa ra tù, Võ Nguyên Giáp đã lại lao ngay vào hoạt động. Trong những năm 1936-1939, Ông tham gia phong trào Mặt trận dân chủ Đông Dương, làm biên tập viên cho một số tờ báo của Đảng; rồi được làm Chủ tịch Ủy ban báo chí Bắc Kỳ trong phong trào “Đông Dương đại hội”.

Tháng 9 năm 1939, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Tại Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường khủng bố và đàn áp, những sách báo công khai của Đảng đều bị cấm, các tổ chức hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp của Đảng đều phải rút vào bí mật. Trong bối cảnh đó, tháng 4 năm 1940, theo sự phân công của Đảng, thông qua sự hướng dẫn và giới thiệu của đồng chí Hoàng Văn Thụ, Võ Nguyên Giáp cùng với Phạm Văn Đồng vượt biên giới sang Vân Nam tìm bắt liên lạc với Nguyễn Ái Quốc.

Cuộc gặp gỡ lịch sử ở công viên Thuý Hồ (Côn Minh) đầu tháng 6 năm 1940 đã tạo ra một bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Võ Nguyên Giáp. Tại đây, lần đầu tiên, Ông được gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và được Người trực tiếp huấn thị, chỉ bảo.

Cuối tháng 11 năm 1940, Võ Nguyên Giáp cùng một số đồng chí chuyển đến Tỉnh Tây để chuẩn bị về nước hoạt

động. Tại đây, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Phùng Chí Kiên được lãnh tụ Hồ Chí Minh giao mở lớp huấn luyện cho hơn 40 cán bộ nòng cốt vừa mới vượt biên giới sang.

Đầu năm 1941, lãnh tụ Hồ Chí Minh về nước, nhưng Võ Nguyên Giáp vẫn ở lại Tỉnh Tây một thời gian. Cuối năm đó, sau khi về nước, Ông được Hồ Chí Minh cử về châu Hoà An mở lớp huấn luyện Việt Minh; rồi tiếp tục được điều về châu Nguyên Bình cũng với nhiệm vụ tương tự.

Sau một thời gian gây dựng, phát triển phong trào ở các xã phía Đông Nguyên Bình. Tháng 3 năm 1942, Võ Nguyên Giáp cùng với Lê Thiết Hùng lại được điều xuống gây dựng phong trào ở tổng Kim Mã (Nam Nguyên Bình) - nơi vừa mới có tổ chức Việt Minh. Năm 1942, tại Cao Bằng đã có những châu Việt Minh "hoàn toàn". Thành quả đó có sự đóng góp lớn của Võ Nguyên Giáp. Tại đây, chỉ trong một thời gian ngắn đã mở được 4 lớp huấn luyện cho cán bộ địa phương. Ngày 4 tháng 8 năm 1942, quân địch truy lùng tìm bắt cán bộ bí mật (người Kinh) nhưng Võ Nguyên Giáp vẫn kiên quyết ở lại bám trụ (cho dù phải sống bí mật trong rừng), để lãnh đạo phát triển phong trào.

Giữa năm 1942, theo chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh và quyết định của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, công tác Nam tiến được đặt ra một cách rất khẩn trương. Võ Nguyên Giáp được Người trực tiếp giao phụ trách Ban xung phong Nam tiến nhằm cấp tốc tổ chức con đường quân chúng từ Cao Bằng qua Ngân Sơn, Chợ Rã đi về miền xuôi.

Trong thời gian này, tại xã Thượng Ân, được sự chỉ đạo trực tiếp của Võ Nguyên Giáp, chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Ngân Sơn đã được thành lập. Cũng tại đây, chỉ trong vòng 4

tháng (từ tháng 5 đến tháng 9 năm 1943), Ông đã tổ chức được 7 lớp huấn luyện, bổ sung gần 20 cán bộ cho các đội công tác Nam tiến. Cuối tháng 11 năm 1943, sau khi dự lễ kỷ niệm lần thứ 26 Cách mạng tháng Mười Nga, Võ Nguyên Giáp cùng Ban xung phong Nam tiến đi bộ suốt 10 đêm ròng xuống ngã ba Định Hoá - Chợ Đồn - Yên Sơn, tìm bắt liên lạc với đội quân Bắc tiến. Tại đây, Ông đã đổi tên xã Nghĩa Tá thành xã Thắng Lợi để ghi nhận con đường cách mạng Nam tiến đã được khai thông.

Sau khi hoàn thành sứ mệnh khai thông con đường Nam tiến. Võ Nguyên Giáp lại quay lên Cao Bằng cùng với Lê Thiết Hùng, Lê Quảng Ba, Bằng Giang, Đặng Văn Cáp, Hoàng Sâm... tiếp tục mở các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ quân sự địa phương.

Suốt gần 5 năm lăn lộn với phong trào cách mạng ở Cao Bằng. Võ Nguyên Giáp hầu như có mặt ở tất cả những điểm nóng tại núi rừng Cao - Bắc - Lạng để chỉ đạo quân chúng đấu tranh. Ông cũng đã từng phải nếm trải những thử thách khắc nghiệt bởi cuộc khủng bố trắng của địch trên con đường cách mạng Nam tiến.

Giữa năm 1944, phong trào cách mạng đã lan rộng khắp cả nước, các tổ chức Việt Minh ngày càng phát triển, tuy vậy, làn sóng khủng bố trắng của địch cũng đã lên tới đỉnh điểm. Tháng 7 năm đó, sau khi dự hội nghị cán bộ của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, Võ Nguyên Giáp cùng Vũ Anh lên xã “đỏ” Nà Sác, gặp Hồ Chí Minh (lúc này vừa mới trở về từ Trung Quốc). Tại đây, sau khi báo cáo tình hình, Võ Nguyên Giáp đã được Người giao trọng trách “tập hợp những cán bộ, chiến sĩ anh dũng nhất, những vũ khí tốt nhất, tổ chức thành một đội vũ trang tập trung để hoạt động”.

Chấp hành chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 1944, tại khu rừng Trần Hưng Đạo, Võ Nguyên Giáp đã đứng ra tổ chức thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và chỉ ít ngày sau đó, Ông đã chỉ huy Đội làm nên chiến thắng trận đầu tiêu diệt hai đồn Phai Khắt và Nà Ngần.

Đầu năm 1945, Võ Nguyên Giáp đã cùng với đại bộ phận Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tiến xuống giải phóng các huyện Ngân Sơn, Chợ Rã. Tại Ngân Sơn, tối ngày 20 tháng 3 năm 1945, ông đã viết *Tối hậu thư* yêu cầu viên đồn trưởng Pháp hạ vũ khí. Đến Chợ Rã, Võ Nguyên Giáp đã cho thành lập ngay Ủy ban nhân dân lâm thời châu Chợ Rã - Ủy ban nhân dân cấp huyện đầu tiên tại Việt Bắc.

Tháng 4 năm 1945, thay mặt Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Võ Nguyên Giáp về Hiệp Hoà - Bắc Giang tham dự Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ. Hội nghị đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng, trong đó có việc thống nhất Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu quốc quân và các tổ chức vũ trang cách mạng khác vào một tổ chức vũ trang thống nhất. Ngày 15 tháng 5 năm 1945, sau buổi lễ thống nhất tại Định Biên Thượng, Định Hoá, Thái Nguyên, Võ Nguyên Giáp trở thành Tư lệnh các lực lượng vũ trang Việt Nam thống nhất, mang tên Việt Nam Giải phóng quân.

Ngày 13 tháng 8 năm 1945, tại Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương, Võ Nguyên Giáp được cử làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Trong thời kỳ Tổng khởi nghĩa, Võ Nguyên Giáp từng là Ủy viên Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kỳ; tham gia Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu



giải phóng Việt Bắc; tham gia Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc; Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam. Cách mạng tháng Tám thành công, Võ Nguyên Giáp được cử làm Bộ trưởng Nội vụ trong Chính phủ lâm thời, được cử vào Ban Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng; năm 1946, là Chủ tịch kháng chiến ủy viên hội trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Ngày 19 tháng 4 năm 1946, Võ Nguyên Giáp làm Phó trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà đàm phán với Pháp tại Hội nghị trù bị Đà Lạt. Tháng 11 năm 1946, ông là Bộ trưởng Quốc phòng kiêm Tổng chỉ huy quân đội quốc gia.

Ngày 20 tháng 1 năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 110/SL phong quân hàm Đại tướng cho Võ Nguyên Giáp.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Võ Nguyên Giáp đã trực tiếp chỉ huy nhiều chiến dịch lớn mang ý nghĩa chiến lược như: Biên Giới (1950), Điện Biên Phủ (1954). Đặc biệt, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, với trọng trách là Bí thư Đảng ủy, Tư lệnh chiến dịch, thấm nhuần lời ủy thác của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước lúc ra trận: “Tướng quân tại ngoại. Trao cho chú toàn quyền quyết định”, Ông là người đã đề xuất việc thay đổi phương châm tác chiến từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc” để bảo đảm chắc thắng. Với tài thao lược về quân sự, sự quyết đoán, sáng tạo, khoa học của vị tướng Tổng tư lệnh, Tư lệnh chiến dịch, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã thực hiện xuất sắc quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị, chỉ huy cán bộ, chiến sĩ vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, làm nên một Điện Biên Phủ chấn động địa cầu.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, với cương vị là Tổng tư lệnh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, đã cùng với Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chỉ đạo cuộc kháng chiến của quân và dân ta trên cả hai miền Nam, Bắc và làm nhiệm vụ quốc tế, chỉ đạo các chiến dịch lớn ở miền Nam Việt Nam, trong đó có chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử; chỉ đạo chiến tranh nhân dân đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ ở miền Bắc Việt Nam.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp không chỉ là một nhà cầm quân giỏi mà còn là một nhà lý luận quân sự uyên thâm. Ông là tác giả của nhiều tác phẩm quân sự nổi tiếng được xuất bản ở trong và ngoài nước.

Võ Nguyên Giáp là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 8 năm 1945 đến khoá VI, Ủy viên Bộ Chính trị từ tháng 8 năm 1945 đến khoá IV; đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá VII. Ông đã từng trải qua nhiều cương vị quan trọng như: Tư lệnh các lực lượng vũ trang thống nhất mang tên Việt Nam Giải phóng quân; Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ lâm thời; Chủ tịch kháng chiến ủy viên hội trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam; Bí thư Quân ủy Trung ương; Phó Thủ tướng, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; Chủ tịch danh dự Hội khoa học lịch sử Việt Nam...

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được Nhà nước tặng thưởng:

- *Huân chương Sao Vàng;*
- *Hai Huân chương Hồ Chí Minh;*

*- Hai Huân chương Quân công hạng Nhất.*

Ngoài ra, Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn được tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương cao quý khác của Việt Nam và nhiều nước trên thế giới.

*Liệt sĩ*  
**TRẦN VĂN KỶ**  
**(1915 - 1968)**



*Họ và tên: Trần Văn Kỳ*

*Bí danh: Trần Sơn Hùng, Hoàng Sâm.*

*Năm sinh: 1915.*

*Quê quán: Lệ Sơn - Tuyên Hoá -  
Quảng Bình*

*Dân tộc: Kinh.*

Mùa Đông năm 1944, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập. Đây là một đội quân hoạt động theo phương châm chính trị trọng hơn quân sự; vừa xây dựng cơ sở, phát triển phong trào cách mạng, vừa tác chiến theo kiểu du kích, cơ động, bí mật, bất ngờ “lai vô ảnh, khứ vô tung”... Chỉ huy một đội quân như thế phải là một người từng lăn lộn với phong trào cách mạng của quần chúng; phải là người đã từng giỏi đánh du kích; tích lũy được nhiều kinh nghiệm chiến đấu. Người đó chính là Hoàng Sâm.

Hoàng Sâm tên thật là Trần Văn Kỳ, sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ở xã Lê Sơn, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Mùa xuân 1927, cậu bé Trần Văn Kỳ, lúc này mới 12 tuổi, đã phải rời bỏ làng quê nghèo xơ xác phiêu bạt sang Xiêm (Thái Lan). Tại đây, Kỳ được tổ chức cách mạng của Việt kiều kết nạp vào Đội thiếu niên tiên phong và nhận vào học ở trường học sinh Việt kiều.

Năm 1928, cơ hội lớn đến với Trần Văn Kỳ khi Nguyễn Ái Quốc về Xiêm hoạt động với bí danh Thầu Chín. Trần Văn Kỳ được Thầu Chín giác ngộ và được chọn làm liên lạc trong suốt thời gian Người hoạt động ở Xiêm.

Cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc rời Thái Lan sang Trung Quốc chuẩn bị hội nghị thống nhất các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam để thành lập Đảng Cộng sản, Trần Văn Kỳ vẫn tiếp tục ở lại Thái Lan vừa học tập, vừa tích cực hoạt động.

Năm 1933, Trần Văn Kỳ được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Cộng sản và ngay trong năm đó được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, phụ trách in ấn phát hành truyền đơn.

Năm 1934, ông bị mật thám Thái Lan bắt và giao cho lãnh sự Pháp ở Băng Cốc tra tấn, hỏi cung.

Sau gần một năm giam giữ, vì không có bằng chứng cụ thể nên Trần Văn Kỳ được lãnh sự Pháp trả lại cho nhà cầm quyền Thái Lan. Ngay sau đó bị trục xuất, Ông tìm đường sang Trung Quốc.

Sang đến Quảng Tây, Trần Văn Kỳ bắt liên lạc được với cơ sở và qua Phùng Chí Kiên, Ông được tổ chức tạo điều kiện cho đi học tiếng Trung Quốc.

Mùa xuân năm 1937, Trần Văn Kỳ được tổ chức phái về Cao Bằng hoạt động nhưng vì không có thẻ thuế thân nên bị chính quyền thực dân Pháp ở đây bắt giam 6 tháng. Ra tù, Ông cùng một vài đồng chí khác lại được Đảng cử sang Trung Quốc tham gia “Diễn Kiêm Quế Biên khu du kích đội” - một tổ chức kháng Nhật của Đảng Cộng sản Trung Quốc, hoạt động ở vùng biên giới Việt - Trung thuộc ba tỉnh Vân Nam, Quảng Tây, Quý Châu.

Giữa năm 1940, Trần Văn Kỳ quyết định sang Tỉnh Tây để tìm bắt liên lạc với cấp trên. Tại đây, Ông đã theo học quân sự ở trường Trương Bội Công. Trong thời gian ở Tỉnh Tây, Trần Văn Kỳ đã được gặp lại Thủ Chính (Nguyễn Ái Quốc) và được Người đặt cho bí danh là Hoàng Sâm. Cũng tại đây, lần đầu tiên Hoàng Sâm được gặp, làm quen với người đồng chí - đồng hương Dương Hoài Nam (tức Võ Nguyên Giáp).

Sau lần gặp gỡ quan trọng này, Hoàng Sâm cùng với 40 cán bộ khác của Cao Bằng quyết định từ bỏ trường Trương Bội Công, trở về nước hoạt động. Cuối năm 1940, Hoàng Sâm tham dự lớp huấn luyện cán bộ về công tác tổ chức các đoàn thể quần chúng nhằm chuẩn bị thành lập một Mặt trận dân tộc, dân chủ rộng rãi. Lớp học này do chính lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đồng, Vũ Anh tổ chức và trực tiếp giảng dạy.

Ngày 28 tháng 1 năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ nước ngoài về Cao Bằng. Tháng 5 năm 1941, Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị lần thứ 8 tại Khuổi Nặm. Hoàng Sâm được Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ tổ chức đường dây qua Lạng Sơn để đón các đại biểu về dự hội nghị quan trọng này.

Cuối năm 1941, Đội du kích Pác Bó được thành lập. Đội gồm 12 người, Hoàng Sâm được cử làm Đội phó. Nhiệm vụ của Đội du kích Pác Bó là vừa bảo vệ khu căn cứ, bảo vệ Trung ương Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc; vừa xây dựng cơ sở cách mạng, tiêu trừ nạn thổ phỉ ở vùng biên giới Việt - Trung thuộc địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Từ giữa năm 1942, Hoàng Sâm được giao làm Đội trưởng Đội vũ trang Cao Bằng.

Thời kỳ này, ở vùng biên giới Việt - Trung, nạn thổ phỉ hoành hành dữ dội. Dẹp được bọn này là một vấn đề nan giải. Chúng sống ngoài vòng pháp luật, ngang tàng theo kiểu “giang hồ, anh hùng hảo hán”; nhưng ngược lại chúng lại rất kiêng nể những người can đảm, dũng cảm và tài ba.

Trần Sơn Hùng (bí danh của Hoàng Sâm hồi ấy) là một người nổi tiếng trong vùng với sự gan dạ, biệt tài phi ngựa không cần yên cương, bắn súng ngắn cả hai tay. Bọn trùm phỉ khét tiếng như Vòng A Sáng, Vòng A Sinh, Lý Xiu... nghe danh “ông Trần” đều phải kiêng nể. Để thu phục và hoà hoãn với các toán thổ phỉ, Hoàng Sâm đã không quản nguy hiểm vào tận sào huyệt của chúng thì bắn súng, cuỡi ngựa, ném lựu đạn, bắn cung; thậm chí thi cả uống rượu với các tên trùm phỉ.

Những hoạt động khôn khéo, kiên quyết, dũng cảm của Hoàng Sâm và các đồng chí khác trong Đội du kích Pác Bó, cùng với tài năng quân sự và uy tín cá nhân của ông, đã hạn chế được sự phá phách, lộng hành của các toán phỉ, tạo điều kiện cho các hội cứu quốc của Việt Minh ở vùng Lục Khu phát triển.

Tháng 7 năm 1943, trước tình hình phong trào xung phong Nam tiến phát triển rất mạnh và lan rộng xuống vùng

xuôi. Đội du kích Cao Bằng phân tán mỗi người đi một hướng. Hoàng Sâm được giao nhiệm vụ tổ chức Đội bảo vệ các tổ xung phong Nam tiến. Khi quân Pháp tiến hành khùng bố trống con đường cách mạng Nam tiến, Hoàng Sâm chỉ huy đội vũ trang mang tên "Hộ lương diệt ác" xuống hỗ trợ cho các châu Nguyên Bình, Ngân Sơn, Chợ Rã trừng trị bọn Việt gian phản động và các nhóm quân Pháp hung hăng hiếu chiến.

Tháng 12 năm 1944, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập, cựu đội trưởng Đội du kích Pác Bó - Hoàng Sâm - được lãnh tụ Hồ Chí Minh và đồng chí Võ Nguyên Giáp chọn làm Đội trưởng, rồi Đại đội trưởng - khi Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân phát triển thành đại đội...

Hoàng Sâm đã trực tiếp chỉ huy các trận đánh Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu và Nà Ngần lần hai.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), Hoàng Sâm chỉ huy Đội tiến xuống giải phóng các châu Ngân Sơn, Chợ Rã, rồi tiến xuống phía Bắc Bạch Thông, giải tán bộ máy Tổng lý, cường hào tại đây.

Cuối tháng 3 năm 1945, Hoàng Sâm cùng với Đàm Quang Trung chỉ huy đơn vị đánh quân Nhật tại vùng Phủ Thông và tham gia chỉ đạo thành lập chính quyền cách mạng cấp xã tại địa bàn này.

Trong thời kỳ tiến khởi nghĩa và Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945, Hoàng Sâm tham gia xây dựng và bảo vệ Khu giải phóng Cao - Bắc - Lạng - Thái - Tuyên - Hà; chỉ huy đánh quân Nhật ở Thái Nguyên, Bắc Kạn...



Sau trận thắng quân Nhật ở Thái Nguyên, Hoàng Sâm đưa đơn vị về Vinh Yên tiêu diệt bọn Quốc dân đảng phản động Đỗ Đình Đạo. Dẹp được bọn này, ông tiếp tục đưa đơn vị về Sơn Tây bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ ở khu vực Tây - Tây Bắc Hà Nội.

Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, Hoàng Sâm lại được giao những trọng trách nặng nề: Chỉ huy trưởng Mặt trận Tây tiến, Khu trưởng Chiến khu 2 rồi sau đó là Khu trưởng Khu 3. Tại chiến trường Tây Bắc xa xôi, một lần nữa tên tuổi của Hoàng Sâm lại được người ta nhắc đến nhiều bởi nghệ thuật cầm quân sắc sảo trong trận dốc Đẹt; bởi những cuộc đấu trí, đấu mưu mà Liên khu trưởng quân Tàu Tưởng phải “tâm phục, khẩu phục” biếu không 300 khẩu súng... Có rất nhiều câu chuyện sự thật một trăm phần trăm nhưng thoát nghe tưởng như là huyền thoại về tài năng quân sự, về bản lĩnh của tướng quân Hoàng Sâm, được bộ đội Tây tiến và bà con các dân tộc Tây Bắc khâm phục, truyền tụng.

Năm 1948, trong đợt phong quân hàm cấp tướng đầu tiên của Quân đội ta, Hoàng Sâm được phong Thiếu tướng.

Năm 1951, Hoàng Sâm được rút về làm phái viên của Bộ đi tham gia chiến dịch với các Đại đoàn 312, 304.

Năm 1953, Hoàng Sâm làm Đại đoàn trưởng 304, Chỉ huy trưởng Mặt trận Trung Lào.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hoàng Sâm về chỉ huy tiếp quản Sơn Tây, Hà Đông; rồi làm Đại đoàn trưởng 320, chỉ huy tiếp quản Hải Phòng.

Cuối năm 1955, Hoàng Sâm được bổ nhiệm làm Tư lệnh Quân khu Tả Ngạn rồi sau đó tiếp tục đảm đương các cương vị: Tư lệnh Quân khu Hữu Ngạn, Tư lệnh Quân khu 3.

Năm 1962, Hoàng Sâm được cử sang làm nhiệm vụ quốc tế tại Lào với bí danh là Chấn-đi. Ông đã được các đồng chí lãnh đạo nước bạn hết sức tin cậy và kính trọng. Vừa mới về nước chưa được bao lâu thì Hoàng Sâm lại được cử vào làm Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên - Huế - một chiến trường cực kỳ nóng bỏng và ác liệt.

Tháng 12 năm 1968, Thiếu tướng Hoàng Sâm đã hy sinh tại chiến trường Bình - Trị - Thiên. Ông ra đi ở tuổi 53 khi mà tài năng quân sự đang ở vào độ chín và tiếp tục toả sáng.

Hoàng Sâm là người học trò luôn được Bác Hồ tin cậy và quý trọng. Trước khi chia tay Hoàng Sâm lên đường vào Trị - Thiên, Người đã dành thời gian động viên và căn dặn rất kỹ như đối với người thân trong gia đình. Hoàng Sâm là một vị tướng tài ba. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã từng ví Ông như một Sapaép của Liên Xô.

Thiếu tướng Hoàng Sâm là Đại biểu Quốc hội các khoá II và III. Ông đã được tặng thưởng:

- Huân chương Hồ Chí Minh;
- Huân chương Quân công hạng Nhất;
- Huân chương Kháng chiến hạng Nhất;
- Huân chương Chiến công hạng Nhất;
- Huân chương Chiến thắng;
- Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

## DƯƠNG MẠC THẠCH (1915 - 1979)



*Họ và tên: Dương Mạc Cam*

*Tên thường gọi: Dương Mạc Thạch*

*Bí danh: Xích Thắng*

*Ngày tháng năm sinh: 5-8-1915*

*Quê quán: Bản Thơm Phát, Gia  
Bằng (nay là xã Minh Tâm),  
Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*

*Dân tộc: Tày.*

Dương Mạc Thạch là người đảng viên Cộng sản đầu tiên, Bí thư chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của huyện Nguyên Bình. Có lẽ do được thừa hưởng cái “gien” của bố mẹ, nên Ông đã mang trong mình hoài bão làm cách mạng từ rất sớm.

Lúc bấy giờ, gia đình Dương Mạc Thạch thuộc diện khá giả ở Gia Bằng, chính vì vậy mà mới 8 tuổi đầu, Ông đã được cha mẹ cho đi học chữ Nho và học đến lớp nhất tiếng Pháp. Đây chính là nền tảng để sau này trong hành trang hoạt

động cách mạng của mình, Dương Mạc Thạch đã tích lũy được một vốn liếng kiến thức tương đối khá.

Ngay từ những năm còn ngồi trên ghế nhà trường, Dương Mạc Thạch đã tích cực vận động học sinh tham gia phong trào bãi khoá chống tên chủ Pháp bớt xén quyền lợi của học sinh. Nhận thấy đây là một con người dũng cảm, nhanh nhẹn, có hoài bão và chí hướng, đồng chí Hồng Lĩnh (về sau là Bí thư huyện ủy Hoà An) đã giác ngộ Dương Mạc Thạch đi theo cách mạng.

Ngày 15 tháng 6 năm 1934, Dương Mạc Thạch chính thức tham gia hoạt động cách mạng và chỉ hai tháng sau đó Ông đã được kết nạp vào Đảng.

Trong những năm 1934-1940, Dương Mạc Thạch lăn lộn với phong trào ở Nguyên Bình. Ông trở thành người cán bộ nắm vùng dày dặn kinh nghiệm, giác ngộ được nhiều người đi theo cách mạng, tích cực vận động, tổ chức quyên góp tiền ủng hộ chính trị phạm, ủng hộ các tờ báo tiến bộ, vận động tổ chức quần chúng tham gia đấu tranh nhân dịp đoàn Mặt trận bình dân Pháp, do Gô-đa dẫn đầu, lên Cao Bằng; gương mẫu tuyên truyền vận động nhân dân bài trừ mê tín dị đoan, tập tục lạc hậu ở địa phương; tham gia Hội tương tế, Hội truyền bá chữ quốc ngữ. Ông cũng là một trong những hạt nhân lãnh đạo tiêu biểu trong việc thành lập hai chi bộ Đảng đầu tiên ở Nguyên Bình.

Năm 1940, Dương Mạc Thạch là Ủy viên Ban chấp hành lâm thời Tỉnh ủy Cao Bằng.

Vốn là một cán bộ am hiểu địa bàn, nắm chắc phong trào cách mạng, lại là người có uy tín ở địa phương, đặc biệt là trong đồng bào dân tộc, chính vì vậy mà trong suốt một thời

gian dài kể từ sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (1941) cho đến trước Cách mạng tháng Tám 1945, Dương Mạc Thạch được tổ chức phân công chủ yếu bám trụ hoạt động ở vùng Nguyên Bình và vùng giáp ranh với Bắc Kạn. Tại những vùng này, Ông đã kiên trì xây dựng và phát triển cơ sở, vận động được nhiều đồng bào Tày - Nùng - Mông - Dao vào Hội cứu quốc; tổ chức Mặt trận Việt Minh ở các xã, tổng. Ngày 4 tháng 8 năm 1942, quân địch sục vào nhà truy bắt 2 anh em Dương Mạc Thạch. Tình thế đó buộc Ông phải chuyển hẳn vào hoạt động bí mật. Đầu năm 1944, Dương Mạc Thạch cùng với đồng chí Võ Nguyên Giáp được tổ chức phái xuống vùng Bắc Kạn phát triển phong trào, tổ chức các đội tự vệ. Thời kỳ này, Dương Mạc Thạch là Tỉnh ủy viên Cao - Bắc - Lạng và là một đối tượng truy nã gắt gao của địch. Tháng 2 năm 1944, trên đường Nam tiến xuống Bắc Kạn, đến núi Phia Bioóc gặp địch khủng bố trắng, đường bị ách tắc, Dương Mạc Thạch buộc phải ở lại chỉ bộ Chỉ Kiên hoạt động tại các xã phía Bắc Ngân Sơn. Tại đây, đã hai lần Ông thoát chết trong gang tấc, do bọn phản động chỉ điểm và bị phục kích. Trong đó có lần Ông và Đội vũ trang (10 người) bị 40 lính khố xanh và lính đồng của 4 xã bao vây gần 4 ngày đêm liên tục nhưng cuối cùng vẫn thoát hiểm an toàn. Khi vợ Ông - bà Nông Thị Yêm sinh đứa con gái đầu lòng, kẻ địch tìm mọi cách dụ dỗ, tra khảo tung tích của chồng nhưng bà vẫn một mực trả lời: "Đứa con đó là do đi với trai, còn chồng đi buôn muối biệt tích, không biết..."

Khi có chủ trương thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Dương Mạc Thạch được chọn làm Chính trị viên của Đội. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Võ Nguyên Giáp, Ông đã cùng với Đội trưởng Hoàng Sâm chỉ

huy Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân làm nên chiến thắng ngay từ trận đầu ra quân và nhanh chóng phát triển lên thành nhiều trung đội rồi thành đại đội. Buổi đầu, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân gặp khó khăn về tài chính (ngày thành lập, Đội chỉ được cấp 500 đồng bạc Đông Dương), Chính trị viên Dương Mạc Thạch đã đứng ra lo giải quyết vấn đề này. Ngoài việc vận động một số người quyên góp ủng hộ, Ông đã bàn bạc và vận động gia đình mình ủng hộ Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân 500 đồng - một số tiền rất lớn trong hoàn cảnh lúc bấy giờ.

Sau hai trận Phai Khắt, Nà Ngần, Dương Mạc Thạch cùng với Bắc Hợp đã đưa Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân về đóng ở Lũng Dẻ (quê của hai ông) để củng cố, bổ sung thêm lực lượng trước khi hành quân lên Bảo Lạc đánh đồn Đồng Mu.

Đầu năm 1945, khi Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã phát triển thành nhiều đại đội, Dương Mạc Thạch trực tiếp chỉ huy một đại đội hoạt động dọc đường 3b, vừa vũ trang tuyên truyền, vừa chặn đánh quân Nhật trong một số trận như Nà Phặc, Hà Hiệu, đèo Giàng, hỗ trợ du kích phá kho thóc ở Bạch Thông, Na Rì. Trong Cách mạng tháng Tám 1945, Ông cùng đơn vị tham gia giải phóng thị xã Bắc Kạn; thành lập chính quyền cách mạng ở các huyện Chợ Rã, Bạch Thông. Trung tuần tháng 8, Dương Mạc Thạch được Tỉnh ủy phân công dẫn đoàn đại biểu của tỉnh Bắc Kạn về dự Đại hội quốc dân Tân Trào. Tuy nhiên, do tình hình phát triển mau lẹ, Đại hội họp sớm hơn so với dự kiến, nên đoàn đại biểu Bắc Kạn đã không kịp dự. Từ năm 1945 đến 1948, Dương Mạc Thạch hoạt động chủ yếu ở Bắc Kạn và đã có thời kỳ làm Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến tỉnh. Trong

thời gian này, Ông đã có nhiều đóng góp quan trọng, cùng với các cộng sự của mình triển khai tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống thực dân Pháp xâm lược khi chúng nhảy dù xuống Bắc Kạn và dẹp tan các nhóm Quốc dân đảng phản động, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tháng 6 năm 1948, Dương Mạc Thạch được điều về Bộ Tổng tư lệnh làm Đặc phái viên các tỉnh miền núi và đầu năm 1949, được bổ nhiệm làm Trưởng phòng quốc dân miền núi của Liên khu 1.

Năm 1950, Ông được cử sang học tập ở Trường chính trị Hoa Nam - Trung Quốc. Cuối năm 1951 về nước, được bổ sung vào Tỉnh ủy Yên Bái phụ trách nông nghiệp; sau đó mấy tháng lại được Trung ương điều lên Hà Giang. Gần 20 năm gắn bó với vùng cao Hà Giang, Dương Mạc Thạch đã trải qua các chức vụ: Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến tỉnh, Phó bí thư Tỉnh ủy.

Năm 1970, Dương Mạc Thạch được điều về làm Bí thư Đảng ủy Trường Đại học Nông nghiệp 3 Bắc Thái. Sau hơn 40 năm hoạt động trên nhiều cương vị và ở nhiều vùng quê khác nhau, tháng 8 năm 1978, Dương Mạc Thạch được nghỉ hưu, trở về sống những tháng ngày còn lại tại quê hương Cao Bằng. Chưa đầy một năm sau, ông vĩnh viễn ra đi sau một cơn tai biến.

Có thể nói, Dương Mạc Thạch là một trong số những người khá "trọn vẹn" về đời tư, gia đình. Vợ Ông là Nông Thị Yên, năm nay 90 tuổi, cũng là lão thành cách mạng. Ba người con Ông đều nổi được nghiệp bố và đều thành đạt, một

trong số đó là đồng chí Dương Mạc Thăng - Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng hiện nay.

Dương Mạc Thạch đã được Nhà nước tặng thưởng:

- *Huân chương Hồ Chí Minh;*

- *Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất.*

Thân phụ của Ông là cụ Dương Mạc Tân cũng được tặng *Bằng có công với nước.*



# HOÀNG VĂN THÁI<sup>(\*)</sup>

(1915 - 1986)



*Họ và tên: Hoàng Văn Xiêm*

*Bí danh: Ngô Quốc Bình, Hoàng Văn Thái, Khang*

*Năm sinh: 1915*

*Quê quán: Tây An, Tiền Hải, Thái Bình*

*Trú quán: Hà Nội*

*Dân tộc: Kinh.*

Trong quyết định thành lập đội quân chủ lực đầu tiên - Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chỉ thị cho đồng chí Võ Nguyên Giáp là “chọn lọc trong hàng ngũ những du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực”<sup>1</sup>. Hoàng Văn Thái

---

<sup>(\*)</sup> Theo yêu cầu của gia đình, chúng tôi sử dụng tên Hoàng Văn Thái đưa lên hàng chữ in đậm (TG).

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1983, tr. 337.

quốc Pháp bắt giam nhưng sau đó nhờ sự bảo lãnh của một người bà con, Ông đã được trả tự do. Ra tù, Hoàng Văn Xiêm rút vào hoạt động bí mật ở vùng Bắc Giang với cái tên mới: Ngô Quốc Bình.

Đầu năm 1941, Ngô Quốc Bình được giao nhiệm vụ tham gia chỉ huy Đội Cứu quốc quân Bắc Sơn. Tháng 6 năm đó, khi thực dân Pháp huy động 4.000 quân bất ngờ tiến công khu căn cứ Bắc Sơn hòng chụp bắt các đồng chí lãnh đạo Đảng và tiêu diệt Cứu quốc quân, Ông đã chỉ huy một tiểu đội chọc thủng vòng vây, rút lên biên giới Việt - Trung an toàn.

Tháng 9 năm 1941, Ngô Quốc Bình được Đảng cử đi học quân sự ở Trường Diên Đông - Trung Quốc và đến tháng 10 năm 1944, về nước tham gia tổ chức Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân.

Sau hai trận Phai Khắt, Nà Ngần giành thắng lợi, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân kéo về Lũng Dẻ để bổ sung lực lượng; sau đó lên đánh đồn Đồng Mu. Ngô Quốc Bình (lúc này mang bí danh là Khang) không đi theo Đội mà ở lại Hoa Thám, theo lệnh đồng chí Võ Nguyên Giáp, tổ chức trinh sát nắm tình hình 2 đồn lính khố xanh tại Bằng Đức và Cốc Đán. Tại đây, Ông đã liên hệ với tổ chức bí mật của Nông Văn Lạc để điều nghiên tình hình địch, ta trong vùng, chuẩn bị kế hoạch cho Đội sau khi đánh Đồng Mu trở về, ăn Tết xong, sẽ tập kích hai đồn này.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945) không lâu, Hoàng Văn Thái chỉ huy một nhóm của Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tiến xuống hoạt động ở vùng Chợ Đồn, Chợ Rã... (Bắc Kạn). Tại xã Phương Viên ngày 28-3-1945, Hoàng Văn Thái cùng 3 cán bộ nữa đã thuyết phục

được trung đội lính khố xanh do Quân Tông chỉ huy giao nộp vũ khí cho Giải phóng quân. Ngày 25 tháng 6 năm 1945, Trường Quân chính kháng Nhật khai giảng khoá đầu tiên tại Tân Trào, Hoàng Văn Thái cùng với Thanh Phong được giao nhiệm vụ tổ chức và phụ trách lớp học quan trọng này. Trong Tổng khởi nghĩa, Ông chỉ huy giành chính quyền ở Lục Yên Châu (Yên Bái) và phối hợp giành chính quyền ở Tuyên Quang.

Cách mạng tháng Tám thành công, Hoàng Văn Thái được Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp giao nhiệm vụ tổ chức cơ quan Bộ Tổng Tham mưu. Tháng 10 năm 1945, Ông được cử giữ chức Tổng tham mưu trưởng. Sau đó, là Ủy viên Quân ủy Hội, Ủy viên Ban quân sự của Trung ương Đảng.

Năm 1948, trong đợt phong quân hàm đầu tiên của Quân đội ta, Hoàng Văn Thái được phong quân hàm Thiếu tướng.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ Quốc phòng, Hoàng Văn Thái đã cùng cơ quan Bộ Tổng Tham mưu triển khai công tác giúp trên chỉ đạo tác chiến và xây dựng lực lượng, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung, xây dựng cơ quan trưởng thành về mọi mặt. Ông đã trực tiếp làm Tham mưu trưởng và là Đảng ủy viên mặt trận các chiến dịch lớn như: Biên Giới, Trung Du, Đường 18, Hà Nam Ninh, Hoà Bình, Tây Bắc, Thượng Lào và Điện Biên Phủ.

Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, trên cương vị Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Quân huấn, Hoàng Văn Thái đã tích cực chỉ đạo huấn luyện bộ đội, góp phần thực hiện chủ trương xây dựng Quân đội nhân dân chính quy và hiện đại, xây dựng lực

lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh. Ông còn được bổ nhiệm kiêm chức Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao Trung ương.

Tháng 9 năm 1958, Hoàng Văn Thái được phong quân hàm Trung tướng.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tháng 2 năm 1966, Hoàng Văn Thái nhận nhiệm vụ vào truyền đạt Nghị quyết 12 của Trung ương Đảng cho chiến trường miền Nam, sau đó được chỉ định làm quyền Bí thư Khu ủy Khu 5, Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 5.

Tháng 10 năm 1967, Ông được lệnh vào Nam Bộ giữ chức Phó Bí thư Trung ương Cục, Phó Bí thư Quân ủy Miền, Tư lệnh Bộ chỉ huy Miền. Tại đây, Ông đã cùng các đồng chí trong Trung ương Cục, Quân ủy Miền và Bộ chỉ huy Miền lãnh đạo cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, các chiến dịch đánh bại cuộc hành quân Chen La 1, Chen La 2, Nguyễn Huệ... của địch, giành thắng lợi to lớn.

Sau Hiệp định Pari (1973), Ông trở lại cơ quan Bộ Tổng Tham mưu với cương vị Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất phụ trách tác chiến và chi viện chiến trường. Năm 1974, Hoàng Văn Thái được phong quân hàm Thượng tướng.

Sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, trên cương vị Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Hoàng Văn Thái được phân công chỉ đạo công tác tổng kết chiến tranh, biên soạn lịch sử quân sự và tham gia chỉ đạo công tác nghiên cứu khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam. Với đức độ, tài năng tổ chức và tinh thần trách nhiệm cao, Ông đã được Thường vụ Quân ủy Trung ương phân công phụ trách công tác cán bộ và công tác nhà trường. Năm 1980, Ông được phong quân hàm Đại

tướng. Ngày 2 tháng 7 năm 1986, Hoàng Văn Thái đã qua đời tại Hà Nội sau một cơn đau tim đột ngột.

Hoàng Văn Thái là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ khoá III đến khoá V; Ủy viên Thường vụ Đảng ủy quân sự Trung ương; Đại biểu Quốc hội khoá VII.

Do những cống hiến xuất sắc của mình, Hoàng Văn Thái đã được Nhà nước tặng thưởng:

- Huân chương Hồ Chí Minh;
- Hai Huân chương Quân công (hạng Nhất và hạng Nhì);
- Huân chương Chiến thắng hạng Nhất;
- Huân chương Kháng chiến hạng Nhất;
- Ba Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (hạng Nhất, Nhì, Ba);
- Ba Huân chương Chiến sĩ giải phóng (hạng Nhất, Nhì, Ba);
- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất;
- Huy chương Quân kỳ quyết thắng;
- Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

Ông còn được quân đội một số nước anh em tặng thưởng nhiều Huân chương cao quý.

# HOÀNG THẾ HẬU

(1922 - 1969)



*Họ và tên: Hoàng Thế Hậu*

*Năm sinh: 1922*

*Quê quán: Đào Ngạn - Hà Quảng -  
Cao Bằng*

*Dân tộc: Tày.*

Đầu năm 1940, Thế Hậu được giác ngộ đi làm cách mạng. Thời kỳ đó, vùng biên giới giáp với Quảng Tây (Trung Quốc) là đất hoành hành của các toán thổ phỉ; chính vì vậy mà Thế Hậu đã cùng các đồng đội của mình, bên cạnh việc lo xây dựng lực lượng, phải tập trung tiêu phỉ để bảo vệ nhân dân, bảo vệ vùng căn cứ ở Hà Quảng.

Trong những năm 1941-1943, Thế Hậu theo học tại trường quân sự Liễu Châu (Quảng Tây - Trung Quốc).

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, Thế Hậu được đứng trong hàng quân dự lễ tuyên thệ thành lập Đội Việt Nam tuyên

truyền Giải phóng quân. Ông tham gia 2 trận đánh đầu tiên của Đội là Phai Khắt và Nà Ngần.

Tháng 4 năm 1945, Thế Hậu được giao phụ trách một tổ giao thông quân đội làm nhiệm vụ khắc phục đường sá từ căn cứ Lam Sơn (Hoà An - Cao Bằng) qua các xã phía Nam Nguyên Bình xuống Ngân Sơn, Hà Hiệu.

Năm 1958, Thế Hậu được điều về làm Chủ nhiệm chính trị Tỉnh đội Hà Giang.

Năm 1963, Ông được điều về Bộ tư lệnh Công binh, phụ trách Z3, rồi làm Phó Chủ nhiệm chính trị Khu bí mật Chợ Đồn.

Năm 1964, Ông được bổ nhiệm làm Chính ủy Trung đoàn 289, Bộ tư lệnh Công binh, quân hàm Trung tá.

Ngày 9 tháng 9 năm 1969, Thế Hậu qua đời do một tai nạn rủi ro đáng tiếc.

Ông đã được tặng thưởng:

- *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì;*
- *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba;*
- *Bằng có công với nước.*

## BẾ BẰNG (1920)



*Họ và tên: Bế Bằng*

*Bí danh: Bế Kim Anh*

*Ngày tháng năm sinh: 19-7-1920*

*Quê quán: Dẻ Đòong - Hồng Việt -  
Hoà An - Cao Bằng*

*Trú quán: Phường Hợp Giang - thị  
xã Cao Bằng*

*Dân tộc: Tày.*

Cũng giống như hai người “đồng hương” quê ở xã Hồng Việt là Thu Sơn và Kế Hoạch, Bế Bằng tham gia hoạt động cách mạng từ rất sớm. Năm 1937, Ông đã là một trong những hạt nhân tích cực của phong trào chống bắt phu, sưu cao thuế nặng. Chính vì vậy mà Ông đã bị thực dân Pháp bắt và bỏ tù 3 tháng. Ra tù, Bế Bằng phải rút vào bí mật với bí danh là Bế Kim Anh để tiếp tục hoạt động. Năm 1941, Ông được tổ chức đưa sang học tập tại Trường quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc). Đầu năm 1944, về nước, Bế Kim Anh được chọn vào “Tiểu đội cận vệ đặc biệt” làm nhiệm vụ bảo vệ Trung ương.



Tháng 12 năm 1944, Ông được tổ chức giới thiệu tham gia Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Sau các trận Phai Khắt, Nà Ngần và Đồng Mu, Bế Kim Anh cùng Bế Văn Sắt chỉ huy một mũi Nam tiến xuống Thượng Ân (Ngân Sơn) giúp địa phương trấn áp bọn phản động. Tại đây, Ông đã cùng với Lâm Cẩm Như vào khu Bằng Khẩu tuyên truyền chính sách của Đảng, của Việt Minh và vận động bà con người Hoa ủng hộ, tham gia cách mạng.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Bế Kim Anh trở lại Việt Bắc hoạt động, sau đó đi "Tây tiến". Trong kháng chiến chống Pháp, Ông là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 71, Trung đoàn 148, chiến đấu ở vùng Tạ Khoa, Cò Nòi... Giữa năm 1953, sau đợt chỉnh quân chính trị, do mắc phải một số khuyết điểm trong quá trình công tác, Bế Kim Anh đã rời khỏi quân ngũ. Sau đó một thời gian, Ông về công tác tại Phòng Lao động thị xã Cao Bằng.

Năm 1964, Bế Kim Anh về nghỉ hưu tại Nà Phặc - Ngân Sơn. Năm 1989, nhân dịp Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm lại Cao Bằng, Bế Kim Anh đã gặp và đề đạt nguyện vọng muốn được trở về quê sinh sống. Ông đã được toại nguyện và được chính quyền tỉnh Cao Bằng cấp một căn hộ tại khu tập thể Nước Giáp, phường Hợp Giang, thị xã Cao Bằng.

# NÔNG VĂN BÁT

(1923 - 1990)



*Họ và tên: Nông Văn Bát (tự Tịch)*

*Tên thường gọi: Đàm Quốc Chung,  
Đàm Tịch.*

*Năm sinh: 1923*

*Quê quán: Bình Long - Hoà An - Cao  
Bằng*

*Trú quán: 71, ngõ Thổ Quan -  
phố Khâm Thiên - Đống Đa - Hà Nội*

*Dân tộc: Tày.*

Năm 1938, Đàm Quốc Chung bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng trong phong trào thanh niên phản đế ở châu Hoà An. Giữa năm 1940, Ông được cử đi học quân sự ở Liễu Châu - Trung Quốc. Đầu năm 1944, về nước tham gia vào đội vũ trang của châu Hoà An. Tại đây, Ông đã có nhiều đóng góp tích cực trong việc khôi phục và duy trì hoạt động của các Hội cứu quốc địa phương.

Tháng 12 năm 1944, Đàm Quốc Chung là một trong số những đội viên Đội vũ trang châu Hoà An được chọn vào Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Sau hai trận tập

kích các đồn Phai Khắt và Nà Ngần, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân trở về Lũng Dẻ và phát triển thành một đại đội. Lúc này, Đàm Quốc Chung làm Trung đội trưởng Trung đội 2 của Đại đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân.

Sau khi đánh Đồng Mu trở về, Đàm Quốc Chung phụ trách một mũi Nam tiến xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên... làm công tác vũ trang tuyên truyền và tham gia Tổng khởi nghĩa tháng Tám tại đây. Trên đường tiến quân từ Thái Nguyên về Hà Nội, khi qua Từ Sơn, Đàm Quốc Chung lại được giao chỉ huy một đại đội tiến sang Vinh Yên đánh Quốc dân đảng và bọn phản động do Đỗ Đình Đạo cầm đầu. Sau đó, Ông về Hà Nội hoạt động một thời gian và xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị Quý tại đây.

Đầu năm 1946, Đàm Quốc Chung được kết nạp vào Đảng và tháng 4 năm đó được điều vào làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 77 (Thanh Hoá); cuối năm 1948, làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 115.

Tháng 1 năm 1950, Đàm Quốc Chung được bổ nhiệm làm Trưởng ban Thanh tra Khu 10.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954), Trung đoàn 148 - lực lượng chủ lực cơ động của Quân khu Tây Bắc, nhận nhiệm vụ tiếp quản, giải quyết hậu quả chiến trường; tiểu phi để xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng ở khu vực Lai Châu - Điện Biên. Theo sự phân công của trên, Đàm Quốc Chung về làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 148. Trong gần 4 năm (1954-1958) trên cương vị mới, Đàm Quốc Chung đã có nhiều đóng góp quan trọng vào việc thực hiện

thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Trung đoàn 148 ở vùng biên giới Tây Bắc xa xôi và đầy khó khăn thử thách.

Tháng 3 năm 1958, thực hiện chương trình điều chỉnh kế hoạch xây dựng Quân đội trong tình hình mới, một số đơn vị của Trung đoàn 148 chuyển sang làm kinh tế, một số cán bộ chỉ huy của Trung đoàn có sự thay đổi công tác, Đàm Quốc Chung được điều về làm Hiệu trưởng Trường văn hoá A3 - Tây Bắc.

Năm 1974, Đàm Quốc Chung được phong quân hàm Đại tá và được bổ nhiệm làm Tham mưu phó Quân khu Tây Bắc, sau đó là Tham mưu phó Quân khu 1.

Tháng 1-1983, Ông nghỉ hưu và trước khi nghỉ là Phó trưởng Ban Thanh tra Quân khu 1.

Ngày 22 tháng 11 năm 1990, Đàm Quốc Chung qua đời tại phường Thổ Quan - quận Đống Đa - Hà Nội sau một thời gian bị bệnh phổi.

# BẾ VĂN BỒN

(1915 - 1987)



*Họ và tên: Bế Văn Bôn*

*Bí danh: Bế Văn Sắt, Hồng Quân,  
Mậu*

*Ngày tháng năm sinh: 10-10-1915*

*Quê quán: Đức Long - Hoà An - Cao  
Bằng*

*Trú quán: bản Mỏ Sắt - Dân Chủ  
Hoà An - Cao Bằng*

*Dân tộc: Tày.*

Bế Văn Bôn sinh ra và lớn lên ở thôn Đa Sỹ, xã Đức Long, nhưng sau khi lấy vợ, Ông về làm rẫy tại bản Mỏ Sắt, xã Dân Chủ và bắt đầu con đường hoạt động cách mạng từ đây. Ông lấy đến hai người vợ nhưng đều không có con. Vợ cả đã mất từ lâu, vợ hai bỏ về quê ngoại ở Tuyên Quang; chỉ còn lại người cháu nuôi duy nhất đang thờ phụng hương khói cho Ông. Vì vậy, những thông tin về quá trình hoạt động của Bế Văn Bôn để lại quá ít ỏi.

Không ai nhớ Bế Văn Bôn tham gia hoạt động cách mạng từ năm nào, nhiều nhân chứng chỉ biết đến cái tên Bế Văn

Sắt bắt đầu từ khi phong trào thí điểm Việt Minh ở Hoà An phát triển rầm rộ. Tháng 10 năm 1943, với bí danh là Hồng Quân, ông hoạt động trên con đường cách mạng Nam tiến Cao Bằng - Bắc Kạn - Thái Nguyên. Thời kỳ này (cuối 1943 đầu 1944), địch khủng bố trắng rất ác liệt nhưng Hồng Quân vẫn kiên cường bám trụ vùng cao phía Nam Nguyên Bình cùng các đồng chí trong nhóm của Trương Đắc giữ vững phong trào cách mạng trong đồng bào Dao. Khi có chủ trương thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Hồng Quân là một trong số những đội viên xuất sắc của đội vũ trang Hoà An được chọn vào Đội. Sau 2 trận Phai Khắt, Nà Ngần, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân phát triển thành đại đội, lúc này Bế Văn Sắt được giao làm Trung đội phó của một trong bốn trung đội của Đại đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân.

Là một cán bộ xông xáo, có sức khoẻ và gan dạ nên Bế Văn Sắt được chọn tham gia vào đội trừng trị Việt gian phản động tại các châu Nguyên Bình, Ngân Sơn, Chợ Rã.

Trước ngày Nhật đảo chính Pháp, với bí danh là Mậu, Ông chỉ huy một tổ xuống các xã phía Bắc Ngân Sơn giúp các đội vũ trang thoát ly ở đây trừng trị bọn phản động và xây dựng phong trào.

Ngày 20 tháng 3 năm 1945, Bế Văn Sắt cùng với Mai Trung Lâm được đồng chí Võ Nguyên Giáp phái đi tiền trạm xuống châu Chợ Rã. Tại đây, Ông đã có nhiều buổi gặp gỡ, thuyết giáo với tổng lý, giám binh Chợ Rã.

Tháng 6 năm 1945, Bế Văn Sắt cùng với Mông Phúc Thọ về Tân Trào dự học Trường Quân chính (khóa II).

Trong Cách mạng tháng Tám 1945, Bế Văn Sắt tham gia Tổng khởi nghĩa ở Vinh Yên. Tháng 2 năm 1946, Ông chỉ huy một đại đội Vệ quốc đoàn của tỉnh Vinh Yên đi “Tây tiến”. Một tháng sau đó, khi Trung đoàn Sơn La được thành lập, Bế Văn Sắt làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 90. Trên đường tiến lên Lai Châu, Ông đã chỉ huy xuất sắc đơn vị tiêu diệt hoàn toàn quân địch ở đồn Tuần Giáo, mở đường cho Trung đoàn 148 tiến lên Điện Biên, Lai Châu.

Cuối tháng 4 năm 1947, do phạm phải một số khuyết điểm trong thực hiện chủ trương “tiêu thổ kháng chiến” nên Bế Văn Sắt thôi làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 90 để đi nhận nhiệm vụ mới. Năm 1958, Bế Văn Sắt được phong quân hàm Đại úy, sau đó chuyển ngành về Ban Kiến thiết thủy lợi tỉnh Cao Bằng. Năm 1966, Ông về hưu và mất ngày 2 tháng 7 năm 1987 tại xã Dân Chủ - Hoà An - Cao Bằng.

Bế Văn Sắt đã được tặng thưởng:

- *Huy chương Kháng chiến hạng Nhất.*

## TÔ VĂN CẨM (1922)



*Họ và tên: Tô Văn Cẩm*

*Bí danh: Tô Tiến Lực, Tô Đình Lực*

*Năm sinh: 1922*

*Quê quán: Bản Um - Tam Kim -  
Nguyên Bình - Cao Bằng*

*Trú quán: Thị trấn Đa Tễh - Lâm  
Đồng*

*Dân tộc: Tày.*

Sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941), phong trào Việt Minh ở Cao Bằng phát triển rộng khắp; đặc biệt, ba châu Hoà An, Hà Quảng, Nguyên Bình đã trở thành “*châu Việt Minh hoàn toàn*”. Lúc này, Hội thanh niên cứu quốc đã phát triển đến các thôn, bản ở tổng Kim Mã. Trong bối cảnh đó, Tô Văn Cẩm quyết định đi theo cách mạng. Mùa xuân năm 1942, Tô Văn Cẩm cùng với Thanh Vy đã tìm đến một số gia đình ở Thượng Ân tuyên truyền, vận động bà con tham gia vào Hội Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc. Tại Thượng Ân... Ông đã vận động tổ chức được gần 10 hội viên



Cứu quốc. Trong khi đang chuẩn bị đi dự lớp huấn luyện thì quân địch bất ngờ xộc về Tam Lộng - Kim Mã (quê ông) khùng bố trắng.

Tháng 2 năm 1944, Tô Văn Cẩm cùng với một số cán bộ địa phương theo học một lớp quân chính (khóa III) do đồng chí Lê Thiết Hùng phụ trách, mở tại rừng Lũng Chí thuộc xã Tam Lộng. Khi khóa học này kết thúc cũng là lúc làn sóng khùng bố trắng của quân địch dâng cao. Hàng trăm thanh niên ưu tú của Cao Bằng phải lánh vào rừng, tổ chức các đội vũ trang thoát ly chống khùng bố. Riêng bản Um-quê của Tô Tiến Lực (lúc này đã đổi thành bí danh), có tới 3 người nằm trong số này là: Tô Tiến Lực, Tô Đình Tuy và Nguyễn Văn Trần. Trong những năm từ 1941-1944, chàng thanh niên lý lợm và có chút ngang ngạnh này không được đi đây, đi đó như một số cán bộ Việt Minh khác mà chỉ ở lại lặn lội với phong trào địa phương. Chính vì vậy mà khi Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân ra đời ở khu rừng Trần Hưng Đạo, Tô Tiến Lực là đại diện do Đội vũ trang xã cử tham gia.

Mặc dầu chưa được trải qua một trường quân sự bài bản nào và cũng chưa trải qua trận đánh nào, nhưng bù lại, Tô Văn Cẩm là người thông thạo địa hình, am hiểu địch tình, lại có kinh nghiệm vận động quần chúng. Lúc này, ở Tam Lộng, Kim Mã đã thành lập được 3 đội vũ trang mang tên Đức Chính, Thế Dục, Phan Thanh. Ngoài hoạt động chống khùng bố, Tô Tiến Lực đã cùng với Nông Văn Quang, Nông Văn Lạc, Đặng Tuấn Quý, Nông Văn Xương (tức bé Hồng)... và các đội viên vũ trang khác tích cực vận động bà con dân bản đóng góp sức người, sức của cho thành công của buổi lễ ra mắt Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân cũng như trong 2 trận đầu ra quân đánh đồn Phai Khắt và Nà Ngần.

Sau khi cùng **Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân** lên đánh đồn **Đông Mu** trở về, **Tiến Lực** hoạt động vũ trang tuyên truyền ở vùng cao hai huyện **Nguyên Bình**, **Ngân Sơn**.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, tiếng súng kháng chiến chống thực dân Pháp vang lên ở Nam Bộ. Phong trào “**Nam tiến**” phát triển mạnh khắp các địa phương ở Bắc và Trung Bộ. Theo tiếng gọi “**sơn hà nguy biến**”, nhiều đoàn quân Nam tiến đã hăm hở lên đường chi viện cho Nam Bộ. Cả ba anh em **Tô Tiến Lực** đều có mặt trong những đoàn quân đó. Vào đến Nam Bộ mới được một thời gian ngắn, thì giữa năm 1946, trong một trận chống càn, **Tô Tiến Lực** bị thương nặng phải trở ra Bắc và sau đó được giải ngũ về địa phương.

Sau sự kiện quân Pháp nhảy dù xuống **Bắc Kạn** (7-10-1947), **Tô Tiến Lực** quay trở lại Quân đội. Trong chiến dịch **Biên Giới** (Thu Đông năm 1950), trên cương vị Trung đội trưởng phòng không, Ông tham gia đánh đồn **Đông Khê** lần thứ hai. Trong trận này, **Tô Tiến Lực** bị thương và chính vết thương này đã buộc Ông sớm phải chia tay với binh nghiệp lúc tuổi đời còn rất trẻ và tràn đầy ước mơ, trở về với bản Um, với rừng **Trần Hưng Đạo**, nơi đã từng gắn bó với Ông biết bao kỷ niệm.

Tháng 7 năm 1992, đã ở cái tuổi “**xưa nay hiếm**”, **Tô Tiến Lực** vẫn quyết định bút ra khỏi cái vòng luẩn quẩn của đời nghèo, tìm đường vào xây dựng kinh tế mới ở cao nguyên **Lâm Đồng**.

Hiện nay, Ông đang sống cùng gia đình tại thôn 8, thị trấn **Đạ Tẻh**, huyện **Đạ Tẻh**, tỉnh **Lâm Đồng**.

**Tô Tiến Lực** đã được tặng thưởng:

- *Huân chương Chiến thắng hạng Ba.*

# NGUYỄN VĂN CÀNG

(1919 - 1998)



*Họ và tên: Nguyễn Văn Càng*

*Bí danh: Thu Sơn*

*Ngày tháng năm sinh: 19-11-1919*

*Quê quán: Hồng Việt - Hoà An - Cao Bằng*

*Trú quán: Đức Long - Hoà An - Cao Bằng*

*Dân tộc: Tày.*

Năm 1936, Thu Sơn bắt đầu tham gia phong trào Thanh niên phản đế và làm liên lạc cho các cán bộ hoạt động cách mạng tại địa phương.

Giữa năm 1941, Ông được kết nạp vào Đảng và được tổ chức cử đi học ở Trường quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc). Tháng 10 năm 1944, Ông trở về nước và được chọn vào Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Sau khi dự lễ tuyên thệ thành lập Đội (22-12-1944), Thu Sơn được giao làm Tiểu đội trưởng. Với tầm vóc cao to, dáng vẻ oai phong, có "chiếc mũi lõ" giống Tây, hơn nữa lại có vốn tiếng Pháp tương đối khá, vì vậy, trong trận đánh đồn Phai Khắt, Tiểu đội

trưởng Thu Sơn nhập vai “đội sếp”, mượn tiếng đón “quan châu” để tập hợp binh lính trong đồn, tạo điều kiện cho anh em trong Đội hạ đồn chỉ trong vòng 30 phút.

Sau đó, Thu Sơn tiếp tục tham gia cả hai trận Nà Ngần và Đồng Mu.

Tháng 4 năm 1945, Thu Sơn chỉ huy một trung đội hoạt động trên tuyến đường Chợ Đồn - thị xã Bắc Kạn. Ngày 19 tháng 8, chính Ông đã tiếp xúc với đại diện chỉ huy quân Nhật tại sân bay Bắc Kạn để thương lượng chuẩn bị cho cuộc đàm phán giữa Bộ chỉ huy quân Nhật và lãnh đạo đoàn thể Việt Minh.

Thu Sơn là một trong những cán bộ lãnh đạo, chỉ huy đầu tiên vào giải phóng tỉnh lỵ Bắc Kạn, giành chính quyền ngày 21 tháng 8 năm 1945.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, tiếng súng kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ bùng nổ; cả nước hưởng ứng lời kêu gọi “sơn hà nguy biến”. Đầu tháng 10, Thu Sơn được đồng chí Võ Nguyên Giáp giao nhiệm vụ xuống Nam Định nắm tình hình, chuẩn bị tổ chức các đội quân Nam tiến.

Một ngày chớm đông, tiết trời bắt đầu se lạnh, trên sân ga Đồng Giao, Chi đội trưởng Thu Sơn xúc động nhận từ tay đồng chí Hoàng Sâm - Khu bộ trưởng Khu 2, người Đội trưởng Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân ngày nào, thanh kiếm và lá cờ Tổ quốc. Thay mặt Chi đội, Thu Sơn hứa với Khu bộ trưởng và đại biểu hai tỉnh Nam Định, Ninh Bình rằng Chi đội Nam tiến của Ông kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ tại chiến trường.

Trên suốt chặng đường hành quân từ ga Đồng Giao vào tới Nha Trang, Thu Sơn là chỗ dựa tin cậy của anh em cán bộ và chiến sĩ trong Chi đội. Trình độ "tiếng Tàu" vào loại khá và bản lĩnh vững vàng của người chỉ huy đã giúp Ông và Chi đội vượt qua được nhiều trở ngại, thậm chí cả hiểm nguy, do quân Tưởng gây ra trên đường hành quân vào Nam.

Cuối tháng 10 năm 1945, Chi đội của Thu Sơn vừa "chân ướt, chân ráo" vào đến Ninh Hoà thì lập tức được giao nhiệm vụ tăng cường cho Mặt trận Nha Trang đánh quân Pháp vừa mới nổ ra ngày 22 tháng 10 năm 1945.

Đang "lạ nước, lạ cái" nhưng Thu Sơn đã nhanh chóng nắm tình hình, chỉ huy Chi đội phân tán thành từng nhóm nhỏ, bám sát địch, tổ chức tập kích, phục kích, chia cắt, tiêu diệt được nhiều sinh lực của chúng.

Sau gần ba tháng quần nhau với quân Pháp ở Mặt trận Nha Trang, đầu năm 1946, Thu Sơn cùng Chi đội được lệnh rút ra Phú Yên để củng cố lực lượng.

Sau khi Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 được ký kết, Chi đội của Thu Sơn giải tán, một số đi học tại Trường Lục quân trung học Quảng Ngãi, một số làm nông cốt tăng cường cho các đơn vị bạn. Riêng Chi đội trưởng Thu Sơn được cử làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 79 Phú Yên vừa mới thành lập.

Một thời gian sau, Ông được điều lên làm Phân khu trưởng Bắc Tây Nguyên. Tại đây, Thu Sơn bị thương nặng, thêm vào đó là bị bệnh sốt rét hành hạ thường xuyên nên sức khoẻ giảm sút nhanh chóng.

Đầu năm 1950, Thu Sơn được trên cho ra Bắc dưỡng bệnh, sau đó trở về quê hương làm Tỉnh đội trưởng Cao Bằng.

Năm 1953, Ông lại được điều sang làm Tỉnh đội trưởng Tuyên Quang, rồi năm 1958 làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiêm Tỉnh đội trưởng. Trong đợt phong quân hàm năm 1958, Thu Sơn được nhận cấp hàm Trung tá.

Tháng 2 năm 1962, Thu Sơn chuyển về làm Chánh án Toà án nhân dân Khu tự trị Việt Bắc và liên tục công tác ở đây gần 10 năm.

Đầu năm 1971, Thu Sơn xin nghỉ hưu, mặc dù lúc đó ông mới 52 tuổi.

Ngày 10 tháng 4 năm 1998, do tuổi cao sức yếu, Thu Sơn qua đời tại quê nhà, xã Đức Long, huyện Hoà An, Cao Bằng.

Thu Sơn đã được Nhà nước tặng thưởng:

- Huân chương Độc lập hạng Nhì;
- Huân chương Chiến thắng hạng Nhất;
- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất.

# NGUYỄN VĂN CƠ

(1920 - 1997)



*Họ và tên: Nguyễn Văn Cơ*

*Bí danh: Đức Cường*

*Năm sinh: 1920*

*Quê quán: Đê Thám - Hoà An - Cao Bằng*

*Trú quán: Ninh An - Ninh Hoà - Khánh Hoà*

*Dân tộc: Tày.*

Cuối tháng 8 năm 1997, chính quyền và nhân dân xã Ninh'An (Ninh Hoà, Khánh Hoà) thương tiếc tiễn đưa một người Đội viên Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân về nơi yên nghỉ cuối cùng tại quê hương thứ hai của ông - xã Ninh An - huyện Ninh Hoà. Sinh ra và lớn lên ở Hoà An - Cao Bằng nhưng 50 năm có lẽ, Đức Cường đã gắn bó máu thịt với vùng đất Nam Trung Bộ này. Thật nghiêm ngã làm sao, người Đội viên Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân ấy, sau hàng chục năm sống "mai danh, ẩn tích", lại đột ngột ra đi khi vừa mới được nhận chùm chìa khoá ngôi nhà tình nghĩa mà Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà

xây tặng. Nghe tin Ông mất, Đại tướng Võ Nguyên Giáp từ Hà Nội đã gửi điện chia buồn và tiễn vào phúng viếng hương hồn Ông.

Trong những năm 1936-1939, phong trào quần chúng đòi quyền tự do dân chủ, dân sinh nổ ra khắp nơi trong tỉnh Cao Bằng, đặc biệt là tại các châu Hoà An, Hà Quảng, Nguyên Bình. Lo sợ phong trào đang có xu hướng lan rộng đó, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp khủng bố. Đầu năm 1938, sau khi được giác ngộ và tôi luyện trong phong trào ở địa phương và để tránh bị địch bắt, Nguyễn Văn Cơ quyết định rời xã Đê Thám đi thoát ly hoạt động cách mạng. Năm 1940, Ông được tổ chức chọn và cử sang Trung Quốc học tập.

Năm 1943, Nguyễn Văn Cơ trở về nước hoạt động với tên bí danh là Đức Cường. Ngày 22 tháng 12 năm 1944, Đức Cường vinh dự tham gia lễ tuyên thệ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, sau đó được tham gia cả 3 trận đánh đồn Phai Khắt, Nà Ngần và Đồng Mu. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến. Chỉ một tháng sau, Đức Cường đã có mặt trong đội hình Chi đội Thu Sơn lên đường Nam tiến.

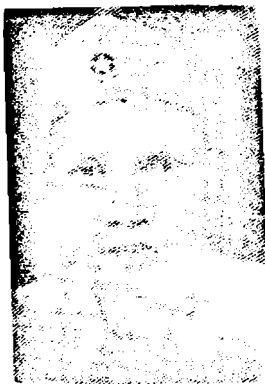
Cuối tháng 10 năm 1945, đoàn tàu chở Chi đội Thu Sơn vào đến Quảng Ngãi và dừng chân nghỉ lại 3 ngày. Tại đây, anh em trong Chi đội được tham quan, gặp gỡ thân mật và giao lưu với đại biểu các tổ chức, đoàn thể ở địa phương. Chính trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, Đức Cường đã kịp làm thân với một cô gái đất Quảng (cô gái đó trở thành người bạn đời của Ông). Trong kháng chiến chống Pháp, Ông từng giữ chức Đại đội trưởng Đại đội bảo vệ của Quân khu 5. Hòa bình lập lại, do bị bệnh thấp khớp nặng và nặng tai,



không thể đi tập kết ra Bắc, Đức Cường được tổ chức cho xuất ngũ về với gia đình ở làng Thanh Sơn, xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi. Một thời gian sau, cả gia đình chuyển vào Ninh An - Ninh Hoà sinh sống. Trong kháng chiến chống Mỹ, có thời gian (1963-1965) Ông làm cán bộ xã đội Ninh An. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng khá lâu, khi sức khoẻ hồi phục, Đức Cường mới có dịp trở về thăm quê ở xã Đề Thám, Hoà An, Cao Bằng. Mãi tới lúc này người ta mới biết Ông là một trong 34 người có mặt trong buổi lễ tuyên thệ của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân vẫn còn sống. Đức Cường gắn bó với chiến trường Nam Trung Bộ từ ngày Nam tiến cho đến khi đất nước thống nhất. Người con trai cả của Ông cũng đã anh dũng hy sinh tại mảnh đất này 4 tháng trước ngày toàn thắng (30-4-1975). Khi phát hiện ra Đức Cường là đội viên Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã xây tặng Ông ngôi nhà tình nghĩa rộng 50 mét vuông khang trang, đẹp đẽ trên mảnh đất 100 mét vuông. Nhưng hưởng niềm vui đó chưa được bao lâu, thì tháng 8 năm 1997, Đức Cường đã đột ngột ra đi sau một cơn tai biến mạch máu não.

# TRƯƠNG VĂN CÙ

(1906 - 1956)



*Họ và tên: Trương Văn Cù*

*Bí danh: Văn Trường, Đông,  
Trường Đắc...*

*Năm sinh: 1906*

*Quê quán: Giáp Giải - Minh Tâm -  
Nguyên Bình - Cao Bằng*

*Dân tộc: Tày.*

Cũng giống như nhiều “đồng hương” xã Minh Tâm trong Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân (Dương Mạc Thạch, Chu Văn Đế, Ma Văn Phiêu), Trương Văn Cù bắt đầu con đường hoạt động cách mạng của mình bằng việc tham gia Hội Thanh niên phản đế ở địa phương.

Vốn là một chàng trai xông xáo, dũng cảm, giỏi võ nghệ, Trương Văn Cù nhanh chóng trở thành hạt nhân tiêu biểu của Hội Thanh niên phản đế Gia Bằng. Năm 1935, Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 4 năm 1941, theo chỉ thị của Tỉnh ủy, Đảng bộ châu Lam Sơn cử hai đảng

viên tiêu biểu là Trương Văn Cù và Ma Văn Chúc đi học quân sự ở Điền Đông (Trung Quốc).

Đầu năm 1942, Trương Văn Cù trở về nước với bí danh hoạt động là Trương Đắc. Giữa năm 1942, cả ba anh em nhà họ Trương: Trương Đắc, Trương Văn Lượng và Trương Thị Trưng bị địch truy lùng gắt gao, đã buộc phải rút vào hoạt động bí mật. Ông hoạt động ở Minh Tâm một thời gian, sau đó được tổ chức phân công phụ trách một tổ xung phong Nam tiến xuống các xã vùng cao dân tộc Dao phía Nam châu Nguyên Bình. Nhiều người cho rằng Trương Đắc là người “cao số” bởi không ít lần ông đã vượt qua được cái chết chỉ trong gang tấc. Có lần, đang chủ trì một cuộc họp quan trọng, bọn phản động mò đến và gi súng vào sát vách, nơi Trương Đắc đang ngồi tựa lưng, bóp cò, nhưng thật may, viên đạn thối không nổ.

Trong hai năm 1943-1944, Trương Đắc được tham dự khá nhiều lớp huấn luyện; từ các lớp mở ở Gia Bằng, Tam Lọng cho đến lớp bổ túc ở Trường Quân hiệu 3 (Khau Giàng - Tam Kim). Ông cũng là người có nhiều đóng góp cho phong trào ở các xã Kim Mã, Tam Lọng, Thượng Ân, Cốc Đán trong thời kỳ này.

Giữa tháng 12 năm 1944, đang phụ trách đội chống khủng bố ở các xã vùng cao phía Nam Nguyên Bình, Trương Đắc được triệu tập về tham gia Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Ông tham gia cả 3 trận đánh Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu của Đội; sau đó trở về Hoa Thám làm công tác vận động quần chúng.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), Trương Đắc theo một cánh quân của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải

phóng quân “Nam tiến” xuống vùng Bắc Kạn, Thái Nguyên. Sau này, khi Trung đoàn 72 được thành lập, Ông là Chính trị viên Tiểu đoàn 49 của trung đoàn này.

Đầu năm 1946, Trương Đắc được điều lên làm phái viên của Bộ Quốc phòng hoạt động trên địa bàn 6 tỉnh Cao - Bắc - Lạng - Hà - Tuyên - Thái. Năm 1950, vì lý do sức khoẻ, Trương Đắc xin phục viên về sống ở Phấn Mễ - Phú Lương - Thái Nguyên. Năm 1953, Ông trở về quê Cao Bằng, làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã Minh Tâm được một khoá, đến năm 1956 thì mất do bệnh hiểm nghèo.

# HOÀNG VĂN CỬN

(1919 - 1986)



*Họ và tên: Hoàng Văn Củng*

*Bí danh: Hoàng Quyên, Hoàng Thịnh*

*Năm sinh: 1919*

*Quê quán: Đông Danh, Trảng Xá, Võ Nhai, Thái Nguyên*

*Dân tộc: Nùng.*

Được thừa hưởng “gien” của ông bố nên chàng trai người Nùng - Hoàng Văn Củng đã giác ngộ cách mạng từ rất sớm. Cha ông cũng là một lão thành cách mạng, liệt sĩ trong kháng chiến chống Pháp và được truy tặng *Bằng có công với nước*. Tuy vậy, phải bước sang tuổi 18 (năm 1937) Hoàng Văn Củng mới chính thức tham gia hoạt động cách mạng và cũng từ đây người ta không gọi ông theo tên “cúng cơm” Hoàng Văn Củng nữa mà gọi theo bí danh là Hoàng Thịnh (có thời kỳ còn gọi là Hoàng Quyên). Cậu Củng bé nhỏ ngày nào chỉ sau 3 năm lẫn lộn với phong trào cách mạng địa phương đã nhanh chóng trở thành một cán bộ xông xáo, dũng cảm và

dày dạn kinh nghiệm của phong trào du kích Bắc Sơn và trở thành Đội viên của Cứu quốc quân II. Tiếng tăm nhanh chóng lan xa. Quân Pháp nhiều lần lùng sục tìm bắt Ông nhưng không được. Có lần, chúng đã bắt cả gia đình Ông đưa sang nhà tù Chợ Chu tra khảo. Tháng 10 năm 1941, Hoàng Thịnh vinh dự được kết nạp vào Đảng. Từ một cán bộ của du kích Bắc Sơn, Ông được tổ chức phân công làm cán bộ phong trào, vận động quần chúng tham gia Việt Minh ở vùng núi phía Bắc của tỉnh Bắc Kạn. Sau một thời gian bám trụ chiến đấu tại Võ Nhai, do địch khủng bố gắt gao, tháng 2 năm 1942, Cứu quốc quân II buộc phải rút lên vùng biên giới Việt - Trung để bảo toàn lực lượng. Tại đây, Hoàng Thịnh và một số đồng chí khác phải dựa vào bà con dân tộc ở vùng biên giới giáp Tràng Định tiếp tục hoạt động. Tháng 4 năm 1943, một số đội viên Cứu quốc quân, trong đó có Hoàng Thịnh, từ biên giới được phái về Bắc Kạn, tăng cường cho con đường cách mạng Nam tiến. Tại châu Ngân Sơn, Hoàng Quyền (bí danh của ông thời kỳ này) tích cực vận động phát triển Hội Cứu quốc; đồng thời, chỉ huy chống địch khủng bố ở các xã Vân Tùng, Thượng Quan, Thuần Mang...

Tháng 12 năm 1944, Hoàng Thịnh là một trong số những đội viên Cứu quốc quân được đồng chí Võ Nguyên Giáp giới thiệu và được tổ chức chọn tham gia Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Sau buổi lễ ra mắt tại khu rừng Trần Hưng Đạo, Hoàng Thịnh tham gia các trận đánh đồn Phai Khắt, Nà Ngân. Sau đó, Ông không đi đánh đồn Đồng Mu mà ở lại làm nhiệm vụ phát triển vũ trang tuyên truyền ở Nguyên Bình, Ngân Sơn theo lệnh của cấp trên.

Hoàng Thịnh là một trong những cán bộ nòng cốt của phong trào kháng Nhật. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, trên cương vị Trung đội phó Đội VNTTGPQ, Ông được đồng chí Võ Nguyên Giáp giao nhiệm vụ cùng với Trung đội trưởng Bé Sơn Cương chỉ huy đơn vị xuống vùng rừng núi Bắc Kạn. Trong Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945, Hoàng Thịnh là Đại đội trưởng Việt Nam Giải phóng quân tham gia cướp chính quyền ở Thái Nguyên.

Đầu năm 1946, Hoàng Thịnh được giao chỉ huy Chi đội Độc lập 1 lên đường “Nam tiến”. Nhưng vừa mới hành quân vào tới Vĩnh Linh thì Ông bị ốm nặng, buộc phải chia tay với Chi đội và quay trở ra Bắc. Năm 1947, Ông làm Trung đoàn phó Trung đoàn Phúc - Thái.

Năm 1952, Hoàng Thịnh được cử sang Trung Quốc học. Tháng 1 năm 1953, về nước. Do sức khoẻ yếu, Ông chuyển ngành ra làm cán bộ nông hội, rồi cán bộ giao thông của tỉnh Bắc Kạn.

Đầu năm 1957, Hoàng Thịnh được Trung ương chỉ định tham gia Tỉnh ủy Bắc Kạn và được phân công làm Trưởng ty công an Bắc Kạn. Năm 1959, Ông được Khu ủy Việt Bắc điều lên Khu làm Ủy viên Ban công tác nông thôn; sau đó một thời gian lại được điều về làm Phó chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch, rồi làm Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Thái Nguyên.

Năm 1967, Hoàng Thịnh quay trở lại quê hương Võ Nhai làm Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện cho đến năm 1973 thì nghỉ hưu. Ông mất năm 1986 tại quê, thọ 67 tuổi.

# VÕ VĂN DẪNH

(1905 - 1991)



*Họ và tên: Võ Văn Dĩnh*

*Bí danh: Võ Văn Luận, Võ Văn Trung*

*Ngày tháng năm sinh: 15-8-1905*

*Quê quán: Đồng Lâm - Đức Hoá - Tuyên Hoá - Quảng Bình*

*Dân tộc: Kinh.*

Cuối năm 1989, tại Hà Nội đã diễn ra một cuộc gặp mặt cảm động giữa đoàn cựu chiến binh Quảng Bình với người đồng chí - đồng hương của họ - Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Trong số những cựu chiến binh Quảng Bình vinh dự được ra thăm Thủ đô lần đó có một đội viên Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Đó là Võ Văn Luận. Đối với Ông, trong chuyến ra thăm Thủ đô lần này niềm vui còn được nhân lên gấp bội bởi sau 45 năm, kể từ buổi tuyên thệ của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân ở khu rừng Trần Hưng Đạo, Ông mới gặp lại "Anh Văn" - người đồng hương, người thủ trưởng cũ của mình.



Trong chiến tranh đã đành, đảng này đất nước hoà bình đã được bao nhiêu năm, vậy mà Võ Văn Luận vẫn cứ sống ẩn dật ở một vùng quê xa xôi của huyện Tuyên Hoá - Quảng Bình, để bao nhiêu lần “Anh Văn” và cả các đồng chí, đồng đội Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân năm xưa lần tìm tung tích. Trong khu rừng Trần Hưng Đạo - nơi ra đời Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, trên tấm bia cũng chỉ có một dòng ngắn ngủi: “Đ/c Luận, quê quán Quảng Bình”.

Linh tính mạch bảo thể nào mà năm 1989 - đúng dịp kỷ niệm 45 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Võ Văn Luận quyết định ra thăm Thủ đô và tìm gặp lại người chỉ huy năm xưa. Ý định của Ông lại trùng hợp với lời mời của Hội Cựu chiến binh tỉnh Bình - Trị - Thiên.

Có lẽ Võ Văn Luận đã toại nguyện rồi chăng, bởi sau khi từ Hà Nội trở về được hơn một năm (tháng 2 năm 1991), Ông đã ra đi một cách thanh thản vào cõi vĩnh hằng.

Võ Văn Luận sinh ra tại một vùng quê nghèo khó của huyện Tuyên Hoá - Quảng Bình. Tên “cúng cơm” ở quê của ông là Võ Văn Dảnh. Nhà có 7 anh em thì nạn đói đã cướp đi 6, chỉ còn lại cậu út Dảnh. Năm 1917, một người tốt bụng trong làng đã thương tình mang theo Dảnh (lúc này mới 12 tuổi) qua Lào làm thuê kiếm sống.

Ở Lào được 3 năm thì sang Thái Lan. Tại đây, Dảnh may mắn gặp được người đồng hương quê Quảng Trạch, tên là Đoàn Hồng, đón về ở trong nhà. Gia đình của ông Đoàn Hồng là một cơ sở cách mạng của ta ở Thái Lan. Hàng ngày, Dảnh được nuôi ăn học và ý thức giác ngộ cách mạng đã sớm được hình thành ở cậu học sinh này. 18 tuổi đầu, trong một lần

tham gia biểu tình, rải truyền đơn, Ông bị cảnh sát U Đom bắt giam. Do ở trong tù, Dành khai là “cha Tàu, mẹ Á Nam”, nên mãn hạn tù (1938), Võ Văn Dành bị trả về Trung Quốc. Dành đến Trung Quốc với một cái tên mới: Võ Văn Trung. Tại đây, Ông được các đồng chí Lê Thiết Hùng, Nguyễn Sơn dìu dắt, giúp đỡ; được theo học các khoá huấn luyện và được vinh dự tham gia cuộc Vạn lý trường chinh của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc.

Năm 1943, Võ Văn Trung về nước hoạt động ở vùng Lục Khu (Cao Bằng) với một tên mới là Võ Văn Luận.

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, Võ Văn Luận được đứng trong hàng quân dự lễ Tuyên thệ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Ông rất tự hào vì ngoài “Anh Văn”, trong Đội còn có một người đồng hương khác là Đội trưởng Hoàng Sâm. Đúng là “duyên kỳ ngộ”! Ba người con Quảng Bình ra đi bằng những con đường khác nhau lại có dịp cùng sát cánh chiến đấu trong một trong những đội quân tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trong số ba trận đánh đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân: Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu mà Võ Văn Luận được tham gia thì có lẽ trận Phai Khắt để lại cho Ông nhiều kỷ niệm đáng nhớ nhất. Trong trận này, Võ Văn Luận được giao nhiệm vụ chặn ở cổng đồn. Khi phát hiện tên đồn trưởng người Pháp đi ngựa từ Nguyên Bình vào, không nén nổi lòng căm thù, Ông đã nổ súng “hạ” ngay, mặc dầu theo kế hoạch là không được nổ súng mà phải bắt sống. Chính vì vậy, sau trận này Võ Văn Luận đã bị phê bình, kiểm điểm.

Vốn là một người ít nhiều có am hiểu về Lào, đầu năm 1947, Võ Văn Luận được chọn đi “Tây tiến”. Khí hậu khắc

nghiệt vùng núi rừng Tây Bắc đã làm suy kiệt sức khoẻ vốn đã yếu sẵn của Ông. Vì thế, mới lên đến Sơn La, bị bệnh tật hành hạ, Võ Văn Luận đã buộc phải quay lại Việt Bắc; sau đó, được điều về Khu 4.

Được trở lại miền Trung là niềm khát khao bấy lâu của Ông. 30 năm sau ngày “tha phương cầu thực”, Võ Văn Luận mới có dịp về thăm lại quê hương và xây dựng gia đình.

Ngày ra đi, Ông là đứa trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống cuộc đời của kẻ nô lệ; người dân Đức Hoá quê Ông cũng “sống hôm nay không biết đến ngày mai”. Nay Đức Hoá đã có chính quyền cách mạng, nhiều người dân phiêu bạt, lưu lạc như Ông cũng đã lần lượt trở về. Chỉ có điều, dân Đức Hoá không ai nghĩ là “thằng Dảnh tội nghiệp” còn sống và còn biết đường mà tìm về quê. Vậy nên sự xuất hiện đường đột của Ông đã làm cho dân làng, thậm chí cả chính quyền xã, ngỡ ngàng đến độ nghi kỵ.

Võ Văn Luận ngồi trên lưng ngựa, vai khoác khẩu súng dài, lưng giắt khẩu súng ngắn và chiếc kiếm bóng loáng xuất hiện ở cổng làng. Dân Đức Hoá chưa bao giờ trông thấy một cán bộ cách mạng nào ăn vận “oai” như vậy. Chưa hết, vừa đến đầu làng, ngồi trên lưng ngựa, Võ Văn Luận rút súng bắn liên mấy phát, mà theo Ông là để “chào mừng quê hương”. Đích thị là “Quốc dân đảng” rồi! Cách mạng chi lại có người như rứa?”. Dân tình bàn tán xôn xao, rồi đến chính quyền cũng sinh nghi và kết cục là Võ Văn Luận bị bắt giam. Rất may, chỉ một thời gian ngắn sau đó, nhờ sự can thiệp của trên, Võ Văn Luận được minh oan và được bố trí công tác tại địa phương. Để “tự minh oan”, Ông đã một mình bắt tên Việt gian khét tiếng Võ Cảnh giữa thanh thiên bạch nhật, ngay

tại chợ Ba Đồn, sau đó đem giao nộp cho đồng chí Đồng (tức Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên sau này).

Năm 1951, Võ Văn Luận được Trung ương gọi ra để chuẩn bị sang hoạt động ở Lào. Mới được hơn một năm thì bệnh tật tái phát và hành hạ buộc Ông phải chia tay quân đội, trở về quê. Suốt từ đó cho đến lúc qua đời (tháng 2 năm 1991), Ông tham gia hoạt động ở địa phương.

Võ Văn Luận đã được tặng thưởng:

*Huy chương Kháng chiến chống Pháp (tháng 8-1952).*

# TÔ VŨ DÂU

(1922 - 2001)



*Họ và tên: Tô Vũ Dâu*

*Bí danh: Thịnh Nguyên*

*Ngày tháng năm sinh: 1-1-1922*

*Quê quán: Vinh Quang - Hoà An -  
Cao Bằng*

*Dân tộc: Tày.*

Đầu năm 1937, Gôđa - đại diện Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp, đi thị sát tình hình Cao Bằng. Trong đoàn người đi "đón" hôm đó tại ngã ba Khẩu Đồn (Hoà An), người ta thấy một chàng trai dáng người mảnh khảnh cố len lỏi giữa đám đông để đưa bằng được bản "dân nguyện" cho vị đại diện Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp. Chàng trai dũng cảm đó chính là Tô Vũ Dâu.

Tô Vũ Dâu bắt đầu được giác ngộ cách mạng thông qua việc tiếp xúc, đọc và nghiên cứu các tờ báo "*Nhàn lúa*", "*Lao động*"... Ông tham gia phong trào thanh niên địa phương từ

năm 1937. Tháng 7 năm 1941, vận hội mới mở ra cho Ông khi một cán bộ Việt Minh tên là Tài Nam về Vinh Quang bắt liên lạc với nhóm của Tô Vũ Dâu, Trọng Việt, Lưu Ngọc để tuyên truyền về Điều lệ và Cương lĩnh của Mặt trận Việt Minh.

Không giống như nhiều đội viên Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân khác, trong những năm 1941-1944, Tô Vũ Dâu không đi ra nước ngoài học mà ở lại xây dựng phát triển phong trào Việt Minh, tổ chức các đoàn thể Cứu quốc ngay tại địa phương. Bằng uy tín và năng khiếu tuyên truyền, Ông đã cùng với một số cán bộ trung kiên vận động được cả lý trưởng và các chức dịch trong xã trở thành hội viên của Hội Cứu quốc. Bản thân Ông được cử làm Chủ nhiệm Việt Minh xã Vệ Linh.

Cuối năm 1943, đầu năm 1944, trước làn sóng khủng bố của thực dân Pháp, các hội Cứu quốc buộc phải thu hẹp quy mô và phạm vi hoạt động; một số cán bộ cốt cán buộc phải rút vào hoạt động bí mật. Lúc này, Tô Vũ Dâu vừa phải giữ vững liên lạc giữa cấp trên với cơ sở; vừa phải chỉ huy các tổ trung kiên duy trì sự tồn tại của phong trào.

Tháng 7 năm 1944, do cơ sở bị khủng bố, trước sự lung lay bất ráo rết của quân Pháp, Tô Vũ Dâu phải rút vào hoạt động bí mật với một cái tên mới: Thịnh Nguyên. Sau đó, Ông được bổ sung vào đội vũ trang của tổng Hồng Việt. Ngày 22 tháng 12 năm 1944, Thịnh Nguyên là đội viên xuất sắc của Đội vũ trang Hồng Việt vinh dự tham dự lễ tuyên thệ của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân.

Thịnh Nguyên tham gia hai trận đánh đồn Phai Khắt và Nà Ngần, nhưng đến trận Đông Mu thì Ông không có mặt do

điều kiện sức khoẻ. Căn bệnh kiết lỵ mạn tính và những đợt sốt rét kéo dài đã buộc Ông phải sớm chia tay với Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân trước khi Đội rời Lũng Dẻ hành quân lên Bảo Lạc để đánh đồn Đồng Mu.

Thịnh Nguyên được phân công về cơ quan Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng và tại đây, ngày 1 tháng 1 năm 1945, ông được kết nạp vào Đảng. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), Thịnh Nguyên được phái xuống Trà Lĩnh tham gia khôi phục phong trào cách mạng ở địa phương, đồng thời chỉ đạo cướp chính quyền trong Cách mạng tháng Tám. Giữa năm 1946, Thịnh Nguyên lại được tổ chức phân công về công tác tại Huyện ủy huyện Hạ Lang.

Cuối năm 1949, Thịnh Nguyên trở lại Hoà An, làm Phó Bí thư huyện ủy. Mấy tháng sau, Ông lại được điều lên làm chuyên viên Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Cao Bằng.

Đầu năm 1953, do sức khoẻ yếu cộng với hoàn cảnh gia đình khó khăn, Thịnh Nguyên xin nghỉ việc ở Ban Tuyên huấn, trở về tham gia công tác tại địa phương.

Ông đã được tặng thưởng:

- *Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì;*

- *Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng.*

# DƯƠNG VĂN DẤU

(1911 - 1979)



*Họ và tên: Dương Văn Dấu*

*Bí danh: Dương Đại Long*

*Ngày tháng năm sinh: 15-1-1911*

*Quê quán: Pác Bó - Trường Hà -  
Hà Quảng - Cao Bằng*

*Trú quán: Bản Bó - Phù Ngọc - Hà  
Quảng - Cao Bằng*

*Dân tộc: Nùng.*

Những năm 1936-1939, phong trào quần chúng đòi quyền tự do dân chủ, dân sinh nổ ra khắp toàn tỉnh Cao Bằng, đặc biệt là ở các châu Hoà An, Hà Quảng... Chính trong bối cảnh đó, tháng 11 năm 1937, chàng thanh niên người Nùng, Dương Đại Long, đã được Lê Quảng Ba và Hoàng Tô giác ngộ đi theo cách mạng. Ông trở thành một hội viên trung kiên hoạt động trong phong trào phản đế ở Pác Bó - Trường Hà.

Sau ngày Bác Hồ về Pác Bó, thực hiện chỉ thị của Người, châu Hà Quảng đã tổ chức thí điểm Việt Minh và xây dựng các đội tự vệ. Dương Đại Long trở thành một cán bộ nòng cốt



của Đội tự vệ xã Trường Hà. Tháng 1-1942, Ông đã được kết nạp vào Đảng.

Cuối năm 1943, trước những hoạt động khủng bố gắt gao của địch, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đã họp và quyết định thành lập các đội vũ trang thoát ly, các tổ xung phong chống khủng bố. Dương Đại Long được giao làm Đội trưởng Đội vũ trang của huyện Hà Quảng. Thời kỳ này, tại vùng Lục Khu, không mấy ai là không biết tiếng anh em nhà họ Dương, uy tín và ảnh hưởng của họ trong phong trào cách mạng ở địa phương rất lớn.

Tháng 12 năm 1944, Dương Đại Long là một trong số những cán bộ nòng cốt của Đội vũ trang châu Hà Quảng được đồng chí Võ Nguyên Giáp và Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng chọn vào Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Ông tham gia cả ba trận đánh Phai Khắt, Nà Ngần và Đồng Mu.

Trận đánh đồn Nà Ngần lần thứ hai thắng lợi, Dương Đại Long phụ trách một tiểu đội "Nam tiến" xuống hoạt động vũ trang tuyên truyền ở vùng Ngân Sơn, Bạch Thông, Na Rì... Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, Dương Đại Long đã chỉ huy tước vũ khí của địch và thành lập chính quyền nhân dân ở Ngân Sơn; đồng thời tuyên truyền vận động thanh niên địa phương tham gia đánh quân Nhật.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Dương Đại Long được cử làm Đại đội trưởng Việt Nam Giải phóng quân thay cho Thu Sơn đi "Nam tiến". Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Ông được điều về làm Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn độc lập của tỉnh Bắc Kạn.

Sau sự kiện quân Pháp nhảy dù xuống Cao Bằng, Dương Đại Long được điều lên làm Tiểu đoàn trưởng một

tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 74 (Cao Bằng). Trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, Dương Đại Long lần lượt làm Huyện đội trưởng các huyện Hà Quảng, Trà Lĩnh, Phục Hoà...

Đầu năm 1955, Ông đi học lớp bổ túc chính trị, sau đó về làm Tỉnh đội phó tỉnh Tuyên Quang.

Năm 1958, Dương Đại Long được phong quân hàm Đại úy; tháng 7 năm 1959 chuyển ra làm Phó chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Cao Bằng cho đến khi nghỉ hưu (tháng 12 năm 1969).

Năm 1979, Dương Đại Long qua đời tại quê do tuổi cao, sức yếu.

Ông đã được tặng thưởng:

- *Huân chương Quân công hạng Nhất;*
- *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba;*
- *Bằng có công với nước.*

*Liệt sĩ*  
**CHU VĂN ĐẾ**  
**(1922 - 1948)**

*Họ và tên: Chu Văn Đế*

*Bí danh: Nam, Bích Thông*

*Năm sinh: 1922*

*Quê quán: Gia Bằng (nay là xã Minh Tâm) - Nguyên Bình - Cao Bằng*

*Dân tộc: Tày.*

Sinh ra và lớn lên ở một vùng quê giàu truyền thống cách mạng - nơi được lãnh tụ Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng chọn làm thí điểm tổ chức Mặt trận Việt Minh đầu tiên, vì vậy mà Chu Văn Đế được giác ngộ từ rất sớm. Nhà có hai anh em trai thì cả hai đều thoát ly hoạt động cách mạng từ năm 1938 và năm 1941, đều tham gia Mặt trận Việt Minh.

Đầu năm 1942, sau khi được tham dự lớp huấn luyện đầu tiên do đồng chí Võ Nguyên Giáp tổ chức tại hang Kéo Quảng (Gia Bằng), Chu Văn Đế tiếp tục ở lại hoạt động xây dựng cơ sở, phát triển phong trào tại địa phương. Vốn tính tình nhỏ nhẹ, hiền lành như con gái, Chu Văn Đế đã chiếm được cảm

tình của bà con các dân tộc, vì vậy Ông đã vận động được họ đi theo Việt Minh ngày càng nhiều.

Từ tháng 10 năm 1943 đến tháng 1 năm 1944, với bí danh là Bích Thông, Chu Văn Đế được tổ chức phân công xuống hoạt động tại vùng đèo Gió - Ngân Sơn.

Đầu năm 1944 là thời điểm phong trào cách mạng phát triển rất mạnh ở Nguyên Bình; đây cũng chính là lúc mà địch khủng bố rất gắt gao. Chúng tung lính ở đồn Nà Bao (Gia Bằng) vào các làng, bản lùng sục suốt ngày đêm. Tết Nguyên đán năm Giáp Thân (1944), sau khi đi dự lớp huấn luyện chính trị - quân sự ở rừng Lũng Chí về, hai anh em Chu Văn Ngoan và Chu Văn Đế bị địch phục kích. Người anh trúng đạn hy sinh, còn Chu Văn Đế may mắn chạy thoát.

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, Chu Văn Đế là một trong bốn người con của quê hương Gia Bằng được vinh dự tham gia lễ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tại khu rừng Trần Hưng Đạo.

Sau ba trận Phai Khắt, Nà Ngân và Đông Mu, Chu Văn Đế theo một mũi "Nam tiến" xuống hoạt động vũ trang tuyên truyền ở Bắc Kạn, Thái Nguyên.

Cuối năm 1945, Chu Văn Đế tham gia đoàn quân Nam tiến (thuộc Chi đội Thu Sơn) vào chiến đấu ở Quảng Ngãi, Bình Định, Tây Nguyên. Ngày 30 tháng 8 năm 1948, Ông đã hy sinh anh dũng tại mặt trận Kon Tum trong trận đánh sân bay Vành Tiên thuộc khu vực Mường Hoong, huyện Đăk Lây. Lúc đó, ông giữ cương vị Trung đội trưởng.

Chu Văn Đế đã được công nhận là liệt sĩ và được truy tặng Bằng Tổ quốc ghi công năm 1997.

Gia đình Ông hiện nay không còn ai, ngoài một người cháu (con của người anh Chu Văn Ngoan) là anh Chu Nâu, công tác tại Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

*Liệt sĩ*  
**NÔNG VĂN KIỂM**  
**(1924 - 1948)**

*Họ và tên: Nông Văn Kiểm*

*Bí danh: Liên*

*Năm sinh: 1924*

*Quê quán: An Mạ - Tam Kim - Nguyên Bình - Cao  
Bằng*

*Dân tộc: Tày.*

Bước sang năm 1942, phong trào cách mạng ở châu Nguyên Bình đã phát triển sâu rộng đến nhiều làng bản ở vùng cao. Đặc biệt, trong các bản, làng người Tày, Nùng, ta đã xây dựng được một số cơ sở cách mạng. Nhiều thanh niên Tày, Nùng, Dao... đã gia nhập phong trào Việt Minh - trong số đó có cả ba anh em nhà họ Nông là Nông Văn Quang, Nông Văn Xứng và Nông Văn Kiểm.

Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, mùa xuân năm 1943, Nguyên Bình là địa phương được chọn để mở các lớp huấn luyện cho số cán bộ phong trào Việt Minh trong vùng. Đây chính là cơ hội tốt để ba anh em nhà

Nông Văn Kiếm củng cố thêm nhận thức, rèn luyện thêm bản lĩnh, chuẩn bị hành trang đi làm cách mạng. Sau lớp huấn luyện này, Nông Văn Kiếm được giao phụ trách công tác tuyên truyền, giác ngộ thanh niên ở địa phương. Vốn mồ côi cả cha lẫn mẹ từ nhỏ, ba anh em Quang, Xứng, Kiếm tận tảo nuôi nhau. Nông Văn Kiếm được bà con dân bản, đặc biệt là lớp trẻ, gần gũi và tin yêu. Đầu năm 1944, bị quân địch truy lùng gắt gao, cả ba anh em nhà họ Nông phải chuyển vào hoạt động bí mật; vào rừng sinh sống và tổ chức đội vũ trang mang tên đội Đức Chính để chỉ đạo quần chúng chống lại làn sóng khủng bố. Những năm 1942-1944, Nông Văn Kiếm hoạt động chủ yếu ở vùng Kim Mã - Tam Lộng... Tại đây, Ông đã giác ngộ và lôi cuốn được khá nhiều thanh niên địa phương, chủ yếu là con em các dân tộc ít người, đi theo cách mạng.

Trước khi Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân thành lập, cả ba anh em Quang, Xứng, Kiếm đều xin được gia nhập Đội, nhưng cuối cùng chỉ một mình Nông Văn Kiếm là có vinh dự được lọt vào danh sách 34 chiến sĩ dự lễ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Sau khi tham gia ba trận đánh đầu tiên của Đội (Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu), Nông Văn Kiếm quay trở về hoạt động ở Kim Mã - Tam Lộng. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, Ông "Nam tiến" xuống hoạt động ở Bắc Kạn, Thái Nguyên, rồi sau đó sang Lào Cai - Yên Bái tham gia đánh Quốc dân đảng phản động; tham gia chiến dịch Sông Lô và giải phóng Tuyên Quang.

Cuối năm 1948, trên cương vị Tiểu đoàn phó, trong khi đang chỉ huy đơn vị “Tây tiến” lên Lào Cai thì lọt vào trận địa phục kích của quân Pháp, Nông Văn Kiếm đã anh dũng hy sinh khi vừa mới 24 tuổi.

Tháng 4 năm 1958, Nông Văn Kiếm được truy tặng *Huân chương Chiến thắng hạng Nhì* và được công nhận là liệt sĩ.



# ĐINH VĂN KÍNH

(1909 - 1999)



*Họ và tên: Đinh Văn Kính*

*Bí danh: Đinh Trung Lương*

*Ngày tháng năm sinh: 5-5-1909*

*Quê quán: Lê Lợi - Thạch An - Cao Bằng*

*Dân tộc: Tày.*

Ông vốn là người ít nói và kín đáo; tính cách đó lại càng được khắc đậm khi rơi vào hoàn cảnh éo le - vợ chết sớm để lại một đứa con duy nhất bị bệnh tẩm thân. Có lẽ chính vì thế mà Đinh Trung Lương không mấy khi kể về mình, thậm chí những dòng tự thuật của Ông để lại cũng thật ngắn ngủi, nhất là về quãng thời gian hoạt động trước khi trở thành đội viên Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân.

Đinh Trung Lương tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1940. Trong những năm 1940-1944, Ông hoạt động bí mật, đi tuyên truyền vận động nhân dân làm cách mạng ở vùng biên giới Việt - Trung. Tháng 12 năm 1944, Đinh Trung Lương được Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng chọn, giới thiệu vào Đội

Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Ông tham gia các trận đánh đầu tiên của Đội là: Phai Khắt, Nà Ngần và Đồng Mu.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), Đinh Trung Lương chỉ huy một trung đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tiến xuống Chợ Đồn (Bắc Kạn). Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Ông chỉ huy một đại đội Việt Nam Giải phóng quân trở lại Tân Trào.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, tiếng súng kháng Pháp ở Nam Bộ bùng nổ, Đinh Trung Lương không có “may mắn” được Nam tiến như một số đội viên khác, mặc dù trong thâm tâm Ông rất muốn và đã nhiều lần viết đơn để đạt nguyện vọng. Tháng 11 năm đó, Đinh Trung Lương được điều về Trung đoàn Bắc Bắc và được giao chỉ huy một tiểu đoàn làm nhiệm vụ tiêu phỉ ở vùng cao Bắc Giang. Cuối năm 1946, Ông được điều về làm Trung đoàn phó Trung đoàn 12 hoạt động trên địa bàn Phúc Yên và Thái Nguyên.

Tháng 3 năm 1953, Đinh Trung Lương rời quân đội, chuyển ngành về làm cán bộ thuế nông nghiệp huyện Thạch An; sau đó, được điều động làm cán bộ biệt phái của Khu tự trị Việt Bắc tại huyện Hoà An.

Gần 6 tháng sau, do sức khoẻ yếu, Ông xin về huyện nhà giúp địa phương làm công tác bình dân học vụ.

Trong những năm 1958-1959, khi phong trào hợp tác hoá nông nghiệp phát triển rầm rộ, Đinh Trung Lương lại được mời ra làm việc và giữ chức Phó chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Thạch An.

Hơn 6 năm gánh vác trọng trách nặng nề, một phần do sức khoẻ yếu, một phần cảm thấy không thể tiếp tục đảm

đương được nhiệm vụ, nên tháng 9 năm 1965, Ông làm đơn xin thôi chức Phó chủ tịch Ủy ban hành chính huyện, trở về làm cán bộ phong trào ở địa phương.

Tháng 8 năm 1967, Đinh Trung Lương về nghỉ hưu. Ông mất ngày 18 tháng 9 năm 1999 do tuổi cao, sức yếu.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Đinh Trung Lương chưa được nhận bất cứ một huân chương, huy chương nào. Năm 1998, địa phương mới làm các thủ tục đề nghị cấp trên xét tặng huân chương, huy chương cho Ông. Nhưng những phần thưởng cao quý đó chưa kịp đến tay thì Ông đã vĩnh viễn ra đi trong lòng tiếc thương khôn nguôi của đồng chí, đồng đội và bà con các dân tộc ở huyện Thạch An, Cao Bằng.

# HÀ HƯNG LONG

(1924...)



*Họ và tên: Hà Hưng Long*

*Ngày tháng năm sinh: 15-8-1924*

*Quê quán: Gia Tự - Nam Tuấn -  
Hoà An - Cao Bằng*

*Trú quán: An Tường - Yên Sơn -  
Tuyên Quang*

*Dân tộc: Tày.*

Đầu năm 1941, thực hiện chủ trương tổ chức thí điểm Việt Minh của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng, chỉ sau chưa đầy một tháng kể từ ngày Người đặt chân về Pác Bó, số hội viên cứu quốc của châu Hoà An đã lên tới hàng trăm người. Hà Hưng Long là người sớm có mặt trong số hội viên đó (5-3-1941). Ông nhanh chóng trở thành một đội viên tích cực của Đội tự vệ Hoà An. Trong khoảng thời gian từ sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 đến cuối năm 1944, Hà Hưng Long chủ yếu hoạt động ở vùng Hoà An - Hà Quảng. Ông cùng đội tự vệ làm nhiệm vụ hỗ trợ cho phong trào đấu

tranh của quần chúng; bảo vệ các cuộc họp của Trung ương, của Tỉnh ủy, Châu ủy; đưa đón, bảo vệ an toàn cho các đoàn cán bộ qua lại địa phương... Khi Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân thành lập, Hà Hưng Long là đội viên tự vệ của Hoà An được chọn tham dự buổi lễ tuyên thệ của Đội. Ông cũng đã tham gia cả ba trận đánh đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân là Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu. Đầu năm 1945, thực hiện chủ trương "Nam tiến", Hà Hưng Long vinh dự được đi cùng tổ với các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái xuống vùng Chợ Rã, Chợ Đồn, Bạch Thông (Bắc Kạn); sau đó qua Chợ Chu (Thái Nguyên) rồi lên Sơn Dương (Tuyên Quang).

Sau sự kiện Nhật đảo chính Pháp, Hà Hưng Long được điều về làm Tiểu đội trưởng tiểu đội vũ trang tuyên truyền chống Nhật ở Bắc Kạn. Khi đơn vị này phát triển lên trung đội rồi đại đội, Ông đều làm chính trị viên cùng với Đại đội trưởng Thu Sơn - một đồng đội cũ ở Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, tỉnh Bắc Kạn thành lập một đại đội Việt Nam Giải phóng quân. Hà Hưng Long được giao chỉ huy đại đội này, lên đường sang Yên Bái, Tuyên Quang tước vũ khí của bọn Quốc dân đảng Đỗ Đình Đạo. Cuối tháng 10 năm 1945, Ông chỉ huy đơn vị tiếp tục tiến lên Hà Giang đánh tàn quân Quốc dân đảng. Tại đây, tháng 8 năm 1946, Ông được kết nạp vào Đảng. Năm 1947, Hà Hưng Long được điều về làm Chính trị viên Tiểu đoàn 3, Trung đoàn Hà Tuyên thuộc Liên khu 10. Ông đã cùng đơn vị tham gia nhiều trận đánh trên sông Lô, sông Gâm. Chiến trường Tuyên Quang đã trở thành quê hương thứ hai và Ông đã quyết định ở rể luôn tại đây. Người bạn đời của Ông cũng chính là người đồng chí, đồng

đội chung một chiến hào. Tháng 10 năm 1948, Hà Hưng Long về làm phái viên kiểm tra kiêm Trưởng ban cán bộ Liên khu 10. Khi ta chuẩn bị mở chiến dịch Biên Giới 1950, Hà Hưng Long được cấp trên điều quay trở lại Cao Bằng làm Chủ nhiệm vận tải Mặt trận, Phó chủ nhiệm Ban tiếp nhận hàng viện trợ tại Thủy Khẩu kiêm công tác giao tế Trung ương tại khu vực này.

Trong những năm 1951-1954, Hà Hưng Long lần lượt làm Bình trạm trưởng vận tải của các chiến dịch Hoà Bình, Tây Bắc, Thượng Lào, Điện Biên Phủ... Hoà bình lập lại, Ông về làm Đội trưởng đội ca nô Hồng Hà - tiền thân của Đoàn vận tải Hồng Hà anh hùng sau này.

Năm 1958, Hà Hưng Long chia tay quân đội, chuyển ngành về Bộ Công nghiệp. Tại môi trường mới này, Ông đã từng làm Phó giám đốc mỏ than Quán Triều, Giám đốc Nhà máy gạch chịu lửa Tuyên Quang; Phó Ban công nghiệp tỉnh, rồi làm Bí thư Đảng ủy Sở Công nghiệp tỉnh Hà Tuyên. Năm 1976, Ông về nghỉ hưu tại Yên Sơn - Tuyên Quang.

Ông Hà Hưng Long đã được tặng thưởng:

- Huân chương Độc lập hạng Ba;
- Huân chương Kháng chiến hạng Nhất;
- Huân chương Chiến công hạng Nhì;
- Huân chương Chiến thắng hạng Nhì.
- Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng cùng nhiều Huy chương khác.

# LỘC VĂN LÙNG

(1903 - 1969)



*Họ và tên: Lộc Văn Lùng*

*Bí danh: Văn Tiên*

*Ngày tháng năm sinh: 10-1903*

*Quê quán: Mai Pha - Cao Lộc - Lạng Sơn*

*Dân tộc: Tày.*

Vốn xuất thân từ một Cai đội, sau khi được giác ngộ cách mạng, Lộc Văn Lùng được tổ chức gửi sang học quân sự tại Trung Quốc. Cuối năm 1943, Lộc Văn Lùng về nước hoạt động ở vùng Hà Quảng. Tháng 12 năm 1944, Ông được chọn vào Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và mang bí danh là Văn Tiên.

Trong Đội, Văn Tiên thường được anh em suy tôn làm “người anh cả” bởi hai nhẽ: Ông là người lớn tuổi nhất và là người giữ tay hòm chìa khoá, lo cơm áo gạo tiền cho cả Đội. Vốn là một người hiền lành, ít nói, thật thà và cẩn thận, do đó khi Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân được

thành lập, Văn Tiên được đồng chí Võ Nguyên Giáp “chọn mặt, gửi vàng” giao cho làm quản lý của Đội.

Với nguồn ngân quỹ ban đầu là 500 đồng được giao, việc đầu tiên của Văn Tiên là mua ngay một chiếc chảo to để nấu cơm cho cả Đội và tìm mua một số thuốc ký ninh để chữa sốt rét cho anh em. Trong buổi lễ ra mắt của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, chính Văn Tiên là người tổ chức nấu bữa cơm nhạt đậm bạc không muối để thể hiện tinh thần chịu đựng gian khổ của cán bộ, chiến sĩ trong Đội.

Có thể nói, cả cuộc đời binh nghiệp của Văn Tiên gắn với ngành Hậu cần, Tài chính trong quân đội. Tuy nhiên, những dòng trích ngang về quá trình hoạt động của Ông để lại quá ngắn ngủi. Các cơ quan chức năng và tập thể biên soạn cuốn sách này đã bỏ khá nhiều công sức để tìm hiểu, sưu tầm tư liệu về nhân viên tài chính đầu tiên của Quân đội ta nhưng kết quả không được như mong muốn.

Ông có hai người con gái hiện sống ở Lạng Sơn là Lộc Thị Thi (sinh năm 1935) và Lộc Thị Dung (sinh năm 1941) nhưng cả hai đều không biết chữ và hầu như không biết gì về quá trình hoạt động của cha mình.

Không ai còn nhớ Văn Tiên tham gia hoạt động từ khi nào và ở những đâu? Mà chỉ biết rằng Ông về hưu ngày 1 tháng 11 năm 1965 với quân hàm Đại úy. Chức vụ cao nhất trước lúc nghỉ hưu là Tiểu đoàn phó thuộc cơ quan Đối ngoại Bộ Quốc phòng.

Văn Tiên mất ngày 20 tháng 12 năm 1969 tại quê nhà.

Ông đã được tặng thưởng:

- Huân chương Chiến công hạng Ba;
- Huân chương Chiến thắng hạng Nhì.



# HOÀNG VĂN LƯỜNG

(1922 - 1996)

*Họ và tên: Hoàng Văn Lường*

*Bí danh: Kính Phát*

*Ngày tháng năm sinh: 5-5-1922*

*Quê quán: Đức Vân - Ngân Sơn - Bắc Kạn*

*Trú quán: Đơn Tuấn - Huyện Tụng - thị xã Bắc Kạn*

*Dân tộc: Nùng.*

Đầu năm 1943, Chợ Rã và Ngân Sơn được thực dân Pháp liệt vào danh sách “Trung tâm huấn luyện Việt Minh”. Con đường “Nam tiến” đi qua đây bị phong tỏa gắt gao và nhân dân bị khủng bố nặng nề. Thời kỳ này, gia đình Hoàng Văn Lường là một cơ sở bí mật chuyên nuôi giấu cán bộ cách mạng đến địa phương công tác. Bản thân Ông là hội viên Thanh niên Cứu quốc, còn người anh Hoàng Thanh Bảo, là thành viên của tổ chức Việt Minh liên xã. Một ngày đầu tháng 4 năm 1944, trong khi đồng chí Xích Thắng cùng một số cán bộ đang ẩn náu trong nhà của Hoàng Văn Lường thì bị bọn phản bội đưa quân Pháp đến bao vây. Đồng chí Xích Thắng chạy thoát, một số đồng chí khác bị

địch bắn chết. Trong bối cảnh đó, ba bố con Hoàng Văn Lương phải bỏ nhà lánh vào rừng. Hoàng Văn Lương bắt đầu thoát ly đi theo cách mạng từ đó.

Sau một thời gian “mai danh, ẩn tích” bí mật hoạt động, tích cực tham gia củng cố và xây dựng cơ sở, tháng 5 năm 1944, Hoàng Văn Lương chính thức gia nhập tổ xung phong Nam tiến của huyện Ngân Sơn. Tháng 8 năm đó, quân địch kéo đến bao vây lòng sục hòng bắt sống cả đội du kích của Hoàng Văn Lương. Cả đội đều chạy thoát, chỉ có cha của Hoàng Văn Lương, do tuổi cao sức yếu, không chạy kịp, nên bị địch bắn chết (về sau ông đã được công nhận là liệt sĩ).

Khi Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập, Hoàng Văn Lương là một trong ba đại diện của các tổ chức vũ trang huyện Ngân Sơn được tham dự buổi lễ tuyên thệ thành lập Đội, chiều ngày 22 tháng 12 năm 1944, tại khu rừng Trần Hưng Đạo.

Sau khi tham gia các trận đánh Phai Khắt, Nà Ngần và Đồng Mu, Hoàng Văn Lương trở về tiếp tục hoạt động vũ trang tuyên truyền ở Ngân Sơn. Tháng 11 năm 1945, trong khi nhiều người trong các chi đội Việt Nam Giải phóng quân đi “Nam tiến”, “Tây tiến” thì Hoàng Văn Lương xin giải ngũ trở về quê để củng cố gia đình. Thu - Đông năm 1947, quân Pháp đánh lên Việt Bắc, qua sự giới thiệu của đồng chí Dương Mạc Thạch, Hoàng Văn Lương được gọi ra làm liên lạc cho Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh Bắc Kạn.

Tháng 2 năm 1951, Ông về nghỉ ở xóm Đôn Tuấn, xã Huyền Tung, thị xã Bắc Kạn.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Hoàng Văn Lương nhiều năm làm tiểu đội trưởng dân quân của xã và được kết nạp vào Đảng ngày 10 tháng 6 năm 1966.

Hoàng Văn Lường có năm người con, trong đó có một con là liệt sĩ. Ông mất tại quê năm 1996 do tuổi cao sức yếu.

Hoàng Văn Lường đã được tặng thưởng:

- *Bằng có công với nước;*
- *Huân chương Kháng chiến chống Pháp.*

## HẦU A LÝ (1912 - 1952)

*Họ và tên: Hầu A Lý*

*Bí danh: Hồng Cô*

*Năm sinh: 1912*

*Quê quán: Minh Tâm - Nguyên Bình - Cao Bằng*

*Trú quán: Bình Long - Hoà An - Cao Bằng*

*Dân tộc: Mông.*

Trong thành phần tham dự buổi lễ tuyên thệ của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân có một người Mông duy nhất - đó là Hồng Cô (gia đình còn gọi là Hồng Cu). Cái tên Hồng Cô dường như ai cũng biết và ai cũng nhớ - từ người "Anh Cả" Võ Nguyên Giáp cho đến các đội viên và kể cả các cơ quan làm công tác chính sách sau này. Duy chỉ có một điều là từ sau trận Đồng Mu (đầu năm 1945) cho đến nay, Hồng Cô làm gì? Ở đâu? thì ít ai biết. Cơ quan chính sách ở Cao Bằng và các cơ quan chức năng như Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Ban liên lạc Việt Nam Giải phóng quân đã cố gắng để nắm lại những thông tin về Ông nhưng quả là ít ỏi. Chưa đủ để làm cơ sở đề nghị giải quyết chính sách cho gia đình Ông theo quy định hiện hành. Có lẽ vì vậy cho đến nay

gia đình Hồng Cô vẫn chưa được thụ hưởng quyền lợi chính sách gì của Nhà nước.

Vợ của Ông sống ở Bình Long, Hoà An, Cao Bằng cũng đã mất; còn hai người con trai: Hầu Văn Thè sống ở Bảo Lạc, Cao Bằng và Hầu Văn Tu sống ở Bắc Sơn - Lạng Sơn.

Theo một số đồng đội của Hồng Cô kể lại thì năm 1940, được các đồng chí Dương Mạc Thạch và Bình Dương giác ngộ, Hồng Cô bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng. Là người dân tộc Mông, Hồng Cô luôn được cấp trên tin tưởng giao cho làm công tác bảo vệ. Năm 1942, khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về Lũng Dẻ, Minh Tâm, Nguyên Bình, chính Hồng Cô là người canh gác cho Người trong suốt thời gian Người ở đây.

Tháng 12 năm 1944, sau khi dự lễ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Hồng Cô tham gia cả ba trận đánh Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu.

Năm 1952, Hồng Cô về nhà chữa bệnh ở Lũng Phầy, Hồng Việt, Hoà An, Cao Bằng; sau đó chuyển đến xã Bình Long - Hoà An và mất tại đó tháng 9 năm 1952.

*Liệt sĩ*  
**LONG VĂN MÂN**  
**(1928 - 1949)**

*Họ và tên: Long Văn Mân*

*Bí danh: Ngọc Trinh*

*Năm sinh: 1928*

*Quê quán: Bình Long - Hoà An - Cao Bằng*

*Trú quán: Na Sầm - Văn Lãng - Lạng Sơn*

*Dân tộc: Nùng.*

Trong số 34 chiến sĩ có mặt trong buổi lễ tuyên thệ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân thì Ngọc Trinh là người trẻ nhất Đội. Là con thứ hai và là con trai duy nhất trong một gia đình nông dân nghèo có ba chị em, mới 15 tuổi đầu Long Văn Mân đã rời gia đình đi theo cách mạng. Lần ra đi đó cũng là lần cuối cùng bởi không bao giờ Long Văn Mân được trở về bản Sếng quê Ông nữa. Những dòng thông tin về Long Văn Mân, do đó, cũng thật ít ỏi. Bà Long Thị Nhoi - người chị gái của Ông chỉ biết rằng Long Văn Mân trốn lên rừng Lục Khu và đã đổi tên là Long Ngọc Trinh, còn không nắm được gì hơn về chặng đường hoạt động của em trai mình.

Tháng 12 năm 1944, sau khi dự lễ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và tham gia đánh Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu, Ngọc Trinh theo Đội “Nam tiến” xuống hoạt động ở Ngần Sơn, Chợ Rã, Phủ Thông... Giữa năm 1945, Ngọc Trinh lại “lật cánh” theo nhóm “Đông tiến” sang hoạt động ở vùng biên giới Việt - Trung thuộc huyện Văn Lãng - Lạng Sơn.

Cuối năm 1945, tại xã Hoàng Việt, khu vực gần các đồn Chè Cáy và Na Sầm, người dân ở đây thấy xuất hiện một chàng thanh niên thấp bé, da đen, dáng dấp linh hoạt, mặc bộ quần áo vải chàm cổ đứng 3 túi, 7 cúc, ống quần rộng thùng thình, lúc nào cũng giắt kè kè khẩu súng bên hông. Chàng “thanh niên lạ mặt” đó chả mấy lúc đã làm quen và chiếm được cảm tình của hầu hết đám thanh niên và bà con địa phương. Sau khi cùng với mấy người nữa đánh chiếm được đồn Chè Cáy mà không phải tốn một viên đạn, chàng thanh niên đó cưới ngay một cô gái “hoa khôi” của bản Nà Khai (Hoàng Việt) tên là Hà Thị Diu làm vợ. Lúc này mọi người mới biết chàng trai Nùng đó tên là Long Ngọc Trinh - một cán bộ Việt Minh xông xáo và gan dạ có tiếng.

Tháng 8 năm 1945, Ngọc Trinh tham gia cướp chính quyền ở Lạng Sơn. Sau đó, Ngọc Trinh phụ trách đại đội độc lập huyện Văn Lãng. Đơn vị này về sau thuộc biên chế của Trung đoàn 174.

Năm 1949, Ông tham gia vào lực lượng sang giúp cách mạng Trung Quốc ở khu Thập Vạn Đại Sơn. Tháng 7 năm đó, Ngọc Trinh đã anh dũng hy sinh mà chưa kịp nhìn mặt cậu con trai đầu lòng, Long Văn Đăm, khi đó vẫn còn trong bụng mẹ.

Hiện nay phần mộ của Ngọc Trình vẫn nằm trên đồi Pò Luông (Ái Khẩu - Quảng Tây - Trung Quốc).

Ngày 23 tháng 11 năm 1956, Ngọc Trình đã được Nhà nước truy tặng *Huân chương Chiến công hạng Nhì* và ngày 29 tháng 4 năm 1958 được truy tặng *Huy chương Chiến thắng hạng Nhất*. Gia đình ông được tặng *Bằng Tổ quốc ghi công*.



# BẾ ÍCH NHÂN

(1913 - 1983)



*Họ và tên: Bế Ích Nhân*

*Bí danh: Bế Ích Vạn*

*Ngày tháng năm sinh: 1-1913*

*Quê quán: Vân Tùng - Ngân Sơn -  
Bắc Kạn*

*Trú quán: Bạch Thông - Bắc Kạn*

*Dân tộc: Tày.*

Bế Ích Nhân vốn là một lính dõng của xã Vân Tùng, châu Ngân Sơn. Đầu năm 1943, Ông được Hoàng Thịnh, một cán bộ Nam tiến hoạt động ở vùng Ngân Sơn trực tiếp giác ngộ, diu dắt và giao nhiệm vụ. Từ đấy, tuy bề ngoài khoác áo lính dõng nhưng Bế Ích Nhân lại là một cơ sở tin cậy của cách mạng trong hàng ngũ địch. Suốt một thời gian dài, Bế Ích Nhân âm thầm, lặng lẽ hoạt động cho ta.

Đầu năm 1944, quân địch mở cuộc khủng bố trắng ác liệt tại Ngân Sơn, Bế Ích Nhân bị địch theo dõi và phát hiện ra

hành vi nội gián. Đang đứng trước nguy cơ bị lộ thì khoảng giữa năm 1944, nhân có chuyển kinh lý của Toàn quyền Đông Dương từ Hà Nội lên Lạng Sơn, qua Cao Bằng, xuôi Bắc Kạn, tất cả lính đông ở Ngân Sơn đều được huy động xuống Nà Phặc để đón quan trên. Nhân cơ hội này, trên đường đi, Bế Ích Nhân đã lén vào bụi cây xé hết quần áo, nón lính và nhanh trí lấy máu chó đổ vãi tung toé nhằm đánh lừa địch, để chúng tưởng rằng Bế Ích Nhân đã chết. Sự việc vỡ lở, bọn địch điều quân từ tỉnh về lùng sục, vây bắt đi 56 người của 16 gia đình có người thân theo Việt Minh. Trong số bị địch bắt có cả vợ và bố, mẹ vợ của Bế Ích Nhân. Bế Ích Nhân đã không kịp chia tay người thân mà phải nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật, chuyển địa bàn hoạt động lên vùng Nguyên Bình với cái tên mới là Bế Ích Vạn.

Sau khi dự lễ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và tham gia các trận Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu, Bế Ích Vạn theo Đội "Nam tiến" xuống vùng Bạch Thông và tham gia Tổng khởi nghĩa ở đó. Tháng 9 năm 1945, Bế Ích Vạn được kết nạp vào Đảng.

Đầu năm 1946, với chức vụ Đại đội phó, Bế Ích Vạn có mặt trong đội hình của Chi đội 3 đi "Nam tiến", nhưng vừa mới hành quân vào tới miền Trung thì bị ốm nặng, buộc phải quay trở ra Bắc.

Sau sự kiện quân Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn (7-10-1947), Bế Ích Vạn được cấp trên điều về làm Trưởng ban giao liên tỉnh Bắc Kạn, rồi sau đó làm cán bộ địch hậu ở huyện Ngân Sơn.

Hoà bình lập lại, do bị nghi ngờ dính dáng đến vấn đề kinh tế, tính tự ái nổi lên, Bế Ích Vạn bất mãn bỏ về quê.

Năm 1961, sau khi được minh oan, Ông lại ra làm cán bộ thương nghiệp huyện Bạch Thông cho đến năm 1971 thì nghỉ hưu và mất năm 1983 tại thị trấn Phủ Thông.

Năm 1970, Bế Ích Vạn đã được Nhà nước tặng *Bằng có công với nước*.

# LÂM CẨM NHƯ

(1920 - 1979)



*Họ và tên: Lâm Cẩm Như*

*Bí danh: Lâm Kính*

*Năm sinh: 1920*

*Quê quán: Đông Khê - Thạch An -  
Cao Bằng*

*Trú quán: Hà Nội*

*Dân tộc: Kinh.*

Sinh ra ở Trung Quốc, năm 1932, mới 12 tuổi, Lâm Cẩm Như cùng với mẹ đã được chú Năm (tức Hoàng Văn Thụ) giao nhiệm vụ làm giao liên đón tiếp các đồng chí cán bộ cách mạng từ trong nước sang. Cha, mẹ của Lâm Cẩm Như đều là người Việt Nam, họ vốn là nghĩa quân theo cụ Tân Thuật (Nguyễn Thiện Thuật) từ Hưng Yên dạt qua Trung Quốc sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy. Lâm Cẩm Như lớn lên không biết mặt cha, hai mẹ con tần tảo nuôi nhau nơi đất khách quê người.

Đầu năm 1933, hai mẹ con được đồng chí Hoàng Văn Thụ giới thiệu sang Nam Ninh làm công nhân tại Nhà máy cơ khí

Nam Hưng - một “trạm giao liên” cách mạng do ông Bùi Ngọc Thành tổ chức.

Tại đây, vào năm 1934, sau cuộc tiếp xúc với đồng chí Lê Hồng Phong, Lâm Cẩm Như chính thức trở thành giao liên cho Văn phòng của các đồng chí Hà Huy Tập và Phùng Chí Kiên tại Nam Ninh. Nhiệm vụ chính của Ông lúc này là vận chuyển tài liệu, công văn qua lại trên tuyến Ma Cao - Hồng Công.

Mùa Hè năm 1935, cả hai mẹ con Ông đều được vinh dự tham gia tổ chức Đại hội đại biểu Đảng lần thứ nhất tại Ma Cao.

Khi cơ quan chuyển về bán đảo Cửu Long thì Lâm Cẩm Như được đồng chí Hà Huy Tập giới thiệu vào làm công nhân xưởng in của tờ báo *Đại chúng*.

Sau khi các đồng chí Hà Huy Tập và Phùng Chí Kiên về nước, Lâm Cẩm Như vẫn tích cực hoạt động và trở thành đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Sau đó, Ông được giới thiệu về Quảng Tây tham gia lãnh đạo phong trào *Quảng Tây học sinh quân*.

Tuy vậy, trong thời gian này Lâm Cẩm Như vẫn ngày đêm mong ngóng, trăn trở nhớ về cố hương. Cho mãi đến đầu năm 1940, Ông mới bắt liên lạc được với đồng chí Ngô Quốc Bình (tức Hoàng Văn Thái) và hai mẹ con lại được tổ chức giao cho đặt một trạm liên lạc ở Nam Ninh.

Mùa xuân 1944, Lâm Cẩm Như cùng với một số lưu học sinh Việt Nam đang theo học tại Trung Quốc về nước. Tháng 12 năm 1944, Ông được tổ chức chọn tham gia Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Sau khi vào Đội, Lâm Cẩm Như lấy bí danh là Lâm Kính.

Lâm Kính đã cùng với Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tham gia các trận đánh Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu... và tích cực gây dựng cơ sở chính trị ở căn cứ địa Việt Bắc. Sau khi các tổ chức vũ trang như Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu quốc quân... thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân, Lâm Kính được điều về phụ trách Đội du kích Chợ Chu. Cách mạng tháng Tám bùng nổ, Ông chỉ huy Chi đội 4 Việt Nam giải phóng quân về tham gia cướp chính quyền ở Hà Nội; sau đó giữ chức Chủ tịch Ủy ban bảo vệ thành phố Hà Nội. Thời gian này, Lâm Kính còn là một nhân vật rất quan trọng luôn được ta cử đi tiếp xúc, thương thuyết và đấu tranh với quân Quốc dân đảng của Tướng Giới Thạch đang gây rối nhiều nơi tại Hà Nội.

Đầu năm 1946, Lâm Kính lên đường đi Nam tiến. Vào đến Khánh Hòa, Ông được bổ nhiệm làm Tham mưu trưởng miền Nam Trung Bộ. Đầu năm 1947, Lâm Kính lại được trên điều ra làm Tham mưu trưởng Khu 2.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Lâm Kính đã từng trải qua chức vụ Tổng tham mưu phó và các cương vị chỉ huy ở nhiều đại đoàn chủ lực: Tham mưu trưởng Đại đoàn 308 (1949-1951), Tham mưu trưởng Đại đoàn 312 (1951-1953), Tư lệnh phó Đại đoàn 304 (1953-1955).

Cuối năm 1955, Lâm Kính được cử đi học tại Học viện Quân sự Nam Ninh - Trung Quốc. Trở về nước, Ông say sưa gắn bó với sự nghiệp giáo dục, đào tạo, huấn luyện trong các nhà trường quân đội. Tháng 10 năm 1957, Ông làm Hiệu trưởng Trường Văn hoá quân đội. Cuối năm 1964, làm Hiệu phó Trường Cán bộ chính trị quân đội. Tháng 3 năm 1966, Lâm Kính được bổ nhiệm làm Phó giám đốc kiêm Cục trưởng

Cục Quân sự, Học viện Chính trị - Quân sự và từ năm 1976 là Phó giám đốc Học viện này.

Mùa hè năm 1979, Đại tá Lâm Kính đã trút hơi thở cuối cùng ngay bên bàn làm việc do một cơn đau tim.

Lâm Kính đã được tặng thưởng:

- *Huân chương Độc lập hạng Nhì;*
- *Huân chương Kháng chiến hạng Nhất;*
- *Huân chương Quân công hạng Nhất.*

*Liệt sĩ*  
**HOÀNG VĂN NHÙNG**  
(? - 1945)

*Họ và tên: Hoàng Văn Nhùng*

*Bí danh: Xuân Trường*

*Năm sinh: Chưa xác định*

*Quê quán: Sóc Hà - Hà Quảng - Cao Bằng*

*Dân tộc: Tày.*

Năm 1936, khi phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ phát triển, lan rộng đến tận vùng núi cao của châu Hà Quảng thì Hoàng Văn Nhùng cũng bắt đầu cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Suốt từ đó cho đến năm 1940, với bí danh là Xuân Trường, từ một liên lạc viên, Ông đã trở thành một cán bộ dày dạn kinh nghiệm trong phong trào Thanh niên phản đế của châu Hà Quảng.

Giữa năm 1940, cùng với một số cán bộ tiêu biểu của Cao Bằng, Xuân Trường được cử đi học quân sự ở Liễu Châu, Trung Quốc. Đầu năm 1944, Xuân Trường về nước và hoạt động chủ yếu ở vùng Lục Khu - Hà Quảng.

Tháng 12 năm 1944, Xuân Trường là một trong số những đội viên vũ trang xuất sắc của châu Hà Quảng được chọn vào



---

Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Sau hai trận Phai Khắt, Nà Ngần giành thắng lợi giòn giã, Tiểu đội trưởng Xuân Trường cùng với anh em trong Đội trở về Lũng Dẻ củng cố lực lượng rồi hành quân lên đánh đồn Đồng Mu (Bảo Lạc). Tại đây, trận đánh diễn ra không như dự kiến. Do bị lộ, địch đã chuẩn bị đối phó, trong cuộc chiến đấu ác liệt, Tiểu đội trưởng Xuân Trường đã anh dũng hy sinh vào đêm mồng 4 rạng ngày 5 tháng 2 năm 1945.

Xuân Trường trở thành người liệt sĩ đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ông ngã xuống khi tuổi đời còn rất trẻ và chưa lập gia đình.

Tên Xuân Trường đã được đặt cho xã Đồng Mu, huyện Bảo Lạc và đặt cho con đường dài 19,2 ki-lô-mét từ Lũng Phán về Đồng Mu để ghi nhớ công lao của Ông.

# HOÀNG VĂN NINH

(1919 - 1996)



*Họ và tên: Hoàng Văn Ninh*

*Bí danh: Thái Sơn*

*Năm sinh: 1919*

*Quê quán: Thượng Ân - Ngân Sơn -  
Bắc Kạn*

*Trú quán: Phường Hoàng Văn Thụ -  
thị xã Bắc Giang*

*Dân tộc: Nùng.*

Hoàng Văn Ninh đến với cách mạng trong một hoàn cảnh rất tình cờ. Ông nguyên là lính khổ đở đống ở Đồng Đăng, Lạng Sơn. Mùa thu 1943, trong một lần về thăm nhà, Hoàng Văn Ninh cùng người anh là Hoàng Văn An và em gái là Hoàng Thị Mỹ được một số quân chúng cách mạng giác ngộ. Mọi người đều khuyên Ông nên rũ bỏ bộ quân phục lính khổ đở. Sau lần trả phép đó, Hoàng Văn Ninh đã xin giải ngũ. Cả ba anh em nhà họ Hoàng bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng. Cuối tháng 10-1943, Hoàng Văn Ninh được giao làm Đội trưởng tự vệ chiến đấu. Để che mắt địch, Ông lấy bí danh là Thái Sơn.

Đầu năm 1944, bọn địch ở Ngân Sơn phát hiện ra “Việt Minh nằm vùng nguy hiểm” bèn tổ chức bao vây 3 gia đình cơ sở cách mạng, trong đó có nhà Thái Sơn, nhưng Ông đã nhanh trí chạy thoát.

Tháng 5 năm 1944, Đội vũ trang thoát ly Ngân Sơn được thành lập, Thái Sơn là một trong 3 tiểu đội trưởng của trung đội này. Tháng 12 năm 1944, Ông là một trong số ba người được Đội vũ trang thoát ly Ngân Sơn giới thiệu vào Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Sau khi tham gia 3 trận Phai Khắt - Nà Ngần và Đồng Mu, Thái Sơn đi cùng một tổ “Nam tiến” xuống vùng Bắc Kạn, Thái Nguyên.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, tiếng súng kháng chiến ở Nam Bộ bùng nổ. Theo tiếng gọi “sơn hà nguy biến”, tháng 10 năm 1945, Thái Sơn có mặt trong Chi đội Giải phóng quân đầu tiên lên đường Nam tiến. Đầu năm 1946, Chi đội của Ông vào đến Tây Nguyên. Ở đó chưa được bao lâu thì Mặt trận Buôn Ma Thuột bị vỡ, đại đội của Thái Sơn được lệnh từ An Khê rút xuống Bình Định, cùng một bộ phận từ Nha Trang rút ra, tổ chức thành một tiểu đoàn mới mang tên Hoàng Hoa Thám. Thái Sơn được giao làm Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn này. Hoạt động ở Bình Định và Quảng Ngãi một thời gian, Thái Sơn được điều ra Bắc. Ông trở về quê nhà Ngân Sơn làm Huyện đội trưởng vài năm thì được biệt phái sang hoạt động ở nước bạn Lào.

Năm 1963, Thái Sơn (lúc này đã là Thiếu tá) được điều về làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 148. Tháng 6 năm 1964, Quân khu Tây Bắc chuyển giao Trung đoàn bộ binh 148 cho Sư đoàn 316, Ông lại được điều quay lại hoạt động trên đất bạn Lào cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Có thể nói, hầu hết thời gian trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Thái Sơn là gắn với nhiệm vụ quốc tế trên đất bạn Lào. Ngay người bạn đời của Ông - bà Tống Thị Dân, cũng là một chiến sĩ quân tình nguyện. Hai người gặp nhau và thành vợ chồng ngay trên đất bạn Lào.

Năm 1993, cả hai vợ chồng Thái Sơn đều vinh dự được Nhà nước Lào tặng Huân chương Ítxala hạng Nhất. Ông đã từng được chụp ảnh chung với đồng chí Cayxôn Phômvihân, sau là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Chủ tịch nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.

Năm 1973, Thái Sơn về nghỉ hưu tại thị xã Bắc Giang với quân hàm Thượng tá. Năm 1994, Thái Sơn trở lại Cao Bằng dự lễ khánh thành khu di tích lịch sử rừng Trần Hưng Đạo. Vậy mà 2 năm sau đó, năm 1996, Ông đã đột ngột "ra đi" sau một cơn tai biến.

Hoàng Thái Sơn đã được tặng thưởng:

- Hai Huân chương Độc lập hạng Ba;
- Huân chương Quân công hạng Nhì;
- Huân chương Chiến thắng hạng Nhì;
- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất;
- Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba;
- Bằng có công với nước.

*Liệt sĩ*  
**GIÁP NGỌC PÁNG**  
(? - 1945)

*Họ và tên: Giáp Ngọc Páng*

*Bí danh: Nông Văn Bê, Thân*

*Năm sinh: Chưa xác định*

*Quê quán: Hà Quảng - Cao Bằng*

*Trú quán: Bản Nà Riềm - Hoàng Tung - Hoà An - Cao Bằng*

*Dân tộc: Nùng.*

Trên tám bia tại nghĩa trang liệt sĩ xã Hoàng Tung, huyện Hoà An có khắc dòng chữ *Liệt sĩ Nông Văn Bê tức Giáp Ngọc Páng. Quê quán: Nà Riềm - Hoàng Tung - Hoà An*. Không một ai nhớ đích xác Nông Văn Bê sinh năm nào? Quê ở đâu? Thân nhân gia đình ra sao? Người ta chỉ biết rằng gia đình Nông Văn Bê quá nghèo khổ vì vậy mà phải cho Ông đi ở làm thuê cho một gia đình ở bản Nà Riềm - Hoàng Tung - Hoà An. Khi đó cậu bé Giáp Ngọc Páng mới độ chừng hơn 10 tuổi.

Ở dọ, làm thuê cho đến năm 1943 thì Giáp Ngọc Páng được giác ngộ và gia nhập đội vũ trang địa phương, trở thành

đội viên “Đội vũ trang Hộ lương diệt ác” do đồng chí Hoàng Sâm chỉ huy, làm nhiệm vụ diệt trừ Việt gian ở khu vực Nguyên Bình, Ngân Sơn, Chợ Rã. Từ đây, Ông mang bí danh là Nông Văn Bê. Tháng 12 năm 1944, Nông Văn Bê được chọn vào Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Ông đã tham gia cả ba trận đánh đầu tiên của Đội và các trận đó, Ông đều là thành viên của tổ xung kích. Trong trận tập kích đồn Nà Ngần, Nông Văn Bê được giao nhập vai một cán bộ Việt Minh bị bắt làm tù binh. Ông lê bước chân đi khắp khiêng dưới họng súng của một tốp lính đồng (do ta cải trang). Nhờ sự nhập vai khôn khéo đó mà trận này ta đã tạo được thế bất ngờ, giành thắng lợi nhanh chóng.

Đầu năm 1945, Nông Văn Bê cùng một số đồng chí trong Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân “Nam tiến” xuống vùng Ngân Sơn, Chợ Rã...

Sau khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), Nông Văn Bê được đồng chí Đàm Quang Trung giao nhiệm vụ đưa vợ chồng Đờ Đông - đồn trưởng đồn Ngân Sơn, từ Chợ Rã đi Bảo Lạc để sang Côn Minh (Trung Quốc), sau khi y đã đầu hàng và giao nộp vũ khí cho ta. Mọi người trong Đội mất liên lạc với Nông Văn Bê từ đó. Sau này, qua tìm hiểu, mới được biết, do sơ suất, ta đã không thông báo trước cho các địa phương trên tuyến đường đi, nên khi qua Bằng Thành (phía Bắc Chợ Rã) đoàn của Nông Văn Bê đã bị Đội vũ trang Khu Thiện Thuật bắn nhầm. Phải đến mấy tháng sau, khi Đội công tác ở Chợ Rã nhận được tin “tự vệ các xã Tây Bắc, Chợ Rã đã bắn chết quan Tây và cả một người Việt đi theo...”, và nhận được 2 khẩu súng ngắn chiến lợi phẩm, trong đó có khẩu súng ta cho phép Đờ Đông mang theo về Côn Minh, thì mới biết là Nông Văn Bê đã hy sinh.

# NGUYỄN VĂN PHÁN

(1910 - 1947)

*Họ và tên: Nguyễn Văn Phán*

*Bí danh: Kế Hoạch*

*Năm sinh: 1910*

*Quê quán: Hồng Việt - Hoà An - Cao Bằng*

*Dân tộc: Tày.*

Cuối năm 1947, người dân thị xã Cao Bằng được chứng kiến một đám tang mà theo họ kể lại, là “to nhất Cao Bằng” lúc bấy giờ. Một đám tang trang nghiêm, đông người dự, trong đó có cả đại diện của Trung ương, của Khu, tỉnh.

Đó là đám tang của đồng chí Nguyễn Văn Phán (tức Kế Hoạch), một trong số 34 chiến sĩ Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Người Tiểu đoàn trưởng đầy tài năng và nhiều triển vọng ấy đã đột ngột ra đi trong một tai nạn giao thông trên đường công tác.

Cuối năm 1938, Kế Hoạch trốn nhà lên vùng căn cứ Lục Khu, bắt đầu cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Năm 1941, Ông được tổ chức chọn sang Trung Quốc học tập.

Năm 1943, về nước, được phân công xuống phát triển Hội Cứu quốc tại các xã phía Nam huyện Nguyên Bình. Tháng 12 năm 1944, Ông được chọn vào Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và tham gia cùng Đội đánh các trận Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu.

Sau trận Đồng Mu (đêm 4 rạng ngày 5-2-1945), Kế Hoạch không trở lại Nguyên Bình cùng Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân mà chỉ huy một nhóm “Nam tiến” sang hoạt động ở Tuyên Quang.

Trong Cách mạng tháng Tám 1945, Kế Hoạch tham gia Tổng khởi nghĩa ở Thái Nguyên; sau đó đi theo đoàn quân Nam tiến, nhưng do địch chặn đánh dọc đường, Ông buộc phải quay trở về Thái Nguyên.

Tháng 5 năm 1947, thực dân Pháp ném bom thị xã Cao Bằng. Nguy cơ một cuộc tiến công của quân Pháp lên vùng căn cứ địa cách mạng đang dần trở thành hiện thực. Trước tình hình đó, Kế Hoạch, lúc này đang là Tiểu đoàn trưởng đóng quân tại thị xã Thái Nguyên, đã được cấp trên điều cả đơn vị trở lại Cao Bằng tham gia củng cố lực lượng vũ trang của tỉnh, chuẩn bị ngăn chặn quân Pháp đánh lên. Vốn là một cán bộ tham mưu dày dặn kinh nghiệm, có bản lĩnh và khả năng tác chiến, ngay sau khi trở lại Cao Bằng, Kế Hoạch được giao làm Tiểu đoàn trưởng một tiểu đoàn chủ lực của tỉnh lúc bấy giờ.

Kế Hoạch là một con người bộc trực, thẳng thắn nhưng cũng đầy cá tính. Với chiếc xe đạp “cọc cạch”, Ông rong ruổi khắp nơi để đốc chiến phòng thủ thị xã. Chừng một tuần trước khi quân Pháp nhảy dù xuống thị xã Cao Bằng, bằng chiếc xe đạp “cà tàng” đó, Kế Hoạch đi xuống một địa điểm ở



ki-lô-mét số 5 dự họp, mới đi được gần một ki-lô-mét thì Ông bị tai nạn giao thông do đụng phải chiếc mô tô của một đơn vị bạn và hy sinh...

Kế Hoạch chưa kịp và cũng chưa được nhận một phần thưởng nào. Những hiện vật của Ông như túi dết, kiếm và súng hiện đang được lưu giữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam.

*Liệt sĩ*  
**MA VĂN PHIÊU**  
**(1912 - 1945)**

*Họ và tên: Ma Văn Phiêu*

*Bí danh: Bắc Hợp, Đường, Mạc Văn Phiêu*

*Năm sinh: 1912*

*Quê quán: Minh Tâm - Nguyên Bình - Cao Bằng*

*Dân tộc: Tày.*

Không giống như hoàn cảnh của nhiều đồng đội khi đến với cách mạng, Ma Văn Phiêu có điểm xuất phát hơi khác. Sinh ra và lớn lên tại một vùng quê có truyền thống cách mạng - nơi mà từ năm 1935 đã có chi bộ Đảng Cộng sản, vậy nhưng Ma Văn Phiêu lại xuất thân từ một Cai đội đóng ở Lạng Sơn. Khi quân Nhật từ Hoa Nam tiến qua Lạng Sơn đánh quân Pháp, Đội Phiêu đã cùng với một số sĩ quan và binh lính tham gia Đảng Phục quốc. Nhưng số phận run rủi thế nào, năm 1939, Đội Phiêu lại phiêu dạt sang Trung Quốc. Tại đây, Ông may mắn được gặp những người đồng hương đang hoạt động cách mạng ở bên đó; rồi được giác ngộ cách mạng (năm 1940), trở thành một cán bộ linh hoạt và dũng cảm.

Năm 1941, theo lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, Ma Văn Phiêu được tổ chức phân công về hoạt động tại quê nhà (Nguyên Bình). Suốt từ đó cho đến tháng 12 năm 1944, Ma Văn Phiêu bám các bản làng để phát triển phong trào Việt Minh; tham gia tổ chức các hội Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Nông dân cứu quốc... Không chỉ trong vùng người Tày, Ông còn đến các bản làng xa xôi của người Dao, người Mông, phổ biến, giải thích và tuyên truyền chính sách của Mặt trận Việt Minh cho họ.

Tháng 8 năm 1944, Ma Văn Phiêu, lúc này mang bí danh là Bắc Hợp, được cử vào Ban Chấp hành Việt Minh Khu J (thời kỳ này địa bàn Cao - Bắc - Lạng được Liên tỉnh ủy chia làm 5 khu. Khu J bao gồm Nguyên Bình và Ngân Sơn).

Tháng 12 năm 1944, Ma Văn Phiêu có mặt tại lễ tuyên thệ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và tham gia cả ba trận đánh đầu tiên của Đội.

Tháng 2 năm 1945, sau khi cùng anh em trong Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đánh đồn Đồng Mụ trở về, Ma Văn Phiêu chỉ huy một trung đội "Nam tiến" xuống vùng Tuyên Quang, Phú Thọ. Tại đây, giữa lúc mọi công tác tổ chức để đón Bác Hồ từ Cao Bằng về Tân Trào đã hoàn tất; đường liên lạc với Trung ương Đảng ở dưới xuôi đã thông suốt; nhiều đoàn cán bộ từ khắp nơi đang hối hả đổ dồn về Tân Trào, thì xuất hiện một toán thổ phỉ trang bị vũ khí mạnh, giương cờ ba sao, cũng đang tìm cách đột nhập vào "thủ phủ Tân Trào". Ngày 6 tháng 5 năm 1945, sau khi ta cử người ra thuyết phục và ngăn chặn, Ma Văn Phiêu được giao nhiệm vụ dẫn đường đưa toán phỉ, này qua đèo De sang Chợ Chu (thực chất là đưa vào trận địa phục kích của ta). Nhưng

thật đáng tiếc, trong khi chưa kịp ra âm hiệu thì Ma Văn Phiêu đã bị tự vệ của ta bắn nhầm.

Ma Văn Phiêu hy sinh khi mới 33 tuổi, để lại người vợ trẻ và 1 cô con gái 14 tuổi.

Hơn nửa thế kỷ Ông nằm lại với núi rừng đèo De, mãi đến năm 1996, địa phương, gia đình và anh em đồng đội mới tìm được phần mộ và đưa Ông về yên nghỉ tại nghĩa trang liệt sĩ huyện Nguyên Bình - Cao Bằng. Gia đình Ông được Chính phủ tặng *Bằng Tổ quốc ghi công* năm 1959.

# ĐẶNG TUẦN QUÝ

(1925 -1991)



*Họ và tên: Đặng Tuần Quý*

*Tên thường gọi: Dân Quý*

*Ngày tháng năm sinh: 1-1-1925*

*Quê quán: Tam Kim - Nguyên Bình -  
Cao Bằng*

*Dân tộc: Dao Tiên.*

Mọi người thường gọi Ông là Dân Quý và trong tấm bia đặt tại khu rừng Trần Hưng Đạo cũng khắc ghi như vậy; nhưng thực ra tên đệm “cúng cơm” của Ông là *Tuần* (Đặng Tuần Quý).

Đặng Tuần Quý là người dân tộc Dao Tiên duy nhất trong Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Vợ của Ông, bà Đặng Thị Hẫu, cũng là một người Dao tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1943.

Bố mất sớm, không được học hành, nên ngay từ nhỏ Quý đã theo ông nội lang thang đó đây làm nghề đan lát kiếm sống. Cuối năm 1942, tại các xã vùng cao Nguyên Bình bắt đầu hình thành các tổ chức Việt Minh. Vận hội mới mở ra cho Đặng Tuần Quý. Ông trở thành hội viên Cứu quốc và bắt đầu cuộc đời hoạt động cách mạng của mình.

Những năm đầu của thập kỷ 40, cũng như bà con các dân tộc ít người khác ở Cao Bằng, đồng bào Dao Tiên phải chịu nhiều tầng áp bức bóc lột của cả đế quốc lẫn quan lại phong kiến, thổ phỉ. Nhiều người không chịu nổi tình cảnh đó đã xin gia nhập Hội Cứu quốc. Cũng giống nhiều thanh niên người Dao Tiên khác, trước khi trở thành hội viên Hội Cứu quốc, Đặng Tuần Quý cũng đã ăn thề. Chính sách kỳ thị và chia rẽ của bọn đế quốc, phong kiến đã gây nên sự nghi kỵ lẫn nhau giữa các dân tộc. Đối với người Dao Tiên, cách tốt nhất để giải tỏa nỗi nghi kỵ đó là tổ chức ăn thề.

Một buổi sáng mùa xuân năm 1943, khi bình minh vừa chớm rạng, trên tảng đá bên cạnh một con suối nhỏ, Đặng Tuần Quý đặt một bát nước và châm một nén hương nghi ngút khói. Chàng thanh niên người Dao hướng cặp mắt xa xăm về phía đỉnh núi cao nhất, hai tay chấp trước ngực, miệng lầm nhảm: “Con là Tuần Quý xin được vào Hội Cứu quốc để cùng đồng bào đấu tranh... Dù thế nào cũng một lòng trung thành với Hội; không phản bội, không bỏ Hội. Nếu trái lời thề thì sẽ như cây hương này”. Nói đoạn, Ông cầm nén hương đang cháy nhúng vào bát nước... trước sự chứng kiến của những cán bộ vận động phong trào.

Trong những năm 1942-1944, Đặng Tuần Quý chủ yếu hoạt động gây dựng phong trào ở vùng Nguyên Bình. Quanh các triền núi quê Ông, cơ sở cách mạng trong đồng bào Mông và Dao được phát triển và mở rộng. Tại đây, Đặng Tuần Quý tham gia các lớp huấn luyện do Mặt trận Việt Minh mở và làm quen với môi trường hoạt động quân sự.

Khi Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập, Đặng Tuần Quý cùng với Nông Văn Kiếm và Tô

Tiến Lực là ba đại diện của các Đội vũ trang thoát ly các xã Hoa Thám, Phan Thanh và Đức Chính được chọn dự buổi lễ tuyên thệ thành lập Đội. Là người địa phương nên Đặng Tuấn Quý rất thông thuộc đường đi lối lại; nắm rõ tình hình địch trong vùng. Chính vì vậy, mà Ông cùng với một số cán bộ địa phương đã có nhiều đóng góp cho 2 trận đầu ra quân thắng lợi của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, tiêu diệt gọn các đồn Phai Khắt, Nà Ngần.

Sau trận Đồng Mu, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân quay trở lại rừng Trần Hưng Đạo, tiếp tục xây dựng, củng cố và chuẩn bị “Nam tiến” xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên. Đặng Tuấn Quý chia tay với Đội ở lại địa phương. Sau đó một thời gian, năm 1946, Ông về lấy vợ ở thôn Khuổi Quy, xã Hoa Thám, Nguyên Bình.

Từ năm 1946, Đặng Tuấn Quý làm Xã đội trưởng xã Hưng Đạo; năm 1959, quay về Tam Kim làm Đội trưởng sản xuất của hợp tác xã. Năm 1980, Ông nghỉ công tác.

Năm 1990, khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm lại Phai Khắt, Đặng Tuấn Quý lúc này đã lớn tuổi nhưng còn rất hoạt bát, nhanh nhẹn. Trong cuộc gặp gỡ đầy cảm động đó, hai ông đã ôm chặt lấy nhau hồi lâu và không giấu nổi những giọt nước mắt. Hôm đó, Đặng Tuấn Quý còn đích thân đưa đường cho đoàn cán bộ đi cùng Đại tướng vượt đèo dốc vào tận nơi thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tại khu rừng Trần Hưng Đạo. Có ai ngờ đâu đó là lần cuối cùng Đặng Tuấn Quý gặp được “Anh Văn”, bởi một năm sau Đặng Tuấn Quý đã đột ngột “ra đi” vào ngày 9 tháng 11 năm 1991 tại quê nhà.

Đặng Tuân Quý đã được Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến hạng Nhất* (do Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng ký ngày 8 tháng 8 năm 1964).



# LƯƠNG QUÝ SÂM

(1914 - 1990)



*Họ và tên: Lương Quý Sâm*

*Bí danh: Lương Văn Ích, Nông Văn Ích*

*Năm sinh: 1914*

*Quê quán: Nà Sác - Hà Quảng - Cao Bằng*

*Trú quán: Phường Tân Định, thành phố Yên Bái.*

*Dân tộc: Nùng.*

Lương Quý Sâm sinh ra tại Trung Quốc. Xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo ở Quảng Tây, mới vài tuổi đầu cậu bé Sâm đã phải theo bố mẹ phiêu dạt sang vùng Hà Quảng (Việt Nam) làm ăn và sinh sống. Được lớn lên trên mảnh đất Hà Quảng giàu truyền thống cách mạng, Sâm đã sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1940, Sâm chính thức rời gia đình đi hoạt động.

Đầu năm 1941, khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, Lương Quý Sâm (lúc này bí danh là Lương Văn Ích) vinh dự

được cùng Đội du kích Pác Bó đưa đón, nuôi dưỡng và bảo vệ an toàn cho Người và các đồng chí cán bộ Trung ương. Thời gian này, Ông được gần gũi, được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc diu dắt và giác ngộ tinh thần cách mạng, lòng yêu nước... Cái tên bí danh Lương Văn Ích chính là do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đặt cho ông. “Ích”- theo Người - có nghĩa là “Ích nước”, hết lòng cống hiến cho đất nước.

Trong những năm 1940-1944, Lương Văn Ích chủ yếu hoạt động ở vùng Lục Khu (Hà Quảng). Mặc dầu gần nhà nhưng do bị mật vụ bám riết nên Ông ít có điều kiện về thăm gia đình. Giữa năm 1944, nhận được tin bố mất, Lương Văn Ích về nhà, mò mẫm trong đêm tối chôn cất bố một cách vội vàng rồi phải đi ngay khi trời chưa sáng để tránh sự lùng sục của kẻ thù.

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, Ông là một trong số những đội viên tiêu biểu của Đội vũ trang châu Hà Quảng được đứng trong hàng quân dự lễ tuyên thệ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Tại buổi lễ ra mắt của Đội, theo dự định từ trước, Lương Văn Ích được vinh dự cầm cờ. Nhưng khi đến nơi, do Ông đeo băng đen để tang bố nên phải nhường vinh dự đó cho người khác. Trong trận Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đánh đồn Đồng Mu, Lương Văn Ích được giao phụ trách một tiểu đội.

Giữa năm 1945, Lương Văn Ích về làm Trung đội trưởng Trung đội Giải phóng quân của tỉnh Bắc Kạn. Tháng 8 năm 1945, Trung đội của Lương Văn Ích tổ chức một trận phục kích quân Nhật rút từ huyện lỵ Chợ Rã xuống Phủ Thông - Bắc Kạn. Trận đánh giành thắng lợi nhưng Lương Văn Ích bị thương nặng. Sau một thời gian dưỡng thương, Lương Văn Ích cùng đơn vị đi “Tây tiến”.

Ngày 10 tháng 3 năm 1948, Lương Văn Ích được kết nạp vào Đảng.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc, Ông được điều về làm Trưởng ban dân quân Tỉnh đội Yên Bái.

Sinh ra tại Trung Quốc, lớn lên ở Cao Bằng, nhưng Lương Văn Ích lại có khá nhiều duyên nợ với vùng quê Yên Bái. Chính tại đây, Ông đã tìm được người bạn đời cho mình và trải qua những năm tháng hoạt động sôi nổi.

Lương Văn Ích là con người đa cảm trong cuộc sống nhưng lại là người bộc trực, thẳng thắn và tỉ mỉ, nghiêm khắc trong công việc, nghiêm khắc với cả chính bản thân mình.

Khi Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành chế độ quân hàm, có lần đồng chí Võ Nguyên Giáp về thăm Yên Bái, gặp lại người đồng đội cũ, đồng chí Tổng tư lệnh đã gợi ý là sẽ đề nghị trao quân hàm Đại úy cho Lương Văn Ích. Nghe nói vậy, lập tức Ông khóc rưng rức như một đứa trẻ và một mực từ chối “không nhận đại úy vì cảm thấy mình chưa xứng đáng và chưa đủ năng lực...”.

Đầu năm 1959, Lương Văn Ích được điều lên xây dựng lực lượng Công an vũ trang tỉnh Lào Cai. Năm 1963, được đề bạt Thiếu tá, Chỉ huy trưởng Công an vũ trang tỉnh. Một năm sau đó, Ông chuyển qua làm Viện phó, rồi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

Năm 1979, chiến tranh bùng nổ ở biên giới phía Bắc, Ông cùng gia đình về quê ngoại ở Yên Bái.

Tháng 2 năm 1990, Ông đã đột ngột qua đời vì căn bệnh xuất huyết não. Tang lễ của Lương Văn Ích được tổ chức

trọng thể tại tỉnh Yên Bái theo nghi lễ dành cho các vị lão thành cách mạng.

Lương Văn Ích đã được tặng thưởng:

*Huân chương Độc lập hạng Ba;*

*Huân chương Chiến thắng hạng Nhì;*

*Hai Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì và Ba;*

*Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.*

# HOÀNG VĂN SÚNG

(1916 - 1962)



*Họ và tên: Hoàng Văn Súng*

*Bí danh: La Thanh*

*Năm sinh: 1916*

*Quê quán: Pác Bó - Trường Hà - Hà  
Quảng - Cao Bằng*

*Dân tộc: Nùng.*

Từ thủa xa xưa, dân bản Pác Bó đã gọi núi Phia Tảo là núi Quả Đào. Chuyện kể rằng, xưa kia mấy cô con gái Ngọc Hoàng xuống núi này dạo chơi và hái đào ăn. Mãi tận hưởng vẻ đẹp huyền ảo của chốn “non xanh, nước biếc” này, mặt trời đứng bóng khi nào không hay, các cô vội vàng bay về trời, để lại một quả đào bên bờ suối. Quả “đào tiên” ấy về sau đã biến thành một hòn núi to.

Đầu năm 1941, khi vừa về Pác Bó, nghe câu chuyện này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cười và nói: “Xưa kia ở đây có tiên cô, thì nay có tiên cậu, tiên ông” và Người đã đặt tên cho ngọn núi này là núi Các Mác.

Nằm tựa lưng sát với chân núi Các Mác có một ngôi nhà mà phía trước là một nhà sàn như bao ngôi nhà sàn khác, còn bên trong và phía sau lại là một “địa đạo” có thể chứa được hàng chục người. Đó là nhà của Hoàng Văn Súng - một cơ sở cách mạng chí cốt, nơi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các cán bộ của Trung ương từng qua lại.

Hoàng Văn Súng được giác ngộ và tham gia cách mạng năm 1938, là hội viên Hội phản đế Pác Bó. Ngay từ những năm 1938-1939, trong nhà Hoàng Văn Súng luôn luôn có mặt một nhóm cán bộ hoạt động bí mật gồm Lê Quảng Ba, Quốc Văn, Trần Sơn Hùng (tức Hoàng Sâm). Những lúc địch càn quét, lũng sục đến đây thì gia đình Hoàng Văn Súng lại đưa cán bộ của Đảng vào các hang đá phía sau nhà và ngụy trang cửa hang lại. Chính trong khoảng thời gian này, từ một chàng thanh niên Nùng ít nói, chậm chạp, Hoàng Văn Súng đã dần dần được giác ngộ, nhanh chóng trở thành một liên lạc trung kiên, tháo vát và nhanh nhẹn.

Năm 1940, Hoàng Văn Súng được giao làm Tổ trưởng nông dân Cứu quốc và tháng 8 năm đó được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Ngày 28 tháng 1 năm 1941, Ông cùng với một số đồng chí khác lên cột mốc số 108 trên biên giới Việt - Trung đón lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp, Lộc, Lê Quảng Ba, Thế An về nước. Bác và những người cùng đi đã ở lại nhà Hoàng Văn Súng ba ngày, sau đó mới chuyển lên hang Cốc Bó.

Tháng 5 năm 1941, nhà của Hoàng Văn Súng lại vinh dự được chọn làm nơi đón tiếp các đại biểu về dự Hội nghị Trung

ương Đảng lần thứ 8 tổ chức tại lán Khuổi Nặm - Pác Bó. Bản thân Ông được tổ chức giao làm Trạm trưởng giao liên, có nhiệm vụ đưa đón, bảo đảm an toàn và lo ăn ở cho cán bộ từ nước ngoài về hoặc từ trong nước đi sang Trung Quốc trong các năm từ 1941 đến 1943.

Hoàng Văn Súng còn là một trợ thủ đắc lực cho nhóm Hoàng Sâm, Lê Quảng Ba, Quốc Văn, Thế Hậu, Tống Dề... trong các chiến dịch tiêu phi ở vùng Lục Khu. Đóng góp của La Thanh trong việc giải quyết nạn thổ phi ở vùng biên giới Việt - Trung rất lớn.

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, Hoàng Văn Súng được vinh dự đứng trong hàng ngũ dự lễ tuyên thệ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Sau khi vào Đội, Hoàng Văn Súng lấy bí danh là La Thanh. Trước ngày rời bản Pác Bó về Nguyên Bình dự lễ thành lập Đội, vợ của La Thanh là bà Hoàng Thị Hoa (tức Hoàng Thị Cẩn), cũng là lão thành cách mạng từ 1940, đã phải bán một thửa ruộng để sắm cho chồng khẩu súng. Chính khẩu súng này đã được Ông mang theo sử dụng trong các trận Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu.

Năm 1953, do điều kiện sức khỏe, La Thanh phục viên về quê và làm Xã đội trưởng Trường Hà một thời gian. Năm 1962, Ông qua đời tại quê.

Ngôi nhà của La Thanh hiện nay đã được xếp hạng di tích lịch sử, nằm trong quần thể khu di tích lịch sử Pác Bó, được Ban quản lý di tích Hồ Chí Minh tỉnh Cao Bằng quản lý và dựng bia có nội dung: *Nơi đón tiếp các đại biểu về dự Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, ba miền Bắc - Trung - Nam*. Gia đình Ông cũng đã được Tổng bộ Việt Minh tặng Bằng có công với nước ngày 23 tháng 9 năm 1947.

*Liệt sĩ*  
**MÔNG VĂN VẮY**  
**(1916 - 1946)**

*Họ và tên: Mông Văn Váy*

*Bí danh: Mông Phúc Thơ, Hoàng Thơ, Lương Văn Khâm*

*Năm sinh: 1916*

*Quê quán: Tràng Xá - Võ Nhai - Thái Nguyên*

*Dân tộc: Nùng.*

Mông Phúc Thơ là một trong số bốn đội viên Cứu quốc quân có mặt trong hàng quân tại buổi lễ tuyên thệ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân chiều ngày 22 tháng 12 năm 1944, tại khu rừng Trần Hưng Đạo.

Sinh ra trong một gia đình nông dân người Nùng nghèo khó, lớn lên trên mảnh đất Võ Nhai giàu truyền thống cách mạng, Mông Văn Váy đã sớm có ý thức giác ngộ cách mạng. Năm 1935, Ông bắt đầu tham gia phong trào cách mạng ở



địa phương và chỉ chưa đầy một năm sau đó đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Thời kỳ này, phong trào cách mạng của quần chúng phát triển mạnh mẽ tại các xã Tràng Xá, Lâu Thượng, La Hiên. Chi bộ Đảng Cộng sản huyện Võ Nhai đã được thành lập ở Phú Thượng.

Ngày 15 tháng 9 năm 1941, tại khu rừng Khuôn Mảnh, xã Tràng Xá, châu Võ Nhai (Thái Nguyên), Trung đội Cứu quốc quân II đã được thành lập. Mông Phúc Thơ là một trong những tiểu đội trưởng đầu tiên.

Thực hiện chủ trương bảo tồn lực lượng để giữ vững và tiếp tục gây dựng cơ sở, mở rộng căn cứ địa của Trung ương Đảng, ngày 18 tháng 11 năm 1941, Ban chỉ huy Cứu quốc quân II đã phân chia lực lượng thành nhiều nhóm tỏa đi các hướng để mở rộng địa bàn hoạt động. Phần lớn lực lượng (trong đó Mông Phúc Thơ) chuyển lên vùng biên giới Việt - Trung; bộ phận còn lại (có Mông Phúc Quyên, Phương Cương...) "lật cánh" sang Đại Từ, Sơn Dương để tiếp tục phát triển cơ sở ở đây.

Tháng 2 năm 1943, Hội nghị liên tịch giữa các đồng chí Trung ương (Vũ Anh, Võ Nguyên Giáp) với chỉ huy Cứu quốc quân và lãnh đạo Tỉnh ủy Cao Bằng đã quyết định rút hết Cứu quốc quân về Bắc Sơn, Võ Nhai; đồng thời tách một nhóm tăng cường cho các đội xung phong Nam tiến mở con đường quần chúng cách mạng từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn,

Thái Nguyên, Tuyên Quang. Mông Phúc Thơ nằm trong nhóm đó.

Tháng 4 năm 1943, Mông Phúc Thơ xuống các xã vùng cao Ngân Sơn tổ chức các hội Cứu quốc. Đầu năm 1944, dịch tiến hành khùng bố trắng ở Ngân Sơn và dọc hành lang con đường cách mạng Nam tiến, Mông Phúc Thơ vẫn kiên cường bám trụ địa bàn này.

Nhờ những hoạt động tích cực và có hiệu quả của Cứu quốc quân mà khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, chống địch khùng bố.

Tháng 12 năm 1944, Ban chỉ huy Cứu quốc quân đã chọn và giới thiệu 4 cán bộ xuất sắc tham gia vào Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Một trong số đó là Mông Phúc Thơ. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, Mông Phúc Thơ đi cùng đơn vị Nam tiến xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên rồi sang Tuyên Quang. Ngày 19 tháng 8 năm 1945, Mông Phúc Thơ chỉ huy đơn vị tập kích quân Nhật tại Thái Nguyên; sau đó, kéo quân về Hà Nội dự lễ tuyên bố độc lập của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (2-9-1945). Ngày 26 tháng 9 năm 1945, Mông Phúc Thơ được giao làm Chi đội trưởng Chi đội Giải phóng quân đầu tiên của miền Bắc lên đường Nam tiến. Cuối năm 1945, Chi đội của Ông vào đến Thủ Đức. Tại đây, Ông đã tham gia chỉ huy đánh một số mục tiêu trong nội thành Sài Gòn và được chỉ định làm Ủy viên quân sự của Ủy ban kháng chiến Đông Nam Bộ. Sau ngày ký Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Chi đội của Mông Phúc Thơ rút quân ra Phan Thiết. Ngày 8 tháng 5 năm 1946, tại Chiến khu Triềng, đơn

vị của Ông bị địch tập kích. Chi đội trưởng Mông Phúc Thơ bị địch bắt đưa về Phan Thiết. Sau khi, tìm mọi cách dụ dỗ, mua chuộc không được, kẻ địch đưa Ông ra xử bắn tại Ngã Bảy - thị xã Phan Thiết.

Năm 1959, Mông Phúc Thơ được Nhà nước công nhận là Liệt sĩ (*Bảng Tổ quốc ghi công*, số XQ 4441b).